

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
GIAI ĐOẠN: TỪ NĂM 2019 ĐẾN NĂM 2023**

**Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Khánh Hòa, tháng 8 năm 2024

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
GIAI ĐOẠN: TỪ NĂM 2019 ĐẾN NĂM 2023**

**Theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Khánh Hòa, tháng 8 năm 2024



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-DHNT ngày 09 tháng 02 năm 2023

của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Trang Sĩ Trung	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Quách Hoài Nam	Phó hiệu trưởng	Phó CT thường trực	
3	Nguyễn Thành Cường	Trưởng khoa KTTC	Phó chủ tịch	
4	Đinh Đồng Lương	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Thư ký	
5	Phạm Hồng Mạnh	Thư ký Hội đồng trường	Thành viên	
6	Tô Văn Phương	Trưởng Phòng Đào tạo Đại học	Thành viên	
7	Tổng Văn Toàn	Trưởng Phòng CTCT&SV	Thành viên	
8	Vũ Kế Nghiệp	Trưởng Phòng KHCN	Thành viên	
9	Vũ Thị Lương	Kế toán trưởng	Thành viên	
10	Lê Việt Phương	Trưởng phòng TC-NS	Thành viên	
11	Đỗ Quốc Việt	Giám đốc TT HTVL&KN	Thành viên	
12	Nguyễn Văn Hân	Giám đốc TTPVTH	Thành viên	
13	Nguyễn Quý Hoàn	Giám đốc Thư viện	Thành viên	
14	Nguyễn Văn Hòa	Giám đốc TTTNTH	Thành viên	
15	Nguyễn Văn Hương	Phó trưởng khoa KTTC	Thành viên	
16	Nguyễn Văn Bảy	Q.TBM Tài chính - Ngân hàng	Thành viên	
17	Võ Văn Cấn	Giảng viên BM TCNH	Thành viên	
18	Chu Thị Lê Dung	Giảng viên BM TCNH	Thành viên	
19	Nguyễn Phước Lộc	Sinh viên lớp 62.TCNH-3	Thành viên	

(Danh sách gồm có 19 người)

MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT-----	1
1. Đặt vấn đề-----	1
2. Tổng quan chung-----	6
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ-----	14
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo -----	14
Mở đầu -----	14
Tiêu chí 1.1 -----	14
Tiêu chí 1.2 -----	18
Tiêu chí 1.3 -----	21
Kết luận tiêu chuẩn 1 -----	25
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo -----	25
Mở đầu -----	25
Tiêu chí 2.1 -----	26
Tiêu chí 2.2 -----	29
Tiêu chí 2.3 -----	32
Kết luận Tiêu chuẩn 2 -----	34
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học -----	35
Mở đầu -----	35
Tiêu chí 3.1 -----	35
Tiêu chí 3.2 -----	39
Tiêu chí 3.3 -----	43
Kết luận tiêu chuẩn 3 -----	50
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học -----	51
Mở đầu -----	51
Tiêu chí 4.1 -----	51
Tiêu chí 4.2 -----	53
Tiêu chí 4.3 -----	60
Kết luận tiêu chuẩn 4 -----	65
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học -----	66
Mở đầu -----	66

Tiêu chí 5.1	66
Tiêu chí 5.2	70
Tiêu chí 5.3	73
Tiêu chí 5.4	78
Tiêu chí 5.5	82
Kết luận tiêu chuẩn 5	85
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	86
Mở đầu	86
Tiêu chí 6.1	86
Tiêu chí 6.2	90
Tiêu chí 6.3	93
Tiêu chí 6.4	96
Tiêu chí 6.5	98
Tiêu chí 6.6	101
Tiêu Chí 6.7	103
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	107
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	108
Mở đầu	108
Tiêu chí 7.1	108
Tiêu chí 7.2	111
Tiêu chí 7.3	113
Tiêu chí 7.4	115
Tiêu chí 7.5	118
Kết luận về Tiêu chuẩn 7	121
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	121
Mở đầu	121
Tiêu chí 8.1	122
Tiêu chí 8.2	125
Tiêu chí 8.3	127
Tiêu chí 8.4	130
Tiêu chí 8.5	134
Kết luận về Tiêu chuẩn 8	138

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị-----	140
Mở đầu -----	140
Tiêu chí 9.1 -----	140
Tiêu chí 9.2 -----	142
Tiêu chí 9.3 -----	147
Tiêu chí 9.4 -----	149
Tiêu chí 9.5 -----	152
Kết luận về Tiêu chuẩn 9 -----	155
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng -----	156
Mở đầu -----	156
Tiêu chí 10.1-----	156
Tiêu chí 10.2-----	159
Tiêu chí 10.3. -----	162
Tiêu chí 10.4-----	165
Tiêu chí 10.5-----	168
Tiêu chí 10.6-----	172
Kết luận về Tiêu chuẩn 10 -----	175
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra -----	176
Mở đầu -----	176
Tiêu chí 11.1 -----	176
Tiêu chí 11.2-----	182
Tiêu chí 11.3-----	185
Tiêu chí 11.4-----	189
Tiêu chí 11.5-----	193
Kết luận về Tiêu chuẩn 11 -----	197
PHẦN III. KẾT LUẬN -----	198
Phần IV: PHỤ LỤC -----	1

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Biến động đội ngũ giảng viên và nhân viên cơ hữu của Khoa trong 7 năm --	11
Bảng 1.1. Ma trận tương thích sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường -----	15
Bảng 1.2. Ma trận tương thích sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo Luật GDDH -----	17
Bảng 1.3. Kết quả khảo sát về số lượng chuẩn đầu ra, khả năng đo lường và đánh giá CĐR của CTĐT ngành TCNH theo QĐ 1177/ĐHNT -----	19
Bảng 1.4. Kết quả khảo sát sự rõ ràng, cụ thể và phù hợp của CĐR của CTĐT ngành TCNH-----	22
Bảng 1.5. Tổng hợp số lượng CĐR giữa 2 CTĐT ngành TCNH năm 2016-2021 -----	24
Bảng 2.1. Bảng đối sánh chương trình đào tạo ngành TCNH năm 2016-2021-----	27
Bảng 3.1. So sánh giữa CTDH ở năm 2021 và CTDH ở năm 2016 -----	35
Bảng 3.2. Tổng hợp sự đóng góp của học phần đáp ứng CĐR -----	40
Bảng 3.3. Những khác biệt giữa CTDH ở năm 2021 và CTDH ở năm 2016-----	46
Bảng 4.1. Các phương pháp dạy học sử dụng trong các HP chuyên ngành nhằm đạt CĐR số 5 (PEO5) trong CTĐT ngành TCNH -----	54
Bảng 4.2. Kết quả khảo sát SV về hoạt động dạy và học của GV bộ môn TCNH giai đoạn 2019-2023 -----	57
Bảng 4.3. Mức độ đồng ý của SV năm cuối về hầu hết GV có phương pháp sư phạm tốt-----	58
Bảng 4.4. Mức độ đồng ý của SV năm cuối về Khóa học giúp SV phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp-----	63
Bảng 5.1. Kết quả khảo sát NH về hoạt động giảng dạy và đánh giá của GV -----	68
Bảng 5.2. Mức độ đồng ý SV năm cuối ngành Tài chính – Ngân hàng về việc SV được đánh giá đúng công bằng trong kiểm tra, thi -----	77
Bảng 5.3. Mức độ đồng ý của SV năm cuối ngành Tài chính – Ngân hàng về việc các yêu cầu hợp lý của NH được giải quyết kịp thời -----	83
Bảng 6.1. Tỷ lệ SV/GV ngành TCNH quy đổi trong 05 năm gần đây -----	90
Bảng 6.2. Tổng hợp kết quả đánh giá HGD của GV Khoa KT-TC qua các năm -----	97

Bảng 6.3. Kết quả đào tạo, phát triển chuyên môn của GV Khoa KTTC từ năm 2019 đến 2021 -----	99
Bảng 6.4 Thống kê các hoạt động và công trình NCKH của GV, SV khoa KTTC qua các năm -----	104
Bảng 8.1 Thống kê chỉ tiêu, số trúng tuyển, điểm tuyển sinh từ 2019-2023-----	125
Bảng 9.1. Mức độ đồng ý của SV năm cuối về Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho hầu hết các học phần -----	144
Bảng 9.2. Mức độ đồng ý của SV năm cuối về Thư viện có đủ chỗ cho SV học tập và nghiên cứu -----	145
Bảng 9.3. Mức độ hài lòng của SV năm cuối chất lượng và môi trường sống và học tập tại Trường ĐHNT -----	154
Bảng 10.1. Ý kiến của Sv năm cuối Ngành TCNH về việc sử dụng phương pháp dạy học của GV -----	164
Bảng 10.2. Thống kê số đề tài và các sản phẩm NCKH của Khoa Kế toán – Tài chính giai đoạn 2019-2023 -----	166
Bảng 10.3. Mức độ đồng ý SV năm cuối Trường Đại học Nha Trang về việc Nhà trường có đầy đủ thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, thực hành -----	170
Bảng 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của SV đại học chính quy ngành Tài chính - Ngân hàng trong thời gian qua -----	177
Bảng 11.2. Bảng đối sánh tỷ lệ SV đại học chính quy ngành Tài chính – Ngân hàng tốt nghiệp đúng hạn so với các ngành khác trong Trường. -----	180
Bảng 11.3 Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên đại học chính quy ngành Tài chính - Ngân hàng từ K56 đến K61 so với tình hình chung. -----	183
Bảng 11.4. Thống kê và đối sánh tỷ lệ SV ngành TCNH có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng -----	186
Bảng 11.5. Thống kê các công trình NCKH của SV Khoa KTTC qua các năm -----	190
Bảng 11.6. Mức độ hài lòng của SV năm cuối ngành TCNH đối với chất lượng đào tạo toàn khóa học qua các năm. -----	193

DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1. Kết quả đánh giá sự phù hợp của các học phần trong CTĐT với yêu cầu của chuẩn đầu ra.....	37
Hình 3.2. Kết quả khảo sát các SV năm cuối về sự đáp ứng của từng học phần đối với CDR của CTĐT	42
Hình 3.3. Kết quả khảo sát về sự hợp lý của tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong CTDH.....	45
Hình 3.4. Kết quả khảo sát về tính mềm dẻo, tạo nhiều thuận lợi cho SV khi đăng ký học của CTĐT	45
Hình 5.1. Thống kê số lượng, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn ngành TCNH.....	81
Hình 7.1. Kết quả khảo sát sinh viên ngành Tài chính ngân hàng đối với viên chức hành chính.....	110
Hình 8.1. Kết quả khảo sát NH về công tác hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên.....	132
Hình 8.2: Thống kê kết quả khảo sát sinh viên năm cuối về khóa học	137
Hình 11.1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn ngành TCNH trong thời gian qua (K56-K61)	178
Hình 11.2. Tỷ lệ sinh viên đạt yêu cầu ngành TCNH trong thời gian qua (K56-K61)	179

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
1	ACCA	Hiệp hội Kế toán Anh Quốc
2	BCN	Ban chủ nhiệm
3	BCTC	Báo cáo tài chính
4	BLĐ	Ban lãnh đạo
5	BM	Bộ môn
6	Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	BTK	Ban thư ký
8	CBVC	Cán bộ viên chức
9	CĐR	Chuẩn đầu ra
10	CLB	Câu lạc bộ
11	CNTT	Công nghệ thông tin
12	CSGD	Cơ sở giáo dục
13	CSV	Cựu sinh viên
14	CTCTSV	Công tác Chính trị và Sinh viên
15	CTDH	Chương trình dạy học
16	CTĐT	Chương trình đào tạo
17	CVHT	Cố vấn học tập
18	ĐBCL	Đảm bảo Chất lượng
19	ĐBCL&KT	Đảm bảo Chất lượng & Khảo thí
20	ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
21	ĐCHP	Đề cương học phần
22	ĐHNT	Đại học Nha Trang
23	ĐTĐH	Đào tạo đại học
24	GDĐH	Giáo dục đại học
25	GDTQ	Giáo dục tổng quát
26	GV	Giảng viên
27	GVC	GV chính
28	GVCC	GV cao cấp

STT	CHỮ VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
29	HP	Học phần
30	HTQT	Hợp tác Quốc tế
31	HTVL&KN	Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp
32	HV	Học viên
33	I	Introduction
34	KĐCL	Kiểm định chất lượng
35	KQHT	Kết quả học tập
36	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
37	KTTC	Kế toán - Tài chính
38	KTX	Ký túc xá
39	KHCN	Khoa học công nghệ
40	M	Master
41	MC	Minh chứng
42	NCKH	Nghiên cứu Khoa học
43	NCS	Nghiên cứu sinh
44	NCV	Nghiên cứu viên
45	NLĐ	Người lao động
46	NV	Nhân viên
47	NH	Người học
48	PGS	Phó giáo sư
49	GS	Giáo sư
50	PPGD	Phương pháp giảng dạy
51	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
52	PVTH	Phục vụ Trường học
53	R	Reinforced
54	SV	Sinh viên
55	TCNS	Tổ chức - Nhân sự
56	TCNH	Tài chính – ngân hàng
57	TDTT	Thể dục thể thao

STT	CHỮ VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
58	TĐG	Tự đánh giá
59	TS	Tiến sĩ
60	ThS	Thạc sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Tài chính – ngân hàng (TCNH) ra đời năm 2005 đào tạo cho các lớp hệ sinh viên (SV) chính quy bắt đầu từ khóa 47, đây là khóa đầu tiên Trường Đại học Nha Trang tổ chức đào tạo ngành TCNH. Với gần 20 năm đào tạo ngành TCNH, hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp ngành TCNH của Khoa Kế toán – Tài chính (KTTC) đã ra trường, các sinh viên này hiện đang làm việc ở các Ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, dịch vụ tài chính, cơ quan thuế, doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà nước, trường học và các đơn vị sự nghiệp; một số sinh viên của Khoa hiện là giảng viên (GV) của một số trường đại học, cao đẳng trong nước. Trải qua gần 20 năm phát triển, CTĐT ngành TCNH không ngừng được rà soát và hoàn thiện. Ngành TCNH đã khẳng định được thương hiệu đào tạo của mình tại các Tỉnh duyên hải Miền trung, Tây Nguyên cũng như của Việt Nam. Bên cạnh những kiến thức chung nhằm đào tạo toàn diện về chuyên môn chương trình tập trung vào các lĩnh vực chính như: Tổ chức thực hiện công tác nghiệp vụ tài chính, ngân hàng, đầu tư và quản lý rủi ro tài chính, bảo hiểm, quản lý thuế, tổ chức thiết kế và cung cấp thông tin tài chính; phân tích, đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động ở các đơn vị, làm cơ sở đưa ra các quyết định tài chính. Mặt khác, CTĐT ngành TCNH còn cung cấp nền tảng vững chắc cho NH ra trường có thể tự thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao; việc thẩm định, tự đánh giá (TĐG) CTĐT một cách toàn diện theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) là đặc biệt cần thiết.

Khoa KTTC nhận thấy, đây là một cơ hội để rà soát, đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành TCNH hiện có, để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT. Việc TĐG CTĐT ngành TCNH sẽ giúp Nhà trường và Khoa KTTC xem xét, đánh giá được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại trong CTĐT hiện có, để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo.

Báo cáo TĐG cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng (KĐCL) theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH)” theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GDĐT.

1.1. Cấu trúc của Báo cáo TĐG:

Cấu trúc của Báo cáo TĐG gồm 4 phần:

- Phần I - Khái quát;
- Phần II - Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí;
- Phần III - Kết luận;
- Phần IV - Phụ lục.

❖ Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của báo cáo TĐG CTĐT của ngành TCNH theo các tiêu chuẩn. Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, giải thích cách mã hoá các minh chứng (MC) trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các Bên liên quan (BLQ). Trong phần khái quát cũng sẽ trình bày mục đích, phạm vi, phương pháp và quy trình TĐG, mô tả tóm tắt về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Khoa KTTC và của Trường.

❖ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo TĐG CTĐT ngành TCNH theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chương trình theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, gồm các nội dung TĐG như sau:

- (1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT;
- (2) Bản mô tả CTĐT;
- (3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH);
- (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học;
- (5) Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của NH (NH);
- (6) Đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV);
- (7) Đội ngũ nhân viên;
- (8) NH và hoạt động hỗ trợ NH;
- (9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị;
- (10) Nâng cao chất lượng;
- (11) Kết quả đầu ra;

Mỗi tiêu chí gồm 5 phần, cụ thể như sau:

- Mô tả hiện trạng: mô tả thực trạng của CTĐT ngành TCNH đang áp dụng;
- Điểm mạnh: Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật của CTĐT;

- Điểm tồn tại: Nhận diện những điểm còn hạn chế của CTĐT ngành TCNH trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí, cũng như những yêu cầu thực tiễn hiện nay;
- Kế hoạch hành động: Trên cơ sở các điểm mạnh và những hạn chế hiện có, Khoa KTTC sẽ phát huy những điểm mạnh của CTĐT và khắc phục những hạn chế này trong thời gian tới;
- Tự đánh giá: Mức TĐG theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của GDĐH.

Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của CTĐT, các kế hoạch hành động được xây dựng để nâng cao chất lượng đào tạo và kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

❖ Phần III: Kết luận

Phần kết luận trong báo cáo TĐG nhằm mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT, qua đó đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Sau phần kết luận là bản tổng hợp kết quả TĐG CTĐT ngành TCNH của Nhà trường.

❖ Phần IV: Phụ lục

Phần phụ lục bao gồm các quyết định (QĐ) thành lập Hội đồng TĐG, danh sách thành viên Ban thư ký; kế hoạch TĐG; tổng hợp kết quả TĐG và cung cấp thông tin chi tiết về các cơ sở dữ liệu để KĐCL CTĐT ngành TCNH.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích chính của lần TĐG này là để Nhà trường và Khoa KTTC đánh giá thực trạng của CTĐT Ngành TCNH đang áp dụng, qua đó tổng hợp được những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế của CTĐT, từ đó xây dựng hệ thống giải pháp nhằm tiếp tục phát triển những điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế của CTĐT. Kết quả TĐG lần này là cơ sở để Nhà trường và Khoa KTTC đăng ký đánh giá ngoài chính thức lần 1 đối với CTĐT ngành TCNH.

1.3. Phạm vi tự đánh giá

Trong lần TĐG này, CTĐT ngành TCNH được tổ chức TĐG tổng thể các hoạt động theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH (theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ GDĐT kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng) trong giai đoạn 05 năm, kể từ năm học 2018 - 2019 đến hết năm học 2022 - 2023. Số liệu theo năm hành chính được tính đến 31/12/2023.

1.4. Quy trình tự đánh giá

CTĐT ngành TCNH tổ chức TĐG theo thứ tự các công việc như sau:

- Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm công tác chuyên trách;
- Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và MC;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và MC thu được;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Báo cáo tự đánh giá được gửi đến các Tổ chuyên gia để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Ban Thư ký hoàn thiện báo cáo TĐG lần 2 và tiếp tục gửi đến các Tổ chuyên gia để đọc và góp ý kiến;
- Bước 8: Hoàn thiện Báo cáo TĐG sau khi nhận những góp ý, nhận xét lần 2; công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

1.5. Phương pháp và công cụ tự đánh giá

Phương pháp và công cụ TĐG CTĐT ngành TCNH được thực hiện dựa trên Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH được ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-Bộ GDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GDĐT, Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 ban hành Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng.

Đối với mỗi tiêu chí trong từng tiêu chuẩn, việc TĐG được tiến hành theo phương pháp sau:

- Thu thập các thông tin, MC liên quan;
- Mô tả để làm rõ thực trạng của ngành TCNH.
- Phân tích, so sánh, đối chiếu để chỉ ra các điểm mạnh và những tồn tại.
- Xây dựng kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng, có nêu rõ thời gian, nguồn lực và phương pháp thực hiện.
- TĐG mức độ đáp ứng tiêu chí và tiêu chuẩn.

– Quá trình thực hiện TĐG được tiến hành một cách khách quan, trung thực. Để đảm bảo kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH, Khoa KTTC đã huy động Ban chủ nhiệm (BCN) Khoa, thành viên các nhóm công tác chuyên trách tham gia tập huấn tự đánh giá chất lượng CTĐT do Nhà trường tổ chức; lên kế hoạch chi tiết và tổ chức họp viên chức toàn Khoa để phổ biến kế hoạch. Trong quá trình thực hiện tự đánh giá, ngoài các thành viên Hội đồng TĐG, Ban Thư ký (BTK) và các nhóm công tác chuyên trách, Nhà trường còn huy động các cá nhân, đơn vị liên quan cùng tham gia phối hợp, hỗ trợ để triển khai TĐG CTĐT ngành TCNH theo kế hoạch.

1.6. Lợi ích thu được

Những lợi ích chủ yếu mà Nhà trường và Khoa KTTC, ngành TCNH nhận được thông qua lần TĐG này, cụ thể như sau:

- Giúp CTĐT ngành TCNH thực hiện TĐG để không ngừng phát triển chất lượng phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn và Triết lý/Mục tiêu giáo dục của Nhà trường.
- Giúp cán bộ viên chức (CBVC) và GV trong Khoa nhận thức được tầm quan trọng về công tác TĐG chất lượng CTĐT.
- Giúp đội ngũ trực tiếp tham gia hoạt động TĐG nâng cao kiến thức về hoạt động ĐBCL và KĐCL đối với CTĐT.
- Giúp các đơn vị chức năng liên quan đến mọi hoạt động của Khoa KTTC nhận ra các mặt mạnh và hạn chế, từ đó xây dựng các giải pháp phát triển đơn vị tương xứng với tiềm năng để đáp ứng yêu cầu của Ngành TCNH và yêu cầu chung của Trường.
- Giúp Nhà trường, Khoa KTTC tiếp tục xây dựng, số hóa và lưu trữ hệ thống các MC trên tất cả các lĩnh vực công tác một cách Khoa học, để phục vụ cho công tác quản lý và kiểm định chất lượng (KĐCL).

1.7. Quy định về mã hoá các minh chứng

Mã MC trong báo cáo TĐG này được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**. Trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng”

n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh dấu từ số 1 đến hết

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (từ 01 đến 11)

cd: số thứ tự của tiêu chí

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí

Ví dụ: **H1.01.02.03**: là MC thứ ba tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

Trong lần TĐG này, toàn bộ các MC phục vụ công tác đánh giá ngoài của chương trình đã được số hóa và lưu trữ trong mục MC kiểm định tại địa chỉ <https://canbo.ntu.edu.vn/>, trong mục MC kiểm định chọn ngành TCNH và chọn tiêu chuẩn để xem chi tiết danh mục MC trong từng hộp MC theo từng tiêu chí. Chuyên gia đánh giá ngoài cũng sẽ được cấp tài khoản để xem trực tuyến.

2. Tổng quan chung

2.1 Tổng quan về Trường Đại học Nha Trang

Trường ĐHNT trực thuộc Bộ GD&ĐT, có trụ sở tại số 02 Nguyễn Đình Chiểu, phường Vĩnh Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Tiền thân của Trường là Khoa Thủy sản được thành lập ngày 01/8/1959 tại Học viện Nông lâm, Hà Nội (nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam), là nơi mở đầu cho sự nghiệp đào tạo CB có trình độ ĐH của nghề cá Việt Nam. Ngày 16/8/1966, theo QĐ số 155/CP của Thủ tướng Chính phủ, Khoa Thủy sản được tách ra khỏi Học viện Nông Lâm để trở thành Trường Thủy sản.

Sau khi thống nhất đất nước, Trường di chuyển từ Hải Phòng vào thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và lấy tên là Trường ĐH Hải sản theo QĐ số 01/QĐ-BHS ngày 04/10/1976 của Bộ Hải sản. Ngày 12/8/1981 Trường ĐH Hải sản được đổi tên thành Trường ĐH Thủy sản theo Công văn số 80TS/VP của Bộ Thủy sản. Theo QĐ số 172/QĐ-TTg ngày 25/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Trường đổi tên thành Trường ĐHNT.

Sứ mạng và tầm nhìn của Trường (được cập nhật trong Nghị quyết số 1038/NQ-ĐHNT ban hành ngày 06/10/2021 về Chiến lược phát triển Trường đến 2030, tầm nhìn 2045) là:

Sứ mạng: *Nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.*

Tầm nhìn: *Đến năm 2045 là ĐH có thứ hạng cao của Việt Nam; thuộc nhóm đầu các ĐH ở châu Á về một số ngành khoa học-công nghệ biển và thủy sản”.*

Theo QĐ số 840/QĐ-ĐHNT ngày 25/7/2019, TLGD và MTGD của Trường ĐHNT đã được xây dựng như sau:

TLGD: *Phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng”.*

MTGD của Trường *nhằm phát triển ở NH:*

- + *Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe;*
- + *Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp;*
- + *Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp;*
- + *Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ;*
- + *Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp.*

Chính sách ĐBCL:

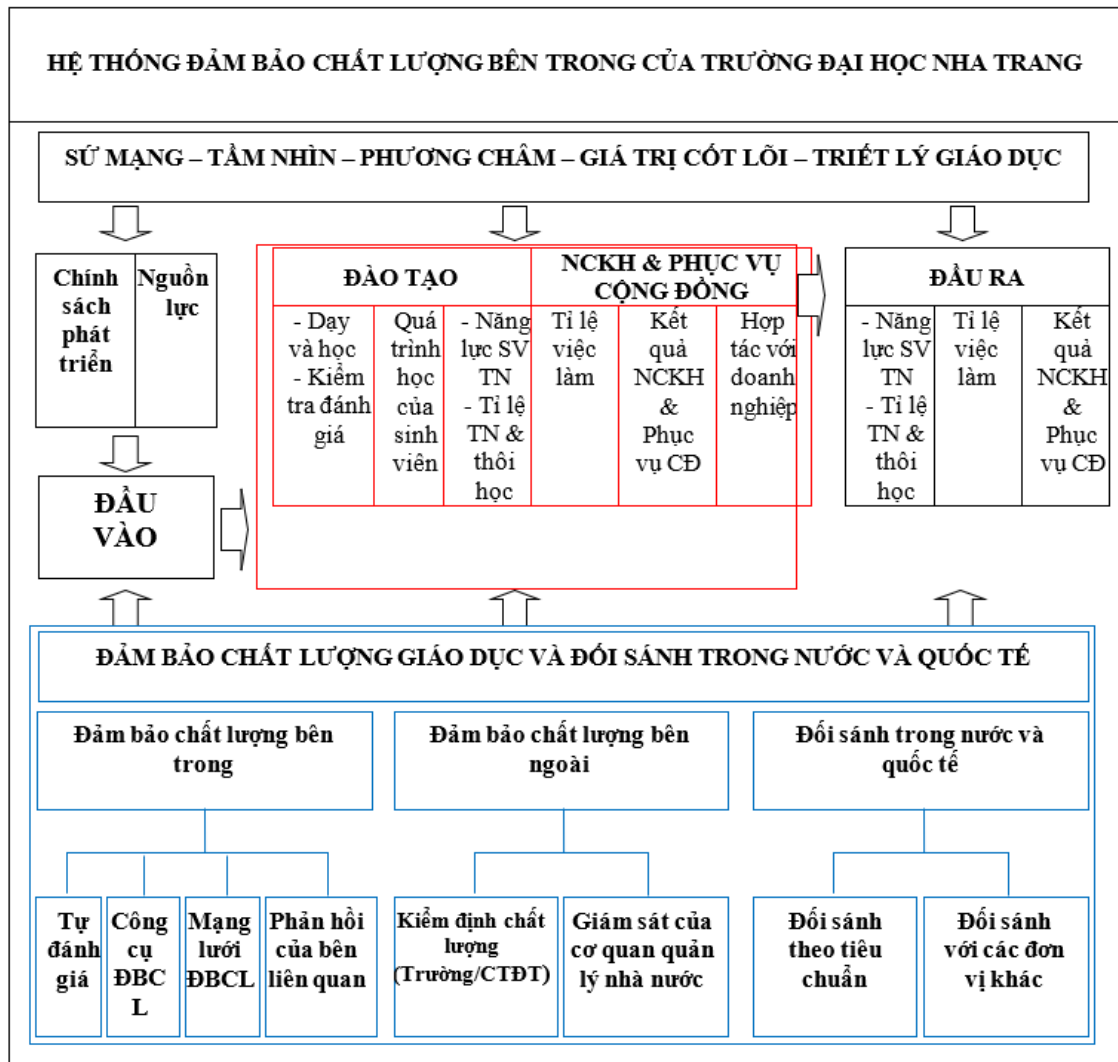
Ngày 30/7/2019, Chủ tịch Hội đồng Trường đã ký QĐ số 854/QĐ-ĐHNT ban hành chính sách ĐBCL của Trường nhằm công bố công khai quan điểm chất lượng, những nguyên tắc cơ bản của hoạt động ĐBCL và cam kết của Trường với các BLQ; là cơ sở để các đơn vị và cá nhân trong Trường chủ động xây dựng kế hoạch nhằm thực hiện tốt các nội dung trong chính sách cũng như cam kết của Trường.

Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường được thể hiện ở Hình 1.

Tổ chức và hoạt động:

Hiện nay Trường ĐHNT có 15 khoa, viện và trung tâm với chức năng đào tạo; 09 viện, trung tâm với chức năng nghiên cứu ứng dụng KHCN và dịch vụ/phục vụ, 01 TV trung tâm, 11 phòng chức năng tham mưu và 06 hội đồng tư vấn cho HT. Các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, quản trị của Hội đồng trường, quản lý của Ban giám hiệu đứng đầu là HT cùng với sự giám sát, phối hợp của các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội Cựu chiến binh Trường.

Về nhân sự, tính đến tháng 12/2023, tổng số VC-NLĐ của Trường là 657 người, bao gồm 455 GV (chiếm tỉ lệ 69,25%) và 202 VC hành chính, phục vụ (chiếm tỉ lệ 30,75%). Đội ngũ VC của Trường có 01 GS, 27 PGS, 177 TS, 330 ThS, 28 GVCC, 73 GVC và 08 chuyên viên chính (*Tuy nhiên, tính đến ngày 02/01/2024 đội ngũ GV Trường có 01 GS và 31 PGS*). Tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu là 37,8% (172/455), tỉ lệ GV cơ hữu có trình độ ThS trở lên trên tổng số GV cơ hữu là 57,8% (263/455).



Hình 1. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường ĐHT

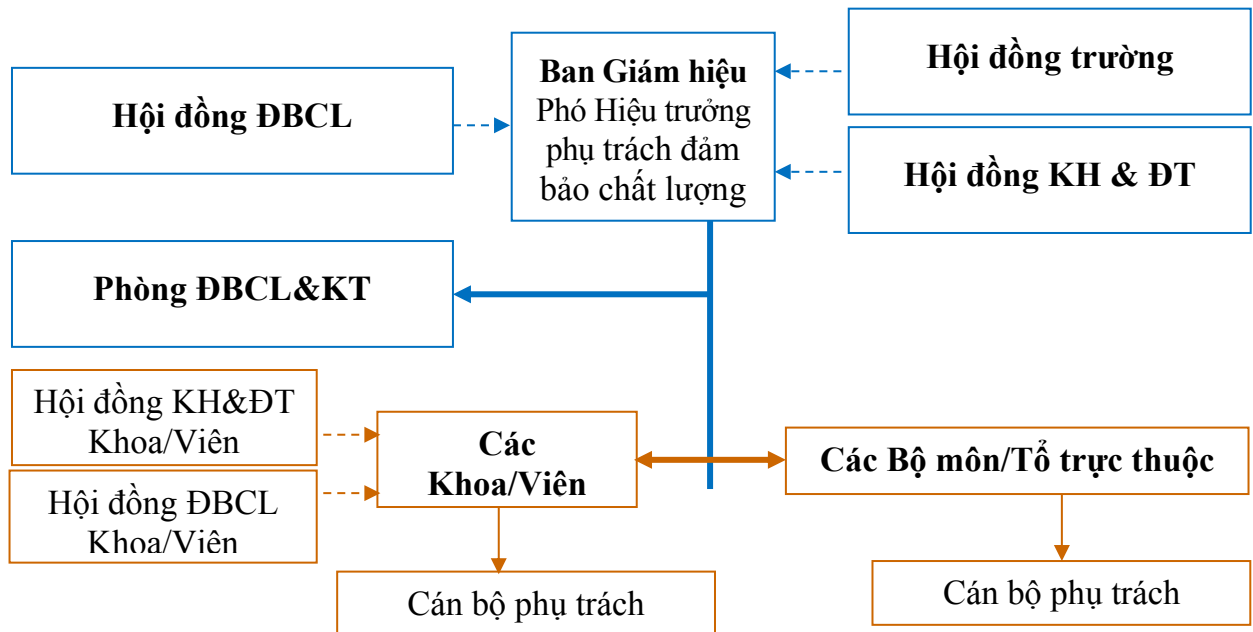
Về hoạt động đào tạo, hiện nay Trường đang đào tạo 11 ngành TS, 17 ngành ThS, 33 ngành (với 55 CTĐT/chuyên ngành) trình độ ĐH và 14 ngành liên thông. Ngoài ra, Trường còn tham gia thực hiện nhiều chương trình đào tạo nghề, các khóa đào tạo ngắn hạn, các chương trình hè... đáp ứng nhu cầu của xã hội. CTĐT các trình độ được định kỳ rà soát, cập nhật để không ngừng đáp ứng nhu cầu xã hội và đảm bảo tính liên thông. Để không ngừng duy trì và phát triển chất lượng hoạt động đào tạo, Trường đã thành lập Hội đồng ĐBCL và đã xây dựng kế hoạch TĐG và đánh giá ngoài CTĐT giai đoạn 2017 - 2021 cho tất cả các CTĐT của Trường.

Thành tích đạt được:

Với 65 năm xây dựng và phát triển cùng với những thành tích đạt được, Nhà trường vinh dự được tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý của Đảng, Nhà nước, tiêu biểu như: Huân chương Lao động hạng Ba (1981), hạng Nhì (1986), hạng Nhất (1989); Huân chương Độc lập hạng Ba (1994), hạng Nhì (1999), hạng Nhất (2004); Anh hùng

lao động (2006). Trường đã 02 lần được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cấp CSGD lần thứ nhất vào tháng 2/2009 và lần thứ hai vào tháng 3/2018.

Cấu trúc đảm bảo chất lượng của Trường được trình bày cụ thể ở Hình 2.



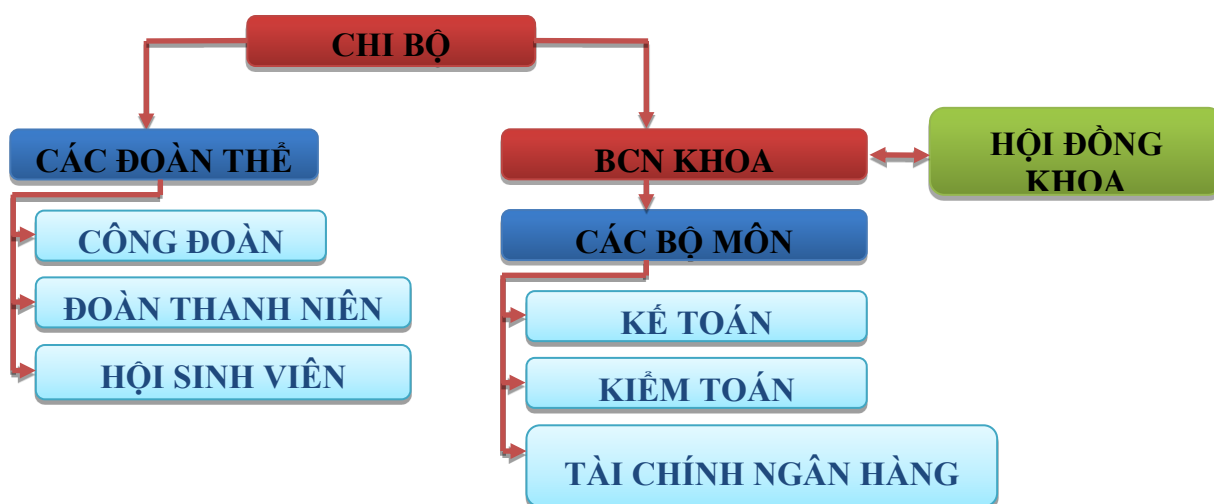
Hình 2. Cấu trúc đảm bảo chất lượng của Trường

2.2. Tổng quan về Khoa Kế toán – Tài chính

Khoa KTTC của Trường ĐHNT được thành lập vào ngày 08/04/2010 trên cơ sở tách 02 Bộ môn Kế toán và TCNH từ Khoa Kinh tế, nhằm đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và TCNH cho đất nước. Hiện nay, Khoa có 03 Bộ môn (BM) là: BM Kế toán, BM Kiểm toán và BM TCNH, đảm nhiệm đào tạo cho 03 ngành Kế toán, Kiểm toán và TCNH ở bậc đại học và bậc cao học (ngành Kế toán), ngoài ra từ năm 2016 Khoa KTTC đưa vào đào tạo CTĐT chuyên ngành Kiểm toán ở bậc đại học (từ khóa 58), chuyên ngành công nghệ tài chính (Fintech) từ khóa 64.

Gần 2.000 sinh viên chính quy đang theo học tại trường và có hơn 500 sinh viên hệ vừa làm vừa học đang học tại Trường Đại học Nha Trang và các cơ sở liên kết ở một số địa phương trong cả nước; cùng với 40 cán bộ giảng dạy, với 100% cán bộ có trình độ thạc sỹ trở lên, trong đó có 09 tiến sỹ và nhiều cán bộ được đào tạo ở nước ngoài. Năm 2020, Khoa KTTC đưa CTĐT định hướng ứng dụng nghề nghiệp (POHE) Kế toán vào đào tạo, hiện nay đã tuyển sinh từ năm 2020 theo chương trình này. Năm 2021, Khoa KTTC được Bộ GDĐT cho phép đào tạo ngành Kế toán ở bậc sau đại học. Kết quả này cho thấy Khoa KTTC đang vững bước trên đà phát triển và hội nhập, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho đất nước trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và

TCNH. Nhờ có sự đoàn kết và cố gắng không ngừng của tập thể CBVC Khoa KTTC trong những năm qua, Khoa KTTC đã đạt được nhiều thành tích trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ được Nhà trường và bộ GDĐT ghi nhận và khen tặng. Cụ thể, (1) Khoa KTTC đạt thành tích tập thể lao động xuất sắc các năm học 2016 - 2017 và 2020 - 2021; (2) Giấy khen của Hiệu trưởng tặng vì có nhiều thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển của Khoa và Nhà trường (QĐ số 1395/QĐ-ĐHNT ngày 16/11/2020); (3) Giấy khen của Hiệu trưởng tặng vì có nhiều đóng góp trong công tác hợp tác đối ngoại, giai đoạn 2016-2021 (QĐ số 610/QĐ-ĐHNT ngày 14/6/2021); đặc biệt 11/3/2022, Khoa KTTC được bộ GDĐT tặng Cờ thi đua về đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập (QĐ số 685/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2022).



Hình 3. Cơ cấu tổ chức Khoa KTTC

Chức năng và nhiệm vụ:

Khoa KTTC có chức năng tổ chức đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học, đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn; nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng. Ngoài việc tổ chức đào tạo tại trường, Khoa phối hợp với Trung tâm đào tạo & bồi dưỡng tổ chức đào tạo các lớp thuộc hệ vừa làm vừa học ngành Kế toán tại các cơ sở liên kết trong phạm vi cả nước.

Nhiệm vụ đào tạo:

Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực về Kế toán và TCNH ở bậc đại học và cao học với đầy đủ phẩm chất đạo đức, sức khỏe, thẩm mỹ, tư duy độc lập sáng tạo có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về kế toán, tài chính, đáp ứng được các yêu cầu xã hội; nhằm cung cấp nhân lực chất lượng cao cho

các doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức tài chính trung gian, cơ quan kế toán - kiểm toán, thuế tại các bộ, ngành và các cơ quan Nhà nước khác.

Ngoài nhiệm vụ đào tạo, Khoa KTTC còn là đơn vị nghiên cứu Khoa học (NCKH) trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và TCNH, nhằm tư vấn và tham gia vào ban hành chính sách về thuế, tài chính, chính sách kế toán, kiểm toán và tổ chức quản lý tài chính tại các đơn vị.

Cơ cấu tổ chức của Khoa: Được trình bày chi tiết qua Hình 3.

Cơ sở vật chất: Ngoài Văn phòng Khoa, văn phòng các BM, phòng chuyên đề, Khoa KTTC có Phòng thực hành Ngân hàng (NTU Bank) được đặt tại tầng 5 của Tòa Nhà Đa Năng nằm ở phía Tây Nam khuôn viên Trường.

Nhân sự: Đội ngũ cán bộ cơ hữu của Khoa giai đoạn 2016 - 2017 có 43 người. Đến tháng 12/2023, đội ngũ cán bộ cơ hữu của Khoa hiện có 40 người (09 TS, 30 ThS và 1 cử nhân). Ngoài ra, còn có sự tham gia giảng dạy (GD) của các GV ở các BM khác trong Trường. Trong 5 năm gần đây, số lượng SV từ 750 SV – 1.000 SV theo học CTĐT ngành TCNH tại Khoa.

Tình hình biến động nhân sự của Khoa KTTC thể hiện ở Bảng 1; 07 năm gần đây, Khoa KTTC không ngừng phát triển đội ngũ GV về mặt chất lượng, từ 5 GV có trình độ tiến sĩ ở năm 2017, đến năm 2021 con số này lên 7 và đến 31/12/2023, Khoa có 09 tiến sĩ.

Bảng 1. Biến động đội ngũ giảng viên và nhân viên cơ hữu của Khoa trong 7 năm

Đội ngũ	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
TS	6	5	4	5	7	8	9
ThS	31	36	34	33	31	30	30
Cử nhân	6	1	01	01	01	01	01
Tổng	43	42	39	39	39	39	40
GVC	03	03	01	02	02	02	07
GV	38	37	36	35	35	35	32
GV thực hành	01	01	01	01	01	01	01
Chuyên viên	01	01	01	01	01	01	01
Tổng	43	42	39	39	39	39	40

2.3. Giới thiệu về ngành TCNH

Ngành TCNH được đào tạo từ năm 2006 cho các lớp SV chính quy Khóa 47 là khóa đầu tiên được đào tạo CTĐT ngành TCNH tại trường ĐHNT. Năm 2020 kỷ niệm 10 năm thành lập, đánh dấu một bước ngoặt trong sự hình thành và phát triển của Khoa KTTC, và 15 năm đào tạo ngành TCNH. Với 15 năm đào tạo ngành TCNH, hàng ngàn sinh viên theo học CTĐT ngành TCNH của Khoa KTTC ra trường và hiện đang làm việc ở các doanh nghiệp, cơ quan quản lý Nhà nước, ngân hàng, trường học và các đơn vị sự nghiệp; một số sinh viên của Khoa hiện là GV của một số trường đại học, cao đẳng trong nước; rất nhiều trong số này hiện đang nắm giữ các vị trí quan trọng tại các ngân hàng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, sự nghiệp.

CTĐT ngành TCNH được thiết kế theo hướng hiện đại, cung cấp cho SV môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng cơ bản, cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tốt nghiệp CTĐT ngành TCNH, sinh viên có kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Sinh viên ra trường có cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp, ngân hàng và tổ chức tài chính khác, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các công ty kiểm toán, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác. Từ năm 2022, Khoa KTTC có thêm chuyên ngành Công nghệ tài chính (Fintech) được đưa vào đào tạo. Chuyên ngành công nghệ tài chính tập trung vào việc trang bị cho sinh viên kiến thức vững chắc về lý thuyết, kỹ thuật và tư duy phản biện để áp dụng công nghệ vào các dịch vụ tài chính trong lĩnh vực Fintech. Sinh viên sẽ tiếp cận với các môn học trọng tâm như Nghiên cứu về dữ liệu lớn trong tài chính, lập trình Python... nhằm giúp phát triển khả năng thiết kế và triển khai các ứng dụng cơ sở dữ liệu, dữ liệu lớn và phân tích để đáp ứng nhu cầu kinh doanh hiện đại. Sinh viên chuyên ngành công nghệ tài chính cũng nhấn mạnh vào việc hiểu và đáp ứng nhu cầu và trải nghiệm của người dùng, từ đó tạo ra các dịch vụ Fintech phù hợp và dễ sử dụng. Ngoài ra, sinh viên cũng được trang bị kiến thức về kinh doanh kỹ thuật số, giúp họ hiểu rõ về lợi ích và tác động của các công nghệ kỹ thuật số đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp trong ngành TCNH. Đây là một ngành học đa dạng và tiên tiến, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường Fintech hiện đại.

Xác định rõ CTĐT là một yếu tố rất quan trọng tác động đến chất lượng đào tạo (CLĐT), Khoa KTTC luôn chủ động cập nhật, đổi mới và chỉnh sửa CTĐT. Đến nay,

CTĐT ngành TCNH đã trải qua rất nhiều lần rà soát, cập nhật; những lần rà soát, cập nhật lớn gần đây như năm 2012, năm 2016 và 2021. Có thể nói ngành TCNH luôn đi đầu trong Khoa về việc rà soát, cập nhật và phát triển CTĐT để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHNT, phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật GDĐH. Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, các CĐR được xây dựng và công bố rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu chuyên biệt mà sinh viên (SV) ngành TCNH cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT định kỳ được rà soát, cập nhật và công bố đến các bên liên quan (BLQ). Mục tiêu CTĐT và CĐR của ngành TCNH về cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Khánh Hòa, khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp (TCDN), tài chính công, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp (DN).

Tiêu chí 1.1

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng

Trên cơ sở sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHNT, mục tiêu của giáo dục đại học quy định ở Luật Giáo dục đại học, Khoa KTTC xác định mục tiêu của CTĐT ngành TCNH rõ ràng, gồm mục tiêu chung là cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, có đạo đức, tri thức, tư duy độc lập, năng lực phê phán và trách nhiệm cá nhân, sức khỏe, thẩm mỹ, khả năng đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng trình độ đại học, đáp ứng nhu cầu xã hội. Từ mục tiêu chung đó, mục tiêu cụ thể được xác định gồm các nhóm mục tiêu cụ thể về thái độ, kiến thức và kỹ năng [**H1.01.01.01**]. Tuy nhiên, để đáp ứng những thay đổi theo *Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học* của Bộ GDĐT, kết hợp với các quy định liên quan đến xây dựng và điều chỉnh chuẩn đầu ra của trường ĐHNT [**H1.01.01.03**], các mục tiêu của CTĐT ngành TCNH tiếp tục được chỉnh sửa và hoàn thiện rõ ràng hơn và đã được Ban thẩm tra liên ngành thông qua [**H1.01.01.04**].

Do đó, đến năm 2021, CTĐT ngành TCNH đã được cập nhật, trong đó mục tiêu của CTĐT ngành TCNH được xác định rõ ràng, cụ thể hơn thành 5 mục tiêu, đó là (1) Có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này; (2) Có kỹ năng phân tích và đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình hoạt động tài chính, ngân hàng; (3) Có kỹ năng nghề nghiệp để hội nhập và tham gia các hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; (4) Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm xã hội và cộng đồng, ý thức tuân thủ pháp luật và ứng xử chuyên nghiệp trong công việc; và (5) Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để thích ứng với sự thay đổi và phát triển không ngừng của môi trường kinh tế nói chung và lĩnh vực TCNH nói riêng [H1.01.01.02].

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của CSGD

Năm mục tiêu của CTĐT ngành TCNH cập nhật năm 2021 được xác định phù hợp với sứ mạng, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2016-2020, chiến lược phát triển đến 2030, tầm nhìn 2045 (xem Bảng 1.1).

Bảng 1.1. Ma trận tương thích sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Nhà trường

Sự phù hợp của POEs với	Mục tiêu CTĐT (POEs)				
	1	2	3	4	5
Sứ mạng của ĐHNT: Nghiên cứu khoa học, đào tạo nhân lực trình độ cao và chuyển giao tri thức đa lĩnh vực, chú trọng phát huy thế mạnh lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản.		x		x	
Tầm nhìn của ĐHNT đến năm 2045: Là Đại học có thứ hạng cao ở Việt Nam; thuộc nhóm đầu các trường đại học ở Châu Á về một số ngành khoa học – công nghệ biển và thủy sản.			x		x
Mục tiêu giáo dục của Nhà trường:					
1. Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe;	x				

Sự phù hợp của POEs với	Mục tiêu CTĐT (POEs)				
	1	2	3	4	5
2. Kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp.	x	x		x	
3. Kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp;		x	x		x
4. Khả năng nghiên cứu và ứng dụng khoa học-công nghệ;			x		
5. Tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp.	x		x	x	x

Tính phù hợp của mục tiêu CTĐT ngành TCNH được thể hiện rõ qua mối quan hệ chặt chẽ với sứ mạng là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao và cung cấp dịch vụ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, tài chính công, thuế, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, ngân hàng... đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Tính phù hợp còn thể hiện qua kết quả khảo sát các BLQ về sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường tương đối cao (trên 90%); đồng thời có sự tương thích khá cao giữa mục tiêu của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.01.06]. Tuy nhiên, mức độ tương thích của mục tiêu CTĐT với mục tiêu giáo dục đại học của Nhà trường là chưa cao (trên 50%). Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT chưa theo kịp với các thay đổi, quy định mới về TCNH cũng như trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp TCNH trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 [H1.01.01.06].

Mục tiêu của CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học

Với 5 mục tiêu của CTĐT ngành TCNH được cập nhật năm 2021 cho thấy có sự phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học được quy định tại điều 5 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của GDĐH và Văn bản hợp nhất Luật GDĐH năm 2018 [H1.01.01.07] [HBS1.01.01.01]. Sự phù hợp của mục tiêu CTĐT ngành TCNH với mục tiêu của GDĐH được thể hiện thông qua các nội hàm như: Đào tạo người học (NH) có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân; phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế (xem Bảng 1.2).

Bảng 1.2. Ma trận tương thích sự phù hợp của mục tiêu CTĐT với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo Luật GDDH

Mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo Luật GDDH	Mục tiêu CTĐT (POEs)				
	1	2	3	4	5
Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;	x	x	x		x
Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.	x	x		x	x

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH ở năm 2021 được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường cũng như phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ ĐH theo Luật GDDH. Ngoài ra, mục tiêu của CTĐT cũng có sự tương thích khá cao giữa mục tiêu của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động. Bên cạnh đó, các mục tiêu của CTĐT còn thể hiện được các nội dung cần đạt về kỹ năng cũng như kiến thức với NH.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH chưa theo kịp với các thay đổi, quy định mới về TCNH, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp TCNH, kế toán, kiểm toán trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Bên cạnh đó, mức độ tương thích của mục tiêu CTĐT với mục tiêu giáo dục đại học của Nhà trường là chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ rà soát và cập nhật lại mục tiêu của CTĐT ngành TCNH để phù hợp với các thay đổi, quy định mới về TCNH, kế toán, kiểm toán... cũng như các yêu cầu mới về nghề nghiệp TCNH, kế toán, kiểm toán... cho phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và mục tiêu giáo dục đại học.	BCN CTĐT	Định kỳ 2 năm/1 lần, bắt đầu từ năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh:	Thường xuyên mời các BLQ tham gia đóng góp ý kiến về mục tiêu của CTĐT ngành TCNH khi tiến hành rà soát, cập nhật.	BCN CTĐT	Hàng năm, từ năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 1.2

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ vào mục tiêu của CTĐT ngành TCNH, hướng dẫn sử dụng và công bố CĐR của Bộ GD-ĐT, hướng dẫn hoàn thiện CĐR của ngành đào tạo bậc đại học và Quyết định thành lập các Ban hoàn thiện CĐR của trường ĐHNT [H1.01.01.01], [H1.01.02.01], [H1.01.02.02], Khoa KTTC đã tổ chức xây dựng CĐR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn của trường ĐHNT [H1.01.02.03]. CĐR của CTĐT ngành TCNH được xác định rõ ràng và được trình bày đầy đủ theo nhóm nội dung như: Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe; kiến thức và kỹ năng [H1.01.01.01]. CĐR của CTĐT ngành TCNH theo QĐ 1177/DHNT ngày 30/12/2016 về cơ bản mới đáp ứng được khoảng 50% yêu cầu

trong thực tiễn hoạt động tại DN cũng như các BLQ [H1.01.02.04]. Cụ thể, theo kết quả khảo sát các BLQ về CDR của CTĐT ngành TCNH [H1.01.01.06] theo QĐ 1177/DHNT năm 2019 cho thấy khoảng 9% đối tượng khảo sát cho rằng số lượng CDR còn quá nhiều; Bên cạnh đó, về khả năng đo lường và đánh giá CDR cho thấy mức độ đáp ứng của CTĐT chỉ đáp ứng từ 53% đến 69%.

Trên cơ sở khảo sát sự phù hợp của CDR và những hạn chế của CTĐT năm 2016 đã được chỉ ra, cùng với các hướng dẫn của trường ĐHNT và của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1.01.01.04], [H1.01.02.05] đồng thời nhằm thích ứng với bối cảnh hội nhập và môi trường làm việc mới trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đến năm 2019, trường ĐHNT ra Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm CTĐT [H1.01.02.06] để chuẩn bị, tiến hành triển khai xây dựng và điều chỉnh lại CDR của CTĐT ngành TCNH theo hướng mỗi phát biểu của CDR được xây dựng sao cho có khả năng đo lường năng lực đầu ra của NH. Bên cạnh đó, CDR cũng được Hội đồng thẩm định kỹ lưỡng trước khi ra quyết định [H1.01.01.03]. Đến năm 2021, toàn bộ CTĐT ngành TCNH được hoàn thành và nghiệm thu. Kết quả xây dựng CDR lần này (Theo QĐ số 1198/QĐ-ĐHNT Ban hành CTĐT ngành TCNH của Hiệu trưởng ĐHNT ngày 11/11/2021) đã xác định còn lại 9 CDR [H1.01.01.02], so với số lượng CDR của CTĐT ngành TCNH theo QĐ 1177/DHNT đã giảm 5 CDR (Theo QĐ số 1177/QĐ-ĐHNT Ban hành CTĐT ngành TCNH của Hiệu trưởng ĐHNT ngày 30.12.2016 thì số lượng của CDR là 14)

Bảng 1.3. Kết quả khảo sát về số lượng chuẩn đầu ra, khả năng đo lường và đánh giá CDR của CTĐT ngành TCNH theo QĐ 1177/ĐHNT

TT	Nội dung đánh giá	Thực trạng	Kết quả khảo sát (Chi tiết xem BC kết quả khảo sát – Mẫu 2)
1	Số lượng CDR	14	– Quá ít: 0% – Phù hợp: 91% – Quá nhiều: 9%
2	Đo lường CDR như thế nào?	Đáp ứng được một phần	– Đáp ứng một phần: Từ 31% -47% – Đáp ứng: 53% -69%
3	Đánh giá CDR như thế nào?	Đáp ứng được một phần	– Đáp ứng một phần: Từ 31% -47% – Đáp ứng: 53% -69%

(Nguồn: Kết quả khảo sát CTĐT ngành TCNH của BCN CTĐT, năm 2019)

Nhìn chung, CĐR của CTĐT theo Quyết định số 1198/QĐ-ĐHNT ngày 11/11/2021 thể hiện được các yêu cầu chung như (i) Có tư cách đạo đức, trách nhiệm với xã hội, công việc, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, tinh thần kỷ luật cao, độc lập, sáng tạo, và chuyên nghiệp trong công việc. Hợp tác với các đồng nghiệp và mọi người; (ii) Kiến thức lý luận chính trị và pháp luật của nhà nước, kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội; Ứng dụng các phương pháp trong quá trình học để nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn, có kiến thức về giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; (iii) Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, làm việc theo nhóm, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại; Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT) về Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT; và ngoại ngữ (bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên môn **[H1.01.02.07]**.

CĐR của CTĐT thể hiện các yêu cầu chuyên biệt mà NH ngành TCNH cần đạt về kiến thức; kỹ năng; phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe (mức tự chủ và trách nhiệm). Cụ thể, CĐR từ PLO4 đến PLO9 thể hiện được việc vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, thị trường và pháp luật chuyên ngành vào giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tài chính, thuế, ngân hàng và bảo hiểm; Vận dụng kiến thức chuyên sâu và thể hiện kỹ năng tư duy phản biện phục vụ cho việc ra các quyết định trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng; Lĩnh hội và truyền đạt các ý tưởng tài chính đương đại một cách sáng tạo và hiệu quả; Đánh giá được các vấn đề về tài chính và hoạch định các chính sách tài chính cho các tổ chức kinh tế, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp; Thể hiện được tác phong làm việc chuyên nghiệp và có ý thức tuân thủ pháp luật; và có tư duy phản biện, thể hiện trách nhiệm xã hội và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động chuyên môn của ngành **[H1.01.01.02]**.

Như vậy, CĐR của CTĐT ngành TCNH năm 2021 bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu riêng của CTĐT; các CĐR của CTĐT được phát biểu xúc tích, ngắn gọn hơn; các CĐR có thể quan sát và đo lường được. Tuy nhiên, xét trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0 và yêu cầu của nghề nghiệp trong thời đại ngày nay còn thiếu CĐR để thể hiện được tính đáp ứng về chuyên môn, nghề nghiệp TCNH trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành TCNH đã được xác định rõ ràng thể hiện sự bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

CĐR chưa thể hiện được tính đáp ứng về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, TCNH trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiếp tục khảo sát các BLQ, nhất là DN, cựu sinh viên (CSV) để xác định yêu cầu kỹ năng chuyên biệt của nghề nghiệp TCNH. - Rà soát và cập nhật lại các CĐR để đảm bảo có CĐR của CTĐT ngành TCNH gắn kết và ngày càng đáp ứng cao các kiến thức chuyên biệt đối với nghề nghiệp TCNH trong bối cảnh cuộc cách mạng 4.0.	Khoa KTTC BCN CTĐT	Hàng năm Định kỳ 2 năm/1 lần
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hỏi ý kiến các BLQ về các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH ngành TCNH cần đạt được, để làm cơ sở cập nhật lại CĐR.	BCN CTĐT	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 1.3

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

Sự tương thích và phù hợp của CĐR với yêu cầu của các BLQ thể hiện ở kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và chịu trách nhiệm của NH. Do vậy trong quá trình xây dựng CĐR, BCN CTĐT có sự tìm hiểu yêu cầu về nghề nghiệp từ người sử dụng lao động. CĐR của ngành TCNH phản ánh được yêu cầu của các BLQ thông qua kết quả phỏng vấn, thảo luận, kết quả phản hồi ý kiến của GV, DN, CSV và SV năm cuối [H1.01.02.04]. Các yêu cầu của các BLQ về tăng kỹ năng ngoại ngữ, tin học, kỹ năng khai thác thông tin và kỹ năng làm việc thực tế cho SV được phản ánh đầy đủ ở CĐR của CTĐT ngành TCNH cập nhật ở năm 2021 [H1.01.01.02].

Bảng 1.4. Kết quả khảo sát sự rõ ràng, cụ thể và phù hợp của CĐR của CTĐT ngành TCNH

Tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	TB 2018-2023
1. CTĐT có chuẩn đầu ra rõ ràng, cụ thể và phù hợp với nhu cầu của xã hội						
Hoàn toàn đồng ý	28,36	33,33	28,57	51,09	42,7	36,81
Đồng ý	50,75	51,11	59,52	41,3	47,19	49,97
Tương đối đồng ý	20,9	13,33	9,52	6,52	8,99	11,85
Không đồng ý	0	2,22	2,38	0	1,12	1,14
Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	1,09	0	0,22
2. Khóa học đáp ứng được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của ngành						
Hoàn toàn đồng ý	25,37	28,89	33,33	41,3	37,08	33,19
Đồng ý	53,73	53,33	52,38	51,09	53,93	52,89
Tương đối đồng ý	19,4	11,11	14,29	6,52	6,74	11,61
Không đồng ý	1,49	6,67	0	0	2,25	2,08
Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0	1,09	0	0,22

(Nguồn: Phòng ĐBCL và KT trường ĐHNT, từ năm 2018-2023)

Kết quả khảo sát SV tốt nghiệp từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023 của Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí của trường ĐHNT về CĐR của CTĐT ngành TCNH ở Bảng 1.4 [H1.01.03.01], [H1.01.03.02], cho thấy tỷ lệ SV tốt nghiệp đánh giá từ đồng ý đến hoàn toàn đồng ý với phát biểu cho rằng “CTĐT có chuẩn đầu ra rõ ràng, cụ thể và phù hợp với nhu cầu của xã hội” tăng dần qua các năm học 2018-2022, nhưng năm học 2022-2023 tiêu chí này có giảm nhẹ. Nhìn chung tỷ lệ SV đồng ý với phát biểu trên

trung bình trong giai đoạn 2018-2023 đạt trên 86%. Bên cạnh đó, với phát biểu “*Khóa học đáp ứng được mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của ngành*” cũng có kết quả đánh giá tương tự. Về cơ bản, tỷ lệ SV đồng ý với phát biểu này trung bình trong giai đoạn 2018-2023 đạt trên 86%. Điều này cũng khẳng định thêm rằng CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

Trong quá trình xây dựng CĐR, BCN CTĐT cũng thực hiện thêm việc đối sánh CĐR của ngành TCNH của trường ĐHNT với CĐR của CTĐT ngành TCDN của trường đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội – trường đại học thuộc top đầu trong nước về lĩnh vực tài chính – ngân hàng [H1.01.03.03]. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực và CĐR của CTĐT, hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR của Bộ GDĐT [H1.01.03.04], các hướng dẫn thu thập ý kiến đánh giá và hoàn thiện CĐR của Nhà trường [H1.01.02.05], [H1.01.02.02] và Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm CTĐT [H1.01.02.06], BCN CTĐT đã thực hiện khảo sát, rà soát, đánh giá điều chỉnh và hoàn thiện CĐR ngành TCNH [H1.01.03.05], [H1.01.03.06], [H1.01.03.07], [H1.01.01.02].

CĐR của CTĐT ngành TCNH được rà soát, điều chỉnh, cập nhật và được ban hành cùng với CTĐT theo định kỳ 4 năm/ lần qua các thông báo cập nhật CTĐT ở năm 2016 [H1.01.01.01] và năm 2021 [H1.01.01.02]. CĐR của CTĐT cập nhật ở năm 2021 có nhiều khác biệt so với CĐR ban hành ở năm 2016 và có thực hiện đối sánh với CĐR của CTĐT trong nước [H1.01.03.08]. Những thay đổi của lần cập nhật 2021 so với CTĐT ban hành ở năm 2016 được thể hiện ở Bảng 1.5 [H1.01.03.08].

So với số lượng CĐR của CTĐT ngành TCNH năm 2016, số lượng CĐR của CTĐT ngành TCNH năm 2021 giảm xuống còn 9 CĐR, tức là giảm đến 35,7% số lượng CĐR, nhờ đó các CĐR của Ngành năm 2021 được tinh gọn, xúc tích nhưng vẫn đầy đủ hàm ý đáp ứng các mục tiêu đào tạo. Ngoài ra, CĐR của ngành đào tạo được công bố công khai trên trang web của Phòng ĐTDH, trang web Khoa KTTC... [H1.01.03.09] và được cung cấp cho tân SV thông qua HP Nhập môn ngành, qua đó thể hiện tính công khai, minh bạch đối với NH và xã hội.

Như vậy, việc rà soát, đánh giá CĐR luôn được Nhà trường và Khoa KTTC quan tâm và luôn được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Khi cập nhật CTĐT đều có sự tham gia của các BLQ như NH, GV, CSV và nhà tuyển dụng lao động. BCN CTĐT có nhiệm vụ cập nhật và phát triển CTĐT và thành phần tham dự trong BCN

CTĐT luôn có đại diện của CSV, DN [H1.01.02.04]. Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CDR chưa theo kịp với các thay đổi, quy định mới về quản lý, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, cũng như các yêu cầu mới của nghề nghiệp TCNH trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Bảng 1.5. Tổng hợp số lượng CDR giữa 2 CTĐT ngành TCNH năm 2016-2021

Tiêu chí	CDR của CTĐT năm 2016	CDR của CTĐT năm 2021
A. Thái độ (Năng lực tự chủ và trách nhiệm)	2	1
B. Kiến thức	7	6
C. Kỹ năng	5	2
Tổng CDR	14	9

Ghi chú: Chi tiết xem Bảng đối sánh CDR giữa 2 CTĐT của ngành TCNH 2016 - 2021

2. Điểm mạnh

- CDR của CTĐT ngành TCNH được xây dựng có sự tham gia ý kiến của các BLQ và có đối sánh với CDR của CTĐT trong nước.
- CDR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh 4 năm/lần theo kế hoạch của Nhà trường.
- CDR của CTĐT được công bố công khai.

3. Điểm tồn tại

Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CDR chưa theo kịp với các thay đổi, quy định mới về TCNH và yêu cầu mới của nghề nghiệp TCNH trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện rà soát, điều chỉnh và cập nhật CDR cho phù hợp với các thay đổi, quy định mới về TCNH và yêu cầu mới của nghề nghiệp TCNH.	BCN CTĐT	Định kỳ 2 năm/1 lần

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Mời các BLQ tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình rà soát, cập nhật CĐR	BCN CTĐT	Định kỳ 2 năm/1 lần

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng (TCNH) năm 2021 được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, cũng như phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo Luật Giáo dục Đại học. Mục tiêu này còn tương thích cao với nhu cầu của thị trường lao động, thể hiện rõ các kỹ năng và kiến thức cần đạt trong lĩnh vực ngân hàng. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo ngành TCNH đã được xác định cụ thể, bao quát cả các yêu cầu chung và chuyên biệt cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình. Việc xây dựng CĐR có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan và đối sánh với chuẩn đầu ra của các chương trình trong nước. CĐR của chương trình được rà soát và điều chỉnh định kỳ mỗi 4 năm theo kế hoạch của Nhà trường và được công bố công khai.

Tuy nhiên, mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tài chính - Ngân hàng (TCNH) hiện chưa theo kịp với những thay đổi và quy định mới trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, chứng khoán và bảo hiểm, cũng như những yêu cầu nghề nghiệp mới. Đồng thời, mục tiêu của CTĐT cũng chưa tương thích cao với mục tiêu giáo dục đại học của Nhà trường. Chuẩn đầu ra (CĐR) chưa đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn và nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR chưa bắt kịp với những thay đổi và quy định mới cũng như các yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH được xây dựng và thiết kế trên cơ sở đạt được mục tiêu cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết và hữu ích về nội dung chương trình học đến NH và các BLQ. Bản mô tả CTĐT đã được điều chỉnh và cập nhật cho phù hợp vào

các năm 2016 và năm 2021. Trong CTĐT ngành TCNH, tất cả các HP đều có ĐCHP đầy đủ và đúng theo mẫu qui định. Các nội dung của CTĐT và ĐCHP của các HP đều được trình bày một cách rõ ràng, được cập nhật theo từng thời điểm và được công bố công khai giúp cho NH và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1

Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH [H1.01.01.01], [H2.02.01.01] được xây dựng theo quy định của Bộ GDĐT [H1.01.01.04], [H2.02.01.02] và theo hướng dẫn của trường ĐHNT [H1.01.01.04], [H2.02.01.03]. Dựa trên những hướng dẫn chi tiết của trường ĐHNT và những đóng góp ý kiến thông qua Hội đồng thẩm định CTĐT [H1.01.01.03], bản mô tả CTĐT ngành TCNH đã được xây dựng và ban hành có đầy đủ các thông tin cần thiết theo quy định của Bộ GDĐT [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.06]. Các nội dung và thông tin được thể hiện trong Bản mô tả CTĐT ngành TCNH bao gồm: Tên cơ sở đào tạo; tên CTĐT; mã ngành đào tạo; thời gian đào tạo, mục tiêu và CĐR; quy trình đào tạo, nội dung CTĐT; số lượng tín chỉ từng HP và toàn bộ CTĐT, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; ma trận kỹ năng thể hiện sự đóng góp của các HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT, cấu trúc khoá học được thiết kế cụ thể theo từng học kỳ và theo sơ đồ chương trình giảng dạy cũng như theo bản mô tả các HP [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.06]. Bảng 2.1 cho thấy, bản mô tả CTĐT ngành TCNH ban hành năm 2016 chưa được thể hiện một cách chặt chẽ giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra, chưa liệt kê đầy đủ các vị trí việc làm, nội dung ma trận sự đóng góp của các HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT cũng chưa được làm rõ, phần đính kèm mô tả tóm tắt các học phần cũng chưa được gắn với các chuẩn đầu ra. Các tồn tại này đã được cải tiến và được trình bày một cách cụ thể hơn ở bản mô tả CTĐT ngành TCNH ban hành theo Quyết định số 1198/QĐ-ĐHNT ngày 11/11/2021 [H1.01.01.02], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.06].

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH cũng được cập nhật định kỳ nhằm đáp ứng yêu cầu của các BLQ. Trong bản mô tả CTĐT ngành TCNH ban hành năm 2016 (áp dụng từ khóa 58) [H1.01.01.01], [H2.02.01.01], các CĐR được trình bày đầy đủ trong bản mô tả CTĐT. Năm học 2018- 2019, BCN CTĐT ngành TCNH rà soát lại bản mô tả CTĐT được ban hành năm 2016 và cập nhật lại nội dung mô tả một số HP, cụ thể như:

Khóa luận tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp, trong đó chuyên đề tốt nghiệp là HP được đổi tên từ HP trước đây có tên gọi là thực tập nghề nghiệp [H2.02.01.07], [H2.02.01.08], đồng thời kế hoạch về thời gian thực hiện chuyên đề tốt nghiệp cũng được thay đổi. Ngoài ra, năm 2019, HP nhập môn ngành TCNH cũng được đưa thêm vào CTĐT và chính thức áp dụng từ khóa 61 [H2.02.01.09]. Ở lần cập nhật gần nhất, tất cả các nội dung của bản mô tả CTĐT được trình bày đầy đủ trong bản CTĐT ngành TCNH năm 2021 ban hành theo Quyết định số 1198/QĐ-ĐHNT ngày 11/11/2021 [H1.01.01.02], [H2.02.01.04], [H2.02.01.05], [H2.02.01.06].

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH cập nhật năm 2021 theo xu hướng hiện đại, có ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP trong việc đạt được CDR theo các mức I (Introduction), R (Reinforced) và M (Master). Mặc dù định kỳ có sự rà soát, cập nhật và khảo sát các BLQ làm cơ sở để cập nhật lại bản mô tả CTĐT, tuy nhiên số mẫu lấy ý kiến phản hồi từ DN và CSV chưa nhiều, chưa đầy đủ và chưa mang tính đại diện cao.

Bảng 2.1. Bảng đối sánh chương trình đào tạo ngành TCNH năm 2016-2021

Các tiêu chí	CTĐT năm 2016	CTĐT năm 2021
Tên cơ sở đào tạo	Khoa Kế toán Tài chính, Trường Đại học Nha Trang	Khoa Kế toán Tài chính, Trường Đại học Nha Trang
Tên CTĐT	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính – Ngân hàng
Mã ngành đào tạo	52340201	7340201
Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm
Mục tiêu và CDR	- Thể hiện mục tiêu chung và 3 mục tiêu cụ thể. - Chuẩn đầu ra thể hiện theo các nội dung phẩm chất, kiến thức và kỹ năng.	- Có 5 mục tiêu rõ ràng từ PEO1 đến PEO5 - Có 9 chuẩn đầu ra - Có ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo.
Quy trình đào tạo	- Có thể hiện	- Có thể hiện
Nội dung CTĐT	- Thể hiện rõ nội dung chương trình đào tạo bao gồm các học phần bắt buộc	- Thể hiện rõ nội dung chương trình đào tạo gồm các học phần bắt buộc và tự chọn phân bổ theo từng học kỳ, có lưu đồ đào tạo rõ

Các tiêu chí	CTĐT năm 2016	CTĐT năm 2021
	và tự chọn tương thích với các chuẩn đầu ra.	ràng, có ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần nhằm đạt được chuẩn đầu ra.
Số lượng tín chỉ từng HP và toàn bộ CTĐT	- Gồm 144 tín chỉ	- Gồm 137 tín chỉ
Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	- Thể hiện định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp	- Thể hiện các vị trí chức danh, vị trí công việc và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp
Mô tả tóm tắt nội dung học phần	- Có đính kèm mô tả vắn tắt nội dung từng học phần.	- Có đính kèm mô tả vắn tắt nội dung từng học phần đáp ứng với các chuẩn đầu ra.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH thường xuyên được rà soát, cập nhật phù hợp với xu hướng đào tạo ngày càng hiện đại, có ma trận thể hiện rõ ràng sự đóng góp của các HP trong việc đạt được CDR theo các mức I, R, M.

3. Điểm tồn tại

Số mẫu lấy ý kiến phản hồi từ DN và CSV về bản mô tả CTĐT ngành TCNH chưa nhiều, chưa đầy đủ và chưa mang tính đại diện cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tổ chức khảo sát các DN, CSV, nhất là người sử dụng lao động về nội dung của bản mô tả CTĐT ngành TCNH. - Tiến hành rà soát và cập nhật lại nội dung bản mô tả CTĐT, để CTĐT ngành TCNH ngày càng hiện đại và đáp ứng được với yêu cầu của thế giới việc làm trong lĩnh	- Khoa KTTC - BCN CTĐT - Trung tâm HTVL&KN	Thực hiện hàng năm, từ năm học 2024 - 2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		vực TCNH.		
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát và cập nhật lại nội dung bản mô tả CTĐT, để CTĐT ngành TCNH ngày càng hiện đại và đáp ứng được với yêu cầu của thế giới việc làm.	-Khoa KTTC - BCN CTĐT	Năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 2.2

Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các HP trong CTĐT ngành TCNH vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình GD, vừa đóng vai trò là bản cam kết của GV giảng dạy HP đối với NH và được xây dựng theo mẫu thống nhất chung cho các ngành đào tạo thuộc Nhà trường [H2.02.01.04].

Tất cả các HP trong CTĐT đều có đủ các ĐCHP tương ứng và 100% ĐCHP đều thể hiện đầy đủ các thông tin quy định của Nhà trường như thông tin chung về HP (tên tiếng Việt, tên tiếng Anh, mã HP, số tín chỉ,...); mô tả tóm tắt HP; mục tiêu; CĐR của HP; Ma trận tương thích giữa CĐR của HP với Chuẩn đầu ra CTĐT ngành TCNH; nội dung dạy học, phương pháp dạy học; đánh giá kết quả học tập; tài liệu dạy học; đánh giá KQHT [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.01.05]. Ngoài ĐCHP, mỗi HP được GV giảng dạy còn xây dựng thêm Đề cương chi tiết học phần (ĐCCTHP) thể hiện rõ thời gian giảng dạy, thời lượng giảng dạy, nội dung về phương pháp giảng dạy, đánh giá và yêu cầu sự chuẩn bị từ NH cũng như danh mục tài liệu tham khảo đối với học phần giảng dạy. Có thể nói ĐCCTHP là bản hợp đồng ghi nhớ giữa GV và NH, trong đó thể hiện toàn bộ kế hoạch GD và học tập HP có ý nghĩa rất quan trọng trong việc định hướng NH [H2.02.02.02]. Những thông tin khác nhau giữa ĐCHP, ĐCCTHP dùng cho giảng dạy trực tiếp và ĐCCTHP dùng cho hình thức giảng dạy E – Learning được thể hiện ở Bảng 2.2.

Bảng 2.2 So sánh giữa ĐCHP, ĐCCTHP và ĐCCTHP dùng giảng dạy E-learning

Tiêu chí so sánh	ĐCHP	ĐCCTHP	ĐCCTHP dùng cho E-Learning
Tên gọi	ĐCHP	ĐCCTHP	ĐCCTHP
Thông tin HP	Cung cấp đầy đủ thông tin tên HP bằng tiếng Anh, tiếng Việt, mã học phần, số tín chỉ, trình độ đào tạo và HP tiên quyết	Giống như ĐCHP	Giống như ĐCHP
Thông tin về GV	Không có	Cung cấp đầy đủ thông tin về GV như email, điện thoại, trang web và lịch và địa điểm tiếp SV	Cung cấp đầy đủ thông tin về GV như email, điện thoại, trang web và lịch và địa điểm tiếp SV
Mô tả vắn tắt HP	Cung cấp một cách khái quát nội dung của HP, bao gồm các chủ đề chính	Giống như ĐCHP	Giống như ĐCHP
Mục tiêu	HP sẽ đóng vai trò như thế nào trong việc giúp NH tích lũy các kiến thức, kỹ năng của ngành, chuyên ngành đào tạo; và nó có vai trò gì trong việc đáp ứng các mục tiêu/CĐR của CTĐT.	Mục tiêu dạy - học của các chủ đề	Giống như ĐCHP
CĐR	CĐR sẽ đạt của HP	Giống như ĐCHP	Giống như ĐCHP
Phương pháp dạy học	Không	Trình bày cụ thể các phương pháp dạy học sử dụng cho từng nội dung	Trình bày cụ thể các PP dạy và học tương thích với hoạt động giảng

Tiêu chí so sánh	ĐCHP	ĐCCTHP	ĐCCTHP dùng cho E-Learning
			dạy E Learning
Yêu cầu về sự chuẩn bị của NH	Không	Trình bày cụ thể	Giống ĐCCTHP

Qua Bảng 2.2 cho thấy, ngoài việc thể hiện đầy đủ thông tin cần thiết của HP trong ĐCHP, GV còn thiết kế thêm nhiều thông tin nhằm hỗ trợ NH thông qua ĐCCTHP. Mặt khác, để phù hợp với mỗi hoạt động giảng dạy khác nhau (giảng dạy trực tiếp hoặc giảng dạy trực tuyến kết hợp NTU – E Learning), GV thiết kế ĐCCTHP tương ứng.

ĐCHP định kỳ được rà soát, cập nhật theo kế hoạch chung của Trường và theo nhu cầu đáp ứng các BLQ. Năm 2016, GV Khoa KTTC tiến hành cập nhật, xây dựng ĐCHP theo quy định [H2.02.02.03]. Trên cơ sở kế hoạch rà soát, điều chỉnh nội dung CTĐT đại học từ khóa 58 trở đi [H2.02.02.04], BM TCNH và Khoa KTTC rà soát và cập nhật lại ĐCHP Khóa luận tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp [H2.02.02.05], [H2.02.02.06]. Đến năm 2021, trên cơ sở CTĐT được cập nhật lại, tất cả các HP trong CTĐT ban hành năm 2021 được cập nhập và xây dựng theo mẫu quy định [H2.02.01.04], [H2.02.01.06]. Mặc dù có sự rà soát, cập nhật lại ĐCHP định kỳ, tuy nhiên ở một số ĐCHP chưa thiết kế dành thời gian cho NH tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, để nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho NH.

2. Điểm mạnh

–Tất cả ĐCHP của ngành TCNH phản ánh đầy đủ thông tin, định kỳ được rà soát, cập nhật.

–ĐCCTHP cung cấp thêm nhiều thông tin về HP như phương pháp dạy học được áp dụng cho từng chương/chủ đề và những yêu cầu NH cần chuẩn bị trước.

3. Điểm tồn tại

Một số ĐCHP chưa thiết kế nhiều thời gian cho NH tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, để nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khi cập nhật lại ĐCHP, Nhóm GV/GV phụ trách các HP chuyên ngành TCNH thiết kế thêm thời gian đưa NH tiếp cận với thực tế tại DN, hoặc thiết kế thời gian trong kế hoạch giảng dạy HP có sự tham gia của Lãnh đạo các đơn vị để trình bày cho NH về những nội dung có trong HP được xử lý trong thực tiễn.	- Khoa KTTC - GV trong khoa	Hoàn thành ở năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên mời các lãnh đạo DN, CSV tham gia đóng góp trong quá trình cập nhật, xây dựng ĐCHP. - Tổ chức các buổi SHHT để góp ý xây dựng các phương pháp dạy học phù hợp trong điều kiện 4.0.	-Khoa KTTC - GV trong khoa - BM/Nhóm GV phụ trách HP	Năm học 2024 – 2025 - Định kỳ 2 lần/năm học

5. Tự đánh giá: Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 2.3

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT của ngành TCNH [H1.01.01.01], [H1.01.01.02] được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: Công khai thông qua trang web đào tạo của trường ĐHNT [H2.02.03.01], công khai thông qua trang web đơn vị Khoa KTTC và trang web tuyển sinh của Trường ĐHNT [H2.02.03.02]. Bản mô tả CTĐT được công bố đến NH trúng tuyển vào trường ở học kỳ 1/năm thứ nhất thông qua giảng dạy HP Nhập môn ngành TCNH bởi GV CVHT [H2.02.01.09]. Ngoài ra, một số thông tin cốt lõi của Bản mô tả CTĐT được lồng ghép ở tài liệu quảng bá tuyển sinh [H2.02.03.03].

ĐCHP của tất cả các HP trong CTĐT được các BM quản lý HP công bố đầy đủ trên trang web BM [H2.02.03.05]. Ngoài ĐCHP, ĐCCTHP cũng được BM quản lý HP công bố trên web của BM [H2.02.03.06] và GV giảng dạy HP công bố trên hệ thống E learning của từng GV [H2.02.03.07]. Bên cạnh đó, các GV phụ trách giảng dạy HP còn giới thiệu ĐCHP trực tiếp cho SV tại lớp trong tuần học đầu tiên.

Việc công bố Bản mô tả CTĐT và ĐCHP bằng nhiều hình thức trên, đã giúp các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, CSV, học sinh, phụ huynh,... đều có thể tiếp cận với Bản mô tả CTĐT và ĐCHP một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Việc này giúp các nhà sử dụng lao động biết được kiến thức NH tích lũy được để có kế hoạch tuyển dụng hợp lý, giúp GV chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi giảng dạy, giúp NH nắm được các HP có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học, giúp CSV có thông tin để góp ý cho việc cập nhật CTĐT lần sau; giúp học sinh và phụ huynh tìm hiểu về ngành để có các quyết định đúng đắn.

Mặc dù Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được công bố công khai bằng nhiều hình thức, giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, BCN CTĐT chưa có nhiều kết quả phản hồi từ các BLQ, nhất là NH về chất lượng của các công bố về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP, và Khoa chưa có kết quả thống kê cụ thể có bao nhiêu đối tượng (các BLQ) đã tiếp cận được Bản mô tả CTĐT và ĐCHP trên các phương tiện trên.

2. Điểm mạnh

- Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành TCNH được công bố công khai đến các BLQ bằng nhiều hình thức khác nhau;
- Các BLQ dễ dàng tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành TCNH.

3. Điểm tồn tại

Khoa KTTC chưa nhận được ý kiến phản hồi của các BLQ, nhất là NH về chất lượng của các công bố liên quan đến Bản mô tả CTĐT và ĐCHP.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiều khảo sát hơn đối với các BLQ, nhất là NH về chất lượng của các công bố về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP trong CTĐT của ngành TCNH. - Thiết kế thêm những phương thức công bố khác nhau, nâng cao chất lượng các công bố về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành TCNH, để NH và các BLQ tiếp cận chúng một cách thuận lợi nhất. 	Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc công bố Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành TCNH với các phương thức công bố khác nhau như tổ chức thêm các hội thảo, giao lưu để các BLQ có thể dễ dàng tiếp cận với Bản mô tả chương trình đào tạo và ĐCHP.	Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được BCN CTĐT và các GV phân công biên soạn cung cấp đầy đủ thông tin chung kể cả thông tin chi tiết. ĐCHP thường xuyên được cập nhật và được công bố công khai trên theo nhiều hình thức khác nhau như công bố trên các trang web của Phòng Đào tạo ĐH, Khoa KTTC, Bộ môn TCNH, E-learning của GV. Bản mô tả CTĐT có ma trận thể hiện sự đóng góp của các HP trong việc đạt được CĐR của CTĐT theo các mức I, R và M. Bên cạnh ĐCHP, ĐCCTHP cung cấp thêm nhiều thông tin về HP như PPGD, nhờ đó giúp NH nắm được yêu cầu để đạt được CĐR của HP. Khi bắt đầu vào học kỳ giảng dạy mới, ĐCCTHP được cập nhật và được công bố công khai trên các trang web của Khoa KTTC, Bộ môn TCNH, E-learning của GV và được giới thiệu với NH vào tuần giảng dạy học phần đầu tiên của GV. Mặc dù

có khảo sát các BLQ khi thiết kế Bản mô tả ĐCHP, tuy nhiên số mẫu lấy ý kiến phản hồi từ DN và CSV chưa nhiều, chưa đầy đủ và chưa mang tính đại diện cao. Một số ĐCHP vẫn còn một vài tồn tại cần được khắc phục như một số ĐCHP chưa thiết kế dành thời gian cho NH tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, để nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp cho NH. Trong thời gian tới Khoa KTTC cố gắng khắc phục, nhằm tạo điều kiện cho NH sớm tiếp cận với thực tế nghề nghiệp.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Chương trình dạy học (CTDH) ngành TCNH xây dựng theo hướng dẫn của Nhà trường nhằm giúp NH đạt được CĐR của CTĐT. CTDH được thiết kế hợp lý giữa kiến thức giáo dục tổng quát (GDTQ) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của CTĐT nhằm đạt được CĐR. Mỗi HP trong CTDH được thiết kế nhằm giúp NH đạt được một hoặc một số CĐR của CTĐT.

Tiêu chí 3.1

Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Với các CĐR của ngành TCNH được Nhà trường phê duyệt [**H1.01.01.01**], [**H1.01.01.02**], BCN CTĐT làm cơ sở để xác định các HP nhằm đáp ứng các CĐR của CTĐT, cũng như bố trí hợp lý các HP trong CTDH. Nhằm tăng cường tỷ trọng kiến thức chuyên ngành cho sinh viên ngành TCNH nên CTĐT được ban hành năm 2021 có những sự thay đổi đáng kể như giảm số tín chỉ đối với kiến thức đại cương từ 56TC (chiếm 39%) xuống còn 48TC (chiếm 35%), điều này đồng nghĩa với việc tăng khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp từ 61% (CTĐT 2016) lên 65% (CTĐT 2021)

Bảng 3.1. So sánh giữa CTDH ở năm 2021 và CTDH ở năm 2016

CTDH TCNH theo QĐ 1177/QĐ-ĐHNT năm 2016			CTDH TCNH theo QĐ 1198/QĐ-ĐHNT năm 2021		
Khối kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %	Khối kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %

CTDH TCNH theo QĐ 1177/QĐ-ĐHNT năm 2016			CTDH TCNH theo QĐ 1198/QĐ-ĐHNT năm 2021		
I. Kiến thức giáo dục đại cương	56	39	Giáo dục tổng quát	48	35
1. Khoa học xã hội và nhân văn	24	17	1. Xã hội, nhân văn và nghệ thuật	20	14,6
2. Toán, khoa học tự nhiên và môi trường	13	9	2. Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và môi trường	9	6,6
3. Ngoại ngữ	8	6	3. Ngoại ngữ	8	5,8
4. Giáo dục thể chất và QP-AN	11	8	Thể chất và QP-AN	11	8
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88	61	Giáo dục chuyên nghiệp	89	65
1. Kiến thức cơ sở ngành	36	25	Kiến thức cơ sở ngành	29	21,2
2. Kiến thức ngành (kể cả tốt nghiệp)	52	36	Kiến thức ngành (kể cả tốt nghiệp)	60	43,8
Tổng cộng	144	100	Tổng cộng	137	100

(Nguồn: Tổng hợp)

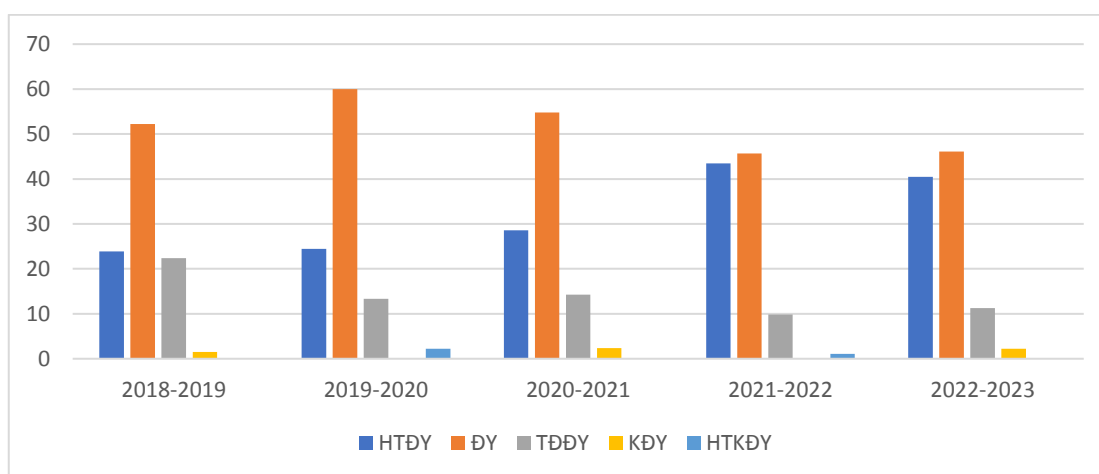
Dựa trên các CĐR, một hoặc một chuỗi các HP được thiết kế để đáp ứng CĐR của CTĐT và được thể hiện rõ trong ma trận HP-CĐR [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Cụ thể để đáp ứng CĐR của CTĐT về kiến thức về TCNH, thuế, bảo hiểm, kế toán được thiết kế trong [H1.01.01.01], CTDH được thiết kế bao gồm các HP Thị trường Tài chính, Ngân hàng thương mại, Bảo hiểm, Thuế, Kế toán để giúp NH đạt được CĐR về am hiểu kiến thức nền tảng về Tài chính, thuế, Ngân hàng và bảo hiểm; các HP Quản trị tài chính, Đầu tư tài chính, Tài chính quốc tế, Mô hình tài chính, Quản trị rủi ro tài chính giúp NH đạt được CĐR về kỹ năng ra quyết định trong lĩnh vực Tài chính, các HP Ngân hàng thương mại, Thẩm định tín dụng, Thanh toán quốc tế, Quản trị NHTM, Luật Ngân hàng giúp NH đạt được CĐR về am hiểu kiến thức và pháp luật chuyên ngành giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Ngân hàng, các HP Tài chính công, Thuế giúp NH đạt được CĐR đánh giá các vấn đề tài chính, hoạch định các chính sách tài chính cho các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Các HP thực hành, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp giúp NH đạt được kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu, xử lý được

các tình huống TCNH phát sinh trong thực tế [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H2.02.02.05] [H2.02.02.06]. Tất cả các HP được thiết kế trong CTDH đều góp phần giúp NH đạt được một, hoặc nhiều CĐR của CTĐT, các mức độ đóng góp của từng HP được thể hiện trong ma trận sự đóng góp của HP để đạt được CĐR [H3.03.01.01].

Trong CTDH, nhằm góp phần đảm bảo CĐR, 100% các HP đều xác định được tổ hợp các phương pháp dạy học phù hợp, cụ thể như: phương pháp thuyết giảng, thảo luận, tình huống, bài tập nhóm và thực hành (TH). Trong đó, hoạt động dạy – học luôn thể hiện cả vai trò của GV lẫn vai trò của NH. Mức tự chủ và trách nhiệm của NH được thể hiện qua các hoạt động thảo luận nhóm, thuyết trình. Với việc xác định được phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả kiến thức, kỹ năng của NH trong từng HP thông qua đánh giá quá trình, thi giữa kỳ, thi cuối kỳ với các công cụ đánh giá phù hợp và được thiết kế ở 100% các HP trong CTDH góp phần giúp NH đạt được CĐR [H1.01.01.02], [H2.02.02.02].

Các nội dung trong CTDH được định kỳ lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ như: NH, cựu SV, đơn vị tuyển dụng, nhà quản lý để có sự điều chỉnh phù hợp nhằm đáp ứng CĐR [H3.03.01.02].

Theo kết quả khảo sát SV năm cuối ở Hình 3.1, phần lớn SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý về các HP của CTĐT phù hợp với yêu cầu của CĐR. Tỷ lệ SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý được tăng lên qua các khóa học, cho thấy mức độ đáp ứng của các HP trong CTDH đối với việc giúp NH đạt được CĐR ngày càng cao.



(Nguồn: Phòng ĐBCL và KT trường ĐHNT, từ năm 2018-2023)

Hình 3.1. Kết quả đánh giá sự phù hợp của các học phần trong CTĐT với yêu cầu của chuẩn đầu ra

Trên cơ sở các ý kiến của các BLQ và những góp ý của Hội đồng thẩm định CTĐT [H1.01.01.03], BCN CTĐT ngành TCNH đã tiến hành rà soát và cập nhật lại CTDH

[H2.02.01.06]. CTDH ban hành ở năm 2021 đã được cải tiến, các HP thiết kế trong CTDH dựa trên cơ sở các CĐR của CTĐT, cấu trúc các HP của CTDH có sự tích hợp các HP về công nghệ ngân hàng (HP Ngân hàng số, công nghệ Blockchain) và các HP về kỹ năng thực hành nghề nghiệp TCNH (HP Mô hình tài chính, Thực hành Corebanking của học phần Ngân hàng thương mại, Thanh toán quốc tế, Thẩm định tín dụng) cũng được thiết kế bổ sung vào CTDH **[H1.01.01.02]**. Mặc dù có khảo sát ý kiến của các BLQ, tuy nhiên các ý kiến thu được chưa đủ đại diện hết nhu cầu của các BLQ về nghề nghiệp TCNH, nhất là người sử dụng lao động.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành TCNH được thiết kế phù hợp, dựa trên cơ sở các CĐR của CTĐT. Cấu trúc các HP của CTDH có sự phân bổ đều các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế cũng như các HP về công nghệ tài chính và các HP về kỹ năng thực hành nghề nghiệp TCNH cũng được thiết kế trong CTDH.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến thu thập được từ các BLQ về sự phù hợp của CTDH và CĐR chưa đại diện đầy đủ của các BLQ và chưa phản ánh hết nhu cầu của các BLQ đối với nghề nghiệp TCNH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nhiều khảo sát hơn đối với các BLQ về sự phù hợp của CTDH và CĐR của ngành TCNH. - Thực hiện rà soát, cập nhật lại CTDH trên cơ sở ý kiến và yêu cầu của các BLQ về CTDH đối với ngành TCNH. 	Khoa KTTC BCN CTĐT ngành TCNH	Năm học 2024 – 2025 Định kỳ 2 năm/1 lần.
2	Phát huy điểm mạnh	Kết hợp với các DN, Ngân hàng, để bồi dưỡng cho GV cũng như kết hợp với DN để tăng kiến thức thực tế cho NH.	Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá:

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 3.2

Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả hiện trạng

Tất cả các HP trong CTDH ngành TCNH [H1.01.01.01] [H1.01.01.02], đều có mục tiêu và nội dung rõ ràng, tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. Đóng góp của từng HP cho việc đạt được các CĐR của CTDH được thể hiện rõ ràng trong nội dung CTDH [H1.01.01.01] [H1.01.01.02]. Mỗi HP được thiết kế để có thể đáp ứng một hoặc nhiều CĐR tương ứng với các mức độ I, R và M [H2.02.03.04]. Cụ thể như: Nhóm HP Triết học Mác-Lê Nin, Kinh tế chính trị Mác- Lê-nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng cộng sản, Pháp luật đại cương, Tư duy phản biện, Ngôn ngữ học thuật, Đường lối QP & AN của ĐCSVN của khối kiến thức GDTQ đáp ứng được các kiến thức cơ bản về lí luận chính trị, quân sự, pháp luật, phương pháp rèn luyện sức khỏe. Nhóm HP Toán, Tin học đại cương B, Ngoại ngữ đáp ứng kiến thức cơ bản về nền tảng khoa học tự nhiên và đạt năng lực về tin học, ngoại ngữ. Nhóm các học phần Tài chính tiền tệ, thị trường chứng khoán cung cấp các vấn đề lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng và ngân hàng, chứng khoán. Nhóm các học phần Quản trị tài chính 1,2 được thiết kế trong CTDH đáp ứng CĐR về ra được các quyết định của quản trị tài chính DN, đo lường được tỷ suất sinh lời và đánh giá rủi ro trong từng khoản đầu tư chứng khoán, phân tích và ra được quyết định lựa chọn các loại chứng khoán, dự án đầu tư, xác định được cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, đánh giá được quyết định tài chính của DN trong từng giai đoạn phát triển của DN; HP ngân hàng thương mại cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về ngân hàng thương mại; đồng thời trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại như nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ cho vay vốn và các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt hiện nay; các học phần khác trong chương trình đào tạo ngành TCNH như Đầu tư tài chính, Quản trị rủi ro tài chính, Thẩm định tín dụng, Quản trị ngân hàng, Thanh toán quốc tế,... được thiết kế trong CTDH vừa đáp ứng CĐR kiến thức về ra quyết định đầu tư, quản trị rủi ro tài chính cũng như am hiểu và thực hiện được các nghiệp vụ chuyên sâu các hoạt động trong lĩnh vực TCNH; bên cạnh các học phần còn

giúp sinh viên có khả năng hoạch định các chính sách tài chính ngân hàng vừa đáp ứng CĐR về kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu, xử lý được các tình huống phát sinh trong thực tế; Cuối quy trình đào tạo, NH tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, thông qua đợt thực tập tại các đơn vị để sinh viên củng cố vững chắc thêm về mặt lý luận lẫn thực tiễn công tác quản trị tài chính từ khâu vận hành triển khai các hoạt động tài chính đến khâu ra quyết định và kiểm soát hoạt động tài chính tại các đơn vị kinh doanh nói chung và tại các đơn vị trung gian tài chính nói riêng như Ngân hàng thương mại, công ty Bảo hiểm, công ty Chứng khoán... thông qua Khóa luận/Chuyên đề tốt nghiệp, do vậy các HP Khóa luận/Chuyên đề tốt nghiệp được thiết kế trong CTDH phù hợp với việc đạt CĐR [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

Bảng 3.2. Tổng hợp sự đóng góp của học phần đáp ứng CĐR

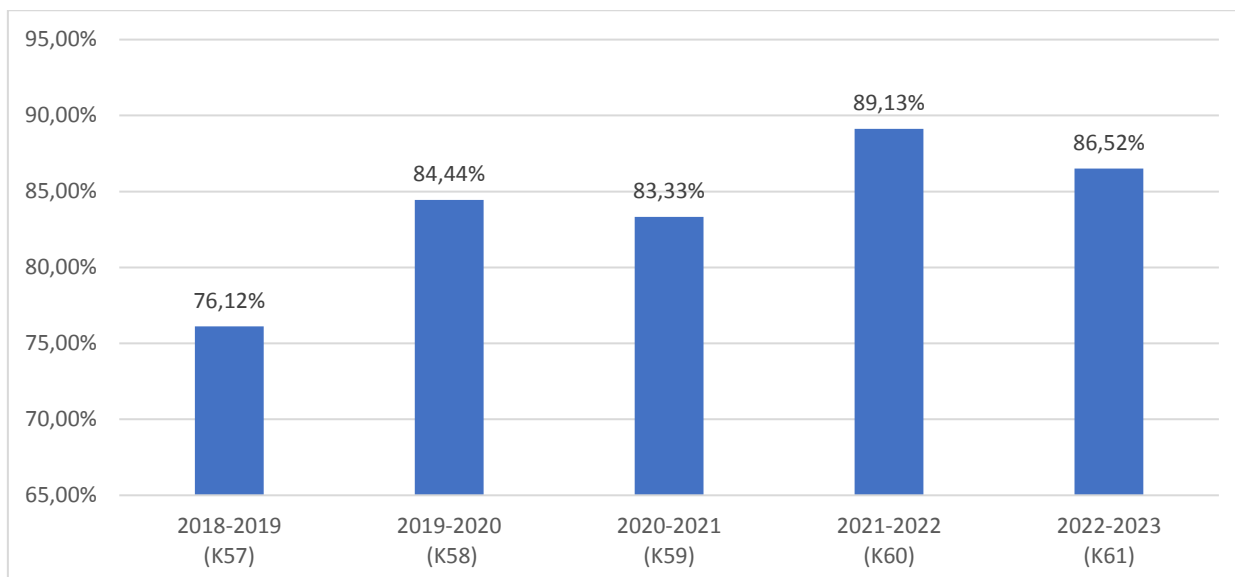
Khối kiến thức	Số TC	Mức tương thích với CĐR (PLOs)								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
Giáo dục tổng quát	48	8M	8I +2R +2M	5M	1I	1R			1R	2I +1R
1. Xã hội, nhân văn và nghệ thuật	20	6M	6I +2R	2M	1I	1R			1R	2I +1R
2. Toán, Tin học, Tự nhiên, Công nghệ và môi trường	9		2M	1M						
3. Ngoại ngữ	8		2I	2M						
Thế chất và QP-AN	11	2M								
Giáo dục chuyên nghiệp	89	1I	2I		2I +4M +6R	4I +7R +16M	21R +4M	3I +16R +9M	1I +7R +2M	7I +15R +1M
Kiến thức cơ sở ngành	29	1I	2I		2I +3M +5R	4I +5R	6R +1M	3I +6R	1I, +1R +1M	7I +1R
Kiến thức ngành (kể cả tốt nghiệp)	60				1M +1R	2R +16M	15R +3M	10R +9M	6R +1M	14R +1M

Khối kiến thức	Số	Mức tương thích với CĐR (PLOs)								
	TC	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng cộng	137	1I + 8M	10I +2R +2M	5M	3I +6R +4M	4I +8R +16M	21R +4M	3I +16R +9M	1I +8R +2M	9I +16R +1M

(Nguồn: Tự tổng hợp)

Các HP trong CTDH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học cụ thể như: Phương pháp thuyết giảng, thảo luận, bài tập nhóm và thực hành (TH)... được thiết kế trong ĐCHP và ĐCCTHP nhằm giúp NH đạt được CĐR của CTĐT. Các HP trong CTDH đều có thiết kế các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp, nhằm đánh giá NH về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, cụ thể như: đánh giá quá trình, thi giữa kỳ và thi cuối kỳ với các công cụ đánh giá như: Tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm kết hợp với tự luận, bài thực hành trên máy, bài tập lớn... Các phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp được thiết kế trong các HP nhằm đánh giá NH trong việc đạt được CĐR trong CTĐT [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H2.02.02.01]. Sự liên kết giữa các HP và CĐR CTĐT được thể hiện rõ ràng ở ma trận thể hiện sự đóng góp của HP để đạt được CĐR [H3.03.01.01].

Kết quả khảo sát SV năm cuối ở Hình 3.2 cho thấy: có hơn 70% SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý về sự đáp ứng của từng HP đối với CĐR trong CTĐT, tỷ lệ này được cải thiện qua các khóa học, đặc biệt với SV năm cuối của khóa 60 (năm học 2021 – 2022) tỷ lệ này trên 89% [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Ngoài ra, kết quả khảo sát các BLQ thể hiện trên 50% ý kiến đồng ý nhóm các HP GDTQ tham gia vào việc hỗ trợ NH đạt được mức tự chủ và trách nhiệm, trên 70% NH đồng ý về nhóm HP chuyên ngành hỗ trợ đạt được kiến thức và trên 75% đồng ý nhóm HP này hỗ trợ NH đạt được kỹ năng nghề nghiệp [H3.03.01.02].



(Nguồn: Phòng ĐBCL và KT trường ĐHNT, từ năm 2018-2023)

Hình 3.2. Kết quả khảo sát các SV năm cuối về sự đáp ứng của từng học phần đối với CDR của CTĐT

Trên cơ sở ý kiến của các BLQ về sự đóng góp của từng HP để đạt được CDR trong CTĐT được ban hành theo quyết định 1177/QĐ-ĐHNT ở năm 2016, BCN CTĐT ngành TCNH đã tiến hành cập nhật lại CTĐT ở năm 2021 và mức đóng góp của từng HP vào việc giúp NH đạt được CDR của CTĐT được xác định rõ ràng [H1.01.01.02]. Tuy nhiên, một số ít HP sự đóng góp của HP trong việc giúp NH đạt được CDR của CTĐT chỉ dừng lại ở mức R và I.

2. Điểm mạnh

Tất cả các HP trong CTDH ngành TCNH đều xác định được mức đóng góp rõ ràng vào việc giúp NH đạt được CDR của CTĐT tương ứng các với các mức độ I, R và M.

3. Điểm tồn tại

Sự đóng góp của một số ít HP trong việc giúp NH đạt được CDR của CTĐT chỉ dừng lại ở mức R và I.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn	Cập nhật /xây dựng ĐCHP của tất cả các HP trong CTĐT được ban hành ở năm 2021,	-Khoa KTTC -BCN CTĐT	Hoàn thành ở Năm học 2024 – 2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	tại:	những HP mới đáp ứng CDR ở mức I, R, sẽ được BCN CTĐT rà soát và bổ sung một số chủ đề trong CTDH của HP để sự đóng góp của HP đối với việc đạt được CDR của CTĐT nâng lên mức R, M.		
2	Phát huy điểm mạnh:	Tiếp tục rà soát, đánh giá mức đóng góp của các HP trong CTDH ngành TCNH để có những điều chỉnh phù hợp	-Khoa KTTC -BCN CTĐT	Định kỳ 2 năm/1 lần

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 3.3

Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

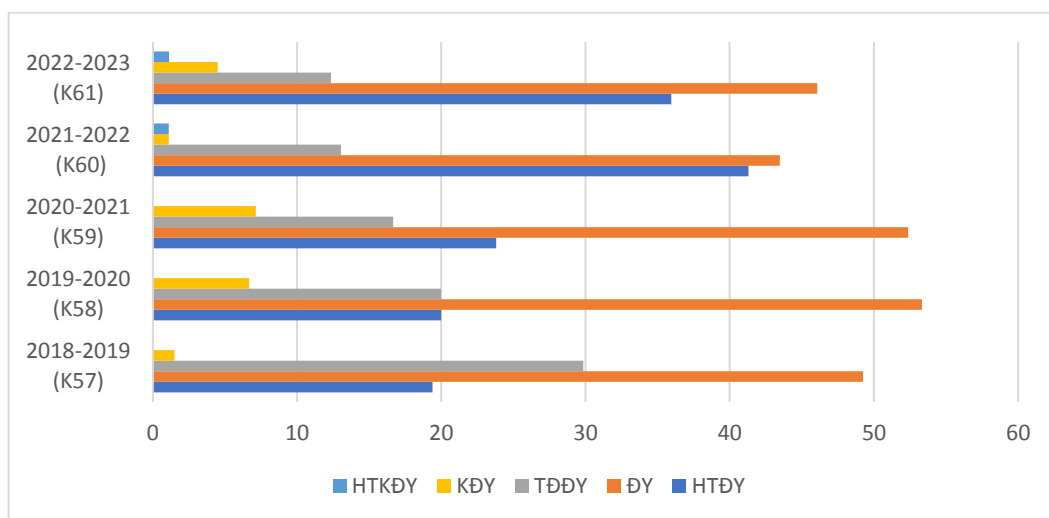
1. Mô tả hiện trạng

CTDH ngành TCNH năm 2021 có tổng 137 tín chỉ [**H1.01.01.02**], 100% các HP trong CTDH được bố trí hợp lý, cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và trình tự tiếp cận các khối kiến thức xã hội nhân văn và nghệ thuật, khối kiến thức Toán, tin học, tự nhiên, công nghệ và môi trường, ngoại ngữ, Thể chất và Quốc phòng –An ninh, cơ sở ngành, chuyên ngành và bổ trợ ngành, bảo đảm chương trình có khối kiến thức thống nhất trong 4 năm học tương đương với 8 HK [**H2.02.03.04**]. Hai học kỳ đầu, để giúp NH nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các HP bao gồm Triết học Mác- Lê Nin, Kinh tế chính trị Mác- Lê-nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng cộng sản, Pháp luật đại cương và Nhập môn hành chính nhà nước được đưa vào CTDH. Ngoài ra, trong học kỳ đầu tiên còn bổ sung thêm HP Nhập môn ngành Tài chính ngân hàng (theo CTĐT ban hành năm 2021) nhằm giúp NH có sự hiểu biết ban đầu về ngành nghề TCNH; Bên cạnh đó, nhận định về các kỹ năng mềm, đạo đức nghề nghiệp, cũng như tư duy phân tích, nhận định là rất cần thiết cho NH và do đó

các HP có thể đáp ứng được các tiêu chí này đã được thiết kế dạy học tập trung trong hai kỳ đầu bao gồm HP Tư duy phản biện, Ngôn ngữ học thuật, Tâm lý học đại cương, Kỹ thuật soạn thảo văn bản và HP Khởi nghiệp đổi mới và sáng tạo.

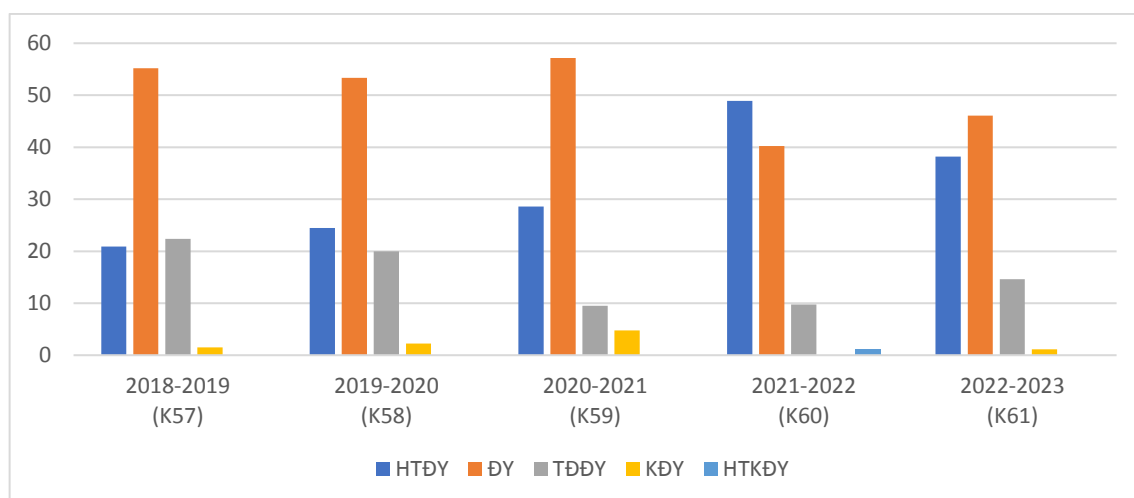
Bên cạnh đó, để giúp NH có thể nhận diện các yếu tố của môi trường kinh doanh, hiểu biết được những kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính – ngân hàng - kiến thức nền tảng của nghề nghiệp TCNH, trong 2 học kỳ tiếp theo, các HP Tài chính tiền tệ, Tài chính DN, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Thuế, Toán tài chính được thiết kế nhằm giúp NH có thêm kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng cho việc học các HP chuyên ngành. Các học kỳ tiếp theo, CTDH thiết kế các HP chuyên ngành và học kỳ cuối NH thực hiện thực tập tại các đơn vị và viết khóa luận tốt nghiệp trong 15 tuần. Những SV không đủ điều kiện thực hiện khóa luận, học kỳ cuối thiết kế 8 tuần đầu cho phép NH học các HP thay thế và 8 tuần cuối của học kỳ thực hiện việc thực tập tại các đơn vị và viết chuyên đề tốt nghiệp; với CTDH năm 2021, những SV thực hiện chuyên đề sẽ thực hiện 2 chuyên đề: Chuyên đề về lĩnh vực Tài chính / thuế và Chuyên đề về lĩnh vực ngân hàng / bảo hiểm.

CTDH ngành TCNH có cấu trúc, trình tự logic, điều này thể hiện ở kết quả khảo sát các BLQ về sự phù hợp của CTDH [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. Kết quả khảo sát SV năm cuối ở Hình 3.3 cho thấy, phần lớn NH đều đồng ý và hoàn toàn đồng ý về sự hợp lý của tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong CTDH; kết quả này có sự cải thiện qua các khóa học [H3.03.03.01].



(Nguồn: Phòng ĐBCL và KT trường ĐHNT, từ năm 2018-2023)

Hình 3.3. Kết quả khảo sát về sự hợp lý của tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành trong CTDH



(Nguồn: Phòng ĐBCL và KT trường ĐHNT, từ năm 2018-2023)

Hình 3.4. Kết quả khảo sát về tính mềm dẻo, tạo nhiều thuận lợi cho SV khi đăng ký học của CTĐT

CTĐT mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV khi đăng ký học được thể hiện qua kết quả khảo sát SV năm cuối ở Hình 3.4. Ở tất cả các năm khảo sát cho thấy có trên 80% SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý về CTĐT mềm dẻo, tạo nhiều thuận lợi cho SV khi đăng ký [H1.01.03.01], [H1.01.03.02].

BCN CTĐT triển khai rà soát, cập nhật nội dung của CTDH. Cụ thể, tất cả các HP đều được rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi về mặt pháp luật và thực tiễn trong hoạt động kinh doanh lĩnh vực TCNH. Khoa đã tiến hành cập nhật CTDH và ĐCCTHP theo quy định (Xem Bảng 3.1.). Năm 2019, CTDH được bổ sung HP Nhập môn ngành TCNH [H2.02.01.06], [H2.02.01.08], [H2.02.01.09], nhằm giúp NH mới tuyển vào Trường hiểu được ngành nghề theo học, cấu trúc CTĐT; các nội dung của CTDH được cập nhật và có sự khác biệt với CTDH ở năm 2016, 2019 và 2021 thể hiện ở Bảng 3.3.

Bảng 3.3. Những khác biệt giữa CTDH ở năm 2021 và CTDH ở năm 2016

CTĐT ban hành theo QĐ 1177/QĐ-ĐHNT, ngày 30 tháng 12 năm 2016			CTĐT được cập nhật theo TB 456/TB-ĐHNT ngày 28 tháng 07 năm 2019			CTĐT ban hành theo QĐ 1198/ QĐ-ĐHNT, ngày 11 tháng 11 năm 2021		
I. Kiến thức GDTQ		BB	TC			BB	TC	
Giống nhau về nội dung HP. Một số HP được thay thế và loại bỏ.								
1	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 1	x		Không	Triết học Mác - Lênin	x		
2	Những NL cơ bản của CN Mác – Lênin 2	x		Không	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		
3	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	x		Không	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x		
4	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	x		Không	Không			
5	Nhập môn quản trị học	x		Không	Không			
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định		x	Không	Không			
7	Logic học đại cương			Không	Không			
8	Lịch sử văn minh thế giới			Không	Không			

CTĐT ban hành theo QĐ 1177/QĐ-ĐHNT, ngày 30 tháng 12 năm 2016				CTĐT được cập nhật theo TB 456/TB-ĐHNT ngày 28 tháng 07 năm 2019	CTĐT ban hành theo QĐ 1198/ QĐ-ĐHNT, ngày 11 tháng 11 năm 2021		
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam			Không	Không		
10	Không			Không	Tư duy phản biện	x	
11	Không			Không	Ngôn ngữ học thuật	x	
12	Không			Không	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo		x
13	Võ thuật		x	Không	Taekwondo		x
14	Không			Không	Aerobic		x
15	Giải tích	x		Không	Không		
16	Đại số tuyến tính	x		Không	Không		
17	Không			Không	Toán 1		
18	Con người và môi trường		x	Không	Không		
19	Biến đổi khí hậu		x	Không	Không		
II. Kiến thức cơ sở ngành							
Giống nhau về nội dung HP. Một số HP được thay thế và loại bỏ.							
1	Không			Nhập môn ngành TCNH	Nhập môn ngành TCNH	x	
2	Nguyên lý thống kê kinh tế	x		Không	Không		
3	Marketing căn bản		x	Không	Không		

CTĐT ban hành theo QĐ 1177/QĐ-ĐHNT, ngày 30 tháng 12 năm 2016				CTĐT được cập nhật theo TB 456/TB-ĐHNT ngày 28 tháng 07 năm 2019	CTĐT ban hành theo QĐ 1198/ QĐ-ĐHNT, ngày 11 tháng 11 năm 2021		
4	Không			Không	Luật ngân hàng	x	
5	Không			Không	Tiếng Anh chuyên ngành	x	
6	Không			Không	Ngân hàng số		x
7	Không			Không	Đàm phán trong kinh doanh		x
III. Kiến thức chuyên ngành							
Giống nhau về nội dung HP. Một số HP được thay thế và loại bỏ.							
	Không			Không	Tài chính cá nhân		x
	Không			Không	Quản trị nguồn nhân lực		x
	Không			Không	Công nghệ blockchain		x
IV. Tốt nghiệp							
Khóa luận TN	Giống nhau						
CD TN	Sinh viên thực hiện chuyên đề TN và học 5TC trong các học phần sau			Đổi tên HP Thực tập nghề nghiệp thành Chuyên đề TN	Sinh viên thực hiện 2 chuyên đề tốt nghiệp		

CTĐT ban hành theo QĐ 1177/QĐ-ĐHNT, ngày 30 tháng 12 năm 2016				CTĐT được cập nhật theo TB 456/TB-ĐHNT ngày 28 tháng 07 năm 2019	CTĐT ban hành theo QĐ 1198/ QĐ-ĐHNT, ngày 11 tháng 11 năm 2021
1	Mô hình tài chính (3TC)			Không	
2	Tài chính công ty đa quốc gia (2TC)			Không	
3	Tài chính hành vi (2TC)			Không	

(Nguồn: Tự tổng hợp)

CTDH có sự tích hợp giữa giảng dạy lý thuyết và thực hành giải bài tập để xử lý công việc của nghề nghiệp TCNH, cũng như thực hành trên máy tính và thực tập tại DN. Khi thiết kế CTDH và các HP, BCN CTĐT có sự đối sánh với CTĐT ngành Tài chính của trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và trường Đại học New South Wales, Úc [H1.01.03.03]. CTDH cập nhật ở năm 2021 có sự điều chỉnh, cập nhật một số học phần như học phần Luật ngân hàng, Tiếng Anh chuyên ngành, Ngân hàng số, Tài chính cá nhân, Công nghệ Blockchain cho phù hợp với xu hướng đào tạo cũng như thực tế yêu cầu của nghề nghiệp tài chính ngân hàng hiện nay. Tuy nhiên sự tích hợp giữa việc giảng dạy lý thuyết, thực hành trên máy, cũng như tiếp cận thực tế tại DN đối với từng HP chuyên ngành chưa cao.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành TCNH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung được cập nhật những học phần mới phù hợp hơn với xu hướng đào tạo và yêu cầu thực tế hiện nay của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Sự tích hợp giữa kiến thức giảng dạy lý thuyết, thực hành thực tập cũng như giải quyết các tình huống thực tế tại DN ở từng HP của một số HP chuyên ngành chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại:	Thực hiện xây dựng/cập nhật lại ĐCHP và tích hợp các nội dung giảng dạy lý thuyết và thực hành trên lớp với nội dung tiếp cận thực tiễn tại DN ở nhiều ĐCHP chuyên ngành TCNH.	-BCN CTĐT -GV - BM	Năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh:	Các HP trong CTDH ngành Tài chính ngân hàng sẽ liên tục được Khoa KTTC, BCN chương trình cập nhật theo định kỳ và sẽ tích hợp một số HP cho phù hợp với nghề nghiệp trong thời đại 4.0	Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Kết luận tiêu chuẩn 3

CTDH ngành TCNH được thiết kế rõ ràng dựa trên CĐR và được lấy ý kiến từ các BLQ, có sự tham khảo và đối sánh với CTĐT của một số trường đại học uy tín trong và ngoài nước. Sự đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR được xác định rõ ràng tương ứng các mức I, R và M. NH và các BLQ có thể kiểm tra dễ dàng việc đáp ứng CĐR của từng HP. CTDH thể hiện cấu trúc, trình tự logic, có sự tích hợp một số HP trong chương trình đào tạo ngành TCNH và nội dung CTDH được cập nhật định kỳ. Tuy nhiên, CTDH cũng có một số điểm tồn tại như: Việc thu thập thông tin từ các BLQ về sự phù hợp của CTDH và CĐR chưa được đa dạng. Bên cạnh đó sự tích hợp giữa kiến thức giảng dạy lý thuyết, thực hành bài tập, tình huống, nghiệp vụ trên lớp với thực tế tại DN ở từng HP của một số HP chuyên ngành chưa cao. Những hạn chế này sẽ tiếp tục được Khoa KTTC khắc phục và điều chỉnh trong thời gian tới.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong quá trình giảng dạy và học đóng vai trò cực kỳ quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của quá trình đào tạo. Việc áp dụng các phương pháp dạy và học phù hợp không chỉ là nền tảng quan trọng để trường ĐHNT đạt được mục tiêu giáo dục và các chỉ tiêu chất lượng giáo dục mà còn giúp học viên phát triển toàn diện. Dựa trên triết lý và mục tiêu giáo dục của trường ĐHNT, Khoa KTTC đã xác định rõ mục tiêu đào tạo của ngành TCNH. Từ những mục tiêu này, Khoa KTTC đã phát triển chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến và hiện đại, điều này đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế. Các hoạt động dạy và học được thiết kế một cách đa dạng và linh hoạt, nhằm tối đa hóa khả năng chuyên môn, sáng tạo, và trách nhiệm của NH. Bên cạnh đó, Khoa KTTC cũng tổ chức các chương trình đào tạo ngắn hạn (Corebanking, khai báo thuế...) và các hoạt động hỗ trợ phù hợp để hỗ trợ NH phát triển ý thức học tập chủ động, tích cực, cũng như khả năng tự học và tự nghiên cứu, nhằm nâng cao khả năng học tập suốt đời của họ.

Tiêu chí 4.1

Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Tiếp nối việc công bố Sứ mạng – Tầm nhìn – Phương châm – Giá trị cốt lõi của Trường ĐHNT được cập nhật và ban hành theo Quyết định số 185//QĐ-ĐHNT ngày 21/02/2017 [H1.01.01.05], Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục cũng đã được Nhà trường công bố rõ ràng trong Quyết định số 840/QĐ-ĐHNT, ngày 25/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT [H4.04.01.01]; với nội dung triết lý “*Chú trọng phát triển tính chuyên nghiệp, khả năng sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong môi trường giáo dục hội nhập, gắn kết với thực tiễn nghề nghiệp và cộng đồng*”

Đi cùng với triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Trường ĐHNT được Nhà trường công bố rõ ràng trong Quyết định QĐ 840, cụ thể: *Hoạt động giáo dục và đào tạo tại trường Đại học Nha Trang nhằm phát triển ở NH: “Bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ và sức khỏe; kiến thức nền tảng và chuyên sâu về nghề nghiệp; kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn phù hợp với nghề nghiệp; khả năng nghiên cứu và*

ứng dụng Khoa học - công nghệ; tinh thần lập nghiệp, khả năng tự học, sáng tạo và thích ứng với môi trường hoạt động nghề nghiệp” .

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường được BCN CTĐT ngành TCNH cụ thể trong mục tiêu đào tạo ngành TCNH được cập nhật ở năm 2021; có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này. Có khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình hoạt động TCNH; Có kỹ năng nghề nghiệp để hội nhập và tham gia các hoạt động trong lĩnh vực TCNH; Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu liên quan đến tài chính ngân hàng để phân tích tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các định chế tài chính; Thích ứng với sự thay đổi và phát triển không ngừng của môi trường kinh doanh chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng **[H1.01.01.02]**. Trên cơ sở triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường, được BCN CTĐT cụ thể hóa vào các mục tiêu của CTĐT ngành TCNH, cũng như phổ biến đến GV và NH; qua đó giúp GV của Khoa hiểu rõ và cụ thể hóa vào các mục tiêu của từng HP trong CTĐT và được thể hiện rõ trong các ĐCHP của CTĐT ngành TCNH **[H1.01.01.02]**.

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường ĐHNT được phổ biến sâu rộng đến các bên liên quan thông qua cổng thông tin điện tử của trường **[H4.04.01.02]**. Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường **[H4.04.01.01]** được Khoa KTTC phổ biến đến toàn thể GV trong Khoa thông qua buổi họp định kỳ hằng tháng của Khoa **[H4.04.01.03]** và phổ biến đến toàn thể SV của Khoa thông qua buổi chào cờ SV của Khoa ở đầu năm học kể từ năm học 2019 – 2020 **[H4.04.01.04]**. Đối với SV từ khóa 62 trở đi, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường được phổ biến đến NH ở tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học **[H4.04.01.05]**. SV khóa mới cũng được tiếp cận triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường qua HP nhập môn ngành TCNH **[H2.02.01.09]**. Ngoài ra, quyết định ban hành về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Hiệu trưởng Trường ĐHNT cũng được chuyển đến cho GV và NH qua địa chỉ email của GV và SV của Khoa **[H4.04.01.03]**. Qua đó giúp GV và SV của Khoa nắm bắt kịp thời thông tin về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường được công bố.

Khoa KTTC đã phổ biến triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường đến các BLQ, nhất là NH, qua đó góp phần đưa thông tin triết lý giáo dục và mục tiêu giáo

dục của trường đến với nhiều đối tượng quan tâm. Tuy nhiên, một số BLQ ngoài trường như một số các doanh nghiệp chưa được Khoa KTTC triển khai quảng bá triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường một cách rộng rãi. Đồng thời một bộ phận sinh viên vẫn chưa thực sự hiểu sâu sắc triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường đã được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi tới NH, GV và cộng đồng xã hội.

3. Điểm tồn tại

Kế hoạch quản bá triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường chưa được Khoa triển khai rộng rãi đến một số các doanh nghiệp bên ngoài. Ngoài ra một bộ phận sinh viên vẫn chưa thực sự hiểu sâu sắc triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường đã triển khai quảng bá.

4. Kế hoạch hành động.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Đẩy mạnh hoạt động quảng bá triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường đến các BLQ ngoài trường, cụ thể: Các doanh nghiệp, CSV, các tổ chức bên ngoài và đặc biệt các trường THPT.	Khoa KTTC	Thực hiện hàng năm, từ HK 1 năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc phổ biến rộng rãi tới NH, GV và cộng đồng xã hội với nhiều phương thức khác nhau.	- Phòng ĐTDH - Khoa KTTC	Thực hiện hàng năm, từ HK 1 năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 4.2

Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động dạy và học của GV thực hiện CTĐT Ngành TCNH được thiết kế đa dạng thông qua các ĐCHP/ĐCCTHP [H2.02.02.01], [H2.02.02.02] giúp NH đạt được

CĐR của mỗi HP, đồng thời góp phần đạt CĐR của CTĐT [H1.01.01.01], [H1.01.01.02]. Bên cạnh đó, quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được Trường ban hành quyết định số 197/QĐ-ĐHNT vào ngày 28/12/2013, QĐ 623/QĐ_ĐHNT ngày 5/9/2017 và QĐ 753/ĐHNT ngày 13/8/2021 cũng góp phần giúp NH phát huy tính chủ động, sáng tạo và quyết định lộ trình học tập phù hợp với khả năng và nhu cầu của bản thân trong quá trình đào tạo [H4.04.02.01].

Mỗi HP trong CTĐT được thiết kế PPGD đa dạng, phù hợp với hình thức đào tạo TC và yêu cầu của từng HP, điều này được thể hiện rõ trong ĐCCTHP [H1.01.01.02], [H1.01.01.02], [H2.02.02.03], [H2.02.02.01]. BM Tài chính – Ngân hàng đã phân công GV xây dựng đề cương các HP để GV chủ động lựa chọn PPGD phù hợp với học phần, viết và hoàn thiện ĐCHP [H2.02.01.05]. Sau đó, BM tiến hành đánh giá, thảo luận ĐCHP, đề cương các HP được nghiệm thu đã hoàn thiện, chi tiết hơn và thể hiện đầy đủ PPGD [H2.02.01.06]. Đối với các HP thuộc khối kiến thức GDTQ, hoạt động dạy và học của mỗi HP được thiết kế bởi các BM quản lý HP đại cương khác nhau, dưới sự quản lý của Hội đồng GDTQ của Nhà trường và Phòng ĐTDH nhằm đảm bảo đạt được CĐR [H4.04.02.02]. Đối với các HP thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành (cơ sở ngành và chuyên ngành), tổ hợp các PPGD của mỗi HP được thống nhất bởi các tổ chuyên môn và được ghi rõ trong các ĐCCTHP, được BM Tài chính – Ngân hàng và Khoa phê duyệt trước khi công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của BM và hệ thống NTU E-learning.

Đối với hoạt động giảng dạy, GV đã áp dụng nhiều PPGD tích cực, đa dạng, phù hợp với hình thức đào tạo TC như: Các PPGD theo vấn đề, giải quyết tình huống, thảo luận, bài tập, báo cáo nhóm thường được áp dụng nhằm giúp người học đạt được các CĐR về đạo đức, nhân văn, kiến thức và các kỹ năng mềm. [HBS.04.02.01]. Bảng 4.1 trình bày các PPDH được áp dụng cho một số HP chuyên ngành nhằm đạt được CĐR số 5 trong CTĐT ngành TCNH

Bảng 4.1. Các phương pháp dạy học sử dụng trong các HP chuyên ngành nhằm đạt CĐR số 5 (PEO5) trong CTĐT ngành TCNH

CĐR số 5	Học phần	Phương pháp dạy - học
PEO5: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu để phục vụ cho việc ra các quyết định	Quản trị tài chính 1, 2	-Thuyết giảng kết hợp thảo luận, giải quyết vấn đề -Giảng dạy thông qua giải quyết tình huống, bài tập, thảo luận nhóm

CĐR số 5	Học phần	Phương pháp dạy - học
trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng	Lập và thẩm định dự án đầu tư	-Giảng dạy thông qua thảo luận -Nghiên cứu tình huống/ trường hợp -Dạy học thông qua dự án/đồ án
	Ngân hàng thương mại	-Thuyết giảng, bài tập tính toán, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, phương pháp sắm vai, thực hành
	Thanh toán quốc tế	-Thuyết giảng, thảo luận nhóm, bài tập thực hành, thuyết trình
	Thẩm định tín dụng	-Thuyết giảng kết hợp thảo luận -Nghiên cứu tình huống -Dạy học thông qua dự án/đồ án - Phương pháp sắm vai
	Thị trường chứng khoán	-Thuyết giảng, thảo luận -Thực hành thực tế, tham quan DN -Nghiên cứu tình huống/ trường hợp -Bài tập nhóm
	Thuế	-Thuyết giảng, thảo luận -Nghiên cứu tình huống -Thực hành
	Tiếng Anh chuyên ngành	-Thảo luận, sắm vai -Tổ chức học tập theo nhóm và seminar
	Phân tích tài chính	-Thuyết giảng, -Tổ chức học tập theo nhóm -Nghiên cứu tình huống
	Đầu tư tài chính	-Thuyết giảng, thảo luận -Tổ chức học tập theo nhóm -Nghiên cứu tình huống
	Quản trị rủi ro tài chính	-Thuyết giảng, thảo luận -Tổ chức học tập theo nhóm và seminar -Nghiên cứu tình huống

Các PPGD của GV được xây dựng đa dạng hiệu quả trong từng HP theo hướng lấy NH làm trung tâm, hướng dẫn NH sử dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập chủ động nhằm đạt CĐR [H4.04.02.03]. Cụ thể, mỗi HP trong CTĐT đều ghi rõ số giờ tín chỉ lý thuyết, thực hành và tự học trong ĐCCTHP mới được Nhà trường điều chỉnh

theo quyết định số 796/QĐ-ĐHNT [**H4.04.02.04**]. Các hoạt động học tập của NH được xác định rõ trong các ĐCCTHP [**H2.02.02.02**] và được GV hướng dẫn NH trong buổi học đầu tiên của mỗi HP giúp NH có sự chuẩn bị và chủ động tiếp thu kiến thức nhằm đạt được CDR của HP. Khoa, Bộ môn và GV luôn luôn nhận được sự hỗ trợ của Nhà trường về đổi mới phương pháp giảng dạy, thông qua các buổi tập huấn, hội nghị, hội thảo về đổi mới PPGD để các GV chia sẻ kinh nghiệm [**H4.04.02.07**] [**H4.04.02.08**], [**H2.02.01.04**].

Nắm bắt được những thuận lợi và xu hướng của công nghệ số trong tình hình hiện tại và tương lai, hệ thống dạy học và đánh giá trực tuyến đã được Trường chuẩn bị và triển khai tích cực [**H4.04.02.05**]. Với hình thức học trực tuyến NH có thể tham gia học mọi lúc mọi nơi có thể ở văn phòng, ở nhà hoặc bất kỳ địa điểm nào có kết nối internet, NH có thể tiếp cận tài liệu học tập một cách dễ dàng, có thể tham gia trao đổi trực tiếp với giáo viên trong buổi học thông qua ứng dụng zoom hoặc google meet, hoặc inbox trao đổi trong hệ thống Elearning. NH cũng có thể xem lại nội dung của buổi học nhờ ứng dụng ghi âm giúp NH nắm bắt bài học tốt hơn, dễ dàng tiếp cận được chuẩn đầu ra của học phần. Thông qua mô hình dạy học E-Learning, GV có thể chuẩn bị sẵn kho học liệu để sử dụng cho nhiều lớp cùng lúc, đồng thời dễ dàng trong việc chuẩn bị đề thi và chấm điểm và thông báo kết quả trên hệ thống. Nhà trường cũng ban hành nhiều chính sách khuyến khích GV đăng ký tham gia và triển khai các hoạt động giảng dạy qua hệ thống trực tuyến [**H4.04.02.06**].

Ngoài hoạt động của Nhà trường, mỗi BM của Khoa KTTC đều thường xuyên tổ chức SHHT về các chủ đề liên quan hoạt động giảng dạy, nội dung HP mới, áp dụng cách đánh giá phù hợp cho các HP của BM quản lý. Khoa KTTC tổ chức các SHHT và hội thảo khoa học cấp Khoa để các GV trao đổi và học hỏi kinh nghiệm giảng dạy và nâng cao kiến thức chuyên môn. Việc giao lưu học thuật, NCKH của Khoa KTTC ngày càng đạt được kết quả tích cực thể hiện qua việc gia tăng số lượng các bài báo đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế và các báo cáo tham gia Hội thảo các cấp [**H4.04.02.07**].

Thông qua các ĐCCTHP và hệ thống NTU E-learning, SV được hướng dẫn cách học trên lớp và tự học [**H2.02.02.01**]. Người học cũng được tư vấn và hỗ trợ thông qua đội ngũ CVHT, các chương trình tư vấn, gặp gỡ dành cho SV yếu kém do Trường tổ chức [**H4.04.02.08**].

Nhà trường cũng đã ban hành sổ tay SV với các hướng dẫn chi tiết và các quy định về việc quản lý hoạt động học tập của SV (như quy định về việc công bố các kế hoạch đào tạo, kế hoạch năm học, đăng ký HP, công bố ĐCHP, ĐCCTHP, thời khóa biểu,...) [H4.04.02.09]. Kế hoạch đào tạo được công bố ngay từ đầu năm học, TKB được công bố ngay 3 tuần trước học kỳ mới giúp người học có thể tự xây dựng kế hoạch học tập, chủ động đăng ký HP mới [H4.04.02.10], [H4.04.02.01]. Các SV cũng có thể chia sẻ các phương pháp học tại các hội nghị học tốt SV hàng năm hoặc các buổi chào cờ SV do Khoa tổ chức [H4.04.02.11].

Bảng 4.2. Kết quả khảo sát SV về hoạt động dạy và học của GV bộ môn TCNH giai đoạn 2019-2023

STT	Năm học	Số lượng GVBM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	XẾP LOẠI							
			Xuất sắc	Tỷ lệ	Tốt	Tỷ lệ	Khá	Tỷ lệ	Trung bình	Tỷ lệ
1	2018 - 2019	11	0	0	6	55%	5	45%	0	0
2	2019 - 2020	13	0	0	12	92%	1	8%	0	0
3	2020 - 2021	11	0	0	10	91%	1	9%	0	0
4	2021 - 2022	13	1	8%	11	85%	1	8%	0	0
5	2022 - 2023	12	0	0	11	92%	1	8%	0	0

Bên cạnh đó, Khoa KTTC thiết kế nhiều hoạt động ngoài khóa cho SV. Mỗi khóa học, SV được tham gia nhiều hoạt động ngoài khóa như: Tham quan thực tế, kiến tập tại các DN, ngân hàng. Ngay từ khi mới vào trường NH năm 1 đã được làm quen với HP Nhập môn ngành TCNH, trong đó có nội dung được tham quan trải nghiệm thực tế tại các DN, Ngân hàng, công ty chứng khoán, ... giúp NH hình dung được công việc của mình sau khi học xong chuyên ngành TCNH. Trong quá trình học các HP kiến thức chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, chứng khoán. .. NH được làm quen thực tập tại các đơn vị này thông qua các chương trình hợp tác, thực tập viên tiềm năng được ký kết giữa ĐHNT với các DN, Ngân hàng, công ty chứng khoán... [H4.04.02.12], [H4.04.02.13]. Các hoạt động này giúp SV có cơ hội được trải nghiệm thực tế và tích

lũy được đồng thời các kiến thức liên quan đến chuyên ngành tại các đơn vị cũng như phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cần thiết cho công việc của họ sau khi tốt nghiệp. Hàng năm, Khoa KTTC mời đại diện hội nghề nghiệp, chuyên gia về nói chuyện với SV của Khoa qua các buổi nói chuyện này giúp SV ngành Tài chính – Ngân hàng có thêm kiến thức về đổi mới sáng tạo trong nghề nghiệp, cũng như chuẩn bị hành trang cho nghề nghiệp trong điều kiện mới [H4.04.02.13].

Bảng 4.3. Mức độ đồng ý của SV năm cuối về hầu hết GV có phương pháp sư phạm tốt

Năm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Tương đối đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý (%)
2017-2018	25	50	21.43	3.57	0
2018-2019	28.36	49.25	22.39	0	0
2019-2020	35.56	48.89	11.11	2.22	2.22
2020-2021	33.33	54.76	9.52	2.38	0
2021-2022	44.57	41.3	11.96	1.09	1.09
2022-2023	41.57	44.94	10.11	2.25	1.12

(Nguồn: Trung tâm HTVL & KN Trường ĐHNT giai đoạn 2018 -2023)

Việc kiểm tra công tác giảng dạy của GV được thực hiện đồng thời thông qua ý kiến góp ý của toàn thể GV tại mỗi BM và ý kiến đánh giá của SV tham gia HP. Tại mỗi đơn vị, GV được tham gia dự giờ và nhận góp ý của từng GV tại BM công tác [H4.04.02.14]. Nhà trường còn định kỳ tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ NH trong từng học kỳ thông qua phiếu khảo sát về mức độ hài lòng của SV về môn học và cách tổ chức giảng dạy của GV với từng HP cụ thể [H4.04.02.15]. Công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của GV cũng được làm căn cứ để Khoa, Nhà trường đề xuất, xem xét danh hiệu thi đua [H4.04.02.16], GV tiêu biểu cho từng năm học [H4.04.02.17]. Tất cả các hoạt động trên nhằm giúp người học đạt được CDR về kiến thức, phát triển các kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm để có thể thích ứng với các điều kiện làm việc thay đổi, đồng thời hình thành trách nhiệm cá nhân đối với cộng đồng và xã hội. Vì vậy, kết quả khảo sát SV cuối mỗi học kỳ trong 5 năm gần đây cho

thấy 100% GV của Khoa được đánh giá hài lòng (xếp loại từ khá trở lên) với các PPGD được áp dụng trong các HP [H4.04.02.15]. Trung bình trên 80% SV cuối khoá đánh giá đội ngũ GV của ngành có PPGD từ tốt trở lên [H4.04.02.18].

Bảng trên cho thấy 100% GV của Bộ môn đều được sinh viên đánh giá rất cao về việc dạy và quản lý lớp học, tất cả GV đều được đánh giá từ mức độ Khá trở lên, đặc biệt có GV còn được đánh giá loại xuất sắc và được chọn là GV tiêu biểu cấp trường. Sinh viên hài lòng về các phương pháp giảng dạy mà GV sử dụng trong từng HP [H4.04.02.16].

Kết quả khảo sát sinh viên năm cuối cho thấy hầu hết sinh viên đều hoàn toàn đồng ý, đồng ý và tương đối đồng ý với nhận định GV chuyên ngành TCNH có phương pháp sư phạm tốt và tỷ lệ này được gia tăng đáng kể trong những năm gần đây.

Tuy nhiên, việc khơi gợi ý thức tự học, tự nghiên cứu của NH, cũng như tổ chức, hướng dẫn và giám sát các hoạt động tự học của NH chưa được triển khai một cách triệt để mà BM chỉ mới chú trọng đến thiết kế phương pháp dạy và học trên lớp.

2. Điểm mạnh

–Khoa, Bộ môn và GV khi tham gia giảng dạy các HP thuộc CTĐT ngành TCNH đã sử dụng kết hợp đa dạng các phương pháp giảng dạy giúp NH đạt được các CDR.

–Các hoạt động hỗ trợ NH qua hoạt động dạy và học trực tiếp tại trường; trực tuyến trên hệ thống NTU – E learning và thực tập ngoại khóa tại các ngân hàng, doanh nghiệp... rất phong phú giúp người học chủ động tiếp thu lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR.

–Các phương pháp dạy và học sử dụng trong CTĐT ngành TCNH được NH hài lòng và đánh giá cao.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có thiết kế các hoạt động tự học trong ĐCHP để NH tự học, nhưng GV chỉ mới chú trọng đến thiết kế phương pháp dạy và học trên lớp, chưa khơi gợi được điều kiện tự học, tự nghiên cứu của người học, cũng như tổ chức, hướng dẫn và giám sát các hoạt động tự học của NH chưa được triển khai một cách triệt để.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Cập nhật ĐCHP các HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trong đó chú trọng thiết kế những nội dung, bài tập để khuyến khích NH tự học. - Tăng cường giám sát hoạt động tự học của NH thông qua việc đánh giá sự chuẩn bị của NH trước khi đến lớp, cũng như những nội dung kiến thức được thiết kế để NH tự học, tự nghiên cứu.	-GV -BM TCNH -Khoa KTTC	Hàng năm từ HK 1 năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức các hội thảo tập huấn về PPGD và GV khoa KTTC năng động, tích cực tìm hiểu các PPGD phù hợp nhằm đạt CDR.	-GV -BM TCNH -Khoa KTTC	Hàng năm từ HK 1 năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 4.3

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả hiện trạng

“Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo và các kỹ năng mềm cần thiết khác để làm việc và tự học suốt đời” là một trong những CDR của CTĐT ngành TCNH, hướng đến rèn luyện thói quen suy nghĩ độc lập, tự giải quyết vấn đề và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp để tự tin hơn trên con đường lập nghiệp trong tương lai của NH.

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy NH rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời được thể hiện rõ ràng trong CTĐT ngành TCNH qua việc 100% ĐCCTHP mô tả rõ việc sử dụng các PP dạy và học phù hợp nhằm thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng mềm và kỹ năng thiết yếu, đồng thời 100% ĐCCTHP cũng mô tả rất chi tiết các hoạt động tự nghiên cứu, tự học của NH nhằm hướng đến việc tự nâng cao khả năng học

tập suốt đời của SV [H2.02.02.01], [H2.02.02.02]. Cụ thể trong ĐCCTHP của các HP trong CTĐT ...GV đều ghi rất rõ các phương pháp giảng dạy được sử dụng như thuyết giảng, đặt vấn đề, thảo luận nhóm, học qua nghiên cứu tình huống, tự học qua video clip, học qua phương pháp sắm vai...đồng thời GV cũng ghi rõ các hoạt động yêu cầu NH phải hoàn thành trước khi đến lớp cũng như các hoạt động hỗ trợ cho quá trình học trong từng chủ đề của HP: ví dụ như NH phải đọc bài, làm bài tập tổng hợp, tóm tắt, làm bài tập nhóm, giải quyết tình huống, phân tích công ty, đề xuất danh mục đầu tư, thuyết trình... . [H2.02.02.01], [H2.02.02.02]. Tất cả những yêu cầu này giúp cho NH phát triển được các kỹ năng mềm cũng như rèn luyện được kỹ năng tìm tòi, nghiên cứu, phân tích phát triển giúp người học say mê nghiên cứu phát huy khả năng sáng tạo, học tập suốt đời của mình.

Các hoạt động dạy và học của GV và NH ngành Tài chính – Ngân hàng được mô tả rõ ràng trong ĐCCTHP nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cho SV [H2.02.02.01], [H2.02.02.02]. 100% ĐCCTHP sử dụng nhiều phương pháp dạy - học khác nhau, phù hợp để thúc đẩy NH rèn luyện các kỹ năng thiết yếu của nghề nghiệp và kỹ năng mềm, chẳng hạn như phương pháp thuyết giảng kết hợp với thảo luận, giải bài tập, làm bài tập nhóm, thuyết trình, giải quyết tình huống, giảng dạy lý thuyết đan xen với thực hành ...giúp NH phát huy được khả năng tự học tự nghiên cứu, làm việc độc lập đồng thời phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình ở tất cả các HP trong CTĐT. Ngoài ra NH còn phát triển được các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng xử lý tình huống, phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng phục vụ cho việc ra quyết định khi học các HP chuyên ngành Quản trị tài chính, Đầu tư tài chính, Phân tích tài chính, Thuế, Ngân hàng thương mại, Thị trường chứng khoán.... Ngoài ra, CTĐT ngành TCNH còn bao gồm các HP ngoại ngữ, tin học, KLTN và CĐTĐ giúp NH rèn luyện phát triển các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học và có thể vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đã học để giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn.

ĐCCTHP các HP trong CTĐT được xây dựng nhấn mạnh hoạt động tự học của NH thông qua phần mô tả chi tiết các yêu cầu về sự chuẩn bị của NH trước khi đến lớp, các bài tập cá nhân, chuẩn bị báo cáo dưới sự hướng dẫn của GV, các chủ đề thảo luận nhóm được giao trước để các nhóm chuẩn bị [H2.02.02.02].

CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng cũng được thiết kế đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của NH thông qua việc NH có thể học cùng một lúc 2 ngành đào tạo (có thể

cùng hoặc khác khối ngành) và học lên các chương trình SDH tại Trường **[H4.04.03.01]**. Khoa cũng cung cấp các khóa đào tạo và cấp chứng chỉ: Khai báo thuế, kế toán máy **[H4.04.03.02]** nhằm giúp NH có cơ hội trau dồi thêm kiến thức, kỹ năng và tính thực tiễn, cũng như tạo cơ hội học tập thêm cho NH. Đáp ứng nhu cầu chuyển đổi nghề nghiệp, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và nâng cao tính thích ứng của nguồn nhân lực trước đòi hỏi ngày càng tăng của xã hội.

Những hoạt động NCKH, thực hiện KLTN hay CĐTĐN cũng là cơ hội để SV rèn luyện trau dồi kỹ năng, áp dụng kiến thức sách vở vào việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong xã hội hoặc đối với công việc trong tương lai. Ngoài ra, đây cũng chính là cách xây dựng động cơ học tập và hình thành thói quen học tập suốt đời vì hoạt động NCKH sẽ thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, khơi dậy lòng yêu ngành nghề, thúc đẩy ham muốn tìm tòi, khám phá và học hỏi. Các đề tài NCKH SV được GV trong Khoa hướng dẫn, được nghiệm thu ở cấp Khoa, cấp Trường, có đề tài được lựa chọn dự thi ở các cuộc thi dành cho SV NCKH **[H4.04.03.03]**. Khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp thực hiện theo đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc giao đề tài khóa luận tốt nghiệp cho SV đủ điều kiện theo quy định cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp **[H2.02.01.07]**, **[H4.04.02.11]**.

Bên cạnh các hoạt động dạy và học, các hoạt động ngoại khóa cũng được Khoa quan tâm và tổ chức nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của SV. Cụ thể, các hoạt động định kỳ của câu lạc bộ Kế toán - Kiểm toán - Tài chính - Ngân hàng (AFC) của Khoa và các cuộc thi CPA, WAPA và ERP cho SV trong Khoa được tổ chức hàng năm góp phần giúp NH có thêm kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm **[H4.04.03.04]**. Các buổi nói chuyện của chuyên gia, đại diện Ngân hàng, Hội nghề nghiệp kế toán kiểm toán, Công ty chứng khoán... với SV của Khoa được tổ chức góp phần giúp NH có thêm kỹ năng thực tiễn, kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm khác. Việc rèn luyện kỹ năng chuyên môn cho SV còn được tăng cường thông qua các hoạt động gắn kết DN, đưa SV đi tham quan, thực tập nghề nghiệp tại DN, các chuyến đi thực tế này cung cấp cho SV những quan sát đầu tiên về môi trường làm việc cũng như hoạt động của DN, giúp SV hình thành những ý niệm ban đầu về ngành học Tài chính – Ngân hàng, từ đó thiết lập kế hoạch học tập và rèn luyện những kỹ năng cần thiết cho công việc trong tương lai **[H4.04.02.13]**.

Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30-10-2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, SV khởi nghiệp đến năm 2025” được Trường và các cơ sở giáo dục và đào tạo trong nước hưởng ứng mạnh mẽ trong những năm gần đây để thúc đẩy, làm lan tỏa tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp của SV, tạo môi trường hiện thực hóa các ý tưởng. Đoàn thanh niên Khoa phối hợp với Đoàn thanh niên Trường, và trung tâm HTVL&KN thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho SV với các doanh nghiệp về cơ hội việc làm, kinh nghiệm làm việc và học tập sau tốt nghiệp [H4.04.03.05], nhằm trang bị kiến thức về khởi nghiệp, kỹ năng để SV có khả năng tự tổ chức hiệu quả việc học tập và phát triển các ý tưởng sáng tạo trong SV góp phần nâng cao hoạt động NCKH. Thông qua “Cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp SV”, giúp tạo sân chơi bổ ích giúp SV phát triển ý tưởng khởi nghiệp, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn [H4.04.03.06]. Tất cả các hoạt động này đã giúp SV được rèn luyện thêm các kỹ năng nghề nghiệp và các kỹ năng mềm.

Để tăng cường việc rèn luyện kỹ năng thiết yếu về ngoại ngữ, Nhà trường ban hành các quy định về chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho các lớp không chuyên ngữ nhằm đảm bảo khả năng tự học để hội nhập khu vực và thế giới của mỗi học viên tham gia quá trình đào tạo [H4.04.03.07]. CTĐT ngành TCNH cũng đã cập nhật bổ sung HP Tiếng Anh chuyên ngành nhằm giúp sinh viên rèn luyện, trau dồi kỹ năng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn [H1.01.01.02]

Ngoài các hoạt động dạy học trên lớp, GV của Khoa còn thực hiện các hoạt động khuyến khích NH cụ thể như: trao học bổng khuyến khích học tập cho những SV có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập; tổ chức thăm và chúc tết những gia đình SV ở các Tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên và Bình Định có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp tết nguyên hàng năm [H4.04.03.08].

Bảng 4.4. Mức độ đồng ý của SV năm cuối về Khóa học giúp SV phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp

Năm	Hoàn toàn	Đồng ý (%)	Tương đối	Không đồng	Hoàn toàn
2018 - 2019	23,88	56,72	17,91	1,49	0
2019 - 2020	31,11	48,89	13,13	4,44	2,22
2020 - 2021	28,57	54,76	14,29	2,38	0
2021-2022	45,65	45,65	6,52	1,09	1,09

Năm	Hoàn toàn	Đồng ý (%)	Tương đối	Không đồng	Hoàn toàn
2022-2023	40.45	47.19	10.11	1.12	1.12

(Nguồn: Trung tâm HTVL & KN Trường ĐHNT giai đoạn 2018 -2023)

Kết quả khảo sát SV năm cuối thể hiện ở Bảng 4.3, phần lớn SV đều hoàn toàn đồng ý, hoặc đồng ý (trên 80%) về khóa học giúp SV phát triển những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp, tỷ lệ này tăng qua các khóa học. Hiệu quả của các hoạt động này được phản ánh qua kết quả khảo sát lấy ý kiến SV năm cuối trong 4 năm gần đây [H4.04.02.18].

Nhà trường, Khoa KTTC, BM TCNH có nhiều hoạt động hỗ trợ bổ ích giúp NH tự học như các hoạt động ngoại khóa, tư vấn nghề nghiệp cho NH, tuy nhiên chưa được thực hiện thường xuyên và có chiều sâu. Bên cạnh đó, việc thực hiện hướng dẫn, kiểm tra và giám sát NH về việc tự học, tự nghiên cứu và những yêu cầu NH chuẩn bị trước ở nhà chưa được chặt chẽ, dẫn đến hoạt động tự học, tự nghiên cứu của NH chưa mang lại kết quả như mong đợi, ảnh hưởng hình thành các kỹ năng cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp sau này.

2. Điểm mạnh

–Hoạt động dạy của GV và hoạt động học của NH ngành Tài chính – Ngân hàng được thiết kế theo hướng tăng tỷ lệ thực hành, thực tập nhằm rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cho SV; CTĐT thiết kế các HP giúp SV có được nền tảng khoa học cơ bản, có khả năng tiếp cận các kiến thức cơ sở và kiến thức ngành.

–Trường, Khoa và BM rất quan tâm và thường xuyên tổ chức các hoạt động nhằm hướng dẫn phương pháp học tập chủ động, kinh nghiệm tự học, tự nghiên cứu, từ đó giúp SV đạt được những kiến thức mới, kỹ năng mới, phát huy tính sáng tạo, khuyến khích, thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi để SV tham gia NCKH.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động ngoại khóa cũng như việc đào tạo kỹ năng mềm cho SV mặc dù đã được quan tâm hơn trước song chưa được thực hiện thường xuyên và có chiều sâu.

Chưa cụ thể hoá quy định về thời lượng tự học tập, tự nghiên cứu của SV dẫn đến vẫn còn một số lượng không nhỏ SV chưa chủ động trong việc lập kế hoạch tự học, tự nghiên cứu để có KQHT tốt cũng hình thành các kỹ năng cần thiết cho việc phát triển nghề nghiệp sau này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường các hoạt động huấn luyện, đào tạo cũng như các hoạt động ngoại khóa để rèn luyện kỹ năng mềm của NH. Khoa và BM cũng thông tin rộng rãi các hội nghị, hội thảo của Trường, Khoa tổ chức để NH có thể tham gia, tạo thêm động lực NCKH của NH. - Trao đổi với NH về những vấn đề liên quan đến học tập, cập nhật cụ thể thời lượng tự học tập, tự nghiên cứu trong ĐCCTHP để NH chủ động và ý thức hơn trong việc nâng 	<ul style="list-style-type: none"> -GV -BM TCNH -Khoa KTTC 	Hàng năm từ HK 1 năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục rà soát, cập nhật ĐCCTHP trong việc thiết kế các hoạt động giảng dạy nhằm tăng rèn luyện các kỹ năng cho NH. Triển khai các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy kỹ năng 	<ul style="list-style-type: none"> -GV -BM TCNH -Khoa KTTC 	Hàng năm từ HK 1 năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm tự đánh giá: 5/7)

Kết luận tiêu chuẩn 4

Trường đã xây dựng và công bố rõ ràng triết lý và mục tiêu giáo dục đến các BLQ bằng nhiều phương tiện khác nhau. CTĐT ngành TCNH cũng đã xác định được mục tiêu riêng và được công khai theo nhiều kênh đến các BLQ, mỗi một HP cũng có mục tiêu riêng nhằm góp phần đạt được mục tiêu của CTĐT. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CDR của CTĐT. Quá trình dạy - học hướng đến việc phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, năng lực học tập suốt đời, khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề, khả năng tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính.

Mặc dù GV của Khoa KTTC đã có sự nỗ lực đáng kể trong việc hướng NH vào việc tự học, song hoạt động tự học từ phía NH chưa mang lại hiệu quả cao, do chưa có sự giám sát chặt chẽ, hướng dẫn và quản lý hoạt động tự học của NH.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 3/3

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá KQHT của NH là một trong những khâu quan trọng trong GDĐH, giúp đánh giá được mức độ đạt CĐR của NH. Việc kiểm tra, đánh giá KQHT giúp cho NH có thể kiểm tra, củng cố lại những kiến thức mình được học, biết cách vận dụng vào thực tế, cũng như có những định hướng, vạch ra những kế hoạch, phương pháp để cải thiện KQHT tốt hơn. Thông qua quá trình kiểm tra, đánh giá KQHT, GV cũng sẽ nắm bắt được tình hình học tập, khả năng tiếp thu của NH để từ đó có những PPGD hiệu quả hơn.

Các quy định về đánh giá KQHT của NH đều được thông báo công khai tới NH thông qua Sổ tay SV và trước khi giảng dạy các HP, GV đều dành thời gian phổ biến cụ thể ĐCCTHP bao gồm lịch trình và cách thức đánh giá KQHT của HP đó. NH cũng có thể biết cách thức và lịch trình đánh giá các HP thông qua ĐCCTHP được phổ biến công khai trên trang web của BM quản lý HP. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Tiêu chí 5.1

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả hiện trạng

Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế xuyên suốt từ khâu tuyển sinh đầu vào, quá trình học tập đến thực tập tốt nghiệp để đạt được CĐR. Trường sử dụng đa dạng các phương thức xét tuyển như xét tuyển dựa vào điểm thi THPT, dựa trên học bạ, dựa vào điểm thi đánh giá năng lực, xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo hình thức riêng của Trường và theo quy chế của Bộ GD&ĐT nhằm tuyển chọn những thí sinh đạt được tiêu chuẩn chất lượng nhất định [H5.05.01.01]. Sau khi trúng tuyển, căn cứ vào điểm thi tốt nghiệp môn tiếng Anh, sinh viên sẽ tham gia các học phần tiếng Anh hoặc các ngoại ngữ khác theo quy định của Nhà trường [H5.05.01.02].

Trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định cụ thể nhằm đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu của CTĐT. Các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của NH có khả năng đo lường mức độ đạt được CĐR được thể hiện thông qua Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở Trường ĐHNH,

Quy định về đánh giá HP, Quy định về tổ chức thi kết thúc HP đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ **[H5.05.01.03]**, Quy định tổ chức và quản lý thực tập và Quy định hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp, đánh giá khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp **[H2.02.01.07]**. Từ năm học 2020-2021, để thích ứng tốt hơn với đại dịch COVID-19, Nhà trường đã ban hành quy định đánh giá KQHT của SV theo hình thức trực tuyến kết hợp với trực tiếp **[H5.05.01.04]**.

Trong suốt quá trình học tập và rèn luyện tại trường, NH được đánh giá quá trình (ĐGQT) căn cứ trên hai tiêu chí chính: KQHT và điểm rèn luyện của từng HK. Điểm rèn luyện được đánh giá dựa trên KQHT và các hoạt động ngoại khóa, cộng đồng mà sinh viên đã tham gia trong từng học kỳ **[H5.05.01.05]**. Căn cứ vào KQHT và rèn luyện của NH, Nhà trường sẽ xếp loại KQHT, rèn luyện của NH theo học kỳ, năm học, toàn khóa học và cấp bằng tốt nghiệp cho NH; được Nhà trường quy định cụ thể ở Quy chế đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT. Các quy định này được cập nhật và thông báo công khai cho NH trên website của Trường và Khoa **[H5.05.01.06]**.

Trường đã ban hành các tài liệu hướng dẫn GV thiết kế các phương pháp kiểm tra và đánh giá như Sổ tay PPGD và đánh giá, Thang cấp độ tư duy Bloom, tài liệu hướng dẫn đánh giá trong dạy học trực tuyến, Tài liệu tập huấn Elearning, hướng dẫn thiết kế và sử dụng Rubric trong đánh giá **[H5.05.01.07]**.

Trước đây, việc đánh giá HP được dựa trên điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc. Quy định đánh giá HP năm 2021 có thêm điểm thi giữa kỳ đối với các HP từ 3 TC trở lên **[H5.05.01.08]**. Việc đánh giá kết quả đầu ra được thực hiện thông qua điểm KLTN hoặc CĐTĐN tương đương, điểm trung bình chung tích lũy, điểm rèn luyện, điểm năng lực tiếng Anh, việc hoàn thành các chứng chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng, an ninh theo quy định của Nhà trường được ban hành năm 2013 và điều chỉnh vào năm 2017, 2019 và 2021 để đáp ứng CĐR **[H5.05.01.09]**.

Hàng năm, kế hoạch năm học được trường công bố 2 tháng trước năm học mới; kế hoạch năm học được thiết kế rõ ràng các mốc thời gian và số tuần dự kiến để tổ chức học lý thuyết, thực hành, thực tập và tổ chức thi. Kế hoạch năm học này được thông báo đến toàn thể GV và NH của trường. Lịch thi chính thức được công bố tới các BLQ 4 tuần trước đợt thi và được rà soát cập nhật thường xuyên cho phù hợp **[H5.05.01.09]**. Quy trình xây dựng kế hoạch giảng dạy, học tập năm học được cải tiến và xác lập, NH dễ dàng tiếp cận và thực hiện quy trình này **[H5.05.01.10]**.

Cuối mỗi HK, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát NH đối với mỗi HP [H5.05.01.11]. Cuối khoá học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của SV năm cuối về khoá học [H5.05.01.12]. Kết quả phản hồi từ SV được gửi tới các bên liên quan và được các BM sử dụng để quản lý HP, GV sử dụng để điều chỉnh phương pháp KTĐG giúp cho việc đánh giá KQHT hoàn thiện hơn qua các năm [H5.05.01.13]. Kết quả khảo sát NH về hoạt động giảng dạy [H5.05.01.13] và kết quả khảo sát SV năm cuối [H5.05.01.12] cho thấy phần lớn NH đều hài lòng với hoạt động giảng dạy và PPDG của GV.

Bảng 5.1. Kết quả khảo sát NH về hoạt động giảng dạy và đánh giá của GV

Tiêu chí	2017 - 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022 - 2023
1. Hầu hết GV có chuyên môn tốt						
Hoàn toàn đồng ý	25	31,34	35,8	30,95	45,65	33,93
Đồng ý	50	49,25	53,4	57,14	39,13	48,31
Tương đối đồng ý	21,43	19,4	9,6	11,9	14,13	7,87
Không đồng ý	3,57	0	0,9	0	0	4,49
Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0,3	0	1,09	0
2. GV có phương pháp sư phạm tốt						
Hoàn toàn đồng ý	25	28,36	33,1	33,3	44,57	41,57
Đồng ý	50	49,25	54	57,46	41,3	43,82
Tương đối đồng ý	21,43	22,39	12,4	9,52	11,96	11,24
Không đồng ý	3,57	0	1,1	2,38	1,09	2,25
Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0,3	0	1,09	1,12
3. GV đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy						
Hoàn toàn đồng ý	25	28,36	34,3	28,57	44,57	38,2
Đồng ý	57,14	55,22	53,6	61,9	44,57	48,31
Tương đối đồng ý	17,86	16,42	11,1	9,52	7,61	14,11
Không đồng ý	0	0	0,9	0	2,17	3,37
Hoàn toàn không đồng ý	0	0	0,2	0	1,09	0
4. SV được đánh giá đúng, công bằng trong thi và kiểm tra						
Hoàn toàn đồng ý	17,86	32,84	31,11	35,71	43,48	38,2
Đồng ý	71,43	43,28	57,78	50	41,3	50,56

Tiêu chí	2017 - 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022 - 2023
Tương đối đồng ý	10,71	23,88	8,89	14,29	11,96	6,74
Không đồng ý	0	0	0	0	2,17	3,37
Hoàn toàn không đồng ý	0	0	2,22	0	1,09	1,12

(Nguồn: Phòng ĐBCL và KT Trường ĐHNT giai đoạn 2018 -2023)

Việc giao đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, công bằng, khách quan từ việc xét SV đủ điều kiện được làm khóa luận cho đến khâu tổ chức hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp [H2.02.01.07]. Nhà trường có quy định giao đề tài, quyết định giao đề tài, thành lập hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp [H2.02.01.07].

Để đạt được CDR chung của ngành TCNH, trong ĐCHP, ĐCCTHP, các GV phụ trách HP xây dựng CDR tương ứng với nội dung HP. Trên cơ sở đó, phương pháp đánh giá NH cũng được triển khai phù hợp nhằm đạt được CDR của HP. Phương pháp KTĐG đối với mỗi HP sau đó được thống nhất và phê duyệt bởi các BM, Khoa và được ghi rõ trong các ĐCCTHP. Từ mục tiêu, CDR của HP, GV xác định các nội dung cần kiểm tra, đánh giá, cách thức kiểm tra đánh giá phù hợp với HP, nhằm đảm bảo đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với CDR [H2.02.02.02]. Các nội dung đánh giá bao phủ toàn bộ nội dung HP và đáp ứng toàn bộ CDR của HP. Việc đánh giá được thực hiện qua 02 nội dung: ĐGQT và thi kết thúc HP. Các phương pháp đánh giá quá trình chủ yếu được áp dụng là đánh giá chuyên cần (thông qua hiện diện của SV trên lớp và góp ý xây dựng bài), các bài kiểm tra định kỳ (viết hoặc trắc nghiệm), bài tập về nhà (cá nhân/nhóm). Điểm sẽ do GV tổng hợp dựa trên nhiều điểm thành phần (điểm cá nhân, điểm chuyên cần, điểm bài tập nhóm, bài kiểm tra, bài thi giữa kỳ, điểm cộng khuyến khích). Đối với thi kết thúc HP, tùy theo yêu cầu của từng HP mà GV sẽ có những cách đánh giá khác nhau: tự luận, vấn đáp, hoặc bài tập lớn... và được thể hiện trong ĐCHP và ĐCCTHP [H5.05.01.14]. Các đề thi đều được thiết kế đúng mẫu quy định và được Trưởng BM/Khoa phê duyệt [H5.05.01.15]. Nội dung đề thi đảm bảo đánh giá toàn bộ các CDR của HP và có sự cân đối giữa nội dung thi giữa kỳ và thi cuối kỳ. Tuy nhiên, hoạt động xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP thuộc ngành TCNH chưa thực hiện một cách rộng rãi. Khoa đang xây dựng ngân hàng đề thi cho một số HP thuộc CTĐT

của ngành TCNH như Nguyên lý kế toán, Kế toán ngân hàng, Tài chính tiền tệ. Các ngân hàng đề thi này đang trong quá trình xây dựng và chưa được nghiệm thu.

2. Điểm mạnh

–Phương pháp kiểm tra, đánh giá KQHT của ngành TCNH được thiết kế rõ ràng và phù hợp với mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ của CĐR của từng HP và của các CTĐT

–Các phương pháp kiểm tra, đánh giá được công bố trong các ĐCCTHP thuộc CTĐT và thường xuyên được cập nhật.

3. Điểm tồn tại

Việc xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP thuộc CTĐT chưa được mở rộng, đang triển khai cho một số các HP, chưa triển khai cho nhiều HP thuộc CTĐT ngành TCNH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Triển khai xây dựng ngân hàng đề thi cho nhiều HP thuộc CTĐT của ngành TCNH .	-Nhóm GV giảng dạy HP -BM quản lý HP	- Bắt đầu từ năm học 2023 - 2024. - Định kỳ 2 năm 1 lần
2	Phát huy điểm mạnh	- Hệ thống các PPĐG tiếp tục được thiết kế rõ ràng và phù hợp nhằm đo lường được các CĐR. - Tiếp tục cập nhật ĐCHP, ĐCCTHP với phương pháp dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá cụ thể rõ ràng cho từng HP thuộc ngành TCNH	-Nhóm GV giảng dạy HP -BM quản lý HP	Thực hiện mỗi kỳ, bắt đầu từ năm học 2024-2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 5.2

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả hiện trạng

Các quy định đánh giá NH được thể hiện cụ thể trong các quy định hiện hành của Trường như: Quy định đánh giá học phần tại QĐ số 474/QĐ-ĐHNT ngày 21 tháng 6 năm 2016, QĐ số 631/QĐ-ĐHNT ngày 23 tháng 5 năm 2018 và QĐ số QĐ số 981/QĐ-ĐHNT ngày 21 tháng 9 năm 2021 [**H5.05.01.08**], các QĐ liên quan hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp [**H2.02.01.07**]. Điểm HP được tổng hợp qua điểm ĐGQT, thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc HP đảm bảo NH được đánh giá trong suốt quá trình học một HP. Căn cứ vào tính chất HP, trọng số điểm ĐGQT, điểm thi giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ được quy định trong ĐCCTHP [**H2.02.02.02**]. Trọng số điểm ĐGQT, trọng số điểm thi giữa kỳ không nhỏ hơn 20% và không lớn hơn trọng số điểm thi cuối kỳ [**H5.05.01.08**].

Kế hoạch và nội dung các hình thức ĐGQT, thi giữa kỳ và thi cuối kỳ phải được giới thiệu trong ĐCCTHP và được GV phổ biến cho NH tại buổi học đầu tiên của HP. Trọng số điểm thi giữa kỳ, kiểm tra, thi cuối kỳ có thể khác nhau giữa các GV nhưng đều theo đúng quy định của hoạt động kiểm tra đánh giá mà Trường ban hành. Các nội dung thi, kiểm tra và thời gian tổ chức các hoạt động trên đều được giới thiệu đến SV trong buổi học đầu tiên và công bố trên hệ thống elearning của Trường để sinh viên truy cập vào xem [**H2.02.03.07**]. Theo Quy định về đánh giá học phần, GV giảng dạy HP có trách nhiệm thông báo đến NH từng cột điểm của điểm đánh giá quá trình ngay sau khi có kết quả điểm của mỗi bài đánh giá và điểm thi giữa kỳ nhằm giúp NH cải thiện KQHT [**H2.02.03.06**].

Đối với thi kết thúc HP, thời gian thi do Phòng ĐTĐH lên kế hoạch dự kiến, Khoa/Viện điều chỉnh trong vòng 01 tuần và sau đó được Phòng ĐTĐH thông báo đến từng SV qua tài khoản cá nhân ít nhất là 04 tuần trước đợt thi [**H5.05.01.09**]. Đối với điểm thi kết thúc HP, GV phải nộp bảng điểm về Phòng ĐTĐH chậm nhất là 10 ngày sau đợt thi. Sau khi công bố điểm, muộn nhất 25 ngày, nếu GV hoặc SV phát hiện có sai sót, nhầm lẫn GV sẽ làm thủ tục điều chỉnh lại điểm cho SV theo mẫu chung [**H5.05.02.01**]. Sau mỗi HK, Phòng ĐBCL&KT khảo sát NH về HĐGD của GV theo

QĐ số 1527/QĐ-ĐHNT ngày 26/12/2018, QĐ 564/QĐ-ĐHNT ngày 31/05/2021, và gửi đến toàn thể GV cùng biết và khắc phục các hạn chế (nếu có) **[H5.05.02.02]**.

Quy định về việc hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp trình độ đại học, giao khóa luận, CĐTĐN, tổ chức đánh giá khóa luận, CĐTĐN đại học hệ chính quy được quy định cụ thể, chi tiết trong QĐ số 506/QĐ-ĐHNT ngày 16/5/2019 và sau này được cập nhật trong QĐ số 1286/QĐ-ĐHNT ngày 2/12/2021 và QĐ số 782/QĐ -ĐHNT ngày 12/7/2023 về quy định thực tập của Trường ĐHNT **[H2.02.01.07]**. Các quy định này đều được Khoa và BM thông tin đến SV trước mỗi kỳ thực hành, thực tập.

Với mục tiêu đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quyết định 358/QĐ-ĐHNT ngày 2/4/2019 về CDR tin học, Quyết định 1128/QĐ-ĐHNT ngày 20/9/2018 ban hành Quy định đào tạo ngoại ngữ trong CTĐT trình độ đại học và cao đẳng không chuyên đối với SV đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ SV được biết ngay từ khi nhập học để SV có kế hoạch học tập phù hợp **[H5.05.01.02]**. Các tài liệu này được thông báo rõ ràng trong tuần sinh hoạt công dân đầu mỗi khóa và trong sổ tay SV **[H5.05.02.03]**.

Các quy định về đánh giá KQHT của NH được rà soát, cập nhật thường xuyên **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.01.08]** và được công bố công khai tới các BLQ qua cổng thông tin điện tử của Nhà trường, và được phổ biến tới NH thông qua đội ngũ CVHT, Phòng ĐTĐH, Phòng ĐBCL&KT, Phòng CTCTSV và sổ tay SV **[H5.05.02.03]**.

Trường và Khoa KTTC thường xuyên phổ biến các quy định này đến NH thông qua nhiều hình thức như gặp gỡ SV khoá mới, thông tin ở các buổi chào cờ SV định kỳ **[H5.05.02.04]**, các buổi phổ biến, hoặc ở các buổi đối thoại với SV **[H5.05.02.05]**, và qua email của các lớp.

Mặc dù các quy định về đánh giá NH rõ ràng và công bố đến NH bằng nhiều kênh thông tin, tuy nhiên vẫn còn một số NH chưa quan tâm, dẫn đến việc hiểu và thực hiện các quy định về đánh giá KQHT NH chưa được đầy đủ.

2. Điểm mạnh

Các quy định về đánh giá KQHT của NH rõ ràng, khoa học, được rà soát cập nhật thường xuyên và được công bố công khai theo nhiều kênh khác nhau tới NH nhằm đạt CDR.

Thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số ĐGQT thi giữa kỳ và thi kết thúc HP được thể hiện rõ trong ĐCCTHP và được công bố vào mỗi đầu HK với cơ chế phản hồi minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc hiểu và vận dụng các quy định về đánh giá HP và công tác tốt nghiệp ở một số SV còn chưa đầy đủ.

Các quy định về đánh giá HP đã được thông tin đến SV, tuy nhiên một số SV vẫn thờ ơ, coi nhẹ nên chưa nắm rõ quy định về kiểm tra, đánh giá khi thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sử dụng hệ thống elearning và các kênh thông tin liên lạc giữa GV với NH để đăng tải thường xuyên về các hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT trong quá trình học để NH chủ động học tập và có kế hoạch chuẩn bị tốt cho các bài kiểm tra ĐGQT và thi kết thúc HP. - CVHT triển khai đến SV năm cuối về hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp, thực tập và đánh giá khóa luận, chuyên đề và các môn học thay thế khóa luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa KTTC - CVHT - CBGD phụ trách học phần 	Thực hiện thường xuyên trong năm học
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện các quy định về đánh giá KQHT của NH và triển khai thông báo công khai tới NH qua nhiều kênh thông tin khác nhau.	Phòng ĐTĐH/Khoa KTTC/ GV CVHT	Thực hiện hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 5.3

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được xác định cụ thể trong: Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **[H4.04.02.01]**; Quy định đánh giá HP, tổ chức thi kết thúc HP ĐTĐH, cao đẳng hệ chính quy, Quy định tổ chức và quản lý thực tập, Quy định về việc hướng dẫn thực hiện công tác tốt nghiệp trình độ đại học, giao khóa luận, CDTN, tổ chức đánh giá khóa luận, CDTN đại học hệ chính quy, **[HBS.05.03.03]**, **[H5.05.01.08]**, **[HBS.05.03.02]**, **[HBS.05.03.01]** quy định đào tạo ngoại ngữ trong các CTĐT trình độ đại học và cao đẳng không chuyên ngữ **[H5.05.03.01]**.

Đối với các HP thuộc ngành TCNH, đánh giá quá trình có thể thực hiện qua nhiều hình thức: kiểm tra nhanh về cách giải quyết và xử lý tình huống nghề nghiệp, kiểm tra viết, làm tiểu luận, báo cáo nhóm, trình bày seminar, làm bài tập, chấm kỹ năng thực hành, kết hợp với điểm chuyên cần, thái độ, đánh giá cá nhân hay đánh giá theo nhóm và được thiết kế rõ ràng trong ĐCCTHP **[H2.02.02.02]**.

Các PPĐG thi cuối kỳ khác nhau được GV BM TCNH sử dụng để kiểm tra/đánh giá KQHT của NH. Các PPĐG thi cuối kỳ được GV thiết kế đa dạng, đáp ứng mục tiêu HP, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm: thi viết (tự luận), trắc nghiệm, kết hợp trắc nghiệm + tự luận, bài tập lớn, vấn đáp, thực hành, chuyên đề thực tập tốt nghiệp và được quy định rõ trong ĐCCTHP **[H5.05.01.14]**, **[H2.02.02.02]** và Quy định đánh giá HP **[H5.05.01.08]**. Đặc biệt, trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, HK 2 năm học 2020- 2021, Trường đã có hướng dẫn cụ thể triển khai đánh giá KQHT cuối kỳ và tổ chức đánh giá đồ án, khóa luận của SV theo hình thức trực tuyến với các hình thức cụ thể nhằm đảm bảo sự đa dạng, độ giá trị và công bằng **[H5.05.01.04]**. Các hình thức đánh giá KQHT của NH đảm bảo đáp ứng CDR của từng HP **[H2.02.02.02]**.

Công tác đề thi được thiết kế đa dạng, được xây dựng từ mức độ cơ bản đến ứng dụng và được thiết kế tương ứng với các yêu cầu cần đạt được về các CDR của HP, và được Trường BM/Trường khoa phê duyệt **[H5.05.01.15]**. Mỗi đề thi đều có đáp án chi tiết với thang điểm rõ ràng **[H5.05.01.15]**. Để đảm bảo tính khách quan, độ giá trị và độ tin cậy trong việc đánh giá năng lực của NH nhằm đáp ứng CDR của HP và CTĐT, có thể sử dụng công cụ Rubric để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá **[H5.05.03.02]**, trong năm học 2022 – 2023 bộ môn có triển khai ứng dụng công cụ Rubric trong kiểm tra, đánh giá học phần Thị trường chứng khoán **[H5.05.03.02]**. Ngoài ra, hàng năm Nhà trường có ban hành thông báo để các đơn vị triển khai xây dựng mới, cập nhật hệ thống

ngân hàng đề thi kết thúc HP **[H5.05.03.02]**, **[H5.05.03.03]**.

Để đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy, đáp ứng CDR của mỗi HP, Nhà trường tổ chức một kỳ thi giữa kỳ và một kỳ thi kết thúc HP trong mỗi HK. Phòng ĐTDH xây dựng kế hoạch thi. Khoa, BM quản lý HP tổ chức biên soạn đề thi, duyệt đề, sao in đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm thi, tiếp nhận ý kiến phản hồi của NH sau khi công bố kết quả thi **[H5.05.01.08]**, **[H5.05.02.01]**. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng **[H5.05.01.08]**. Cuối mỗi học kỳ các đề thi được tập hợp theo BM và gửi về Phòng ĐBCL&KT để đánh giá mức độ công bằng giữa các đề thi.

Tất cả các HP 3TC trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó cột điểm quá trình chiếm trọng số khoảng 30% đến 40% (gồm những điểm thành phần như: điểm chuyên cần, xây dựng bài, thuyết trình, các bài kiểm tra định kì); điểm thi giữa kỳ chiếm tỷ trọng khoảng 20% đến 30% và điểm thi kết thúc HP chiếm tỷ trọng từ 40% đến 50%. Các HP 2TC thì chỉ có 2 cột điểm là điểm quá trình (thường chiếm 50%) và điểm thi kết thúc HP (thường chiếm 50%) **[H5.05.01.08]**, **[H2.02.02.02]**. Để đảm bảo tính khách quan và tin cậy các bài ĐGQT đều được giải đáp và công bố điểm công khai trên lớp trước khi thi theo đúng quy định.

Công tác coi thi được thực hiện nghiêm túc: mỗi phòng thi có ít nhất 02 cán bộ coi thi. Mỗi bài thi đều do hai cán bộ chấm thi độc lập, thực hiện đúng quy định chấm thi kết thúc HP, bảng điểm HP ngoài chữ kí của hai cán bộ coi thi, phải đủ chữ kí của hai cán bộ chấm thi, có ký xác nhận của Trưởng BM/Khoa nhằm đảm bảo sự công bằng, độ tin cậy và độ giá trị **[H5.05.01.08]**. Sau khi chấm thi, ghi kết quả vào bảng điểm, GV sẽ nhập điểm lên hệ thống quản lý đào tạo để công bố điểm cho NH, bảng điểm sẽ được sao in thành 3 bản gồm bản gốc nộp về cho Phòng ĐTDH để kiểm tra rà soát việc nhập điểm lên hệ thống nhằm đảm bảo độ tin cậy; 1 bản lưu trong túi bài thi; 1 bản lưu tại văn phòng BM để giải đáp thắc mắc khiếu nại về điểm số của NH, đảm bảo sự công bằng trong việc đánh giá KQHT của NH; và 1 bản GV tự lưu **[H5.05.01.08]**. Giấy nháp chuẩn bị cho bài thi vấn đáp, các bài tập lớn và tiểu luận được lưu và bảo quản giống bài thi viết. Tất cả đề thi và đáp án đều được lưu giữ trong túi bài thi cho tới hết khóa học **[H5.05.01.08]**.

Nhà trường tổ chức thanh tra kiểm tra công tác đánh giá kết quả, thi kết thúc HP ở mỗi HK. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành kiện toàn Tổ giám sát thi để triển khai việc giám sát các kỳ thi của tất cả các hình thức và trình độ đào tạo theo kế

hoạch thi tại Trường và các cơ sở liên kết đào tạo để đảm bảo sự công bằng và độ tin cậy **[H5.05.03.04]**. Phòng ĐBCL&KT chịu trách nhiệm chính trong công tác giám sát thi, bảo quản và kiểm tra bài thi, toàn bộ bài thi kết thúc HP sẽ được Phòng ĐBCL&KT tổ chức tiếp nhận và lưu giữ chung sau mỗi kì thi **[H5.05.03.05]**. Bộ môn và Khoa/Viện đảm trách công tác quản lý đề thi, đề thi đều được duyệt trước khi tổ chức thi, phân công cán bộ coi thi, chấm thi, quản lý GV nhập điểm lên phần mềm đào tạo.

Đánh giá KQHT đều được ghi nhận, công khai đến NH, có độ tin cậy và có giá trị pháp lý, được ghi nhận bằng Bảng điểm KQHT từng HP, HK và toàn khóa học **[H5.05.03.06]**. SV có thể yêu cầu điều chỉnh điểm nếu GV nhập sai **[H5.05.03.07]**, hoặc SV làm đơn phúc khảo bài thi gửi cho các bên liên quan để yêu cầu chấm lại **[H5.05.03.08]**.

Các PPĐG KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy còn được thể hiện ở các lần thực hành, thực tập tốt nghiệp. Đối với các lần thực hành, thực tập, Khoa đều có kế hoạch và những yêu cầu cụ thể về thời gian, nội dung, hình thức trình bày. Quy trình chấm KLTN/CĐTN, các phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện, thành viên HĐ đánh giá KLTN/CĐTN đều có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, tiến độ làm bài, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn... với các trọng số hợp lý. Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá KLTN/CĐTN và theo phương pháp Rubric **[H5.05.03.02]**. Cách tính điểm của KLTN/CĐTN cụ thể như sau: Điểm đánh giá KLTN chính thức là điểm trung bình cộng có trọng số của điểm trung bình các thành viên hội đồng đánh giá (Hệ số 3), Cán bộ phản biện (Hệ số 2) và Cán bộ hướng dẫn (Hệ số 1), được làm tròn một chữ số thập phân **[H2.02.01.07]**.

Bên cạnh đó, từ năm học 2019-2020, Nhà trường đã tiến hành kiểm tra đạo văn đối với KLTN/CĐTN, theo đó KLTN/CĐTN sẽ được quét đạo văn bằng phần mềm phát hiện đạo văn do Nhà trường sử dụng và tỷ lệ đạo văn cho phép là 25% trùng lặp với các nguồn dữ liệu của các tác giả khác đã công bố, hoặc tỷ lệ đạo văn (trùng lặp) từ một nguồn không vượt quá 10%. Nếu KLTN/CĐTN sau hai lần kiểm tra và chỉnh sửa, nộp lần ba vẫn còn phạm lỗi đạo văn thì không được bảo vệ hoặc báo cáo. Quy định này nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng, tính trung thực và giá trị cho các CĐTN/KLTN **[H5.05.03.09]**.

Cuối mỗi HK, Trường tổ chức lấy ý kiến khảo sát SV về HP trong đó phương pháp KTĐG công bằng, phù hợp là một trong các tiêu chí khảo sát. Kết quả cho thấy đa số các PPĐG KQHT của các HP là đa dạng, đảm bảo độ giá trị và sự công bằng [H5.05.01.12].

Bảng 5.2. Mức độ đồng ý SV năm cuối ngành Tài chính – Ngân hàng về việc SV được đánh giá đúng công bằng trong kiểm tra, thi

Năm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Tương đối đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý
2017 - 2018	17,86	71,43	10,71	0	0
2018 - 2019	32,84	43,28	23,88	0	0
2019 - 2020	31,11	57,78	8,89	0	2,22
2020 - 2021	35,71	50	14,29	0	0
2021 - 2022	43,48	41,3	11,96	2,17	1,09
2022 - 2023	38,2	50,56	6,74	3,37	1,12

(Nguồn: Trung tâm HTVL & KN Trường ĐHTT giai đoạn 2018 -2023)

Kết quả khảo sát SV ngành Tài chính – Ngân hàng năm cuối được thể hiện ở Bảng 5.2, phần lớn SV đều hoàn toàn đồng ý, hoặc đồng ý về việc SV được đánh giá đúng công bằng trong kiểm tra, thi. Từ kết quả khảo sát, Nhà trường xác định phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá mức độ tích lũy của NH về kiến thức, kỹ năng và năng lực; bên cạnh đó phát hiện kịp thời những sai sót trong quá trình tổ chức KTĐG, những vướng mắc của NH để khắc phục và sửa đổi trong những năm học tiếp theo.

Bộ môn có triển khai ứng dụng công cụ Rubric trong kiểm tra, đánh giá học phần, tuy nhiên, hiện nay chỉ có một số ít HP áp dụng công cụ Rubric trong đánh giá kết quả HP. Bên cạnh đó mặc dù đã có thông báo và triển khai kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi, tuy nhiên việc xây dựng và phát triển ngân hàng câu hỏi thi đánh giá HP còn đang trong giai đoạn triển khai, do vậy hiện nay BM chưa có HP chuyên ngành có ngân hàng đề thi.

2. Điểm mạnh

Công tác đánh giá KQHT thực hiện đúng quy trình, phương pháp KTĐG đa dạng, linh hoạt, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng HP, CĐR của CTĐT và đảm bảo chất lượng.

3. Điểm tồn tại

–Việc sử dụng phương pháp rubric trong KTĐG đã triển khai, tuy nhiên còn nhiều HP việc áp dụng phương pháp rubric trong KTĐG chưa được đầy đủ.

–BM chỉ mới đang triển khai xây dựng ngân hàng đề thi, do vậy hiện nay BM chưa có HP chuyên ngành có ngân hàng đề thi.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	-Triển khai mạnh mẽ việc sử dụng phương pháp rubric trong KTĐG tất cả các HP chuyên ngành khi và sẽ được thiết lập khi ĐCCTHP được cập nhật lại. - Tiếp tục triển khai biên soạn và nghiệm thu ngân hàng đề thi đối với các HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành.	- BM TCNH - Khoa KTTC	Thực hiện và hoàn thành trong năm học 2024 -2025 - Thực hiện và hoàn thành trong năm học
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thiết kế đa dạng phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả NH, để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo.	-BM TCNH -Khoa KTTC	Thực hiện hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 5.4

Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng

Việc phản hồi KQĐG NH được quy định tại của Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang (QĐ số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017; QĐ số 931/QĐ-ĐHNT ngày 19/8/2019; QĐ số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021). Nhà trường đã xây dựng và thường xuyên cập nhật Quy định về đánh giá HP (QĐ số 474/QĐ-ĐHNT

ngày 21/6/2016, QĐ số 631/QĐ-ĐHNT ngày 23/5/2018, QĐ số 981/QĐ-ĐHNT ngày 21/9/2021) và được quy định trong đánh giá HP [**H5.05.01.08**], và phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân đầu năm mỗi khóa, qua buổi sinh hoạt lớp của CVHT, qua chào cờ hàng quý và công bố trên hệ thống E-Learning (<https://elearning.ntu.edu.vn>) và website của Trường (<https://ntu.edu.vn/>) và trong sổ tay SV [**H5.05.02.03**].

Theo quy định, trước khi thi kết thúc môn học, GV phải công khai điểm ĐGQT, bao gồm điểm nhóm, báo cáo, tiểu luận, bài kiểm tra được công bố cho NH để cải thiện việc học tập và phản ánh để GV điều chỉnh kịp thời nếu có sai sót. Bên cạnh đó sau khi công bố điểm các bài kiểm tra, báo cáo... GV chỉnh sửa, giải thích đúng sai cho NH để NH biết và khắc phục trong bài thi kết thúc học phần. Thông tin phản hồi kịp thời về kết quả đánh giá quá trình giúp cho SV có thể chủ động điều chỉnh quá trình học tập để cải thiện KQHT cũng như nỗ lực hơn trong kỳ thi kết thúc HP.

Đối với điểm thi kết thúc HP, trong vòng 10 ngày sau đợt thi, GV phụ trách HP có trách nhiệm nhập điểm lên phần mềm đào tạo để SV có thể truy cập thông qua tài khoản cá nhân (<https://sinhvien.ntu.edu.vn/>) [**H5.05.02.01**], [**H5.05.01.08**]. Đối với bài thi giữa kỳ, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo điểm, nếu NH có nhu cầu phúc khảo bài thi làm đơn gửi GV giảng dạy lớp HP và BM. Đối với kết quả thi kết thúc HP, trong vòng 15 ngày kể từ ngày công bố điểm, nếu có nhu cầu phúc khảo, SV có thể làm đơn xin phúc khảo bài thi gửi về văn phòng khoa quản lý HP và sẽ được trả lời kết quả kết quả chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đơn. Trường hợp phát hiện có sự nhầm lẫn hay sai sót khi vào điểm và nhập điểm thi, muộn nhất là 25 ngày sau khi công bố điểm, NH có thể phản hồi với GV phụ trách HP để được điều chỉnh điểm. Kết quả điểm tổng hợp của NH sau khi sửa lại được cập nhật lại trên hệ thống của Trường, phiếu điều chỉnh điểm được lưu trong túi bài thi tại BM. Đối với thi vấn đáp và kết quả bảo vệ đồ án tốt nghiệp/CĐTN, điểm được công bố công khai sau buổi thi, buổi bảo vệ [**H5.05.01.08**].

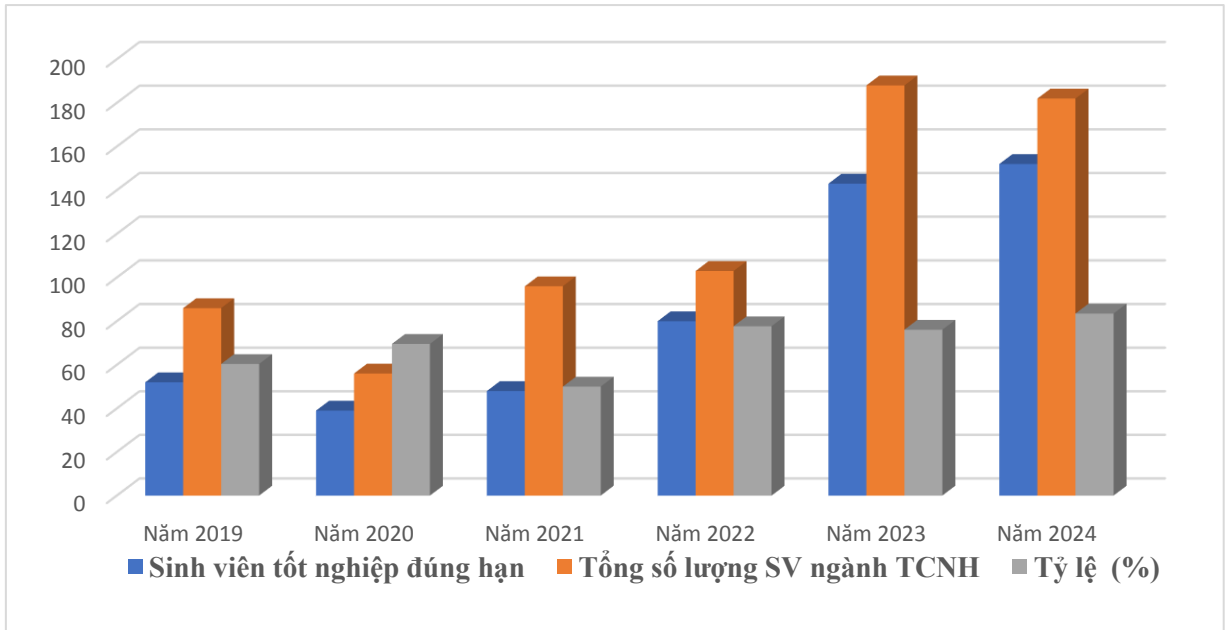
Các quy định nói trên đều được công khai tới NH và GV trên cổng thông tin điện tử của Trường. Việc phản hồi cho NH các kết quả kiểm tra, đánh giá quá trình học tập ngành TCNH được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Nhà trường. SV cũng có thể dễ dàng truy cập và theo dõi KQHT (theo HK, năm học, khoá học) cũng như tiến độ hoàn thành chương trình học của mình bất cứ lúc nào trên phần mềm quản lý đào tạo

thông qua tài khoản cá nhân. Nếu GV công bố điểm chậm sau 10 ngày tổ chức đợt thi, Phòng ĐTĐT sẽ gửi email thông báo nộp điểm chậm **[H5.05.04.01]**.

Việc nhập điểm và công bố điểm của HP trên hệ thống đào tạo được GV của Khoa thực hiện tương đối tốt, không có GV của Khoa chưa hoàn thành công tác điểm ở mỗi học kỳ theo kết quả thống kê và thông báo của Phòng ĐTĐT **[HBS.05.04.02]**.

Các quyết định về việc cảnh báo đối với SV về KQHT được thực hiện rõ ràng, công khai và kịp thời giúp SV nắm được tình hình để cải thiện việc học tập. Cuối mỗi HK, Phòng CTCT&SV thực hiện các công việc liên quan để báo cáo việc cảnh báo KQHT, điểm rèn luyện của SV và gửi về Khoa Kế toán – Tài chính **[H5.05.04.02]**. Trên cơ sở này, CVHT sẽ tổ chức gặp gỡ và tư vấn nhằm giúp các SV có học lực yếu, kém cải thiện việc học và có các phương pháp thích hợp để cải thiện KQHT và có thể tốt nghiệp đúng hạn **[H5.05.04.03]**. Kết quả học tập của mỗi HK cũng được Nhà trường phản hồi kịp thời đến phụ huynh thông qua tin nhắn SMS nhằm động viên SV học tập tốt hơn.

Kết quả học tập của người học được Nhà trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường, GV và SV có thể truy cập 24/7 tại website quản lý đào tạo của Trường (qldt.ntu.edu.vn). Các quy định về học lại và học cải thiện điểm cũng được quy định rõ ràng **[HBS.05.04.02]**. Từ dữ liệu về KQHT, SV có thể chủ động xây dựng kế hoạch học lại hoặc học cải thiện điểm để có thể tốt nghiệp đúng hạn với KQHT như mong đợi. Dựa vào Hình 5.1 tỷ lệ sinh viên ngành TCNH tốt nghiệp tăng dần qua các năm, năm 2024 tỷ lệ này đạt 83.5% cao nhất trong tất cả các năm.

Hình 5.1. Thống kê số lượng, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn ngành TCNH

Nguồn: Phòng ĐTĐH Trường ĐHNT giai đoạn 2018 -2024

Ngoài ra, Nhà trường còn lấy ý kiến phản hồi của SV năm cuối về hoạt động giảng dạy, ý kiến của NH đã tốt nghiệp [HBS.05.04.01]. Kết hợp việc đánh giá mức độ hài lòng của NH về phản hồi kết quả học tập với các đối với hoạt động giảng dạy của GV BM TCNH cho thấy phản hồi của NH được đánh giá đúng, công bằng trong thi và kiểm tra là trên 80% (**Bảng 5.1**)

Nhìn chung việc phản hồi các kết quả học tập người học ngành TCNH được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Trường. Tuy nhiên, một số ít GV vẫn chưa tuân thủ hoàn toàn quy định trả bài, sửa bài và công bố điểm đánh giá quá trình kịp thời cho SV trước khi thi kết thúc HP.

2. Điểm mạnh

–Nhà trường có quy định về việc kết quả đánh giá được công bố rõ ràng, đúng thời gian quy định đến NH, GV và CVHT để thực hiện và kiểm tra giám sát. Việc đánh giá quá trình được thực hiện theo quy định đánh giá KQHT của NH, được thể hiện trong đề cương của HP đã được phê duyệt.

–KQHT của NH được cung cấp đúng kỳ hạn, kịp thời đã tạo điều kiện cho SV quản lý được KQHT và kế hoạch học của mình, các bạn SV thông qua việc được cung cấp thông tin phản hồi sẽ giúp hạn chế tình trạng SV bị buộc thôi học, SV bị cảnh báo học tập 02 lần liên tiếp. Nhà trường luôn có kế hoạch phân công cán bộ, GV theo dõi

giúp đỡ NH có kế hoạch học tập phù hợp. Theo đó, số lượng SV ngành TCNH tham gia khiếu nại rất hạn chế.

3. Điểm tồn tại

Một số GV vẫn chưa tuân thủ hoàn toàn quy định trả bài, sửa bài và công bố điểm đánh giá quá trình kịp thời cho SV trước khi thi kết thúc HP.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tăng cường giám sát việc thực hiện quy định trả bài, chữa bài, công bố điểm đánh giá quá trình cho SV trước khi thi kết thúc HP.	-BM TCNH -Khoa KTTC	Thực hiện hằng tháng trong mỗi học kỳ.
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thông báo kịp thời KQHT đến NH. - Duy trì việc lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn KQHT của NH trên hệ thống quản lý của	-BM TCNH -Phòng ĐTDH - Phòng ĐBCL&KT -Phòng CNTT	Thực hiện theo học kỳ/ Năm học

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm tự đánh giá: 5/7)

Tiêu chí 5.5

Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả hiện trạng

Quy định về khiếu nại KQHT được Nhà trường quy định cụ thể và được ban hành trong quy định đánh giá HP [H5.05.01.08]. Các quy trình hướng dẫn cụ thể về việc phúc khảo bài thi, điều chỉnh điểm kiểm tra, điểm thi và quy định về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được Nhà trường ban hành đầy đủ [H5.05.05.01], các mẫu biểu hướng dẫn liên quan đến phúc khảo bài thi, điều chỉnh điểm được ban hành đầy đủ, cụ thể: Phiếu điều chỉnh điểm [H5.05.03.07], đơn đề nghị phúc khảo điểm bài thi [H5.05.03.08]. Các văn bản này được công bố rộng rãi và rõ ràng trên cổng thông tin điện tử của Phòng ĐTDH,

Phòng CTCT&SV đề SV dễ dàng tiếp cận [H5.05.05.01]. Những nội dung có liên quan cũng được giới thiệu đến NH trong Sổ tay SV [H5.05.02.03].

Các quy trình và hình thức khiếu nại được triển khai phổ biến đến NH ngay từ khi SV nhập học, thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H5.05.05.02], và các giờ sinh hoạt lớp của CVHT [H5.05.05.03]. Các quy trình này được làm rõ qua các buổi chào cờ SV của Khoa về việc giải đáp thắc mắc cho SV [H5.05.02.04].

NH còn thể hiện các ý kiến phản hồi, khiếu nại về KQHT của mình trong quá trình học tại Trường ĐHNH thông qua nhiều hình thức khác nhau như trao đổi trực tiếp với CVHT, điền vào phiếu khảo sát SV về HP hay khảo sát thông tin dạy và học, qua các hòm thư góp ý, diễn đàn “SV hỏi - Nhà trường trả lời” (<http://ntu.edu.vn/Sinhvien/QA.aspx>), các buổi đối thoại trực tiếp giữa SV và lãnh đạo Trường được tổ chức định kì [H5.05.05.04].

Trong quá trình học tập, NH được quyền khiếu nại KQHT theo quy định nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài thi, bài kiểm tra của mình [H5.05.05.01]. Nhà trường cũng đã ban hành quy định tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, thanh tra, kiểm tra [H5.05.05.05] giúp cho NH có cơ sở thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV trực tiếp giảng dạy HP khi công bố điểm trên lớp. Nếu thấy điểm trên phần mềm không chính xác, thì SV làm đơn gửi văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại [H5.05.01.08].

Bảng 5.3. Mức độ đồng ý của SV năm cuối ngành Tài chính – Ngân hàng về việc các yêu cầu hợp lý của NH được giải quyết kịp thời

Năm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Tương đối đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý (%)
2018 – 2019	28,36	47,76	23,88	0	0
2019 – 2020	35,56	37,78	22,22	2,22	2,22
2020 – 2021	28,57	50	14,29	7,14	0
2021 – 2022	45,65	43,48	7,61	2,17	1,09
2022 – 2023	38,2	48,31	10,11	2,25	1,12

(Nguồn: Trung tâm HTVL & KN Trường ĐHNH giai đoạn 2018 -2023)

Đối với điểm thi kết thúc học phần: KQHT của NH được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến NH thông qua tài khoản của NH để NH có phản hồi và khiếu nại KQHT [H5.05.05.05]. NH nếu thấy kết quả thi không tương xứng với bài làm của mình thì làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại [H5.05.01.08]. Trưởng BM sẽ phân công GV kiểm tra lại bài thi, Khoa phối hợp với GV để giải quyết cho SV chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận đơn; Khoa sẽ thông báo kết quả đến SV. Tất cả các đơn khiếu nại về KQHT của SV đều được tiếp nhận và giải quyết kịp thời, thỏa đáng [H5.05.01.08].

Trong những năm qua, công tác điều chỉnh điểm HP đã được các GV phụ trách HP phối hợp với trưởng BM giải quyết kịp thời cho NH. Văn phòng Khoa là đơn vị tiếp nhận các khiếu nại về kết quả thi của NH. Trong 05 năm học qua, Khoa KTTC chưa nhận đơn phúc khảo bài thi kết thúc HP từ NH. Tuy nhiên, nếu có phát sinh đơn xin phúc khảo bài thi từ NH, Khoa và BM sẽ tiến hành các bước xử lý theo quy định của Nhà trường

Kết quả khảo sát SV năm cuối được thể hiện ở Bảng 5.3, phần lớn SV đều hoàn toàn đồng ý, hoặc đồng ý về việc các yêu cầu hợp lý của NH được giải quyết kịp thời, tỷ lệ hoàn toàn đồng ý có cải thiện qua các khóa học, cho thấy các yêu cầu hợp lý của NH được giải quyết kịp thời [H5.05.05.06]. Kết quả của báo cáo tổng kết công tác SV hàng năm của Khoa và Trường [H5.05.05.07], cho thấy trong 5 năm gần đây, không có trường hợp nào của SV Khoa KTTC khiếu nại về KQHT.

Mặc dù quy trình khiếu nại được công bố rộng rãi đến NH và NH dễ dàng tiếp cận, tuy nhiên quy trình điều chỉnh điểm kiểm tra, điểm thi, khiếu nại KQHT chưa được thêm vào trang NTU E learning để giúp NH có thể tiếp cận dễ dàng hơn.

2. Điểm mạnh

- Quy trình khiếu nại được công bố rộng rãi, NH dễ dàng tiếp cận.
- Các yêu cầu của NH được giải quyết kịp thời

3. Điểm tồn tại

Quy trình điều chỉnh điểm kiểm tra, điểm thi, khiếu nại KQHT chưa thêm vào trang NTU E learning để giúp NH có thể tiếp cận dễ dàng nhất.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cập nhật quy trình điều chỉnh điểm kiểm tra, điểm thi vào trang NTU E learning. - Tăng cường phổ biến và hướng dẫn quy trình điều chỉnh điểm KT, điểm thi.	- Phòng CTCTSV - Phòng CNTT - CVHT	- Năm học 2023 – 2024 Các buổi sinh hoạt lớp
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục công bố rộng rãi quy trình khiếu nại được đến NH bằng những cách thức khác nhau. - Tổ chức giải quyết kịp thời các yêu cầu hợp lý của NH.	- CVHT - BM TCNH - Khoa KTTC - Phòng ĐTDH - Phòng CNTT -BM TCNH - Khoa KTTC	Thực hiện theo học kỳ/năm học. Khi có yêu cầu hợp lý của NH phát sinh

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận tiêu chuẩn 5

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo chương trình đào tạo được thực hiện đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) và Trường Đại học Nha Trang. Quy trình đánh giá này nhằm đo lường các chỉ định kết quả được ban hành và thông báo một cách rõ ràng, công khai đến sinh viên, sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng nhằm đảm bảo giá trị, tin cậy, khách quan và công bằng đối với sinh viên.

Nội dung đánh giá được thiết kế để đáp ứng yêu cầu đánh giá năng lực, trình độ kiến thức, kỹ năng thực hành và khả năng áp dụng kiến thức của sinh viên trong phạm vi chương trình đào tạo. Quá trình đánh giá cũng đảm bảo phân loại trình độ năng lực của sinh viên và phù hợp với mục tiêu của từng học phần. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để giúp sinh viên cải thiện việc học tập và nâng cao thành tích của mình.

Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện việc công bố kết quả điểm quá trình đến sinh viên kịp thời, gây ảnh hưởng đến khả năng cải thiện kết quả học tập

của sinh viên. Khoa Kế toán - Tài chính sẽ nhắc nhở giảng viên thực hiện việc công bố điểm quá trình đến sinh viên đúng thời hạn trong thời gian tới.

Hơn nữa, việc thiết kế ngân hàng đề thi cho các học phần chuyên ngành còn chưa được thực hiện. Điều này cũng ảnh hưởng đến quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Khoa Kế toán - Tài chính cam kết hoàn thành việc xây dựng ngân hàng đề thi cho các học phần chuyên ngành trong năm học 2023-2024, nhằm phục vụ quá trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Đội ngũ GV là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo của một cơ sở giáo dục đại học, cũng như ngành đào tạo. Ý thức được điều này, hàng năm Nhà trường và Khoa KTTC không ngừng phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Tỷ lệ GV/NH của ngành TCNH đều đạt yêu cầu quy định của Bộ GDĐT. Khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát hàng năm để làm căn cứ cải tiến chất lượng.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá hàng năm. Đặc biệt đội ngũ để thực hiện CTĐT ngành TCNH có trình độ và năng lực phù hợp với yêu cầu công việc được giao, đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm đáp ứng tốt yêu cầu của CTĐT và nhiệm vụ NCKH. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng.

Việc đánh giá, quản trị, khen thưởng kết quả công việc của GV, NCV được triển khai để tạo động lực cho việc hoàn thành trách nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và các hoạt động PVCĐ. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 6.1

Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có CLPT đội ngũ và bộ máy tổ chức của Trường đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, bao gồm việc tuyển dụng, thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu phù hợp với tổ chức bộ máy, quy mô đào tạo và đội ngũ GV, nghiên cứu viên [H6.06.01.01]. Năm 2021, Nhà trường tiếp tục ban hành CLPT Trường ĐHNT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có nêu định hướng phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng của đội ngũ GV để thực hiện mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội [H6.06.01.02]. Căn cứ CLPT Trường ĐHNT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nhà trường cũng đã xây dựng và ban hành Đề án về công tác phát triển đội ngũ giai đoạn 2021-2025, theo đó, Nhà trường đã xác định mục tiêu đến giữa năm 2025 đạt tối thiểu 40% GV có trình độ TS; tỷ lệ GV có chức danh GS/PGS đạt từ 20% trở lên trong tổng số GV có trình độ TS, trong đó số lượng GS/PGS/TS thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ biển và thủy sản chiếm 50%, có 3-5 GS/PGS/mỗi ngành [H6.06.01.03].

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo như trên, vào đầu mỗi nhiệm kỳ, Trường Khoa KT-TC sẽ xây dựng Đề án công tác nhiệm kỳ, trong đó, có đề xuất mục tiêu, quy mô, cơ cấu và giải pháp phát triển đội ngũ GV của Khoa nhằm đáp ứng nhu cầu của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H6.06.01.04]. Tính đến tháng 12/2023, Khoa KT-TC có 39 GV cơ hữu; số GV có trình độ TS là 09 GV, chiếm 23% (trong đó có 03 TS Tài chính ngân hàng); số GV có trình độ ThS là 30 GV, chiếm 77%, trong đó có 04 NCS. Với đội ngũ hiện tại của khoa đã đáp ứng tốt quy định về trình độ chuyên môn của giảng viên CTĐT theo quy định tại khoản 2, Điều 10, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT. Giai đoạn 2019 – 2023 không có GV được tuyển dụng mới, có 04 lượt cán bộ, GV của Khoa được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo Khoa/Bộ môn; 04 GV đạt học vị TS; 01 GV nghỉ hưu; 05 GV được bổ nhiệm chức danh GV chính; 01 GV điều chuyển về khoa từ phòng KHTC. Trong giai đoạn 2019-2023 có 12 GV được quy hoạch học NCS (ngành tài chính có 06 GV), kết quả ngành tài chính có 04 GV hoàn thành NCS, ngành TCNH có 02 GV hoàn thành và 02 GV đã dừng vì quá hạn [H6.06.01.05].

Mặc dù Khoa KT-TC đã có Đề án công tác nhiệm kỳ 2019 - 2023, trong đó có CLPT đội ngũ cán bộ, GV, NV và hàng năm có kế hoạch phát triển đội ngũ nhưng chưa có Kế hoạch phát triển đội ngũ tổng thể trong từng giai đoạn dài hạn, trung hạn phù hợp

với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và Khoa KT-TC, đáp ứng định hướng phát triển của CTĐT ngành Tài chính

Để triển khai CLPT của Trường và CLPT Khoa KT-TC, Khoa KT-TC đã thực hiện rà soát toàn bộ bộ máy, đội ngũ cán bộ, GV của Khoa KT-TC để xây dựng kế hoạch phát triển nhân sự Khoa KT-TC và đóng góp vào Đề án vị trí việc làm của cán bộ, GV, NV toàn Trường, trong đó có Khoa KT-TC Hàng năm, Khoa KT-TC đã xác định nhu cầu về nhân sự của đơn vị, kết hợp cùng với Phòng TC-NS tiến hành rà soát, thống kê tình hình đội ngũ cán bộ, GV để xây dựng kế hoạch phát triển GV hàng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt [**H6.06.01.06**].

Việc thu hút cán bộ, GV, NV được Nhà trường thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, cụ thể là hỗ trợ tiền, chỗ ở cho các GV có trình độ TS cũng như chính sách kéo dài thời gian công tác đối với các GV có trình độ cao đến tuổi nghỉ hưu ở những ngành có nhu cầu [**H6.06.01.07**]. Việc tuyển dụng, tiếp nhận cán bộ, GV, NV được thực hiện theo Quy định tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức của Chính phủ, của Bộ GDĐT và Quy định về tuyển dụng, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp VC tại Trường ĐHNH [**H6.06.01.08**]. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý được thực hiện theo Quy chế bổ nhiệm viên chức quản lý Trường Đại học Nha Trang [**H6.06.01.09**]. Hàng năm, Nhà trường thực hiện đúng quy định, đa dạng chính sách khen thưởng, hỗ trợ để thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, giải quyết chế độ hưu trí, tiếp nhận GV từ nơi khác, chuyển công tác hoặc chấm dứt hợp đồng và đều được thông báo trước với đương sự và công khai bằng nhiều hình thức. Để đảm bảo được đội ngũ và chất lượng nguồn nhân lực, Nhà trường đã xây dựng các chế độ, chính sách về nhân sự để thực hiện tốt công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài [**H6.06.01.07**].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường, Khoa KT-TC có xây dựng và triển khai kế hoạch CLPT đội ngũ GV, NCV giai đoạn 2021-2025, giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; có kế hoạch phát triển đội ngũ nhân lực hàng năm; có ban hành và cập nhật các văn bản nội bộ về công tác nhân sự theo quy định.

- Khoa KT-TC có quy hoạch cụ thể để nâng cao trình độ chuyên môn của GV theo giai đoạn 2019-2023 và đã có sự gia tăng về số lượng và tỷ lệ GV có trình độ TS, trong

đó có 04 GV hoàn thành chương trình TS, giúp tăng tỷ lệ TS trong khoa lên 23% trong tổng số GV cơ hữu của Khoa.

– Các quy định liên quan đến bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu được thực hiện theo quy định.

3. Điểm tồn tại

– Khoa KT-TC chưa có Kế hoạch phát triển đội ngũ tổng thể trong từng giai đoạn dài hạn, trung hạn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường và Khoa KT-TC, đáp ứng định hướng phát triển của CTĐT ngành Tài chính ngân hàng.

– Kết quả thực hiện quy hoạch học tập nâng cao trình độ tiến sỹ (TS) của một số GV đáp ứng còn chậm so với quy hoạch đã đưa ra.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	<p>- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ hơn công tác quy hoạch, kiểm tra, đánh giá đối với các giảng viên trong khoa về học tập nâng cao trình độ tiến sỹ.</p> <p>- Khoa sẽ tiến hành phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực phục vụ đào tạo của Khoa theo tầm nhìn, sứ mạng của trường, cũng như định hướng phát triển của CTĐT trong giai đoạn chuyển đổi số, để làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV dài hạn, ngắn hạn, trung hạn đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của Khoa</p>	<p>- Khoa KTTC</p> <p>- GV</p> <p>- Khoa KTTC</p>	<p>Từ năm 2024</p> <p>Giai đoạn 2024-2030</p>
2	Phát huy điểm mạnh	<p>Định kỳ xem xét, đánh giá về kết quả quy hoạch đội ngũ GV, NCV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD theo chiến lược đã đề ra, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp.</p>	Khoa KTTC	Giai đoạn 2024-2030

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 6.2

Tỉ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tổng số GV cơ hữu của Khoa KTTC có 40 GV cơ hữu; trong đó có 39 GV và 1 chuyên viên thư ký Khoa. Đội ngũ GV của Khoa KTTC có 09 Tiến sỹ [H6.06.01.05]. Theo quy định hiện hành về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, cụ thể là Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ GDĐT; Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020; Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022; Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT, ngày 28/04/2023 thì tỷ lệ SV/GV quy đổi của nhóm ngành Tài chính ngân hàng là 25 SV/GV.

Bảng 6.1. Tỷ lệ SV/GV ngành TCNH quy đổi trong 05 năm gần đây

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
	-	-	-	-	-
	2019	2020	2021	2022	2023
1. Số lượng SV đại học tuyển sinh	231	187	163	146	227
2. Sinh viên đại học	351	497	735	730	740
3. Tổng SV theo học CTĐT bao gồm SV cao đẳng	351	497	735	730	740
4. Số giảng viên cơ hữu	80	80	80	85	85
Trong đó Số lượng GV của Khoa KTTC	38	38	38	38	39
5. Số lượng GV mời giảng	2	2	2	5	5
6. Số GV quy đổi tham gia CTĐT	42,4	43,4	45,6	47	47
7. Tỷ lệ SV đại học /GV	8	11	16	16	16

Số liệu SV/GV quy đổi ở bảng trên cho thấy, trong giai đoạn đánh giá, tỷ lệ SV/GV quy đổi của ngành Tài chính ngân hàng luôn đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Định mức làm việc của đội ngũ GV, NCV được Nhà trường thực hiện theo các quy định hiện hành, cụ thể là Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT; Thông tư số

40/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT; Thông tư số 04/2022/TT-BGDĐT, ngày 04/03/2022 và Nghị định số 109/2022/NĐ-CP của Chính phủ và **[H6.06.02.01]**. Khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV bao gồm định mức giảng dạy, định mức NCKH, định mức hoạt động PVCĐ và các hoạt động khác được Nhà trường quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Trường. Theo đó, tất cả các hoạt động của GV đều được quy đổi thành giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ PVCĐ. GV được giao đảm nhiệm định mức giảng dạy mỗi năm từ 100 đến 350 giờ chuẩn tùy theo chức danh nghề nghiệp, trong đó GV phải thực hiện tối thiểu 50% định mức là giờ lên lớp trực tiếp. Định mức về giờ NCKH (tối thiểu là 586 giờ/năm học) cũng được quy định rõ ràng theo học hàm, học vị và chức danh nghề nghiệp của GV. Định mức giờ hoạt động PVCĐ và các hoạt động khác cũng được quy định tối thiểu là 128 giờ/năm học. Bên cạnh việc quy định cụ thể về định mức làm việc của đội ngũ GV, NCV, Nhà trường cũng có quy định về việc giảm định mức làm việc cho GV giữ các chức vụ quản lý ở Khoa KT-TC, GV được cử đi học hoặc nghỉ chế độ và GV kiêm nhiệm **[H6.06.01.07]**.

Vào đầu mỗi năm học, căn cứ quy trình xây dựng kế hoạch giảng dạy, học tập năm học của Trường **[H6.06.02.02]**. Khoa KT-TC sẽ xây dựng kế hoạch giảng dạy cho GV, trong đó dự kiến phân công và định mức rõ từng HP đối với từng GV trong đơn vị dựa trên khối lượng công việc dự kiến được tính cho mỗi GV trong năm học. Dựa vào phân công giảng dạy của Khoa KT-TC và các hoạt động NCKH và PVCĐ dự kiến của cá nhân, mỗi GV sẽ dự tính khối lượng công việc của mình trong năm học. Căn cứ khối lượng công việc do GV dự kiến, lãnh đạo Khoa KT-TC cùng các tổ BM sẽ rà soát kế hoạch phân công công việc của từng GV, đảm bảo phân công hợp lý để tất cả GV trong đơn vị có đủ khối lượng công việc theo định mức quy định, sau đó thông báo đến toàn thể GV được biết về việc phân công giảng dạy và các công việc khác nhằm đảm bảo sự công bằng, minh bạch cho các GV trong đơn vị **[H6.06.02.03]**. Trong 05 năm qua, GV của Khoa KT-TC đều thực hiện vượt định mức giờ làm việc theo quy định của Trường **[H6.06.02.04]**, **[H6.06.02.05]**.

Bên cạnh sự quản lý trực tiếp về các hoạt động của GV từ các tổ BM chuyên môn và Khoa KT-TC, Nhà trường còn phân công các đơn vị chức năng cùng tham gia vào việc giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV trong mỗi năm học như: Phòng ĐBCL&KT, Phòng TC-NS, Phòng KHCN, Phòng CTCT&SV, Phòng ĐTDH, Phòng ĐTSDH... Cụ thể, Phòng ĐBCL&KT theo dõi và thống kê giờ làm việc của GV ở các

hoạt động sinh hoạt học thuật cấp BM/Khoa, các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo...; Phòng ĐTĐH và Phòng ĐTSĐH theo dõi và thống kê các giờ giảng dạy ĐH và SDH, hướng dẫn chuyên đề, khoá luận tốt nghiệp và hướng dẫn đề tài ThS của GV; Phòng KHCN theo dõi và thống kê các hoạt động NCKH các cấp, bài báo, tham gia hội nghị, hội thảo chuyên ngành; Phòng CTCT&SV theo dõi và thống kê giờ của GV trong hoạt động CVHT và các hoạt động ngoại khóa của SV...[H6.06.02.06]. Kết quả đánh giá khối lượng công việc của các GV được sử dụng để làm căn cứ thanh toán vượt giờ và phân loại lao động cũng như danh hiệu thi đua năm học [H6.06.02.05], [H6.06.02.07].

Trên cơ sở kết quả đánh giá các hoạt động hàng năm của từng GV, Trường và Khoa đã có nhiều biện pháp để cải tiến chất lượng đào tạo và tạo điều kiện cho các GV tham gia hoạt động NCKH và PVCĐ như: (i) việc cân đối khối lượng công việc, giờ dạy phù hợp chuyên môn giữa các GV trong tổ chuyên môn để đảm bảo không GV nào bị quá tải; (ii) nhiều HP có sự kết hợp từ 2-3 GV cùng phối hợp giảng dạy theo đúng thế mạnh chuyên môn của mỗi GV; và (iii) mời các GV từ các khoa khác trong trường có chuyên môn sâu phù hợp hoặc từ các trường/doanh nghiệp tham gia giảng dạy [H6.06.02.08]. Ngoài ra, từ NH 2021-2022, để tuân thủ quy định của pháp luật về định mức giờ làm thêm (không vượt quá 300 giờ/năm/người), Nhà trường đã thực hiện rà soát chặt chẽ khối lượng giờ giảng của GV và có kế hoạch bố trí trợ giảng cũng như các giải pháp khắc phục [H6.06.02.09]. Nhà Trường và Khoa luôn tạo mọi điều kiện để GV và CBQL tham gia các hoạt động NCKH, giảng dạy, bồi dưỡng nghiệp vụ trong và ngoài nước cũng như tạo mọi điều kiện để GV tham gia hoạt động PVCĐ, trong giai đoạn 2019-2023, GV và CBQL trong khoa đã vượt mức hoạt động NCKH và PVCĐ theo kế hoạch hàng năm [H6.06.02.05]. Tuy nhiên, việc giám sát, đo lường một số hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hoá cụ thể để tạo thêm động lực và khuyến khích GV tham gia ngày càng nhiều hơn.

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của đội ngũ GV của Trường nói chung và ngành Tài chính ngân hàng nói riêng được xác định rõ ràng, được đo lường, giám sát với các tiêu chí cụ thể theo quy định để làm căn cứ cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại

Việc giám sát, đo lường một số hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hoá cụ thể để tạo thêm động lực và khuyến khích GV tham gia ngày càng nhiều hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ NCS như: hàng quý tổ chức sinh hoạt chuyên môn về lĩnh vực nghiên cứu của NCS; sắp xếp và bố trí công việc cho NCS hợp lý hơn để NCS có thể hoàn thành nhiệm vụ học NCS.	-Khoa KTTC -Giảng viên	Từ năm học 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, GV Khoa theo chiến lược phát triển của nhà trường và sự phát triển của ngành TCNH, đồng thời hàng năm đánh giá kết quả công việc của GV để đảm bảo được kết quả công việc theo yêu cầu.	Khoa KTTC	Từ năm học 2024

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 6.3

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNT có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV rất rõ ràng. Cụ thể, hiện nay các tiêu chuẩn tuyển dụng của Nhà trường đối với người dự tuyển chức danh GV gồm: Tiêu chuẩn đặc thù nghề nghiệp: ngoại hình, có chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề phù hợp; Tiêu chuẩn chuyên môn: (i) có trình độ thạc sĩ trở lên, có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, bằng điểm đại học có các môn chuyên ngành hoặc liên quan gần chuyên ngành dự tuyển phải đạt từ 7 điểm trở lên; (ii) trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 (B1); (iii) trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. Ngoài ra, các ứng viên phải có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp, lý lịch bản thân rõ ràng **[H6.06.01.08]**.

Ngoài những tiêu chí tuyển dụng chung của Nhà trường, Khoa KT-TC còn có những tiêu chí riêng theo đặc thù của ngành TCNH (Tuyển dụng nhân sự theo hướng có trình độ Tiến sĩ hoặc NCS ngành TCNH để phục vụ cho việc mở chuyên ngành Công nghệ TCNH). Các tiêu chí tuyển dụng về đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được rà soát, xây dựng, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường **[H6.06.03.01]**. Quy trình tuyển dụng GV tại Khoa được thực hiện theo quy trình chung của Nhà trường. Quy trình tuyển dụng theo quy định bao gồm các bước: đầu tiên Phòng TC-NS phối hợp cùng các Khoa KT-TC xác định số lượng GV cần bổ sung để đề xuất chỉ tiêu tuyển dụng, xác định các điều kiện dự tuyển, thời gian tuyển dụng báo cáo Hiệu trưởng để trình Hội đồng Trường phê duyệt chỉ tiêu; sau đó căn cứ phê duyệt của Hội đồng Trường, Hiệu trưởng triển khai Kế hoạch tuyển dụng: thông báo tuyển dụng trên các phương tiện đại chúng, cổng thông tin điện tử của Trường, tiếp nhận hồ sơ; tiếp theo tổ chức sơ tuyển; tổ chức tuyển dụng; thông báo kết quả tuyển dụng; phê duyệt kết quả tuyển dụng; ký hợp đồng; thực hiện quy định tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp **[H6.06.01.08]**.

Trường ĐHNT đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý là Trường đơn vị, Phó trưởng đơn vị **[H6.06.01.09]**. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động luân chuyển, miễn nhiệm các chức danh quản lý được Khoa thực hiện đúng quy định về quy trình, thủ tục; GV được bổ nhiệm đảm bảo về tư cách đạo đức, thành tích học tập, NCKH, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ, đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp và lý lịch bản thân rõ ràng **[H6.06.03.02]**. Việc chỉ định Trưởng bộ môn, Phó trưởng bộ môn cũng được Khoa thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường **[H6.06.03.03]**. Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (gồm GV chính, GV cao cấp, phó giáo sư, giáo sư) và hoạt động này được thực hiện công khai đúng quy định **[H6.06.03.04]**.

Để không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng mục tiêu phát triển đội ngũ và tạo đội ngũ kế thừa, Nhà trường đã xây dựng đề án phát triển đội ngũ giai đoạn 2021-2025 và có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm **[H6.06.01.03]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đưa ra nhiều chính sách thu hút GV chất lượng cao, giàu kinh nghiệm từ bên ngoài Trường và nhiều chế độ khuyến khích GV trong Trường nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ **[H6.06.01.07]**. Tuy nhiên, Khoa vẫn chưa thu hút được GV có chức danh PGS,

GS; TS có năng lực chuyên môn cao và kinh nghiệm NCKH về làm việc tại Khoa [H6.06.03.02], [H6.06.03.09]. Hàng năm, công tác TĐG và đánh giá năng lực giảng dạy, phẩm chất đạo đức và khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao đối với đội ngũ GV của Khoa được thực hiện một cách minh bạch, rõ ràng và công bằng theo các tiêu chuẩn cụ thể được ban hành tại Quy định đánh giá, xếp loại VC, NLĐ của Nhà trường [H4.04.02.17], [H6.06.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được Nhà trường phổ biến và thông báo công khai. Các thông báo tuyển dụng, kết quả tuyển dụng đều được Nhà trường công bố công khai bằng văn bản, trên cổng thông tin điện tử và niêm yết tại Phòng TC-NS [H6.06.03.05], [H6.06.03.06], [H6.06.03.07], [H6.06.03.08], [H6.06.03.09]. Phòng TC-NS lưu giữ các quyết định bổ nhiệm, điều động nhân sự; các quyết định này cũng được gửi đến các đơn vị trong toàn trường và cá nhân liên quan [H6.06.03.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên để bổ nhiệm, điều chuyển và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại

Khoa vẫn chưa thu hút được GV có chức danh GS, chưa có nhiều PGS, TS có năng lực chuyên môn cao và kinh nghiệm NCKH về làm việc tại Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng và đề xuất một số tiêu chí tuyển dụng riêng biệt, đặc thù như: tuyển dụng và cử sinh viên, học viên cao học có năng lực nghiên cứu, giảng dạy đi đào tạo NCS, nhằm hướng tới phát triển chất lượng, quy mô đào tạo và và NCKH trong giai đoạn mới và khả năng có thể đáp ứng được của các ứng viên dự tuyển	-Khoa KTTC -Phòng TCNS	Thực hiện từ năm học 2023 - 2024
2	Phát	Tuyển dụng những ứng viên đáp ứng	-Khoa KTTC	Từ năm học

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	huy điểm mạnh	yêu cầu tuyển dụng có trình độ TS và đang thực hiện NCS.		2024

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 6.4

Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Năng lực của đội ngũ GV, NCV của Nhà trường nói chung và Khoa KT-TC nói riêng được xác định dưới nhiều hình thức, nhiều văn bản quy định từ nhiều đơn vị trong Trường và đáp ứng được các quy định hiện hành [H4.04.02.17]. Các tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ được thể hiện ở các yếu tố bao gồm: trình độ học vị và chức danh (ThS, TS, PGS, GS), các loại văn bằng, chứng chỉ hỗ trợ giảng dạy (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm); các bài báo, công trình khoa học đã công bố, các kết quả khảo sát đánh giá hoạt động giảng dạy của GV hàng năm [H6.06.02.05], [H6.06.02.07], [H6.06.04.03].

Tính tới thời điểm hiện tại, đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHNH nói chung và của Khoa KT-TC nói riêng có đủ năng lực đáp ứng để tổ chức triển khai CTĐT của ngành Tài chính ngân hàng một cách đầy đủ và có hiệu quả. 100% các GV tham gia giảng dạy ngành tài chính ngân hàng đều có trình độ sau đại học, tốt nghiệp ở các cơ sở giáo dục có uy tín trong và ngoài nước [H6.06.01.04], GV được tham gia các lớp tập huấn về nghiệp vụ sư phạm, PPGD đại học, phương pháp NCKH, có trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu giảng dạy CTĐT [H6.06.04.01].

Vào cuối mỗi năm học, cán bộ viên chức Nhà trường được phân loại bằng các tiêu chí xét thi đua trong mẫu đánh giá kết quả công tác của viên chức, kết quả bao gồm: không hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, theo đó bình chọn ra các danh hiệu thi đua gồm lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua theo Quy chế thi đua, khen thưởng của Nhà trường [H6.06.04.02].

Bên cạnh đó, để có thêm những nhận định khách quan từ phía NH, vào cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành đánh giá hoạt động giảng dạy của đội ngũ GV Khoa KT-TC thông qua các hoạt động khảo sát SV, kết quả sẽ được gửi đến Khoa, Bộ môn và GV

để từ đó có những điều chỉnh cần thiết nhằm đáp ứng tốt hơn hoạt động giảng dạy. Kết quả khảo sát NH đối với HDGD của GV qua các năm học (Bảng 6.2) cho thấy hầu hết các GV được NH đánh giá từ mức hài lòng trở lên với hoạt động giảng dạy, đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo [H6.06.04.03].

Bảng 6.2. Tổng hợp kết quả đánh giá HDGD của GV Khoa KT-TC qua các năm

Năm học	Học kỳ	Tỷ lệ đánh giá (%)				
		A+	A	A-	B	C
2019-2020	1	0	92	8	0	0
	2	0	0	0	0	0
2020-2021	1	0	92	8	0	0
	2	0	92	8	0	0
2021-2022	1	11	89	0	0	0
	2	3	97	0	0	0
2022-2023	1	0	97	3	0	0
	2	0	100	0	0	0

Mặc dù năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đánh giá hàng năm, kết quả phân loại chất lượng CBVC hàng năm được công bố đến toàn thể VC và người lao động trong trường; tuy nhiên kết quả đánh giá GV của Khoa KT-TC chủ yếu dựa vào kênh đánh giá theo quy định của Nhà trường, chưa có kênh đánh giá riêng của Khoa để có thêm thông tin đánh giá năng lực chuyên môn của đội ngũ GV trong BM và Khoa.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và được đánh giá thường xuyên hàng năm, với quy trình rõ ràng và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Đội ngũ GV ngành Tài chính ngân hàng nói riêng và của Khoa KT-TC nói chung có đủ năng lực để tổ chức triển khai CTĐT một cách đầy đủ và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa có kênh đánh giá riêng về năng lực chuyên môn của đội ngũ GV ngoài cơ chế đánh giá của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa sẽ thiết lập kênh đánh giá riêng ngoài các hướng dẫn của Nhà trường, bằng cách nghiên cứu và xây dựng các tiêu chí để xác định và đánh giá năng lực của GV một cách toàn diện và phù hợp với đặc thù của chuyên ngành	Khoa KTTC	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt công tác đánh giá GV hàng năm, khuyến khích hoạt động NCKH, PVCĐ của GV trong Khoa	Khoa KTTC	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 6.5

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Trong chiến lược phát triển chung của Nhà trường, phát triển đội ngũ đã được cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Nhà trường cũng đã ban hành Quy định về đào tạo bồi dưỡng CBVC tại Trường ĐHTN và các kế hoạch Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức hàng năm.

Khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, NCV luôn được Nhà trường và các đơn vị thực hiện theo kế hoạch. Việc khảo sát nhu cầu được thực hiện theo hình thức Nhà trường gửi thông báo về đăng ký và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm, từng giai đoạn đến các đơn vị **[H6.06.05.01]**, **[H6.06.05.02]**. Trong các thông báo này bao gồm nội dung về Nhà trường tổ chức bồi dưỡng theo các chương trình và nội dung đã được xác định theo định kỳ, ngoài ra còn có kế hoạch tự bồi dưỡng để cho GV, NCV chủ động thực hiện. Các nội dung đào tạo bồi dưỡng luôn được ghi nhận các phản hồi, điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn. Đây được xem là kết quả của khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong Nhà trường để từ đó

điều chỉnh, bổ sung và xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm, trong từng giai đoạn của từng đơn vị và của Nhà trường [H6.06.05.03].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV, NCV trong Khoa luôn được xem xét, rà soát đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Trọng tâm của hoạt động đào tạo, phát triển chuyên môn là xây dựng kế hoạch để GV có thể đạt được trình độ TS, nhằm nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn cũng như đủ điều kiện để đào tạo sau đại học ngành Tài chính ngân hàng [H6.06.01.04], [H6.06.01.05].

Trường và Khoa luôn tạo điều kiện để các GV được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, quản lý thông qua các chương trình đào tạo mở tại trường hoặc cử cán bộ tham gia tại các đơn vị đào tạo có uy tín [H6.06.05.05]. Đồng thời, các chế độ đãi ngộ về thời gian, giảm định mức giờ giảng, kinh phí cho GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được xác định và phổ biến rộng rãi đến toàn thể GV, NCV để tạo động lực cho quá trình học tập, nghiên cứu của GV, NCV [H6.06.01.07]. Hàng năm căn cứ vào nhu cầu đào tạo của các BM, Khoa đã cử các GV đi đào tạo các lớp ngắn, trung hạn nhằm nâng cao trình độ giảng viên, cập nhật kiến thức chuyên môn, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, NCKH của GV [H6.06.05.05]. Đối với CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng, Khoa đã có nhiều hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ GV như: đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV mới, khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở trong và ngoài nước. Kết quả, tỷ lệ giảng viên trong khoa thực hiện kế hoạch đào tạo chuyên môn qua các năm đều đạt ở mức cao trên 90% qua các năm [H6.06.05.04], đến thời điểm hiện tại, tất cả GV của Khoa đều có trình độ sau đại học trong đó có 9 TS, 4 NCS. Tiến trình đào tạo và phát triển chuyên môn của GV trong Khoa ở giai đoạn 2019 – 2023 được thể hiện ở Bảng 6.4

Bảng 6.3. Kết quả đào tạo, phát triển chuyên môn của GV Khoa KTTC từ năm 2019 đến 2021

Nội dung	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1. Số GV hoàn thành việc học Thạc sỹ	05	0	0	0	0
2. Số GV hoàn thành việc học NCS	01	01	02	01	0
3. Số GV hoàn thành chứng chỉ GVC	0	10	0	01	04
4. Số GV hoàn thành chứng chỉ GVCC	0	01	0	0	0

Nội dung	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
5. Số GV hoàn thành lớp bồi dưỡng Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành	0	0	0	0	0
6. Số hoàn thành các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn khác	03	03	02	20	40

Hàng năm, Khoa đã phối hợp với các bộ phận chức năng trong trường, đơn vị liên kết để tổ chức hội thảo từ cấp trường trở lên, điều này không chỉ nâng cao số lượng, chất lượng NCKH của GV trong Khoa, mà còn góp phần kết nối với các tổ chức, chuyên gia để gia, từ đó có thêm những định hướng nghiên cứu, các góp ý đánh giá của thực tiễn đối với sinh viên, GV trong quá trình giảng dạy, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo ngành tài chính ngân hàng [H6.06.02.05]. Mặt khác, Nhà trường đã có chính sách khuyến khích các GV có trình độ chuyên môn cao tham gia đào tạo, hỗ trợ cho các GV trẻ tập sự bằng cách trợ giảng hoặc thỉnh giảng và kéo dài thời gian làm việc cho các GV có trình độ cao nhờ đó đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của Khoa [H6.06.06.07].

Bên cạnh đó là hoạt động rà soát, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác đào tạo của từng giảng viên, bộ môn và cả khoa thông qua các báo cáo tổng kết hàng năm [H6.06.05.06], để từ đó đánh giá được kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo giảng viên đã thiết lập, xác định những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân trong quá trình thực hiện đào tạo của giảng viên trong khoa, từ đó có những giải pháp cần thiết, kịp thời hỗ trợ giảng viên hoàn thành các chương trình đào tạo đang thực hiện.

Mặc dù Khoa đã xác định nhu cầu bồi dưỡng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho CBVC trong Khoa, tuy nhiên một số kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn ngắn cho GV chưa được thực hiện, cụ thể như các lớp tập huấn về lập báo cáo tài chính quốc tế, công nghệ tiền điện tử, công nghệ blockchain, tiền kỹ thuật số của Ngân hàng trung ương...

2. Điểm mạnh

– Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được Nhà trường và Khoa xác định rõ ràng, có kế hoạch chiến lược cùng với đó là những hoạt động được triển khai kịp thời và phù hợp.

– Tỷ lệ giảng viên trong khoa thực hiện kế hoạch đào tạo chuyên môn qua các năm đều đạt ở mức cao trên 90% qua các năm

– Các chế độ đãi ngộ về thời gian, giảm định mức giờ giảng, kinh phí cho GV được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được xác định và phổ biến rộng rãi đến toàn thể GV, NCV để tạo động lực cho quá trình học tập, nghiên cứu của GV, NCV.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Khoa đã xác định nhu cầu bồi dưỡng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho CBVC trong Khoa, tuy nhiên một số kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn ngắn cho GV chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục xác định đầy đủ các nhu cầu, nội dung cần bồi dưỡng và tập huấn, trên cơ sở đó lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và tổ chức thực hiện các khóa bồi dưỡng, tập huấn cho GV, NCV.	Khoa KTTC	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt quy trình lập kế hoạch, triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng và phối hợp với bộ phận chức năng trong Nhà trường để hỗ trợ tốt hơn các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cho GV, NCV trong Khoa	Khoa KTTC	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 6.6

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Quản trị theo kết quả công việc của GV và NCV đã được Nhà trường triển khai và có sự cải tiến theo từng giai đoạn, có tính hệ thống từ cấp Trường đến từng đơn vị và đến từng cá nhân.

Hàng năm, Nhà trường đã giao các chỉ tiêu chính về mặt hoạt động giảng dạy,

NCKH và PVCĐ về từng đơn vị như tỷ lệ công bố bài báo khoa học, số hợp đồng chuyển giao công nghệ, số hợp tác nghiên cứu quốc tế, hoạt động PVCĐ về trải nghiệm của NH, hội thảo, chuyên đề, ... [H6.06.06.01]. Các chỉ số cụ thể đối với GV, NCV về khối lượng giảng dạy và NCKH cũng đã được gán định mức theo học hàm, học vị và theo mức hệ số lương cơ bản với nhiều mức khác nhau cho nhiều mức đóng góp. Trong đó, GV là Tiến sĩ có 586 giờ NCKH/năm, GVCC và GS, PGS có giờ NCKH để 710 giờ/năm, khối lượng giờ chuẩn giảng dạy cũng được phân bổ từ 100 đến 240 giờ/năm [H6.06.01.07]. Các chính sách khuyến khích, trao thưởng cho bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín cũng có sự gia tăng về tiền thưởng theo phân hạn Q1 đến Q4 và có sự điều chỉnh gia tăng trong các lần cập nhật [H6.06.01.07]. Ngoài ra, các GV và NCV có thành tích xuất sắc cũng đã được ghi nhận và xét tặng giấy khen của Khoa, Hiệu trưởng cùng hiện vật [H6.06.04.02].

Khoa KT-TC đã có thống kê, đánh giá kết quả lao động của từng GV, NCV, các bộ môn, tập thể Khoa, so sánh kết quả đạt được với kế hoạch đã đặt ra, từ đó có cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của cá nhân, tập thể trong khoa, cũng như những điều chỉnh cần thiết để hoàn thành kế hoạch đã thiết lập. Việc này được thực hiện định kỳ hàng tháng, giữa và cuối năm học [H6.06.02.05].

Trong những năm qua, hệ thống kế hoạch công việc đã giúp GV, NCV chủ động trong triển khai thực hiện, kết quả tổng kết, đánh giá hàng năm đều cho thấy kết quả cao trong việc hoàn thành kế hoạch công việc được giao [H6.06.05.06]. Tuy nhiên Nhà trường và Khoa chưa thực hiện công tác khảo sát, đánh giá của GV, NCV về kết quả đánh giá đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Khoa, Nhà trường và các cấp có thẩm quyền.

Đối với công tác NCKH Nhà trường mới chỉ dừng lại ở việc tính giờ chuẩn NCKH hàng năm cho GV, NCV mà chưa có chính sách, hình thức khen thưởng cho những GV có vượt giờ NCKH cao. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chưa có những đánh giá, khen thưởng cho các GV, NCV có nhiều đóng góp cho hoạt động PVCĐ và chưa xây dựng các định mức và chỉ số cụ thể để đo lường hoạt động PVCĐ khi đánh giá năng lực GV, NCV.

2. Điểm mạnh

Các chính sách của Nhà trường về thi đua, khen thưởng có tính bao quát các mặt hoạt động và được sự hài lòng từ GV và NCV; hình thức khen thưởng về NCKH và bài

báo quốc tế đã giúp gia tăng số lượng bài báo trong thời gian gần đây...

3. Điểm tồn tại

– Nhà trường, Khoa chưa có khảo sát ý kiến GV và NCV về việc có thực sự đồng ý, hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hàng năm.

– Hiện nay việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV của Nhà trường vẫn chưa có mức khen thưởng cho những GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức chuẩn mà chỉ mới dừng lại ở việc tính giờ chuẩn NCKH hàng năm, cùng với đó là chưa có những đánh giá, khen thưởng cho các GV, NCV có nhiều đóng góp cho hoạt động PVCĐ.

– Chưa xây dựng các định mức và chỉ số cụ thể để đo lường hoạt động PVCĐ khi đánh giá năng lực GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai khảo sát, đánh giá của GV và NCV về việc có thực sự đồng ý, hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của GV hàng năm. Mặt khác, Khoa sẽ triển khai xây dựng các định mức và chỉ số cụ thể hơn để đo lường hoạt động PVCĐ khi đánh giá năng lực GV	Khoa KTTC	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt quy trình đánh giá hoạt động giảng dạy, bình xét thi đua theo quy định của Nhà trường	Khoa KTTC	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu Chí 6.7

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động nghiên cứu của GV và NCV nói riêng cũng như các mặt hoạt động khoa học, công nghệ khác được Nhà trường cụ thể hóa bằng Quy định về hoạt động

khoa học công nghệ trong Trường Đại học Nha Trang [H6.06.07.01], và được cập nhật, bổ sung vào năm 2023 [H6.06.07.02]. Trong Quy định này đã chỉ ra các nội dung của hoạt động KHCN, tài chính cho hoạt động KHCN và xây dựng kế hoạch cho hoạt động KHCN để GV, NCV và các đơn vị trong toàn Trường triển khai thực hiện. Ngoài ra, trong quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.07], cũng đã quy định cụ thể loại hình và số lượng các hoạt động NCKH mà GV, NCV thực hiện.

Hoạt động NCKH bao gồm các hoạt động: thực hiện đề tài, dự án các cấp, viết bài báo, hướng dẫn SV NCKH, tham gia các hội thảo Khoa học trong và ngoài nước, tham gia các seminar học thuật, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề về NCKH, phản biện bài báo Khoa học... [H6.06.01.07]. Cuối năm, kết quả hoạt động NCKH của từng GV được tổng hợp tại phòng KHCN, Phòng KHCN giám sát và đánh giá tổng kết vào cuối mỗi năm học và công bố trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường [H6.06.07.03].

Hàng năm, căn cứ vào thông báo về đăng ký, xét duyệt đề tài nghiên cứu của Nhà trường, GV đăng ký đề tài NCKH, Hội đồng Khoa tổ chức xét duyệt các đề tài đăng ký từ các bộ môn, sau đó các đề tài đăng ký được duyệt chuyển lên phòng KHCN để làm thủ tục xét duyệt cấp trường, những đề tài nào được thông qua sẽ thông báo về Khoa và GV để triển khai thực hiện [H6.06.07.04]. Các hoạt động NCKH và kết quả của các hoạt động NCKH của GV và SV Khoa KTTC thể hiện ở Bảng 6.3 cho thấy: số hoạt động NCKH và số lượng công trình NCKH của GV và SV Khoa KTTC tăng qua các năm

Bảng 6.4 Thống kê các hoạt động và công trình NCKH của GV, SV khoa KTTC qua các năm

TT	Hoạt động NCKH của GV và SV	NH	NH	NH	NH	NH
		2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
1	Số đề tài cấp trường của GV	0	02	03	04	02
2	Số đề tài NCKH trong SV	0	0	02	00	02
3	Số bài báo đăng ở tạp chí quốc tế	01	06	05	07	08
4	Số bài báo đăng ở tạp chí trong nước	13	6	19	24	25
5	Số bài viết tham dự hội thảo quốc tế	03	01	6	13	10
6	Số bài viết tham dự hội thảo quốc gia	23	32	5	10	32

TT	Hoạt động NCKH của GV và SV	NH	NH	NH	NH	NH
		2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
7	Số bài viết tham dự hội thảo cấp Trường, khoa	20	27	26	12	1

Quá trình triển khai đề tài NCKH của GV trong Khoa được giám sát chặt chẽ từ cấp BM, Khoa và Phòng KHCN từ khâu đăng ký đề tài, tuyển chọn và triển khai thực hiện đề tài. Định kỳ Khoa tiến hành rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện, và có những hỗ trợ cần thiết cho hoạt động NCKH của GV trong Khoa. Các kết quả NCKH cũng được thống kê hàng năm để lưu trữ, báo cáo và truyền thông cho hoạt động của Khoa, đây cũng là cơ sở quan trọng để BM, Khoa đánh giá thi đua hàng năm và cải tiến chất lượng hoạt động NCKH của Khoa [H6.06.02.05]. Tuy nhiên, Khoa KTTC chưa xây dựng các nhóm nghiên cứu để triển khai các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và TCNH. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện đề tài NCKH vẫn còn tình trạng kéo dài đề tài qua các năm và việc nghiên cứu chỉ được thực ở một số GV trong Khoa mà chưa có sự tham gia của các GV khác đặc biệt là các GV trẻ. Các đề tài nghiên cứu của GV mới chỉ tập trung ở cấp trường mà chưa thực hiện ở các cấp cao hơn và các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa, Viện khác trong trường và ngoài trường còn chưa nhiều, số lượng bài báo được công bố trong các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI còn hạn chế [H6.06.07.05].

Đối với hoạt động viết giáo trình, sách tham khảo, các bài báo đăng trên tạp chí trong nước, quốc tế cũng như báo cáo tại các Hội nghị, Hội thảo Khoa học trong và ngoài nước luôn được duy trì và triển khai trong kế hoạch hoạt động của Khoa hàng năm [H6.06.02.05]. Nhiều bài báo đăng trên các tạp chí Khoa học uy tín có chỉ số Scopus, ISI...và số lượng các công trình NCKH của Khoa có xu hướng tăng dần qua các năm [H6.06.07.05].

2. Điểm mạnh

– Các công trình NCKH của Khoa tăng qua các năm cả về số lượng và chất lượng, hoạt động tổ chức hội thảo hàng năm của Khoa ngày càng uy tín, chất lượng với sự tham gia đông đảo của những chuyên gia có uy tín từ các trường ĐH trong cả nước.

– Tất cả GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức số giờ NCKH hàng năm theo quy định của Trường và Bộ GDĐT, các công trình NCKH đã thực hiện bao gồm: đề tài

nghiên cứu Khoa học các cấp, công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí, hội thảo trong nước và quốc tế có uy tín, ngoài ra một số GV trong Khoa còn là thành viên ban biên tập của các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

– Số lượng các giáo trình, tài liệu tham khảo được xuất bản phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu tăng lên qua các năm.

3. Điểm tồn tại

– Vẫn còn tình trạng kéo dài đề tài NCKH qua các năm, việc nghiên cứu vẫn tập trung ở một số GV trong Khoa. Các đề tài nghiên cứu của GV mới chỉ tập trung ở cấp trường mà chưa thực hiện ở các cấp cao hơn.

– Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các Khoa, Viện khác trong trường và ngoài trường còn chưa nhiều, số lượng bài báo được công bố trong các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI còn hạn chế.

– Chưa xây dựng các nhóm nghiên cứu để triển khai các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và TCNH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	-Triển khai thành lập các nhóm nghiên cứu để thực hiện các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kế toán, tài chính – ngân hàng. Đồng thời hướng dẫn các GV trẻ tham gia tích cực hơn nữa hoạt động NCKH. -Tổ chức các hoạt động hỗ trợ nhằm giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện đề tài NCKH của GV đã quá hạn theo quy định. -Khoa KTTC tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất cho GV trong công tác NCKH; đề nghị khen thưởng xứng đáng với GV thành tích NCKH xuất sắc.	Khoa KTTC	Hoàn thành năm 2024
2	Phát	Tổ chức các hoạt động giao lưu, liên kết	Khoa KTTC	Từ năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	huy điểm mạnh	với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, nhằm nâng cao năng lực NCKH của GV trong Khoa, từ đó gia tăng số lượng, chất lượng các công trình NCKH		2024

5. Tự đánh giá:

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐHNT thực hiện tốt việc quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) qua đó đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Tỷ lệ GV/NH được đo lường và giám sát, qua đó đảm bảo tiêu chuẩn để thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường nói chung và ngành Tài chính ngân hàng nói riêng; khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát thường xuyên làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và hoạt động PVCD, cũng như làm cơ sở để Nhà trường ban hành các chính sách nhằm khuyến khích và tạo động lực cho GV, NCV.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, NCV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được đánh giá một cách chính xác, khách quan. Thêm nữa, những nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ GV, NCV được Trường ĐHNT và Khoa KTTC xác định rõ bằng các chiến lược, văn bản và triển khai các hoạt động cụ thể để đáp ứng nhu cầu đó. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng, nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV đã được Trường xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Tuy nhiên, Khoa chưa xây dựng các nhóm nghiên cứu để triển khai các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính – ngân hàng, việc này sẽ được Khoa KTTC triển khai trong thời gian tới.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 7/7

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Nhân tố con người là một trong những nhân tố quan trọng nhất quyết định đến sự thành công của một tổ chức. Ở trường đại học, bên cạnh đội ngũ GV, một bộ phận khác đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đó là đội ngũ nhân viên, những người làm công tác tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ, cùng với đội ngũ GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của Nhà trường. Do vậy, việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên luôn được Trường ĐHNT coi trọng và được thể hiện qua công tác xác định vị trí việc làm và quy hoạch đội ngũ nhân viên. Để tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định trên cơ sở vị trí việc làm và được phổ biến công khai. Bên cạnh việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ cũng được triển khai nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ.

Tiêu chí 7.1

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường đã ban hành CLPT Trường ĐHNT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó xác định số lượng viên chức quản lý là 183 người và viên chức phục vụ, dịch vụ là 189 người (đến năm 2025) [H6.06.01.01]. Năm 2023, căn cứ Kế hoạch CLPT Trường ĐHNT giai đoạn 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H6.06.01.02], Nhà trường đã xây dựng và ban hành Đề án về công tác phát triển đội ngũ giai đoạn 2021-2025 nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ, theo đó, Nhà trường đã xác định mục tiêu đến năm 2025 là: “*duy trì ổn định số lượng viên chức của Nhà trường không quá 900 người, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa viên chức hành chính với GV, NCV theo tỷ lệ 1:4*” [H6.06.01.03]. Năm 2015, Nhà Trường có xây dựng Đề án vị trí việc làm (đã trình Bộ chủ quản nhưng chưa ban hành chính thức), trong đó có xác định 84 vị trí việc làm gắn với công tác hỗ trợ phục vụ với số người làm việc gắn với công việc hỗ trợ phục vụ là 196 người, có mô tả năng lực cần có đối với các vị trí cần thiết [H7.07.01.01]. Hiện

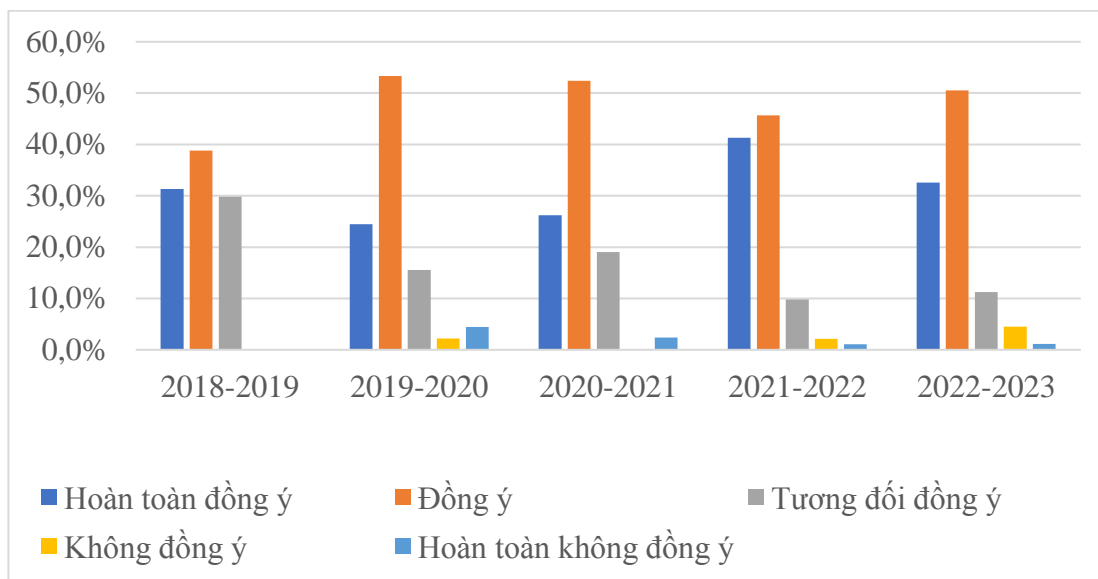
tại, Nhà trường đang điều chỉnh Đề án vị trí việc làm năm 2023 cho phù hợp với nhu cầu phát triển mới của Trường, để đào tạo cho số SV dự báo năm 2030 là 30.000 SV với số lượng đội ngũ nhân viên tăng lên 185 người năm 2025 và 220 người năm 2030 [H7.07.01.02]. Tuy nhiên, việc quy hoạch đội ngũ NV chỉ mới được thực hiện chung cho toàn Trường, chưa dựa trên các phân tích dự báo nhu cầu cụ thể theo từng ngành.

Nhà trường có các chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV làm việc tại các đơn vị dịch vụ, hỗ trợ, được thể hiện trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H6.06.01.07]. Cụ thể: (i) NV được hỗ trợ phụ cấp công vụ bằng 25% lương cộng phụ cấp chức vụ; (ii) NV trẻ, có mức thu nhập dưới 6.000.000đ/tháng sẽ được Trường hỗ trợ thêm cho đủ 6.000.000 đ/tháng; (iii) được thưởng phụ cấp tăng thêm cuối năm (lương tháng 13) như đội ngũ GV; (iiii) NV các đơn vị (Phòng KH-TC, Phòng TC-NS, Phòng CTCT&SV, Phòng HTQT) được cử đi giao định với các cơ quan, đơn vị trong nội thành Nha Trang được hỗ trợ từ 200.000đ-500.000đ/tháng tùy thuộc vào công việc chuyên môn; (iiiii) được hỗ trợ về thủ tục hành chính và kinh phí để tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như thăng hạng chức danh nghề nghiệp (chuyên viên, chuyên viên chính). Ngoài ra, chính sách thu hút tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV còn được đưa ra trong các thông báo tuyển dụng hàng năm của Trường. Các chính sách này vừa cụ thể, vừa đa dạng, phù hợp với các đối tượng khác nhau cần tuyển.

Việc quy hoạch đội ngũ NV làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống thông tin và các dịch vụ hỗ trợ theo đúng chuyên môn, năng lực đáp ứng được mục tiêu đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được Nhà trường nhận định trong CLPT Trường và đề án vị trí việc làm của Trường. Kế hoạch tuyển dụng cán bộ hợp đồng lao động tạo nguồn cũng được Trường thông báo đến các đơn vị trực thuộc để đăng ký số lượng, chỉ tiêu tuyển dụng. Sau khi các đơn vị đề xuất số lượng chỉ tiêu tuyển dụng, Nhà trường tiến hành xem xét nhu cầu công tác của từng đơn vị, đồng thời dựa trên kế hoạch CLPT để trình Hội đồng trường phê duyệt số lượng chỉ tiêu tuyển dụng và thông báo đến các đơn vị bằng văn bản [H6.06.03.06].

Hiện tại, Trường có 18 phòng ban và các trung tâm phục vụ, với sự phân bố số lượng NV phù hợp dựa trên quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho nhu cầu sử dụng của Trường. Tính đến thời điểm 31/10/2023, toàn Trường có 658 CBVC, trong đó khối hành chính có 198 CBVC (bao gồm 173 VC quản lý, hành chính và 25 NV hợp đồng phục vụ), chiếm 30,1%. Số VC quản lý, hành chính có trình độ tiến sĩ có 15 người (7,6%), thạc sĩ 68 người

(34,3%), đại học 53 người (26,8%), cao đẳng 02 người (1,0%) và trung cấp 09 người (4,5%). Số lượng NV hiện tại của Trường đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.03].



Hình 7.1. Kết quả khảo sát sinh viên ngành Tài chính ngân hàng đối với viên chức hành chính

Hàng năm, Nhà trường có thực hiện khảo sát người học về thái độ phục vụ của cán bộ, viên chức hành chính thông qua hoạt động khảo sát SV năm cuối về chất lượng khóa học. Kết quả khảo sát SV năm cuối năm 2022 cho thấy có 78,49% số SV được hỏi hài lòng với thái độ phục vụ của cán bộ, VC hành chính, tuy nhiên vẫn còn 4,73% SV được hỏi chưa thật sự hài lòng về thái độ phục vụ của cán bộ, VC hành chính [H7.07.01.04].

Đội ngũ NV hỗ trợ trực tiếp tại Khoa KT-TC đáp ứng được yêu cầu phát triển của Khoa KT-TC và CTĐT, bao gồm 01 NV là thư ký Khoa, 01 Trợ lý sinh viên và các GV kiêm nhiệm cố vấn học tập [H7.07.01.05]. Công việc của Khoa còn nhận được sự hỗ trợ đặc biệt của các NV hỗ trợ từ các đơn vị khác như Phòng ĐTDH, Phòng CTCT&SV, Phòng TC-NS, Phòng ĐBCL&KT, ... Kết quả khảo sát sinh viên năm cuối các năm học từ năm 2019 đến năm 2023 của SV ngành Tài chính ngân hàng về tiêu chí “Cán bộ, viên chức hành chính có thái độ phục vụ tốt” đều được đánh giá cao và tỷ lệ cao ở mức đồng ý trở lên (Hình 7.1)

2. Điểm mạnh:

- Nhà trường có định hướng phát triển đội ngũ rõ ràng, đáp ứng nhu cầu phát triển của Trường và Khoa KT-TC.
- Có chính sách và thực hiện tuyển dụng đội ngũ NV hỗ trợ hàng năm phù hợp

với nhu cầu thực tế và CLPT của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại:

Việc quy hoạch đội ngũ NV được thực hiện chung cho toàn Trường, chưa dựa trên các phân tích dự báo nhu cầu cụ thể theo từng ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai khảo sát toàn diện các BLQ về độ đáp ứng của đội ngũ NV phục vụ cho ngành Tài chính ngân hàng để thực hiện phân tích sâu sắc và dự báo nhu cầu về đội ngũ NV nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của CTĐT ngành Tài chính ngân hàng.	-Khoa KTTC -Phòng TCNS	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện và có các chính sách đãi ngộ, khen thưởng và bồi dưỡng chuyên môn phù hợp và xứng đáng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ.	Khoa KTTC	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 7.2

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNT và Khoa KT-TC rất chú trọng đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua Quy định tuyển dụng, tập sự, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức tại Trường ĐHNT và Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý là Trưởng đơn vị, Phó trưởng đơn vị [H6.06.01.08], [H6.06.01.09]. Các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn

về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học theo quy định, được thể hiện rõ ràng tại các thông báo tuyển dụng [H6.06.01.09]. Mặt khác, việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào các vị trí Trưởng/Phó các đơn vị cũng cần đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ, năng lực và kinh nghiệm công tác [H6.06.01.09]. Trường cũng đã xác định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên trên cơ sở Khung năng lực của vị trí việc làm ban hành kèm theo Đề án vị trí việc làm [H7.07.01.01], [H7.07.01.02]. Tuy nhiên, hệ thống mô tả công việc, vị trí việc làm chưa rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể cho việc thu hút, ưu tiên và đặc thù riêng cho từng khoa khi tuyển dụng đội ngũ nhân viên.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Trường và của Khoa được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan. Các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trước khi chính thức ban hành [H7.07.02.01]. Hàng năm, Trường có rà soát nhiệm vụ chuyên môn của từng bộ phận nhằm bổ sung yêu cầu về tiêu chí, nhất là các tiêu chí về bằng cấp, ngoại ngữ, tin học và tiêu chuẩn về đạo đức phục vụ công tác khi tuyển dụng hay điều chuyển công việc [H7.07.02.01]. Trên cơ sở chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, khi có nhu cầu, Khoa sẽ làm tờ trình đề xuất nhu cầu tuyển dụng nhân viên, Nhà trường sẽ tổng hợp đề xuất của các đơn vị và xây dựng kế hoạch tuyển dụng với các chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và minh bạch [H6.06.03.08]. Bên cạnh đó, Nhà trường thành lập các Hội đồng tuyển dụng viên chức để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng [H6.06.03.07].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên; kế hoạch tuyển dụng; kết quả tuyển dụng của Trường đều được công khai, minh bạch bằng các phương thức: gửi văn bản cho các đơn vị, công bố trên trang thông tin điện tử của Trường (<https://www.ntu.edu.vn>) và thông báo email tới các đơn vị trong Trường, đến email từng cá nhân trong đơn vị có liên quan. Phòng TC-NS lưu giữ các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động nhân sự [H7.07.02.03]. Trong chu kỳ đánh giá, Khoa cũng như Nhà trường không có khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng. Các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể, rõ ràng và được

công bố công khai. Kế hoạch, kết quả tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc và công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống mô tả công việc, vị trí việc làm chưa rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể cho việc thu hút, ưu tiên và đặc thù riêng cho từng khoa khi tuyển dụng đội ngũ nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục xây dựng Kế hoạch bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn	-Khoa KTTC -Phòng TCNS	Từ năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp và cập nhật hệ thống website của Trường và các bộ phận chức năng trong nhà trường, trong đó nêu rõ thành viên, chức năng, nhiệm vụ, thông tin trao đổi, liên lạc để thuận tiện cho quá trình trao đổi công việc của các đối tượng liên quan.	-Khoa KTTC -Phòng CNTT -Các bộ phận liên quan	Từ năm 2024

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 7.3

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Công tác xây dựng đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao được Nhà trường xác định là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển của trường, với mục tiêu số nhân viên ở mức dưới 30% tổng số CBVC của Trường nhưng chất lượng nhân viên luôn được bồi dưỡng nâng cao, việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên là việc làm thường xuyên trong quá trình đánh giá chất lượng đào tạo của Trường.

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định ngay từ khâu tuyển dụng viên

chức **[H7.07.02.03]**. Các tiêu chuẩn để tuyển dụng theo từng vị trí được xác định ngay từ đầu thông qua bằng cấp, lĩnh vực chuyên môn, trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc và qua quá trình phỏng vấn trực tiếp.

Việc đánh giá phân loại viên chức đều có biểu mẫu, hướng dẫn rõ ràng và được thực hiện vào cuối mỗi năm học **[H7.07.03.01]**. Các tiêu chí thi đua khen thưởng được cập nhật thường xuyên, được thể hiện rõ ràng qua các quy định của Nhà trường **[H7.07.03.02]**. Cuối năm dựa trên các quy định của Nhà trường về tổ chức, triển khai và đánh giá kết quả công việc của nhân viên giúp phân loại được kết quả công việc của đội ngũ nhân viên. Quy trình được thực hiện gồm hai bước: bước 1 là phân loại lao động theo các mức không hoàn thành/hoàn thành/hoàn thành tốt/hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong bước này các nhân viên tự đánh giá dựa trên kết quả công việc mình đã hoàn thành trong năm so sánh với tiêu chí đã thiết lập; bước 2 là dựa vào kết quả phân loại lao động để suy tôn danh hiệu (lao động tiên tiến và chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp bộ,...), trong bước này kết quả suy tôn sẽ do tập thể đánh giá (tại cấp đơn vị và cấp trường). Các NV có thành tích xuất sắc sẽ được đề nghị bằng khen ở các cấp theo quy định, đồng thời các danh hiệu thi đua gắn liền với những khen thưởng về vật chất và tinh thần, tăng lương trước thời hạn đối với các NV có nhiều thành tích xuất sắc trong công việc **[H6.06.04.02]**. Quy trình thực hiện đánh giá đội ngũ nhân viên được thực hiện dựa trên các quy định đã được ban hành và sự thống nhất của tập thể đối với cá nhân được đánh giá, các quyết định về thi đua khen thưởng được công bố công khai toàn trường. Kết quả phân loại lao động của CBVC đều được tự đánh giá bởi chính người lao động, được xác nhận của lãnh đạo đơn vị và tập thể về năng lực chuyên môn, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan **[H7.07.03.03]**.

Bên cạnh đó, Trường đã bước đầu tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan trong việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên thông qua việc SV được tham gia đánh giá về mức độ hài lòng đối với việc phục vụ của nhân viên các Phòng ban, Trung tâm, Thư viện được thể hiện ở biểu đồ 7.1. Tuy nhiên việc đánh giá sự hài lòng về mức độ phục vụ của đội ngũ nhân viên cần mở rộng hơn đối với các bên liên quan như GV, phụ huynh SV, người bên ngoài đến liên hệ công việc. Ý kiến phản hồi này là cơ sở để các đơn vị và đội ngũ nhân viên các Phòng ban, Trung tâm, Thư viện có được những biện pháp cải tiến thiết thực, nâng cao hiệu quả công tác nhằm phục vụ các yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng tốt hơn và phù hợp với

nhu cầu thực tiễn.

2. Điểm mạnh

Có đầy đủ quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực trong đội ngũ nhân viên. Thông tin về quy định được xác định rõ ràng dựa trên quy định của cơ quan chủ quản, luật viên chức và tổng hợp từ góp ý của toàn thể đội ngũ nhân viên, người lao động toàn Trường.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá mức độ phục vụ của đội ngũ nhân viên chưa được mở rộng đối với các bên liên quan như GV, phụ huynh SV, người bên ngoài đến liên hệ công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Xây dựng tiêu chí và quy trình đánh giá đội ngũ NV có sử dụng dữ liệu khảo sát từ các BLQ (NH, các đơn vị ở trong và ngoài trường).	Phòng TCNS	Từ năm 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt quy trình đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ NV theo quy định của Nhà trường, đảm bảo sự rõ ràng, công khai minh bạch, đúng kết quả công việc của NV	Khoa KTTC	Từ năm 2024 - 2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 7.4.

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện Chiến lược phát triển và tầm nhìn của Trường Đại học Nha Trang đến 2030, tầm nhìn đến 2045, trong đó Chiến lược phát triển yêu cầu 100% viên chức hành chính được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, sử dụng thuần thục các phần mềm ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, Trường đã ban hành Quy định về công tác

ĐTBD công chức, viên chức Trường Đại học Nha Trang [H7.07.04.01]. Trên cơ sở đó, Trường đã tiến hành công tác khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV trên cơ sở phân tích yêu cầu công việc rồi cho đăng ký nguyện vọng trước khi ban hành kế hoạch thực hiện [H6.06.05.01], [H6.06.05.03].

Trên cơ sở nhu cầu của NV phục vụ hàng năm Trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch ĐTBD công chức, viên chức, người lao động Trường Đại học Nha Trang. Trong Kế hoạch có cả hai mảng là đào tạo và bồi dưỡng và các thông tin cụ thể khác như mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, số lượng, tên, địa điểm, hình thức, kinh phí các lớp học nhằm nâng cao hiệu quả của công tác bồi dưỡng công chức, viên chức, người lao động. Trường cũng ra thông báo công khai về các khóa đào tạo và bồi dưỡng, kể cả ở nước ngoài [H6.06.05.03].

Hàng năm, Nhà trường đều có các thông báo bằng văn bản gửi đến các đơn vị, lập danh sách CBVC đăng ký đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, từ đó có cử cán bộ tham gia các khóa học tập bồi dưỡng, phù hợp với tính chất công việc nhằm nâng cao chất lượng làm việc, nâng cao chất lượng phục vụ của Nhà trường [H7.07.04.08]. Từ năm 2016 đến 2020 có 686 CBVC tham gia đào tạo tập huấn bồi dưỡng các lớp, trong đó chỉ tính riêng năm 2020 có 07 VC tham gia lớp tập huấn về chuyên viên chính, 02 VC tham gia tập huấn đầu thầu qua mạng và một số lớp tập huấn khác [H7.07.04.02]. Bên cạnh đó Nhà trường thường xuyên mở các lớp an toàn PTN [H7.07.04.03], tổ chức các hội nghị về mô hình quản lý PTN [H7.07.04.04], để nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên. Theo kế hoạch quy hoạch chuyên môn của Khoa KT-TC giai đoạn 2019 đến năm 2023 có tổng số 40 CBVC đăng ký học tập nâng cao trình độ [H6.06.01.04]. Việc đào tạo bồi dưỡng (2019-2021) được Phòng TCNS lên kế hoạch và gửi về các phòng ban và các Khoa KT-TC tham gia bồi dưỡng như bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng kỹ năng thư kí văn phòng, bồi dưỡng kỹ năng chữa cháy-sơ cấp cứu, an toàn trong lao động [H7.07.04.05]. Hàng năm, Nhà trường cử các CB tham gia một số khóa học ngắn hạn, lớp bồi dưỡng chuyên sâu như kiến thức nghi thức giao tiếp và lễ tân ngoại giao, bồi dưỡng nghiệp vụ đối ngoại năm 2020 [H7.07.04.06], lớp tập huấn về quốc tế hóa trong GDDH, tổ chức ở Bình Dương vào tháng 12 năm 2019 [H7.07.04.07].

Chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, theo nhu cầu giảng dạy, NCKH và PVCD. Khắc phục đào tạo, bồi dưỡng không sát hợp

với chuyên môn, nghiệp vụ; Định kỳ đánh giá CC,VC theo qui định, qua đó phát hiện bồi dưỡng, giao nhiệm vụ, bổ nhiệm những VC có năng lực và uy tín cao và ngược lại xem xét miễn nhiệm những người không hoàn thành nhiệm vụ và giảm chỉ số tín nhiệm của quân chúng. Ngoài ra, trong chiến lược phát triển Trường Đại học Nha Trang đến 2030, tầm nhìn đến 2045 [H6.06.01.01], [H6.06.01.02] nêu rõ yêu cầu 100% VC hành chính được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, sử dụng thuần thục các phần mềm ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý của Nhà trường. Bên cạnh đó, đề án vị trí việc làm trong toàn Trường đang được xây dựng và hoàn chỉnh từ 2015 [H7.07.01.01], [H7.07.01.02].

Các KQHT bồi dưỡng của CBVC đều được ghi nhận trong các đánh giá cuối năm, vừa để quản lý các hoạt động của CBVC, vừa ghi nhận các kết quả đạt được của CBVC. Hiện nay, Nhà trường đã hình thành được đội ngũ VC có chất lượng cao, có năng lực, có trình độ chuyên môn và đa số đều trẻ nên khả năng nắm bắt nhanh nhạy với công việc, hoàn thành tốt khối lượng công việc được phân công. Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn, trung hạn để thực hiện chiến lược của Nhà Trường và Khoa chưa được thực hiện đầy đủ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBVC dựa vào chiến lược phát triển của Nhà trường và xây dựng các giải pháp để triển khai thực hiện kế hoạch cụ thể.

3. Tồn tại

Việc xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn, trung hạn để thực hiện chiến lược của Nhà trường và Khoa chưa được thực hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBVC (hàng năm, trung, và dài hạn) và tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Phòng TCNS	Từ năm 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		thiết thực cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường		
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện hoạt động khảo sát ý kiến của đội ngũ nhân viên để xác định nhu cầu cần thiết của đội ngũ nhân viên về việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Gia tăng các chương trình đào tạo NV theo yêu cầu của mục tiêu phát triển Nhà trường, đồng thời xem xét, đề xuất các hoạt động hỗ trợ cho NV trong quá trình đào tạo, nâng cao trình độ.	-Phòng TCNS -Khoa KTTC	Thực hiện hàng năm, từ năm 2024-2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 7.5

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường đã ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân trong Nhà trường [H7.07.05.01]. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, CB quản lý, GV và nhân viên được phân định rõ ràng để phục vụ cho công tác phân công đánh giá kết quả công việc của đội ngũ nhân viên hàng năm [H7.07.05.01].

Kết quả làm việc của mỗi cá nhân được đánh giá, phân loại vào cuối năm học theo quy định phân loại kết quả công việc của Nhà trường [H7.07.03.03]. với các mức

hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Trên cơ sở đó, Hội đồng thi đua của Nhà trường sẽ dựa vào các quy định và các tiêu chuẩn để bình bầu và đánh giá. Kết quả này sau đó sẽ được công khai đối với toàn bộ cán bộ nhân viên **[H7.07.05.03]**. Các cá nhân có quyền khiếu nại các kết quả phân loại lao động trước khi Nhà trường công bố kết quả chính thức. Các quy định về thi đua và khen thưởng rõ ràng, tuân thủ theo quy định của Nhà nước **[H7.07.05.04]**. Các CBVC có thành tích xuất sắc sẽ được giới thiệu cho các danh hiệu ở các cấp cao hơn: Bằng khen của Bộ GDĐT hay biểu dương khen thưởng các cán bộ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh **[H7.07.05.05]**. Nhà trường còn có nhiều hoạt động khen thưởng nhằm khích lệ tinh thần làm việc và phấn đấu của người lao động, cụ thể như việc nâng lương trước hạn đối với cá nhân có thành tích xuất sắc **[H7.07.05.06]**, chính sách hỗ trợ phụ cấp cho nhân viên hành chính và CBVC trẻ, thưởng tiền cho CBVC có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt kết quả cao, đi du lịch nước ngoài... Với những chính sách đúng đắn và phù hợp nhằm thúc đẩy các cá nhân phát triển, đồng thời thúc đẩy cho quá trình đào tạo, tạo dựng một môi trường làm việc ổn định **[H6.06.01.07]**.

Tất cả các nhân viên xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ theo phân công vào đầu HK (về khối lượng, tiến độ và thời gian hoàn thành), các văn bản này sẽ được tập hợp cho lãnh đạo đơn vị xem xét, điều này sẽ giúp cho việc phân công, theo dõi, giám sát và hỗ trợ tốt hơn **[H7.07.05.02]**. Các hoạt động gắn kết và PVCĐ ngày càng được khuyến khích và đẩy mạnh trong và ngoài Trường với sự tham gia của toàn thể CBNV và SV trong toàn trường. Đội ngũ nhân viên của các phòng ban như Phòng CTCTSV, Phòng Hợp tác Quốc tế, Trung tâm HTVL&KN đóng vai trò là cầu nối giữa GV và SV trong các hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, các chương trình hỗ trợ đồng bào miền núi, hỗ trợ SV nghèo vượt khó, chuyển xe không đồng đưa SV nghèo về quê ăn tết, ngày hội việc làm để kết nối với các DN... đều được thực hiện hàng năm. Tuy nhiên, các hoạt động gắn kết và PVCĐ chưa được lượng hóa cụ thể làm cơ sở để đánh giá chất lượng VC và bình xét danh hiệu thi đua

Trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả của công việc, Nhà trường đều triển khai lấy ý kiến rộng rãi của các cá nhân trong toàn trường và thường xuyên được rà soát lại qua từng năm học **[H7.07.05.07]**. Hiện nay Nhà trường đang xây dựng và triển khai công cụ đánh giá KPI's tại một vài đơn vị, tiến tới sẽ áp dụng cho tất cả

các đơn vị trong toàn Trường [H7.07.05.08]. Tuy nhiên việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc vẫn còn phải tiếp tục xây dựng và củng cố để hoàn thiện.

–Đối với đánh giá kết quả công việc của NV hàng năm của nhà Trường, quy trình được thực hiện rõ ràng, dân chủ và đều có sự trao đổi với đơn vị quản lý, NV về kết quả đánh giá của hội đồng thi đua Nhà Trường trước khi quyết định chính thức về kết quả thi đua của NV hàng năm. Đến nay, chưa có đơn từ khiếu nại về quy trình, kết quả đánh giá về bình xét thi đua, nâng lương trước thời hạn của NV. Tuy nhiên, chưa có khảo sát ý kiến về việc NV có thực sự đồng ý, hài lòng với việc quản trị theo kết quả công việc của NV thông qua thi đua khen thưởng và công nhận hàng năm. Đồng thời, các hoạt động gắn kết và PVCD chưa được lượng hóa cụ thể làm cơ sở để đánh giá chất lượng VC và bình xét danh hiệu thi đua, để từ đó khuyến khích NV thực hiện tốt hơn các hoạt động PVCD.

2. Điểm mạnh

–Nhà trường có chính sách, quy định về thi đua khen thưởng rõ ràng, minh bạch nên đã động viên và khuyến khích được đội ngũ nhân viên nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ.

–Nhà trường không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho đội ngũ NV phục vụ... trong giai đoạn tự đánh giá.

3. Tồn tại

–Trường vẫn chưa có khảo sát ý kiến chính thức từ NV phục vụ để biết được chính xác tỷ lệ hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền mặc dù không có khiếu kiện trong thời gian đánh giá.

–Các hoạt động gắn kết và PVCD chưa được lượng hóa cụ thể làm cơ sở để đánh giá chất lượng VC và bình xét danh hiệu thi đua

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	-Triển khai đánh giá về sự hài lòng của CBVC về kết quả phân loại thi đua. -Nhà trường và Khoa triển khai xây dựng các định mức và chỉ số cụ thể	-Phòng TCNS -Khoa KTTC	Từ năm 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		hơn để đo lường hoạt động PVCD khi đánh giá năng lực NV		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và xác định vị trí việc làm của NV.	-Phòng TCNS -Khoa KTTC	Từ năm 2024-2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHNT đảm bảo về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD của Khoa và Trường. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường ĐHNT và Khoa KTTC có cơ chế tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Các nhân viên đều hài lòng với quy trình đánh giá kết quả cuối năm học cũng như các chế độ khen thưởng phù hợp. Tuy nhiên, hiện tại Nhà trường chưa triển khai đánh giá KPI's đến tất cả các đơn vị trong nhà trường; công việc này Nhà trường sẽ triển khai và thực hiện trong thời gian tới.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong các giai đoạn vừa qua, Trường ĐHNT và Khoa KTTC luôn chú trọng đến chất lượng đào tạo (CLĐT) cũng như thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ, đầu tư cho NH ngành Tài chính – Ngân hàng (TCNH) nhằm nâng cao chất lượng đầu ra đáp ứng với các yêu cầu của ngành nghề, xã hội. Nhà trường xây dựng và hoàn thiện chính sách tuyển sinh theo hướng ngày càng phù hợp, rõ ràng và có các tiêu chí, phương thức tuyển sinh đa dạng, công khai, minh bạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các thí sinh mà vẫn đảm bảo đúng quy chế và chất lượng tuyển sinh đầu vào. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa KTTC cũng có hệ thống giám sát tiến độ học tập và rèn luyện của người học, KQHT, khối lượng học tập của NH hợp lý. Hơn nữa, các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Các hoạt động cộng đồng, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác để hỗ trợ cho việc học tập, nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề

nghệp,... cũng được thực hiện thường xuyên và sôi nổi thu hút được sự tham gia của rất nhiều NH. Song song với các hoạt động trên, Nhà trường đặc biệt quan tâm cải thiện môi trường tâm lý, xã hội thân thiện và cảnh quan sạch sẽ, xanh đẹp của Trường tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho NH.

Tiêu chí 8.1.

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

a. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHNT nói chung và của ngành Tài chính - Ngân hàng nói riêng được xác định cụ thể và rõ ràng, thực hiện theo quy chế, kế hoạch tuyển sinh đại học và cao đẳng của Bộ GDĐT [H8.08.01.01]. Chính sách tuyển sinh được thể hiện thông qua Đề án tuyển sinh [H8.08.01.02], và Kế hoạch tuyển sinh của trường, sử dụng các tổ hợp xét tuyển đúng quy định, phù hợp với ngành TCNH [H8.08.01.03].

Trong chính sách tuyển sinh của mình, bên cạnh các chế độ chung, Trường có chính sách khuyến khích, hỗ trợ, khen thưởng học sinh thi vào Trường đạt kết quả cao, cấp học bổng hoặc miễn giảm, hỗ trợ học phí, ký túc xá (KTX) cho SV là con em của các gia đình chính sách, ngư dân, gia đình khó khăn [H8.08.01.04].

b. Chính sách tuyển sinh được công bố công khai

Chính sách tuyển sinh của Trường được công bố công khai thông qua các kênh hoạt động quảng bá tuyển sinh đa dạng, dễ dàng tiếp cận, như: cổng thông tin tuyển sinh quốc gia, chuyên trang tuyển sinh của Trường (<https://tuyensinh.ntu.edu.vn/>) và trang web của Khoa KTTC [H8.08.01.05]. Bên cạnh đó, thông tin tuyển sinh cũng được giới thiệu tại các hoạt động cộng đồng của Trường/Khoa như Ngày hội sách tại Trường, Hoạt động tiếp đón các trường THPT về trường tham quan trải nghiệm môi trường đại học, Ngày hội tư vấn tuyển sinh (trực tuyến, trên truyền hình, tại các trường trung học phổ thông, tại các ngày hội tuyển sinh chung tại các địa phương) và thông qua tờ rơi [H8.08.01.05].

Khoa và BM quản lý ngành phối hợp chặt chẽ với các phòng chức năng của Trường (Phòng ĐTĐH, Phòng HTQT) và các đơn vị giáo dục trong quảng bá tuyển sinh nhằm phổ biến rộng rãi chính sách tuyển sinh cũng như tổ chức các hoạt động liên quan để thu hút học sinh cấp 3 thi vào Khoa và Trường như: Truyền thông thông tin tuyển

sinh thông qua công đồng mạng facebook, Zalo... thăm hỏi và tổ chức các hoạt động tại các trường THPT trên địa bàn toàn tỉnh.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhằm công khai chính sách tuyển sinh của Nhà trường, Khoa thông qua nhiều hoạt động và kênh thông tin. Tuy nhiên, cần đa dạng hóa hơn nữa các hình thức quảng bá tuyển sinh, trú trọng vai trò của các SV trong việc quảng bá tuyển sinh tại trường cũ, quảng bá tuyển sinh thông qua kênh cựu sinh viên của Ngành/Khoa và Nhà trường. Ngoài ra, bản thân Khoa cũng tổ chức các hoạt động quảng bá đến từ nhiều nguồn như về các trường cấp 3, trên fanpage của Khoa, tuy nhiên do nguồn lực không nhiều nên việc quảng bá chưa thực sự hiệu quả.

c. Chính sách tuyển sinh được cập nhật

Hàng năm, Nhà trường căn cứ số lượng giảng viên của trường, tham khảo kết quả phân tích dự báo nguồn nhân lực và thống kê việc làm sau tốt nghiệp để xác định chỉ tiêu phù hợp cho các ngành cũng như tổ chức họp rút kinh nghiệm và cập nhật chính sách tuyển sinh cho phù hợp với tình hình thực tế [H8.08.01.06], [H8.08.01.07]. Bản dự thảo đề án tuyển sinh hàng năm đều được gửi đến toàn Trường để lấy ý kiến góp ý trước khi ban hành [H8.08.01.08].

Mặc dù chính sách tuyển sinh của Nhà trường được cập nhật và điều chỉnh hàng năm, quy mô tuyển sinh của Ngành luôn ổn định, chỉ tiêu luôn đạt hoạch đề ra. Khoa KTTTC vẫn chưa có những chính sách tuyển sinh riêng và hình thức quảng bá cần phong phú hơn để thu hút những thí sinh giỏi, có năng lực cao dự thi; chưa đẩy mạnh vai trò kết nối giữa các sinh viên và đặc biệt là cựu SV với trường cũ trong công tác quảng bá tuyển sinh.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng với chỉ tiêu và điểm chuẩn của ngành TCNH được Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định, cùng với chế độ ưu tiên (vùng, đối tượng); được công bố công khai trên chuyên trang tuyển sinh của Trường và thông qua các hoạt động quảng bá đa dạng, dễ tiếp cận và được cập nhật thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh sự ổn định về lượng thí sinh trúng tuyển ngành TCNH, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyển sinh nhưng chính sách tuyển sinh của Nhà trường, Khoa vẫn chưa thực sự hấp dẫn để thu hút được nhiều thí sinh giỏi, có năng lực vào học ngành TCNH. Nhà trường/ Khoa cần đa dạng kênh quảng bá, đặc biệt quảng bá tuyển

sinh thông qua sinh viên/cựu sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát các doanh nghiệp có ký kết hợp tác với Khoa KKTC tìm hiểu nhu cầu việc làm và hỗ trợ SV khi ra trường nhằm thu hút hơn nữa NH muốn đăng ký vào Khoa KTTC. - Đẩy mạnh công tác tìm kiếm nguồn lực tài chính qua đó đề xuất chính sách tuyển sinh ưu tiên, chính sách học bổng, thu hút thí sinh giỏi, có năng lực vào ngành TCNH. - BCN Khoa, GV, Đoàn TN, cựu SV tổ chức kết nối với các trường THPT trong tỉnh Khánh Hòa, các tỉnh Tây Nguyên và Nam Trung Bộ quảng bá tuyển sinh tuyển sinh ngành TCNH thông qua nhiều hình thức: kết nối trên fanpage, ký kết hợp tác giữa Khoa với các trường THPT. 	Khoa KTTC phối hợp với Trung tâm HTVL&KN	Năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì đảm bảo chính sách tuyển sinh được cập nhật và công khai hàng năm trên website; đảm bảo nội dung đầy đủ, rõ ràng, mang tính lượng hóa cao (quy định về số điểm trúng tuyển, 	-Phòng ĐTDH -Khoa KTTC	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		chỉ tiêu tuyển sinh), cùng với chế độ ưu tiên (vùng, đối tượng); được công bố công khai trên chuyên trang tuyển sinh của Trường và thông qua việc đa dạng các hoạt động quảng bá, để tiếp cận và được cập nhật thường xuyên.		

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 8.2.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT và được công bố trong đề án tuyển sinh [H8.08.01.01], [H8.08.01.02]. Ngành TCNH hiện sử dụng 04 phương thức tuyển sinh, gồm xét điểm theo tổ hợp xét tuyển (A00, A01, D01, D07), điểm tốt nghiệp THPT, dựa vào kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP.HCM và tuyển thẳng. Tuy nhiên, đến năm 2023, Bộ GDĐT quy định thí sinh sẽ đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học trên hệ thống cổng thông tin của Bộ GDĐT, nhà trường bổ sung phương thức xét tuyển học bạ trong công tác tuyển sinh. Các thí sinh có tổng điểm các môn thi và điểm ưu tiên xét tuyển bằng hoặc cao hơn điểm xét tuyển sẽ được xét tuyển theo thứ tự ưu tiên từ cao đến thấp cho đến khi hết chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Tài chính – Ngân hàng [H8.08.02.01].

Vào mỗi đợt tuyển sinh, số lượng hồ sơ đăng ký xét tuyển được thống kê, cập nhật thường xuyên và hệ thống trả lời giải đáp các thắc mắc trực tuyến trên trang tuyển sinh của Trường (<https://tuyensinh.ntu.edu.vn/>) để thí sinh và phụ huynh theo dõi. Kết quả xét tuyển được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục & Đào tạo, của Trường Đại học Nha Trang cùng với điểm chuẩn và số lượng xét tuyển [H8.08.02.02].

Bảng 8.1 Thống kê chỉ tiêu, số trúng tuyển, điểm tuyển sinh từ 2019-2023

Năm học	Khối ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển	Điểm tuyển sinh
2019 - 2020	A00, A01, D01, D07	110	110	Điểm xét TN 2020: 6,8 Điểm xét tuyển ĐGNL: 700 Điểm thi THPTQG: 20,5/30
2020 - 2021	A00, A01, D01, D07	120	120	Điểm thi THPTQG: 17,00/30
2021-2022	A00, A01, D01, D07	150	150	Điểm xét TN 2020: 7,0 Điểm xét tuyển ĐGNL: 700 Điểm thi THPTQG: 20,0/30 Điểm sàn tiếng Anh: 5.0
2022-2023	A00, A01, D01, D07	150	150	Điểm xét TN 2022: 6,6 Điểm xét tuyển ĐGNL: 700 Điểm thi THPTQG: 18,0/30 Điểm sàn tiếng Anh: 4.5
2023-2024	A00, A01, D01, D07	160	160	Điểm xét TN 2023: 6,6 Điểm xét tuyển ĐGNL: 650 Điểm thi THPTQG: 20,5/30 Điểm xét tuyển học bạ: 27/40 Điểm tiếng anh ĐGN: 110 Điểm sàn tiếng Anh: 4.5

Số liệu cụ thể về điểm tuyển sinh và chỉ tiêu của ngành TCNH trong các năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 [H8.08.02.01] được trình bày trong Bảng 8.1.

Hàng năm, tiêu chí và phương thức tuyển sinh được Nhà trường rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm tốt hơn cho các năm tiếp theo thông qua hoạt động lấy ý kiến từ các thành viên Hội đồng tuyển sinh về đề án tuyển sinh. Trước và sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều tổ chức các cuộc họp của Hội đồng tuyển sinh để rà soát và đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH nhằm đáp ứng các yêu cầu đặt ra hàng năm của Nhà trường, phù hợp với chính sách của Bộ GDĐT và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực [H8.08.01.07].

Trên cơ sở rà soát và đánh giá như vậy, Nhà trường đã liên tục cập nhật tiêu chí phương pháp tuyển chọn NH nhằm khuyến khích, hỗ trợ học sinh thi vào Trường như khen thưởng cho các SV đạt kết quả cao trong kỳ tuyển sinh, cấp học bổng hoặc miễn giảm học phí cho SV là con em của ngư dân, gia đình khó khăn, SV theo học những ngành khó tuyển,... [H8.08.01.04], [H8.08.02.03], [H8.08.02.04]. Song vẫn chưa hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng đầu vào, cụ thể Ngành TCNH chưa có tiêu chí và phương án tuyển sinh riêng để không ngừng cải thiện nâng cao chất lượng thí sinh đầu vào.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành TCNH được xác định rõ ràng và được đánh giá định kỳ.

3. Điểm tồn tại

Ngành TCNH chưa có tiêu chí và phương án tuyển sinh riêng để cải thiện chất lượng thí sinh đầu vào.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tổ chức rà soát, bổ sung tiêu chí và chính sách tuyển chọn NH mới, nâng cao hiệu quả tuyển sinh cho ngành TCNH.	Phòng ĐTĐH và Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Xác định rõ ràng và đánh giá định kỳ tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH của ngành TCNH.	Phòng ĐTĐH và Khoa KTTC	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 8.3.

Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có bộ phận/cán bộ chuyên trách được phân công giám sát khối lượng, KQHT, rèn luyện của NH. GV phụ trách các HP cùng với CVHT là người theo sát sự tiến bộ của NH, kịp thời trao đổi và tìm kiếm giải pháp hỗ trợ NH cùng với BCN CTĐT

và BM quản lý HP, quản lý ngành. KQHT và rèn luyện của NH sẽ do hai đơn vị chuyên trách là Phòng ĐTĐH (phụ trách chính việc theo dõi kết quả đánh giá học tập) và Phòng CTCTSV (phụ trách chính việc quản lý kết quả đánh giá rèn luyện của SV) tổng hợp và định kỳ có báo cáo gửi BGH cùng với lãnh đạo các Khoa viện và đơn vị có liên quan. Ngoài ra, sự tiến bộ của NH còn được theo sát bởi Phòng ĐBCL&KT, Trung tâm HTVL&KN, Đoàn Thanh niên, Hội SV **[H8.08.03.01]**.

Nhà trường cũng đã xây dựng chính sách phát triển đội ngũ trợ giảng, nhằm hỗ trợ giảng viên theo sát tình hình học tập của SV. Tuy nhiên đội ngũ trợ giảng còn yếu và chưa hoạt động có hiệu quả trong việc giám sát sự tiến bộ của NH, đặc biệt đối với SV ngành TCNH. .

Trường có quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH, bao gồm: hệ thống các văn bản pháp lý của Bộ GDĐT và các bộ ngành liên quan, quy chế đào tạo theo hệ thống TC của Trường, quy chế công tác SV của Trường, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện **[H8.08.03.01]**, **[H8.08.03.02]**.

Về quy trình giám sát KQHT, sau mỗi học kỳ, những SV có KQHT yếu kém sẽ được Nhà trường gửi cảnh báo KQHT đến SV và phụ huynh. CVHT gặp gỡ SV có kết quả học tập không tốt hoặc trao đổi với gia đình SV nhằm tư vấn, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để NH kịp thời chấn chỉnh, tập trung học tập hơn ở các học kỳ tiếp theo **[H8.08.03.03]**. Từ NH 2020-2021, Khoa KTTC thường xuyên họp định kỳ, thảo luận về tình hình học tập của SV, tập trung nhiều vào SV có kết quả học tập không tốt. BCN Khoa, Đoàn Thanh niên và CVHT cùng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và phối hợp hỗ trợ SV cải thiện KQHT **[H8.08.03.04]**.

Bên cạnh đó, kết quả rèn luyện của NH cũng được đánh giá sau mỗi học kỳ theo quy trình và các tiêu chí đánh giá rất rõ ràng và chặt chẽ. NH tự đánh giá trước tiên, tiếp đến ban cán sự (BCS) lớp và CVHT đánh giá, và BCN Khoa sẽ xác nhận kết quả. Bước cuối cùng là công khai kết quả đánh giá đến SV để nhận phản hồi trước khi Phòng CTCTSV chính thức nhập kết quả vào phần mềm quản lý đào tạo **[H8.08.03.05]**, **[H8.08.03.06]**. CVHT và BCS lớp có trách nhiệm nắm tình hình SV đến lớp, vắng học, bỏ học và báo cáo với BCN Khoa (qua Thư ký Khoa) danh sách SV thường xuyên vắng học, bỏ học thông qua các báo cáo tháng **[H8.08.03.03]**, **[H8.08.03.04]**. Nhờ đó, Khoa và Nhà trường nắm bắt kịp thời tình hình SV vắng học, bỏ học để có các giải pháp hỗ trợ SV kịp thời.

Nhà trường có các cơ sở dữ liệu chuyên dụng như phần mềm đào tạo, hệ thống

quản lý đào tạo của Trường (SV và GV đều tải khoản cá nhân đăng nhập và sử dụng hệ thống) và hệ thống NTU E-learning [H8.08.03.07]. KQHT và rèn luyện của SV thường xuyên được cập nhật lên các công cụ này – đây là nơi mà các đơn vị chức năng, thư ký Khoa, GV, CVHT, SV đều có thể truy cập thông qua mã số SV để thu nhận dữ liệu về khối lượng cũng như KQHT và rèn luyện của NH; cũng như theo dõi tiến độ [H8.08.03.07]. Tuy nhiên việc ứng dụng CNTT để giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học chưa được tốt.

Từ năm học 2020-2021, CVHT từng lớp đã tổng hợp, phân tích KQHT của lớp do mình phụ trách vào đầu kỳ, báo cáo BCN Khoa và BCN chương trình để từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm hỗ trợ từng SV một cách kịp thời và sâu sát [H8.08.03.04]. Ngoài ra, nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để triển khai đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên bắt đầu đầu từ học kỳ 2 năm học 2020-2021, qua đó giúp BCS lớp, CVHT, BCN Khoa và Nhà trường kịp thời nắm bắt kết quả rèn luyện của người học để có những chính sách và giải pháp hỗ trợ được tốt hơn [H8.08.03.08].

Bên cạnh đó, kinh nghiệm về việc sử dụng hệ thống E-learning trong việc giám sát tình hình học tập của SV cũng được chia sẻ rộng rãi đến toàn thể GV có liên quan [H8.08.03.09].

Tuy nhiên, các cơ sở dữ liệu này chủ yếu hỗ trợ giám sát quá trình học của NH chứ chưa giúp theo dõi kịp thời sự tiến bộ của NH.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống giám sát, đầy đủ phù hợp bao gồm các cơ sở dữ liệu, quy trình/quy định và đội ngũ chuyên trách quản lý, tư vấn, hỗ trợ SV nhằm theo dõi kết quả và khối lượng học tập và rèn luyện của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc ứng dụng CNTT để giám sát sự tiến bộ trong học tập của người học chưa được tốt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Hoàn thiện phần mềm quản lý có chức năng giám sát sự tiến bộ của NH.	Tổ CNTT	Năm học 2024 – 2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lập kế hoạch và triển khai cập nhật cơ sở dữ liệu, bổ sung chức năng giám sát sự tiến bộ của NH trên hệ thống quản lý thông tin đào tạo của Trường.	Tổ CNTT	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 8.4.

Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH được Nhà trường/ Khoa KTTC chú trọng triển khai dưới sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều đơn vị khác nhau bao gồm: Trung tâm HTVL&KN, Phòng CTCTSV, đội ngũ GV, CVHT của Khoa **[H8.08.04.01]**.

a. Hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập

Ngay buổi đầu nhập học, SV sẽ được Trường cung cấp tài liệu liên cho tân SV và tổ chức tuần sinh hoạt công dân **[H8.08.04.02]** để cung cấp cho SV về mục tiêu, CTĐT, điều kiện tốt nghiệp, điều kiện dự thi kết thúc HP, phương pháp học tập, kế hoạch năm học, quy chế đào tạo, quy chế đánh giá kết quả rèn luyện, quy chế công tác SV, hướng dẫn NH nguồn tra cứu thông tin, các câu hỏi thường gặp và các văn bản liên quan khác,... Nhằm giúp cải thiện việc học tập của NH, Trường/ Khoa thường xuyên lập kế hoạch và tổ chức các buổi tư vấn học tập thông qua đội ngũ CVHT tại các buổi sinh hoạt lớp, các hội nghị học tốt chia sẻ kinh nghiệm học tập, các chương trình tư vấn, gặp gỡ dành cho SV yếu kém **[H8.08.03.04]**, **[H8.08.04.03]**. Tuy vậy, kinh nghiệm và kỹ năng của đội ngũ CVHT chưa đồng đều bởi đội ngũ CVHT hiện nay là GV kiêm nhiệm, năng lực kiến thức chuyên môn trong công tác CVHT cũng như kỹ năng tư vấn về tâm sinh lý NH còn hạn chế do ít được đào tạo.

Nhà trường còn xây dựng và thường xuyên cập nhật cổng thông tin điện tử của Trường (<http://www.ntu.edu.vn>) với đầy đủ các dữ liệu về CTĐT từng chuyên ngành, từng bậc học; quy chế, quy định, các văn bản hướng dẫn về quy chế đào tạo; các quy định, quy trình KTĐG HP; kế hoạch học tập từng HP, từng kỳ, năm học và toàn khóa học [H8.08.04.04].

b. Hoạt động ngoại khóa

Các chương trình bồi dưỡng kỹ năng mềm và các hoạt động hướng nghiệp cho NH được xây dựng kế hoạch, thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau và được thông báo rộng rãi, đã tạo ra môi trường giúp SV có nhiều cơ hội phấn đấu, rèn luyện, đặc biệt là các hoạt động trao đổi học thuật, kết nối, tình nguyện vì cộng đồng, và tình nguyện tại chỗ [H8.08.04.05], [H8.08.04.06].

Trong khi Trung tâm HTVL&KN thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm và hướng nghiệp cho SV toàn trường [H8.08.04.05], Khoa tổ chức CLB học thuật [H8.08.04.07] nhằm tạo cơ hội cho SV trong Khoa không những bồi dưỡng kỹ năng mềm mà còn tăng cường cơ hội tiếp xúc và giải quyết các vấn đề chuyên môn, giúp SV định hướng nghề nghiệp tốt hơn. Ngoài ra, các hoạt động PVCD của Khoa luôn gắn liền với NH và ngành học [H8.08.04.06].

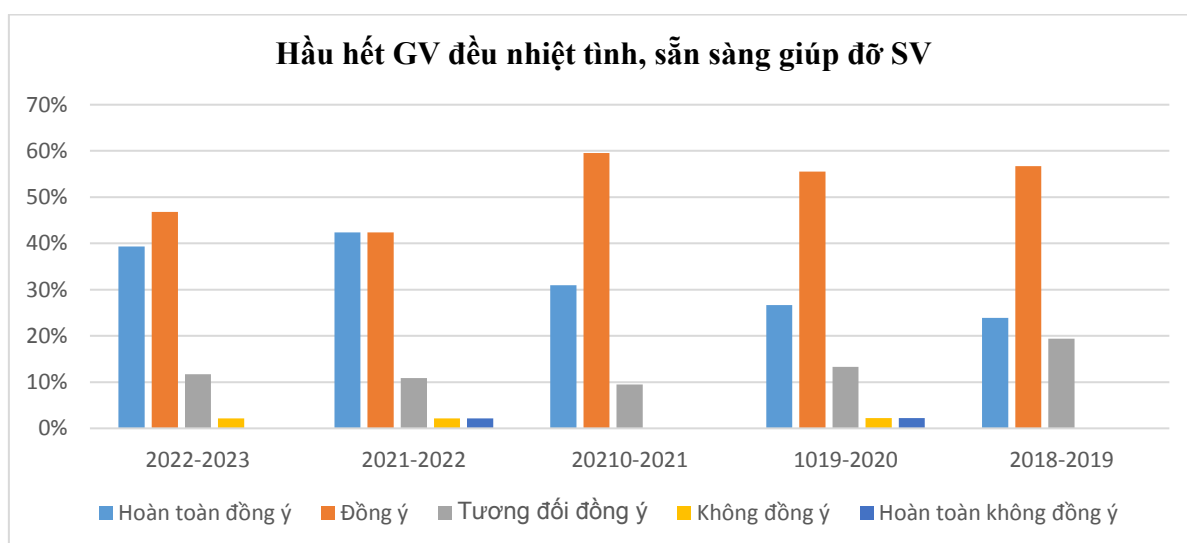
Các hoạt động ngoại khóa đã được Nhà trường/ Khoa triển khai rộng rãi nhằm giúp NH gia tăng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp cũng như giúp NH tiếp cận các vấn đề chuyên môn một cách hiệu quả. Tuy nhiên, việc ghi nhận, đánh giá SV khi tham gia hoạt động ngoại khóa chưa được thực hiện. Bên cạnh đó công tác thu thập ý kiến của SV về việc tổ chức các hoạt động nhằm hướng đến phục vụ NH một cách hiệu quả, thu hút hơn nữa NH tham gia còn hạn chế.

c. Hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác

Nhằm thúc đẩy SV nỗ lực phấn đấu không ngừng để được vinh danh và khen thưởng, Nhà trường thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng cho những SV có thành tích trong học tập và rèn luyện. Hàng năm, Khoa KTTC tổ chức xét khen thưởng và cấp học bổng khuyến học cho SV có thành tích học tập giỏi, rèn luyện tốt và SV nghèo vượt khó do các doanh nghiệp và CSV tài trợ thông qua các buổi giao lưu giữa SV với CSV thành đạt, với doanh nghiệp và các trường, viện nghiên cứu bên ngoài để tư vấn, định hướng nghề nghiệp tốt hơn cho NH theo các kênh khác nhau: giờ học, sinh hoạt lớp, buổi chào cờ, giao lưu với doanh nghiệp... [H8.08.04.08], [H8.08.04.09].

Khoa KTTC thường xuyên lập kế hoạch và tổ chức các buổi Semina, Workshop cung cấp các kiến thức bổ trợ thực tiễn cho sinh viên ngành TCNH, các hoạt động tham quan thực tế (Bank tour, SSI tour...) để tiếp cận thực tiễn, củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng mềm cho NH [H8.08.04.10]. Ngoài ra, để giúp SV năm cuối có thêm cơ hội tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, Nhà trường/ Khoa KTTC cũng đã phối với các doanh nghiệp tổ chức các chương trình thực tập sinh tiềm năng cho sinh viên ngành TCNH như chương trình The Next Banker của ngân hàng TMCP Á Châu, Thực tập viên tiềm năng Sacombank của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Thực tập viên tài năng MB Bank của ngân hàng Quân Đội ... cũng như các buổi phỏng vấn việc làm tại ngày hội việc làm do Trung tâm HTVL&KN kết nối tổ chức [H8.08.04.05].

Khoa KTTC trong những năm gần đây đã có nhiều hoạt động hỗ trợ NH trong các hoạt động thi Kế toán - Kiểm toán, CPA tiềm năng, WAPA. Liên tục trong 5 năm 2018-2019, 2019-2020, 2020 - 2021, 2021-2022 và 2022-2023 dưới sự tư vấn và hướng dẫn của các GV trong khoa, nhóm SV trong khoa và đã đạt những giải thưởng cao trong các cuộc thi Kế toán - Kiểm toán, CPA tiềm năng, WAPA,... [H8.08.04.11].



Hình 8.1. Kết quả khảo sát NH về công tác hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên.

Kết quả khảo sát SV năm cuối về sự nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ SV của GV ở Số liệu thống kê ở Hình 8.1 cho thấy: Hơn 80% SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý sự về nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ SV của giảng viên ngành Tài chính Ngân hàng, tỷ lệ này được cải thiện qua các khóa học [H8.08.04.12].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cho phép hỗ trợ toàn diện NH từ lúc nhập học và trong

suốt quá trình học tập tại Trường. Ngoài ra, đối với SV ngành Tài chính – Ngân hàng, Khoa KTTC và BM Tài chính Ngân hàng định kỳ hàng năm thường xuyên tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ người học trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và hướng nghiệp thông qua các Semina, Workshop chuyên ngành. Cùng với đó các chương trình thực tập viên tiềm năng thu hút NH tham gia nhằm tiếp cận môi trường làm việc thực tiễn và cơ hội việc làm sau khi ra trường.

3. Điểm tồn tại

Kinh nghiệm và kỹ năng của đội ngũ CVHT chưa đồng đều bởi đội ngũ CVHT hiện nay là GV kiêm nhiệm, năng lực kiến thức chuyên môn trong công tác CVHT cũng như kỹ năng tư vấn về tâm sinh lý NH còn hạn chế do ít được đào tạo.

Việc ghi nhận, đánh giá SV khi tham gia hoạt động ngoại khóa chưa được thực hiện. Bên cạnh đó công tác thu thập ý kiến của SV về việc tổ chức các hoạt động nhằm hướng đến phục vụ NH một cách hiệu quả, thu hút hơn nữa NH tham gia còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Cấp các chứng chỉ/giấy chứng nhận khi SV tham dự các hoạt động ngoại khóa. Đây là cơ sở nhằm đánh giá rèn luyện SV cuối kỳ.	- Khoa KTTC phối hợp với Trung tâm HTVL&KN	Năm học 2024 – 2025
		- Sau mỗi hoạt động ngoại khóa cần tiến hành khảo sát SV tham gia nhằm đánh giá các lớp học ngoại khóa, nâng cao hiệu quả và thu hút SV tham gia hơn nữa.	- Khoa KTTC phối hợp với Trung tâm HTVL&KN.	Năm học 2024 – 2025
		- Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ CVHT và chia sẻ kinh nghiệm cho CVHT. Nhà trường/ Khoa cần quan tâm hơn nữa hoạt động tư vấn tâm lý NH. Nhà trường cần có nhân sự chuyên trách hoạt động tư vấn tâm lý cho NH.	- Khoa KTTC phối hợp với phòng CTCT&SV và các BLQ	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Lãnh đạo Khoa và Bộ môn tiếp tục quan tâm và triển khai mở rộng mối quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nhằm cung cấp kịp thời các thông tin về nghề nghiệp, xu hướng phát triển và cơ hội việc làm cho NH sau khi ra trường. Bên cạnh đó, đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động hỗ trợ học tập: Semina/Work shop/ bank Tour...	Khoa KTTC/BM TCNH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm tự đánh giá: 4/7)

Tiêu chí 8.5.

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐHNT đã xây dựng hệ thống giảng đường, phòng thực hành, KTX, các cơ sở dành cho hoạt động văn nghệ, TDTT đáp ứng tương đối tốt nhu cầu giảng dạy, học tập, sinh hoạt của GV và SV. Nổi bật trong số này là các cơ sở phục vụ nhu cầu học tập, ăn, ở, vui chơi của SV [H8.08.05.01]. Nhà ăn 600 chỗ và hệ thống KTX SV với sức chứa 4.000 chỗ, trong đó có khu vực dành riêng cho SV và HV quốc tế theo học tại Trường [H8.08.05.01].

Hệ thống thư viện hiện đại với tài nguyên đọc của Thư viện bao gồm 15.000 tên tài liệu chuyên ngành tiếng Việt và tiếng Anh với khoảng 60.000 bản, hơn 300 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài. Tài nguyên điện tử trên Thư viện số với 10.000 đầu sách, luận văn, luận án, bài giảng và các công trình khoa học khác [H8.08.05.02]. Khuôn viên trường có các cột chỉ dẫn để tiện cho việc đi lại. Có các khu tự học với hệ thống wifi thuận tiện cho học tập. Các thùng chứa rác để khắp nơi.

Đoàn Thanh niên, Hội SV kết hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT của năm, phối hợp với các đơn vị liên quan để tổ chức các hoạt động trong kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt [H8.08.05.03].

Trường có nhiều chính sách hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn, nhất là tạo điều kiện cho SV tham gia vay quỹ tín dụng học đường **[H8.08.05.04]**. Nhà trường quan tâm ưu tiên KTX dành cho các SV thuộc diện chính sách, SV học giỏi, SV nghèo vượt khó, con em dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu và hải đảo. Hàng năm, Nhà trường ký xác nhận vay vốn ngân hàng để SV đóng học phí **[H8.08.05.05]**. NH thuộc diện chính sách được nhận học bổng tài trợ, giúp gia đình NH đỡ lo hơn về kinh tế để NH yên tâm học tập **[H8.08.05.05]**.

Khoa KTTC, BM Tài chính Ngân hàng, CVHT cùng với Đoàn Thanh niên và Hội SV, BCS lớp thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV để kịp thời có biện pháp giải quyết, hỗ trợ SV. SV được tham gia đối thoại với BCN Khoa 2-3 lần/học kỳ trong các buổi chào cờ SV và với BGH Trường định kỳ 06 tháng/lần, qua đó SV có thể bày tỏ tâm tư, nguyện vọng cũng như đề xuất các vấn đề của mình để được giải quyết kịp thời, tạo tâm lý tốt cho học tập và sinh hoạt **[H8.08.05.06]**.

Khoa và Trường có tổ chức các hoạt động của các CLB AFC chuyên môn về kế toán, kiểm toán, TCNH, NCKH, tiếng Anh... cũng như các sân chơi thể thao nhằm tạo ra các sân chơi ngoại khoá bổ ích cho các hoạt động học tập của NH, **[H8.08.04.11]**, **[H8.08.05.03]**, **[H8.08.05.07]**. Bên cạnh đó, BCN Khoa KTTC, GV phụ trách HP, CVHT, Đoàn thanh niên và Hội SV tăng cường việc thường xuyên giáo dục tâm lý, phương pháp học tập và sinh hoạt lành mạnh cho người học thông qua các buổi chào cờ, giờ lên lớp, sinh hoạt lớp, và các hoạt động đoàn thể.

Với những điều kiện như trên, Trường ĐHNT, Khoa KTTC đã và tạo dựng môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có đội ngũ chuyên nghiệp quan tâm đến sức khoẻ tâm sinh lý của NH.

Trường có vị thế nằm trên đồi Lasan, nhìn ra biển với tầm nhìn đẹp. Khuôn viên trường với diện tích 23 ha có nhiều thảm cỏ, cây xanh và cây cảnh được thường xuyên chăm sóc tạo bóng mát, cảnh đẹp và không khí trong lành **[H8.08.05.01]**. Đặc biệt, các khu tự học cho SV được bố trí quanh trường với cảnh quan sư phạm xanh sạch đẹp và có hệ thống wifi kết nối internet **[H8.08.05.08]**. Các thùng rác được bố trí hợp lý khắp các vị trí và có có đội ngũ chuyên quét dọn, giữ gìn vệ sinh môi trường sạch đẹp. Tuy nhiên, ý thức của một bộ phận SV trong giữ gìn vệ sinh chung còn chưa tốt thể hiện ở việc ăn uống trong lớp và xả rác bừa bãi.

Nhà ăn luôn đảm bảo vệ sinh. Các phòng thực hành và KTX đều có nội quy, quy chế về an toàn **[H8.08.05.09]**. Các phòng học, hội trường đều có hệ thống bảo đảm an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống trộm cắp, thoát hiểm; cán bộ được bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ phòng chống cháy nổ **[H8.08.05.09]**.

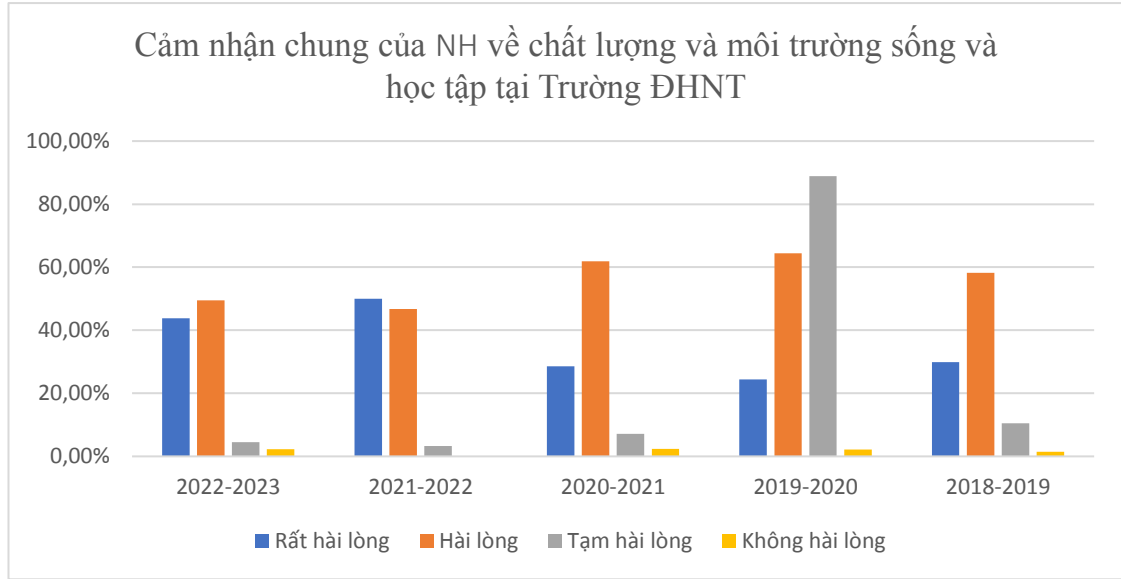
Nhằm đảm bảo sức khỏe cho học tập và nghiên cứu của NH, tổ Y tế trực thuộc Trung tâm PVTH. Hàng năm, đều xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho NH, tổ chức khám sức khỏe đầu vào, định kỳ báo cáo về việc thực hiện quy định chăm sóc sức khỏe cho NH, phòng dịch bệnh, sơ cứu và chuyển viện **[H8.08.05.09]**. Từ năm học 2015-2016, thực hiện Luật Bảo hiểm Y tế, Phòng CTCTSV đã thực hiện việc đăng ký cấp thẻ bảo hiểm y tế cho SV, đáp ứng các yêu cầu của bảo hiểm y tế, giải quyết thủ tục bảo hiểm y tế,...**[H8.08.05.10]**.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị Công tác an ninh với sự tham gia của Công an tỉnh Khánh Hoà, Công an thành phố Nha Trang, Bộ đội Biên phòng, tổ dân phố, đặc biệt với chính quyền, công an 3 phường có đông SV tạm trú là Phường Vĩnh Thọ, Vĩnh Phước và Vĩnh Hải nhằm đánh giá những việc đã làm được và chưa làm được trong năm và thống nhất các biện pháp phối hợp **[H8.08.05.11]**. Đây là hội nghị rất quan trọng đối với công tác đảm bảo an ninh trong khu nội trú và toàn trường, góp phần làm cho công tác an ninh trật tự và an ninh chính trị của SV trong Trường trong những năm qua luôn ổn định. Những điều kiện này mang tới sự yên tâm, an toàn, tạo sự thuận lợi cho NH và tất cả các đối tượng khác trong Trường. Mặc dù Nhà trường có khảo sát NH về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường, tuy nhiên chưa có tổ tư vấn về tâm lý cho NH.

Ngoài ra, việc tạo ra môi trường học tập tích cực luôn được nhà trường quan tâm và chú trọng nhằm hỗ trợ và động viên cho NH, giúp họ phát triển tốt nhất khả năng của mình khi học tập và rèn luyện tại trường.

Kết quả khảo sát NH về chất lượng, môi trường sống và học tập tại trường ĐHNT ở hình 8.2. cho thấy: tỷ lệ SV đánh giá các mức cảm nhận rất hài lòng và hài lòng chiếm tỷ lệ cao, mức độ tạm hài lòng và không hài lòng chỉ chiếm một tỷ lệ rất thấp. Riêng năm học 2019-2020, đối với mức tạm hài lòng có tỷ lệ đánh giá khá cao. Điều này được nhận định rằng trong năm học này do dịch bệnh Covid-19, NH chưa thích ứng được với diễn biến phức tạp của dịch bệnh, NH chuyển trạng thái học trực tiếp qua học Online, cơ sở vật chất đường truyền, môi trường học tập trên không gian mạng là mới đối với

NH gây nên những nhầm chán và ức chế cho NH khi học online.



Hình 8.2: Thống kê kết quả khảo sát sinh viên năm cuối về khóa học

Nguồn: Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên

2. Điểm mạnh

–Cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu văn hóa, TDTT của người học được xây dựng, trang bị đầy đủ.

–Nhà trường phối hợp tốt với chính quyền và công an địa phương trong việc đảm bảo an ninh, an toàn cho người học.

–Cảnh quan khuôn viên trường đẹp với nhiều cây xanh, vệ sinh môi trường luôn được chăm chút, khu nội trú an toàn và khu tự học được chú trọng cải thiện, tạo thuận lợi về môi trường học tập và sinh hoạt cho SV.

–Khoa KTTC thường xuyên tổ chức các giải thi đấu thể thao trong sinh viên, các hoạt động thi nấu ăn, hoạt động cộng đồng ngoại khóa thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

3. Điểm tồn tại

–Chưa có cán bộ có chuyên môn sâu về tư vấn sức khỏe tâm lý, tinh thần của NH và đầu đó vẫn tồn tại việc xả rác trong lớp học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục	- Thành lập tổ tư vấn chuyên trách về tâm sinh lý cho NH. Đào tạo,	- Phòng TCNS.	Từ năm học 2024–

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	điểm tồn tại	bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách tư vấn liên quan đến sức khoẻ tâm sinh lý của NH. - Thực hiện chương trình kiểm tra định kỳ về vệ sinh môi trường & nét đẹp học đường.	- Phòng Thanh tra pháp chế kết hợp với Trung tâm PVTH và Phòng CTCT & SV.	2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu văn hóa, TDTT của người học.	- Trung tâm PVTH	Hàng năm
		- Tăng cường công tác tổng kết, sơ kết trong việc phối hợp giữa Nhà trường với chính quyền và công an địa phương nhằm tìm ra các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho người học.	- Trung tâm PVTH	Hàng năm
		- Phát động sinh viên tham gia hoạt động tết trồng cây, cựu SV và các DN,... hỗ trợ trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên Trường; có các giải pháp để sửa chữa khu nội trú và khu tự học theo hướng hiện đại, đảm bảo an toàn và môi trường học tập tốt.	- Trung tâm PVTH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Trong những năm qua, NH và hoạt động hỗ trợ NH được Khoa KTTC xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng và các ngành học khác của Khoa KTTC nói chung. Chính sách tuyển sinh ngành Tài chính – Ngân hàng được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

thường xuyên, đảm bảo đúng quy chế. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH luôn được xác định rõ ràng, linh hoạt, được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Trường ĐHNT và thường xuyên được đánh giá. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, NH luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Trường ĐHNT và Khoa KTTC có hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH được công bố công khai, phù hợp. Khối lượng học tập của ngành học Tài chính – Ngân hàng được phân bổ tương đối đồng đều giữa các năm giúp NH không bị quá tải ở mỗi học kỳ. Trong môi trường học tập có cảnh quan xanh sạch đẹp, rộng rãi, bố trí hợp lý, an toàn, lành mạnh tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi và tâm lý thoải mái cho NH, SV ngành Tài chính – Ngân hàng được phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và NCKH. Sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng được phát huy tính dân chủ, sáng tạo, quyền tự quyết của mỗi cá nhân, mối quan hệ ứng xử giữa GV và SV trên tình thân hỗ trợ, thân thiện, linh hoạt tạo ra môi trường tâm lý xã hội tích cực trong học tập và giảng dạy.

Tuy nhiên, do chất lượng đầu vào của SV ngành Tài chính – Ngân hàng còn chưa đồng đều làm cho kết quả học tập chưa cao. SV ngành Tài chính – Ngân hàng chưa chủ động trong việc tiếp cận với GV để trao đổi các nội dung liên quan đến học tập, nghiên cứu và các hoạt động Đoàn, Hội. Việc trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khoá vẫn còn thụ động. Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Việc ứng dụng CNTT chủ yếu mới chỉ giám sát quá trình học của NH nhiều hơn theo dõi được sự tiến bộ của NH. Hoạt động thi đua, PVCĐ trong SV chưa được quan tâm đúng mức; gương “người tốt, việc tốt” được triển khai chưa đều đặn. Nhà trường chưa có đội ngũ chuyên trách quan tâm đến sức khoẻ tâm lý, tâm thần của NH. Việc khảo sát/ lấy ý kiến bài bản, rộng rãi đối với NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường còn hạn chế. Các điểm tồn tại này, từ năm học 2024 – 2025 trở đi, Nhà trường sẽ quan tâm nhiều hơn đến sức khoẻ, tâm lý, tâm thần của NH thông qua đội ngũ chuyên nghiệp; mặt khác, định kỳ Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến đầy đủ của các bên liên quan về môi trường tâm lý xã hội và tham khảo để cải tiến hoạt động hỗ trợ cho NH.

Trong những năm học tới, trường ĐHNT và Khoa KTTC sẽ xây dựng chương trình hành động để phát huy hơn nữa điểm tích cực đã đạt được trong các vấn đề liên

quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH. Đồng thời Nhà trường và Khoa sẽ thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn hạn chế, từ đó hỗ trợ tốt nhất cho NH ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng và SV Khoa KTTC nói chung trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Trải qua gần 65 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHNT được trang bị cơ sở vật chất tương đối đồng bộ. Cơ sở chính của Trường tọa lạc trên đồi La San rộng hơn 23ha, nằm ở phía Bắc thành phố Nha Trang. Qua quá trình triển khai kế hoạch đầu tư hiệu quả, đến nay Trường đã có hệ thống cơ sở vật chất và thiết bị tương đối khang trang. Với chiến lược phát triển một trường đại học đa ngành và hướng đến đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, Nhà trường đã từng bước đầu tư cơ sở vật chất hiện đại, nhất là hệ thống phòng thực hành và thiết bị nghiên cứu, đáp ứng nhu cầu cơ bản cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV và SV. Nhìn chung, Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị đầy đủ và phù hợp. Khoa KTTC được đầu tư phòng thực hành Ngân hàng góp phần gắn kết đào tạo với thực tiễn, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho NH. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật. Hệ thống phòng thực hành và trang thiết bị phù hợp và được nâng cấp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo của ngành TCNH. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được nâng cấp thường xuyên. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai các giải pháp hữu hiệu để đảm bảo an toàn cho CBVC và NH; an ninh chính trị, trật tự an toàn trong Trường luôn được đảm bảo.

Tiêu chí 9.1

Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Cơ sở vật chất chính của Trường ĐHNT đặt tại địa chỉ số 02 đường Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang với tổng diện tích đất sử dụng vào khoảng 515.835 m², trong đó tổng diện tích đất sử dụng phục vụ cho đào tạo là khoảng 27.049 m² bao gồm: khu làm việc: 155,5 m²; khu học: 11.893 m²; khu thể thao, vui chơi giải trí: 15.000 m². Hệ thống giảng

đường của Nhà trường gồm 8 khu (từ G1 đến G8) gồm 120 phòng học, tổng diện tích phòng học (chỉ tính phòng học tại giảng đường) là 11.893m² **[H9.09.01.01]**.

Khuôn viên Nhà trường bao gồm khu làm việc hành chính, hệ thống giảng đường, hệ thống phòng thí nghiệm, ký túc xá SV, thư viện, nhà thi đấu đa năng, sân vận động; đảm bảo cho hoạt động hệ thống làm việc vận hành tốt. Tỷ lệ diện tích/người học của CSGD đảm bảo đủ hỗ trợ các hoạt động đào tạo phục vụ CTĐT theo quy định hiện hành **[H9.09.01.02]**. Tất cả các phòng học được trang bị các phương tiện hỗ trợ dạy và học như máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, quạt gió an toàn và phù hợp,... Nhà trường có hệ thống phòng máy tính gồm 09 phòng với diện tích 3.642 m² được trang bị, lắp đặt máy vi tính phục vụ nhu cầu giảng dạy, thực hành của GV, SV trong Trường nói chung và CTĐT nói riêng **[H9.09.01.02]**. Công tác quản lý cơ sở vật chất, duy trì hoạt động của toàn bộ hệ thống được theo dõi thường xuyên, tuân thủ đúng Quy định 1250/QĐ-ĐHNT quản lý, sử dụng tài sản của Trường ĐHNT **[H9.09.01.03]**.

Văn phòng Khoa KTTC, các BM thuộc Khoa (BM Kế toán, BM Kiểm toán và BM Tài chính – Ngân hàng), văn phòng của Trưởng Khoa và Phòng Chuyên đề Khoa KTTC được đặt tại tầng 5 của Tòa Nhà Đa Năng, nằm ở phía Tây khuôn viên Trường với tổng diện tích 800 m² được trang bị đầy đủ thiết bị, cơ sở vật chất như bàn, ghế, tủ hồ sơ, máy in, đáp ứng đủ cho 40 CBVC của Khoa làm việc **[H9.09.01.04]**.

Phòng thực hành CoreBanking (NTU Bank) của Khoa KTTC được Nhà trường đầu tư và đưa vào sử dụng từ tháng 01/2022 phục vụ cho việc đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, phòng thực hành được đầu tư khang trang, hiện đại với ...máy tính thực hành được cài đặt phần mềm thực hành corebanking, 1 máy chủ, máy chiếu, máy tính tiền,... **[H9.09.01.05]**.

Phòng thực hành Corebanking thuộc ngành TCNH đều có nhật ký ghi lại mọi hoạt động và tần suất sử dụng trang thiết bị; phòng học có nhật ký thực hiện lịch hướng dẫn thực hành theo từng học kì của từng năm học **[H9.09.01.06]**.

Theo kết quả khảo sát SV cuối khóa ngành TCNH, có khoảng 90% ý kiến phản hồi cho rằng Nhà trường có đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập, thực hành **[H9.09.01.07]**. Tuy nhiên, một số cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học tập cho sinh viên ngành TCNH tập trung ở giảng đường G7 như hệ thống âm thanh, máy chiếu bị hư hỏng không đảm bảo chất lượng, những vấn đề này được NH kiến nghị Nhà trường cần thường xuyên sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị kịp thời cho phòng

học (quạt, micro, máy chiếu, hệ thống loa, bàn ghế, ổ cắm điện, wifi, tivi,...). Đối với phản hồi của CBVC Nhà trường, các ý kiến đã được đưa ra và thảo luận tại các Hội nghị CBVC và Đối thoại CBVC hàng năm [H9.09.01.08].

2. Điểm mạnh

Cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu cho các ngành đào tạo của Trường nói chung và ngành TCNH nói riêng.

3. Điểm tồn tại

Một số máy chiếu đã cũ chưa được thay thế kịp thời. Một số phòng học ở giảng đường G7 hệ thống âm thanh bị hỏng, thiếu và chất lượng chưa đảm bảo.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiến hành rà soát, những máy, chiếu, ti vi, thiết bị kết nối máy tính, micro bị hỏng và lên kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế. - Thường xuyên kiểm tra và xử lý kịp thời những máy, chiếu, ti vi, thiết bị kết nối máy tính, micro bị hỏng	- Trung tâm PVTH - Phòng KHTC Trung tâm PVTH	Hoàn thành ở năm 2024. Thường xuyên trong năm học
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và di tu, sửa chữa nhằm đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị phù hợp đáp ứng được nhu cầu đào tạo và NCKH	Trung tâm PVTH/ Phòng KHTC	Theo kế hoạch hoặc từng năm học

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 9.2

Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện Trường ĐHNT là trung tâm thông tin, tư liệu và thư viện phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học cho hơn 700 cán bộ và hơn 15.000 người học thuộc Trường ĐHNT **[H9.09.02.01]**. Thư viện có không gian rộng rãi với diện tích gần 4.000 m², gồm ba tòa nhà phục vụ cho mượn, đọc và tra cứu tài liệu. Thư viện có 13 phòng đọc với tổng diện tích 1.400 m², đáp ứng được 1.000 chỗ ngồi **[H9.09.02.02]**.

Thư viện có nội quy, quy định, có hướng dẫn sử dụng cách truy cập, mượn tài liệu, sử dụng thư viện số, có khu vực mượn trả sách tự động 24/7. Nội quy Thư viện và hướng dẫn sử dụng được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường [\[http://thuvien.ntu.edu.vn/\]](http://thuvien.ntu.edu.vn/). Thư viện có 80 kệ, giá đựng sách, 04 tủ sách trưng bày, 04 máy tra cứu tài liệu, 02 thiết bị số hóa và các máy mượn và trả sách tự động. Các phòng đọc, phòng mượn và phòng phục vụ tại Thư viện đều được trang bị kệ tủ, máy tính, máy quạt, điều hòa, **[H9.09.02.02]**. Từ năm 2014, Thư viện đã lắp đặt chip RFID, dây từ cho từng cuốn tài liệu; ứng dụng công nghệ nhận dạng đối tượng qua tần số vô tuyến (RFID) vào quản lý an ninh và lưu thông tự động, giúp người dùng có thể tự mượn sách tại Thư viện mà không cần thông qua thủ thư; thao tác mượn, trả sách tại máy đơn giản và tiện lợi (sử dụng phần mềm Kipos). Phần mềm quản lý qua Kipos có các chức năng quản lý kho sách giấy, mượn/trả, nhật ký lưu thông theo bạn đọc/thời gian, kiểm toán lưu thông bạn đọc, quản trị người dùng thông qua việc nhập/xuất/tìm kiếm các user trên hệ thống. Ngoài ra Thư viện còn trang bị hệ thống máy tra cứu tình trạng tài liệu trước khi mượn thông qua các màn hình cảm ứng có kết nối wifi; thiết bị cổng từ an ninh Hybrid và mạng lưới camera quan sát toàn bộ trong và ngoài tòa nhà Thư viện. Thư viện số có quy định sử dụng và phân cấp người dùng theo thứ tự ưu tiên. Với tài khoản truy cập, bạn đọc có thể đọc trực tuyến hoặc tải toàn văn tài liệu một số tạp chí tiếng Việt hay bài giảng học phần **[H9.09.02.03]**.

Thư viện Trường ĐHNT có đầy đủ học liệu để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ và người học Trường ĐHNT nói chung và CTĐT ngành TCNH nói riêng. Tính đến tháng 11/2023, tài nguyên đọc của Thư viện bao gồm hơn 170.000 tài liệu số, hơn 23.000 tài liệu văn bản chuyên ngành tiếng Việt và tiếng Anh gồm bài báo, sách, tạp chí, giáo trình, luận án Tiến sĩ, luận văn thạc sĩ và khóa luận tốt nghiệp đại học **[H9.09.02.04]**. Nguồn tài nguyên số toàn văn của Thư viện có thể phục vụ trên internet cho người dùng sử dụng ở bất cứ lúc nào, bất cứ đâu và được kết nối với nhiều kho dữ liệu khác thông qua cổng thông tin điện tử của Thư viện [\[https://thuvien.ntu.edu.vn/\]](https://thuvien.ntu.edu.vn/). Viên chức, giảng viên và người học có thể tiếp cận hầu hết các dịch vụ Thư viện thông qua cổng thông

tin điện tử và thư viện số của Thư viện 24/7. Số đầu sách chuyên môn phục vụ cho chuyên ngành TCNH là trên 1.050 cuốn, chưa kể luận văn, luận án, bài giảng, tạp chí chuyên ngành. Các tài liệu phục vụ CTĐT ngành TCNH được rà soát đảm bảo cung cấp đầy đủ cho SV học tập qua các năm [H9.09.02.05].

Hàng năm, Thư viện luôn phối hợp với các giảng viên, bộ môn, khoa, phòng chức năng tìm hiểu nhu cầu cập nhật mới nguồn học liệu cho từng học phần để lập kế hoạch phát triển học liệu đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.06], [H9.09.02.07]. Mỗi năm, từ nhiều nguồn khác nhau, nguồn học liệu của Thư viện được cập nhật trên hệ thống thư viện số, ngoài ra nhà trường còn dành ngân sách hàng năm để bổ sung sách mới cho Thư viện [H9.09.02.07]. Tất cả nguồn học liệu này đều được Thư viện kịp thời đưa vào phục vụ bạn đọc, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, học tập và nghiên cứu của cán bộ và người học của Trường, trong đó có CTĐT ngành TCNH [H9.09.02.07]. Tuy nhiên, lưu lượng truy cập vào nguồn tài liệu số và tài liệu in của sinh viên ngành TCNH từ năm 2018 – 2023 còn thấp, chỉ đạt khoảng 6% so với tổng số sinh viên của ngành [H9.09.02.08].

Hàng năm, Thư viện có triển khai lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc và sinh viên năm cuối về hoạt động của Thư viện để cải thiện hoạt động phục vụ. Kết quả khảo sát bạn đọc cho thấy Thư viện Trường ĐHNT luôn được đọc giả đánh giá cao [H9.09.02.09]. Kết quả khảo sát sinh viên năm cuối NH 2021-2022 ngành TCNH cho thấy, có 80/92 đạt 87 % đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tiêu chí “Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo”; có 84/92 đạt 91 % đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tiêu chí “Thư viện có đủ chỗ cho SV học tập và nghiên cứu” [Bảng 9.1 và Bảng 9.2].

Bảng 9.1. Mức độ đồng ý của SV năm cuối về Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho hầu hết các học phần

Năm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Tương đối đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý (%)
2018 – 2019	32,84	46,27	20,9	0	0
2019 – 2020	28,89	51,11	17,78	2,22	0
2020 – 2021	23,81	59,52	16,67	0	0
2021-2022	44,57	42,39	10,87	1,09	1,09

Năm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Tương đối đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý (%)
2022-2023	46,07	42,7	8,99	2,25	0

Kết quả khảo sát SV năm cuối thể hiện ở Bảng 9.1, phần lớn SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý về Thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho hầu hết các HP trong CTĐT, tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý được cải thiện qua các khóa.

Bảng 9.2. Mức độ đồng ý của SV năm cuối về Thư viện có đủ chỗ cho SV học tập và nghiên cứu

Năm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Tương đối đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý (%)
2018 – 2019	37,31	40,30	22,39	0	0
2019 – 2020	35,60	51,10	13,30	0	0
2020 – 2021	21,43	61,90	11,90	4,76	0
2021-2022	46,74	44,57	6,52	1,09	1,09
2022 – 2023	40,45	48,31	7,87	3,37	0,0

Kết quả khảo sát SV năm cuối ở Bảng 9.2, phần lớn SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý về Thư viện có đủ chỗ cho SV học tập và nghiên cứu, tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý được cải thiện qua các khóa học.

Mặc dù Thư viện có triển khai lấy ý kiến phản hồi của bạn đọc và sinh viên năm cuối về hoạt động của Thư viện, tuy nhiên, Thư viện chưa thường xuyên khảo sát bạn đọc về sự hài lòng với các nội dung của Thư viện để làm căn cứ đánh giá tính hữu ích của Thư viện Trường.

2. Điểm mạnh

– Thư viện đã áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên.

– Nguồn tài liệu của Thư viện phong phú, đa dạng về loại hình như tài liệu in, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, các nguồn tài liệu khai thác từ các thư viện khác qua liên kết các thư viện trong hệ thống.

– Cán bộ, giảng viên và người học có thể tiếp cận hầu hết các dịch vụ thư viện thông qua cổng thông tin điện tử và thư viện số của Thư viện 24/7.

3. Điểm tồn tại

– Thư viện chưa thường xuyên khảo sát bạn đọc về sự hài lòng với các nội dung của Thư viện để làm căn cứ đánh giá tính hữu ích của Thư viện Trường. Thư viện và các đơn vị cần có quy trình đề xuất bổ sung nguồn tài liệu tương thích với ĐCHP.

– Các tài liệu, học liệu bản in chưa được cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

– Số lượt NH ngành TCNH truy cập và sử dụng nguồn học liệu chưa nhiều so với tổng số SV đang theo học của ngành.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Có giải pháp tăng số lượt NH ngành TCNH truy cập và sử dụng nguồn học liệu ở thư viện - Xây dựng quy trình thống nhất giữa Thư viện và Khoa trong việc đề xuất bổ sung nguồn tài liệu tương thích với ĐCHP. - Thực hiện cập nhật một số nguồn tài liệu phục vụ cho ngành TCNH trong 5 năm gần nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> Thư viện -Khoa KTTC -Thư Viện -Phòng ĐTDH -Khoa KTTC - Thư viện 	<ul style="list-style-type: none"> Hàng năm Năm học 2024 – 2025 Hoàn thành ở năm 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tạo môi trường thư viện yên tĩnh, rộng rãi, thoáng mát, quang cảnh đẹp; áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên; không ngừng bổ sung nguồn học liệu	Thư viện	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 9.3

Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thí nghiệm thực hành được thành lập tháng 5/2011 trên cơ sở tập trung các phòng thí nghiệm, thực hành của các Khoa/Bộ môn theo quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang, nhằm mục đích phối hợp các trang thiết bị, hỗ trợ nhau để phục vụ tốt cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trung tâm được trang bị đầy đủ các chủng loại máy móc thiết bị để phục vụ cho công tác thí nghiệm thực hành, nghiên cứu khoa học ở nhiều lĩnh vực chuyên môn, như: Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ thực phẩm, Hóa vi sinh, Kỹ thuật lạnh, Môi trường, Bệnh học thủy sản, Dinh dưỡng và thức ăn, Kỹ thuật điện tử, Kỹ thuật số - vi xử lý, Cơ điện tử, Cơ học, Vật liệu kỹ thuật, Cơ khí, Ô tô, Hóa học, Vật lý, Công nghệ sinh học với 74 phòng thí nghiệm (Phòng thực hành là 55, khu thực tập, xưởng là 19), tổng diện tích là 5.201 m², tổng số trang thiết bị là 1300 thiết bị với 11 cán bộ hỗ trợ. Ngoài ra, còn một số Phòng thực hành đặc thù do khoa viện quản lý như Phòng thực hành ngân hàng ảo NTU Bank do Khoa Kế toán tài chính quản lý, Phòng mô phỏng lái tàu do Viện KH&CN Khai thác thủy sản quản lý, Khu thực hành buồng phòng do Khoa Du lịch quản lý, Phòng thực hành quản trị an ninh mạng và bảo mật do Khoa CNTT quản lý, Trại thực hành thực tập do Viện Nuôi trồng quản lý [**H9.09.01.01**].

Khoa KTTC sử dụng chung phòng máy tính với các ngành khác khi học thực hành môn tin học đại cương. Tổng số phòng máy tính của Nhà trường là 07 phòng với gần 200 máy tính sử dụng chung cho các CTĐT học tin học cơ bản/đại cương với phần mềm Microsoft Office đã có sẵn trong máy tính (thực hành word, excel, powerpoint). Các phòng thực hành được trang bị bàn, ghế, máy chiếu, hệ thống âm thanh, điều hòa nhiệt độ, internet, wifi đảm bảo cho NH học tập, nghiên cứu [**H9.09.03.01**].

Kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị được Hội đồng Trường phê duyệt và thông báo công khai trong Nghị quyết Hội nghị CBVC hàng năm, trên cơ sở đó Khoa KTTC đã xây dựng danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để duy trì và phát triển đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu của mình. Năm 2022 Khoa KTTC được Nhà trường đầu tư và đưa vào hoạt động Phòng thực hành Ngân hàng (NTU Bank) [**H9.09.01.05**], có thể nói với việc đưa vào hoạt động NTU Bank giúp

cho NH CTĐT ngành TCNH có cơ sở thực hành các HP trong CTĐT như: HP ngân hàng thương mại, thị trường chứng khoán, thanh toán quốc tế, kế toán ngân hàng [H9.09.01.06]. Tuy nhiên, hiện tại Phòng thực hành Ngân hàng (NTU Bank) chưa có người phụ trách, việc mở và vận hành phòng thực hành Corebanking được thực hiện bởi Trưởng BM TCNH, GV phụ trách học phần ngân hàng thương mại, thanh toán quốc tế, thẩm định tín dụng.

Bộ phận CNTT làm nhiệm vụ bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị và trực tiếp quản lý các phòng thực hành máy tính. Hàng năm, P.KH-TC có xây dựng kế hoạch mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng CSVC, trang thiết bị, có Nghị quyết của Hội đồng Trường về việc phê duyệt kế hoạch tài chính năm học (Nghị quyết số 1433/NQ-ĐHNT ngày 25/11/2020; Nghị quyết số 651/NQ-ĐHNT ngày 28/6/2021).

Phòng thực hành máy tính có NV trực phòng máy, hỗ trợ cho học viên thực hành. Tất cả các phòng thực hành máy tính đều có nội quy phòng máy trong đó có quy định chung với GV, NH; quy định riêng với GV và NH rõ ràng. Mỗi phòng thực hành máy tính đều có sổ nhật ký ghi chép theo lịch học đã đưa lên thời khóa biểu. [H9.09.01.06].

Đối với các cơ sở thực hành của Khoa KTTC, Trung tâm PVTH quản lý chung còn Khoa KTTC sẽ phụ trách phân công giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hành [H9.09.03.02].

Ngoài cơ sở thực hành ở Trường, trong những năm qua, Khoa cũng đã năng động kết nối hợp tác với các doanh nghiệp và ngân hàng trên địa bàn như ngân hàng Sacombank, Mbbank, Tpbank, Công ty cổ phần chứng khoán SSI [H9.09.03.03].

2. Điểm mạnh

– Các phòng thực hành tin học, phòng thực hành Corebanking được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của SV.

– Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của NH.

– Khoa KTTC đã chủ động liên kết với các doanh nghiệp ở địa phương để đáp ứng nhu cầu thực tập, thực hành nghề cho SV ngành TCNH

3. Điểm tồn tại

Hiện tại Phòng thực hành Ngân hàng (NTU Bank) chưa có người phụ trách.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa KTTC bố trí GV phụ trách Phòng Core Banking, NTU	-Khoa KTTC -Phòng KHTC	Năm học 2024 - 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị phù hợp cho các phòng thực hành tin học, phòng thực hành Corebanking; thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên, nâng cấp các thiết bị ở các phòng thực hành.	- Trung tâm PVTH -Phòng KHTC	Thường xuyên trong năm học

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 9.4

Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có Phòng CNTT có chức năng thực hiện công tác ứng dụng, quản lý và phát triển hệ thống thông tin trong toàn trường bao gồm hệ thống máy chủ, hệ thống wifi, hạ tầng mạng, quản trị hệ thống mạng, hệ thống website, các ứng dụng và tiện ích phục vụ công tác đào tạo nghiên cứu khoa học và quản trị nhà trường, Phòng là đơn vị chủ trì công tác chuyên đổi số.

Nhà trường trang bị đầy đủ máy tính ở các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm và hệ thống máy tính trong các phòng thực hành, thư viện hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Toàn bộ máy tính đều được kết nối mạng nội bộ và kết nối internet tốc độ ổn định. Tính đến 31/12/2021, có 470 bộ máy tính bàn, trong đó, có gần 300 bộ máy tính được phân bố ở các phòng học, phòng thực hành CNTT, ngoại ngữ; thực hành kế toán, cũng như hỗ trợ giảng dạy trực tuyến và khai thác hệ thống NTU E-Learning; và hơn 170 bộ máy tính trang bị cho các khoa, viện, trung tâm. Mỗi khoa, viện còn được trang bị 01 máy photocopy thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định [H9.09.04.01].

Để đảm bảo cho hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn, phục vụ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu, Trường giao nhiệm vụ quản lý hệ thống CNTT cho P.CNTT, có hướng dẫn chi tiết sử dụng tại <https://tocntt.ntu.edu.vn/Van-ban-phap-quy>. Tại các phòng thực hành máy tính, nhiệm vụ quản lý hệ thống máy tính và mạng có chuyên viên chuyên trách đảm nhận, có nhật ký thực hành, sổ theo dõi tài sản cố định theo dõi việc vận hành và bảo trì phòng máy tính, phần cứng, phần mềm và các mạng truyền thông, phòng họp trực tuyến, trang thông tin điện tử.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã lắp đặt thiết bị phủ sóng wifi toàn bộ Thư viện, các khu giảng đường, khu tự học, KTX nên đã đảm bảo sự thông suốt trong quá trình làm việc. Công tác quản lý trong Khoa được hỗ trợ thông qua việc sử dụng các phần mềm chuyên dùng: quản lý đào tạo, quản lý thư viện, quản lý tài sản, quản lý tài chính với các quy định cụ thể về sử dụng **[H9.09.04.02]**.

Nhà trường vẫn duy trì tuần học số hàng năm học để đảm bảo sự ứng biến kịp thời với các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động dạy học. Hiện nay còn bổ sung thêm tuần làm việc số đối với khối hành chính **[H9.09.04.03]**

Qua cổng thông tin điện tử và phần mềm quản lý đào tạo, GV và SV có thể quản lý, theo dõi hoạt động dạy và học của mình. Theo đó, trang web của Khoa KTTC cũng như các đơn vị khác trong Trường, được cập nhật thường xuyên thông tin hỗ trợ hoạt động quản lý, nghiên cứu và đào tạo. Khoa KTTC có Phòng chuyên đề tại tầng 5 Tòa nhà Đa năng, được trang bị mạng wifi để phục vụ cho hội thảo, hội nghị và học tập trực tuyến **[H9.09.04.04]**

Hàng năm, theo thông báo và thông qua Nghị quyết hội đồng, P.KH-TC xây dựng Kinh phí dành cho duy tu bảo dưỡng hàng năm, P.KH-TC có xây dựng kế hoạch tài chính, trong đó có mục mua sắm, bảo trì, bảo dưỡng CSVC, trang thiết bị, có Nghị quyết của Hội đồng Trường về việc phê duyệt kế hoạch tài chính năm học (Nghị quyết số 1433/NQ-ĐHNT ngày 25/11/2020; Nghị quyết số 651/NQ-ĐHNT ngày 28/6/2021, Nghị quyết số 10/NQ-ĐHNT ngày 23/02/2022, Nghị quyết số 03/NQ-ĐHNT ngày 16/01/2023, Nghị quyết số 06/NQ-ĐHNT ngày 19/02/2024).

Nhà trường có đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ về hệ thống CNTT nội bộ là Tổ CNTT, nay là Phòng CNTT, được thành lập vào năm 2016 thực hiện nhiệm vụ bảo trì, nâng cấp khả năng phục vụ của hệ thống máy chủ, đường truyền, hệ thống mạng, đảm bảo hoạt động của hệ thống mạng được ổn định **[H9.09.04.05]**.

Phòng CNTT tiếp nhận thông tin sự cố và những ý kiến góp ý qua đường dây nóng (điện thoại: 0258.2461.303, email: tocntt@ntu.edu.vn) và kịp thời sửa chữa, xử lý. Nhờ có bộ phận nghiệp vụ chuyên trách và hệ thống CNTT đồng bộ, mạng lưới hệ thống thông tin của Nhà trường luôn hoạt động thông suốt, triển khai nhanh, an toàn và hoạt động thực sự hiệu quả.

Hệ thống máy chủ, máy tính luôn được bổ sung, cập nhật để hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu trong toàn Trường [H9.09.04.06].

Tuy nhiên, Nhà trường chưa tiến hành khảo sát các bên liên quan có thể liên hệ trực tiếp qua đường dây nóng của Phòng CNTT khi cần tư vấn, triển khai hệ thống mạng máy tính, mạng internet, thiết kế phần mềm, trang web, cũng như đưa ra những đóng góp để Phòng CNTT hoạt động tốt hơn, hiệu quả hơn.

2. Điểm mạnh

–Nhà trường trang bị đồng bộ hệ thống CNTT phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV, CB và NH;

–Đội ngũ cán bộ tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật có trình độ chuyên môn, có năng lực và tính chuyên nghiệp trong nghiên cứu và phục vụ đào tạo.

3. Điểm tồn tại

–Nhà trường có nhiều phần mềm phục vụ các mảng công tác chuyên môn, nhưng các phần mềm thiếu sự kết nối, liên thông, chưa tạo được dữ liệu dùng chung.

–Chưa có đánh giá của SV, GV và các bên liên quan về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Nhà trường sẽ nâng cấp hạ tầng CNTT để hệ thống đăng ký HP và hệ thống NTU E-learning vận hành ổn định hơn, Cụ thể như: - Nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, quản lý SV bổ sung các chức năng cần thiết;	- Phòng ĐTĐH chủ trì -Phòng CNTT phối hợp Phòng ĐBCL&KT -Trung tâm hỗ	Thực hiện từ năm 2022 và hoàn thành ở năm 2023

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		- Nâng cấp hệ thống phần mềm quản trị dữ liệu tuyển sinh - Lấy ý kiến đánh giá của SV, GV và các bên liên quan về hệ thống CNTT trong việc hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH	trợ SV và khởi nghiệp	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục trang bị đồng bộ hệ thống CNTT phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu của GV, CB và NH và quản lý	Phòng CNTT chủ trì, các đơn vị trong trường phối hợp	Thực hiện từ năm 2021 và hoàn thành ở năm 2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 9.5

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Đối với các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và các nhu cầu tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Trường đã thành lập và có sự phân công chức năng, trách nhiệm rõ ràng cho các đơn vị trực thuộc, gồm các phòng: Phòng Tổ chức Nhân sự, Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên và Trung tâm PVTH [H9.09.05.01]. Trung tâm Phục vụ trường học gồm có 03 tổ: Tổ Quản trị - Dịch vụ, Tổ KTX và Tổ Bảo vệ, trong đó, bộ phận Y tế của Trường trực thuộc Tổ Quản trị - Dịch vụ [H9.09.05.02]. Nhà trường có xây dựng và ban hành quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định theo quy định hiện hành, nội dung được thể hiện qua các kế hoạch như: Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường và Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện An toàn thực phẩm của các cơ sở kinh doanh thực phẩm trong Trường Đại học Nha Trang [H9.09.05.03], các Kế hoạch này được thường xuyên đôn đốc kiểm tra bởi Tổ Kiểm tra An toàn thực phẩm và Tổ Kiểm tra Vệ sinh môi trường của Nhà trường.

Trường đã ký hợp đồng với đội ngũ nhân viên làm vệ sinh hàng ngày ở các khu làm việc và giảng đường, đồng thời bố trí 1 nhân viên phòng Y tế đi kiểm tra vệ sinh và thông báo thường xuyên đến bộ phận liên quan để đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu vực quản lý **[H9.09.05.04]**. SV và CBVC của Trường đều tham gia bảo hiểm y tế. Phòng Y tế nằm ở vị trí thuận lợi cho SV, CBVC của Trường khi có nhu cầu thăm khám. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức khám sức khỏe tổng quát cho tân SV. Toàn thể CBVC của Trường đều được kiểm tra sức khỏe định kỳ hàng năm tại những cơ sở y tế có uy tín tại Nha Trang **[H9.09.05.05]**. Các kế hoạch đầu tư cho công tác đảm bảo vệ sinh môi trường được Nhà trường đặc biệt chú trọng. Tổ kiểm tra vệ sinh môi trường được thành lập với nhiệm vụ tăng cường kiểm tra vệ sinh môi trường làm việc, học tập, nơi sinh hoạt KTX, cảnh quan môi trường thông qua các bản kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh môi trường **[H9.09.05.06]**. Tổ kiểm tra An toàn thực phẩm được thành lập có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện an toàn thực phẩm của các cơ sở kinh doanh thực phẩm trong khuôn viên Trường ĐHTT **[H9.09.05.07]**. Tất cả các nội dung của đoàn kiểm tra đều được nhập và quản lý hệ thống tại địa chỉ <https://canbo.ntu.edu.vn/ThietBi/VeSinhMT> để BGH chỉ đạo và CBVC nhà trường được biết.

Trường có lực lượng an ninh và luôn xây dựng kế hoạch cụ thể cho các tình huống, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn tài sản đồng thời phối hợp chặt chẽ với công an và chính quyền địa phương. Nhà trường thường xuyên phối hợp với phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an tỉnh Khánh Hòa tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy **[H9.09.05.08]**. Các PTN, thực hành đều được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và các dụng cụ, thiết bị y tế để giải quyết kịp thời các vấn đề xảy ra. Từ năm 2016, Nhà trường đã triển khai kế hoạch số 132-KH-ĐHTT nhằm xây dựng cơ quan an toàn về an ninh trật tự và Báo cáo số 124/BC-ĐHTT đã tổng kết 5 năm thực hiện an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Báo cáo về công tác y tế, quản lý sức khỏe cũng đã được thực hiện từ năm học 2019-2020 **[H9.09.05.09]**.

Nhà trường luôn chú trọng công tác hỗ trợ người có nhu cầu đặc biệt. Trong các kế hoạch xây dựng cơ bản có tính đến lối đi, nhà vệ sinh, vật dụng hỗ trợ người có nhu cầu đặc biệt **[H9.09.05.10]**; sắp xếp, phân lớp học thuận tiện cho việc di chuyển; các chương trình học, giáo dục thể chất được xem xét miễn giảm. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho các trường hợp SV có hoàn cảnh đặc biệt như SV nghèo, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV là người dân tộc thiểu

số [H9.09.05.11]. Tuy nhiên vẫn có các giảng đường, nhà làm việc cũ chưa được cải tạo lại cho phù hợp với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Nhà trường có triển khai kế hoạch khảo sát sự hài lòng của SV năm cuối về chất lượng dịch vụ và môi trường. Kết quả cho thấy (năm 2021 - 2022 tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng 90,79%). Ngoài ra, qua phỏng vấn NH, đa số ý kiến đánh giá tích cực về môi trường, sức khỏe và an toàn của Nhà trường [H9.09.05.12]

Khi sắp xếp thời khóa biểu, nhà trường rất quan tâm đến những lớp có SV khuyết tật và xếp thời khóa biểu của những lớp này ở tầng thấp của tòa nhà. Hiện tại Khu Nhà Đa năng, Nhà trường thiết kế có đường lên cho xe lăn của người khuyết tật [H9.09.05.10]. Ngoài những tòa nhà mới xây dựng có thiết kế lối đi cho người khuyết tật, các tòa nhà còn lại chưa có lối đi riêng cho người khuyết tật và chưa thiết kế nhà vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật.

Bảng 9.3. Mức độ hài lòng của SV năm cuối chất lượng và môi trường sống và học tập tại Trường ĐHTT

Năm	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Tạm hài lòng (%)	Không hài lòng (%)
2018 – 2019	30,5	65,93	13,39	0,97
2019 – 2020	34,6	55,6	9,3	0,6
2020 – 2021	39,74	53,4	6,43	0,43
2021 – 2022	40,51	50,28	8,84	0,36
2022 – 2023	43,82	49,44	4,49	2,25

Kết quả khảo sát SV năm cuối về chất lượng và môi trường sống và học tập tại Trường ĐHTT ở Bảng 9.3 cho thấy, phần lớn SV hài lòng và rất hài lòng về chất lượng và môi trường sống và học tập tại Trường ĐHTT, tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng được cải thiện qua các năm. Tuy nhiên, một số SV mong muốn được Nhà trường trang bị đa dạng thiết bị rèn luyện sức khỏe nhằm phù hợp với từng cá nhân.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHTT có các dịch vụ căng tin, y tế, ký túc xá, hệ thống bảo vệ, cảnh quan môi trường, cây xanh, không gian sinh hoạt rất tiện ích cho NH, hệ thống an ninh, an toàn đảm bảo quy định, khu vệ sinh sạch sẽ, có chú ý đến người khuyết tật.

3. Điểm tồn tại

Trường mới chỉ bước đầu đáp ứng nhu cầu đặc thù của người khuyết tật nhưng chưa có lối đi riêng cho người khuyết tật ở tất cả các khu giảng đường và tòa nhà làm việc, chưa có nhà vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Thiết kế lối đi riêng và nhà vệ sinh dành riêng cho người khuyết tật đối với các cơ sở vật chất khi xây dựng mới, cải tạo, hoặc nâng cấp.	- Trung tâm PVTH - Phòng KHTC	Từ năm học 2022 – 2023 trở đi.
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục di trì và đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn trong Nhà trường của Trường ĐHNT luôn đạt yêu cầu.	-Trung tâm PVTH - Phòng KHTC	Thường xuyên trong năm học

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Trường ĐHNT có cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ và phù hợp đáp ứng được nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV, NH cho tất cả các ngành đào tạo của Trường nói chung và ngành TCNH nói riêng. Thư viện của trường yên tĩnh, cảnh quang đẹp, áp dụng các công nghệ hiện đại trong việc quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên; nguồn tài liệu phong phú, cập nhật, đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo và NCKH. Hệ thống phòng thực hành được trang bị đủ máy móc, thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập cho ngành TCNH. Số lượng máy tính và các thiết bị hỗ trợ để phục vụ cho giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý được đảm bảo. Khoa KTTC đã được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành TCNH. Hệ thống máy tính, mạng wifi, mạng nội bộ của Trường được duy trì hoạt động ổn định, an toàn và có bộ phận chuyên nghiệp để theo dõi, bảo trì. Trường ĐHNT có khuôn viên xanh, sạch, đẹp hàng đầu trong các trường đại học Việt Nam và thực thi đầy đủ các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Nâng cao chất lượng đào tạo là yếu tố quan trọng và quyết định đến sự phát triển của một trường đại học và mỗi ngành học trong bối cảnh tiến đến tự chủ đại học hiện nay ở Việt Nam. Lãnh đạo Trường ĐHNT đã nhận thức được vấn đề này và tập trung chỉ đạo, ưu tiên dành nguồn lực đủ mạnh cho các hoạt động liên quan đến cải tiến chất lượng Nhà trường, trong đó có cải tiến CTĐT. Để nâng cao chất lượng đào tạo, trước hết thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ cần được sử dụng để làm căn cứ thiết kế và phát triển CTDH. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. Trong quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT. Bên cạnh đó, Trường và Khoa còn áp dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Mặt khác, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại Thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Trường đã bắt đầu hình thành và duy trì cơ chế phản hồi của các BLQ một cách có hệ thống, từ đó có thể đánh giá và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 10.1

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ luôn được Nhà trường chú trọng và có sự phân cấp, phân quyền tổ chức triển khai cho các mặt hoạt động này trong toàn Trường. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị tham mưu, tư vấn, lập kế hoạch và tổng hợp cho Nhà trường về công tác lấy ý kiến các BLQ, hỗ trợ công tác báo cáo, đánh giá và cải tiến hoạt động này trong toàn Trường.

Nhà trường đã có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan năm 2018 [H10.10.01.01] và có cập nhật, điều chỉnh năm 2023 [H10.10.01.02]. Trong đó có quy định cụ thể các nội dung chính cần lấy ý kiến các bên liên quan, bao gồm lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với giảng viên, đối với đội ngũ cố vấn học tập, về cơ sở vật chất, ...; quy trình thực hiện

cho cả hình thức trực tuyến và trực tiếp, có xác định thời gian thực hiện, định kỳ thực hiện, đơn vị chủ trì và phối hợp thực hiện; trong quy định cũng xác định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong Nhà trường và về công tác lưu trữ dữ liệu và xử lý kết quả lấy ý kiến các bên liên quan. Nhà trường cũng đã ban hành các mẫu Phiếu lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan **[H10.10.01.03]** đã có 11 mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ về thông tin dạy và học, hoạt động dạy học trên NTU-Elearning, về điều kiện học tập và thí nghiệm thực hành, về chất lượng phục vụ của thư viện và đội ngũ phòng ban, lấy ý kiến từ đơn vị sử dụng lao động và từ cựu sinh viên, ...

Trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH, thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan luôn được Nhà trường và BCN CTĐT tổ chức thu thập, xử lý và được sử dụng để thiết kế/phát triển CTĐT. Việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế/phát triển CTDH được Nhà trường xác định cụ thể trong Quy định phát triển CTĐT được ban hành năm 2018 và năm 2023. Trong đó thể hiện “Nguyên tắc phát triển CTĐT có sự tham gia, đóng góp và phản hồi của các bên liên quan” **[H10.10.01.04]**.

CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao CLĐT và đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế và điều chỉnh chương trình dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các quy định của Trường. Trong quá trình thực hiện hoạt động giảng dạy, Nhà trường luôn có kế hoạch và tích cực thu thập, lấy ý kiến phản hồi của SV, CSV, chuyên gia, nhà sử dụng lao động... nhằm liên tục cải tiến chất lượng CTĐT. Trong năm 2018, Nhà trường đã triển khai trong toàn Trường về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT từ Khóa 58 trở đi, ... Quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT, công tác tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan đã được tổ chức thực hiện. Kết quả phản hồi của các BLQ được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng và làm căn cứ phát triển CTDH ngành Tài chính – Ngân hàng. Cụ thể, sau khi CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng áp dụng cho khóa 58 được ban hành vào tháng 12/2016 **[H10.10.01.05]**, theo quy trình, để tiếp tục việc cập nhật, phát triển CTĐT, Trường ban hành QĐ thành lập BCN CTĐT **[H10.10.01.06]**. Năm 2019, với những thay đổi về các HP lý luận chính trị trong CTĐT theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành QĐ thực hiện chương trình các môn giáo dục tổng quát theo quy định mới áp dụng cho khóa 61 trở đi **[H10.10.01.07]**. Căn cứ các CTĐT trình độ ĐH, thực tế công tác CVHT..., Hiệu trưởng thông báo điều chỉnh tổ chức đào tạo HP Nhập môn ngành

trong CTĐT từ khóa 61 trở đi **[H10.10.01.08]**.

Trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT, Khoa luôn chủ động tiến hành khảo sát các BLQ, ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng và cựu SV để làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT trình độ đại học ngành Tài chính – Ngân hàng **[H10.10.01.09]**. Ngoài ra, BCN CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng đã tiến hành phân tích, xử lý thông tin phản hồi xuyên suốt và đồng bộ trong cả chu kỳ đào tạo và cân nhắc kỹ các nội dung cần điều chỉnh đối với CTĐT; BCN CTĐT đã tiến hành xây dựng, điều chỉnh CTĐT dựa trên việc so sánh với các CTĐT của các trường đầu ngành, cũng như lấy ý kiến các GV có kinh nghiệm của Khoa; các ý kiến phản hồi được thảo luận nhằm cải tiến CLĐT, phát triển CTĐT thông qua các buổi họp BM, BCN CTĐT và Hội đồng Khoa.

Theo kế hoạch tổ chức đánh giá và cập nhật CTĐT trình độ ĐH của Trường **[H10.10.01.10]**, Khoa Kế toán – Tài chính và BCN CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng đã tiến hành xây dựng kế hoạch, thu thập thông tin và nhu cầu của các BLQ, thực hiện đánh giá, thẩm định CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng **[H10.10.01.11]**, **[H10.10.01.12]**, **[H10.10.01.13]**. Khung CTĐT được cập nhật mới áp dụng cho khóa 63 áp dụng từ năm học 2021-2022 **[H10.10.01.14]**. Theo đó, khung CTĐT khóa 63 đã điều chỉnh số tín chỉ, tên HP, sắp xếp lại thời gian giảng dạy của một số HP chuyên ngành, bỏ bớt và bổ sung một số HP mới nhằm đảm bảo đạt được CĐR của CTĐT. CTĐT khóa 63 đã được cập nhật mới nhiều nội dung như mục tiêu và CĐR của CTĐT, các ma trận tương thích, và sắp xếp lại cấu trúc CTĐT theo hướng thực tế, tinh gọn giúp NH dễ dàng đạt được CĐR của CTĐT.

Mặc dù Trường và Khoa KTTC thực hiện triển khai ý kiến của các BLQ, nhất là nhà tuyển dụng (doanh nghiệp) và CSV, tuy nhiên thông tin thu được chưa thể đại diện và phản ánh hết những mong đợi của Nhà tuyển dụng đối với SV ngành Tài chính – Ngân hàng. Mặt khác, chất lượng câu hỏi trong phiếu khảo sát và số lượng mẫu khảo sát cũng cần được đánh giá đầy đủ hơn để gia tăng độ tin cậy của dữ liệu khảo sát.

2. Điểm mạnh:

Trường có hệ thống thu thập thông tin đáp ứng tốt hoạt động thu thập ý kiến các bên liên quan; có được mạng lưới các bên liên quan phù hợp, đóng góp cho hoạt động thu thập thông tin. Trường có ban hành quy định, quy trình, kế hoạch và các biểu mẫu hướng dẫn cụ thể để lấy ý kiến các BLQ khi thiết kế, điều chỉnh CTDH;

3. Điểm tồn tại

Phạm vi khảo sát chưa rộng, số lượng mẫu thu thập chưa nhiều, dẫn tới thông tin phản hồi chưa đa dạng. Chất lượng câu hỏi trong phiếu khảo sát và số lượng mẫu khảo sát cũng cần cập nhật và bổ sung.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	Khắc phục tồn tại	- Đa dạng đối tượng thu thập mẫu của các BLQ để thu thập thông tin phản hồi của các BLQ hiệu quả hơn. - Các phiếu khảo sát và số lượng mẫu khảo sát cần cập nhật và bổ sung.	- Phòng ĐBCL - Khoa KTTC	Từ năm học 2024-2025
	Phát huy điểm mạnh	Mở rộng các hình thức lấy ý kiến từ các DN, NH tốt nghiệp (qua email, gửi phiếu điều tra, khảo sát trực tiếp...) để thu thập thông tin phản hồi của các BLQ hiệu quả hơn.	- Phòng ĐBCL - Khoa KTTC	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG 5/7)

Tiêu chí 10.2

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT nói chung và CTDH nói riêng được Nhà trường triển khai theo định kỳ, hoạt động này được duy trì ở hai mức, mức thứ nhất là điều chỉnh nhỏ thường xuyên khi phát hiện các bất cập trong quá trình vận hành CTDH và mức thứ hai là triển khai cập nhật cho toàn Trường theo định kỳ.

Nhà trường có hệ thống các văn bản để triển khai hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT và trong đó có CTDH. Trong năm 2018 và năm 2023, Nhà trường đã ban hành quy định phát triển CTĐT trình độ đại học và cao đẳng [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]

và ra thông báo về việc rà soát, điều chỉnh nội dung CTĐT đại học khóa 58 trở đi [H10.10.02.03], trong quy định phát triển CTĐT có nêu rõ quy trình tổ chức thực hiện xây dựng CTĐT với 07 Bước thực hiện (Quy định năm 2018) và 09 Bước thực hiện (Quy định năm 2023); các nội dung tổ chức thẩm định và nghiệm thu CTĐT do Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thực hiện; ban hành và quản lý CTĐT; giám sát và điều chỉnh CTĐT, ... đều được xác định rõ trong các lần ban hành và cập nhật Quy định phát triển CTĐT. Ngoài ra, Nhà trường cũng ban hành các quyết định quy định về khối giáo dục đại cương [H10.10.02.04], là cơ sở cho việc phân bổ khối lượng CTDH. Nhằm thuận lợi cho việc quản lý và phát triển CTDH, Nhà trường cũng đã ban hành Quy định phân cấp quản lý, tổ chức đào tạo [H10.10.02.05], trong đó có phân cấp cho các đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và hàng năm về CTĐT, xây dựng và cập nhật CTĐT.

Trong quá trình rà soát và cập nhật quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường cũng đã ban hành Mẫu CTĐT và Quy định về khối lượng và cấu trúc CTĐT [H10.10.02.06], [H10.10.02.07] nhằm thuận cho việc xác định khối lượng trong CTDH, đáp ứng các quy định chung về thông tin của CTDH và có sự thống nhất chung cho các CTĐT. Nhằm bổ sung một số nội dung cho Quy trình thiết kế và phát triển CTDH, năm 2021, Nhà trường ban hành Chương trình giáo dục tổng quát trình độ đại học [H10.10.02.08] và Hướng dẫn sử dụng chương trình giáo dục tổng quát [H10.10.02.09], là cơ sở để các BCN CTĐT thuận lợi trong việc xác định và xây dựng nội dung giáo dục tổng quát trong CTDH và thuận lợi trong triển khai xây dựng và phát triển CTĐT.

Từ quá trình rà soát và điều chỉnh, bổ sung trên, trong năm 2023, Nhà trường đã ban hành Quy định mở ngành và phát triển CTĐT [H10.10.02.02] để thay thế cho Quy định phát triển CTĐT đã được ban hành năm 2018 [H10.10.02.01]. Trong đó, có bổ sung và điều chỉnh các quy trình xây dựng CTĐT với 9 Bước, quy trình đánh giá CTĐT với 7 Bước, quy trình cập nhật CTĐT với 7 Bước. Trong Quy định phát triển CTĐT mới đó cũng xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong Nhà trường trong nhiệm vụ phát triển CTDH như: Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Ban chủ nhiệm CTĐT.

Một trong những ý nghĩa nổi bật từ việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT ngành TCNH là những thay đổi thực tế trong CTĐT. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa và BM đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù

hợp về điều chỉnh CTĐT, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Bắt đầu từ K63, một số học phần được thay đổi gắn với thực tiễn và giúp SV có kiến thức chuyên sâu hơn, cho sinh viên tham gia thực hành nhiều hơn tại phòng NTU Bank. Bộ môn cũng tập trung cập nhật ĐCHP và ĐCCTHP theo mẫu mới [H10.10.02.10], [H10.10.02.11]. ĐCHP và ĐCCTHP theo mẫu mới có nhiều thay đổi giúp cho GV và SV tập trung hơn vào mục tiêu và có các kế hoạch rõ ràng nhằm đạt được hiệu quả cao cho từng học phần, đảm bảo được CDR của CTĐT. Cứ 2 năm một lần, Nhà trường yêu cầu BM, Khoa chủ động trong việc cập nhật chương trình để đáp ứng được chuẩn đầu ra và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

Quy trình thiết kế và phát triển CTDH theo định kỳ được cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn qua quá trình đào tạo của Nhà trường dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập thông tin, lấy ý kiến của Doanh nghiệp về chất lượng sinh viên, một vài doanh nghiệp còn chưa chủ động hỗ trợ Khoa hoặc một số doanh nghiệp chưa thực sự đánh giá đúng về đội ngũ sinh viên của trường khi làm việc tại doanh nghiệp. Một số doanh nghiệp chưa thu xếp được thời gian để trao đổi thông tin trực tiếp với Khoa, dẫn đến chưa nắm bắt được hết những mong muốn mà Doanh nghiệp yêu cầu đối với sinh viên.

Như vậy, việc thiết kế và phát triển CTĐT ngành TCNH được thiết lập, đánh giá và cải tiến liên tục. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong quy trình đánh giá CTĐT gặp một số khó khăn về thu thập thông tin và mất nhiều thời gian, đặc biệt đối với các đơn vị sử dụng lao động và cựu SV.

2. Điểm mạnh

Hoạt động thiết kế và phát triển CTDH trong Trường đã có quy định, quy trình và có sự cập nhật, bổ sung trong chu kỳ đánh giá

3. Điểm tồn tại

Quá trình thu thập thông tin, lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu SV trong quy trình đánh giá để phục vụ cho việc phát triển CTĐT gặp khó khăn và mất nhiều thời gian.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục	Tạo mối quan hệ thường	Khoa KTTC	Định kỳ hàng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	điểm tồn tại	xuyên với người sử dụng lao động và cựu sinh viên, để có thể thuận lợi thu thập thông tin, lấy ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động và cựu sinh viên.	Khoa KTTC Trung tâm HTVL&KN.	năm
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.	Khoa KTTC Bộ môn TCNH Phòng ĐTDH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7).

Tiêu chí 10.3.

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.

1. Mô tả hiện trạng:

Giám sát, kiểm tra đánh giá đóng vai trò rất quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục. Chính vì vậy, trường ĐHNT đã ban hành các quy định nhằm yêu cầu và hướng dẫn GV và NH thực hiện các hoạt động kiểm tra đánh giá. Các phương pháp dạy và học và phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đã được Nhà trường xây dựng, ban hành, sử dụng và rà soát theo định kỳ.

Nhà trường đã có các quy định cụ thể về hoạt động rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học. Nhà trường cũng đã ban hành quy định phân cấp quản lý, tổ chức đào tạo trình độ đại học [H10.10.03.01], là cơ sở cho công tác quản lý và tổ chức đào tạo trong toàn trường để các đơn vị chức năng trong Nhà trường triển khai thực hiện. Nhà trường đã ban hành quy định đánh giá học phần [H10.10.03.02], trong đó có các quy định chung về đánh giá học phần, đánh giá quá trình, thi giữa kỳ và cuối kỳ, ... Nhà trường cũng ban hành quyết định hướng dẫn riêng cho công tác tốt nghiệp [H10.10.03.03], trong đó có xác định hình thức thực hiện tốt nghiệp của người học, hoạt động đồ án/khóa luận tốt nghiệp, quy trình tổ chức đánh giá tốt nghiệp; ban hành hướng

dẫn tổ chức dạy học và đánh giá trực tuyến **[H10.10.03.04]**, hướng dẫn về hình thức, trình tự thực hiện công tác đánh giá bằng hình thức trực tuyến đối với công tác tốt nghiệp và các hình thức đánh giá người học.

Nhà trường hiện đang sử dụng hai loại ĐCHP và ĐCCTHP, đề cương học phần được Bộ môn và GV chủ nhiệm HP sẽ phê duyệt nội dung và được rà soát định kỳ 2 năm/lần, đối với ĐCCTHP là đề cương của mỗi GV giảng dạy HP được soạn dựa trên các nội dung của ĐCHP đồng thời chi tiết các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho phù hợp từng giảng viên nhưng vẫn đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR **[H2.02.02.01]**, **[H2.02.02.02]**. Việc rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập cũng được thảo luận chia sẻ thông qua các buổi sinh hoạt học thuật cấp bộ môn và cấp khoa/viện hàng năm. Hoạt động triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR cũng đã được triển khai thực hiện thường xuyên. Trong ĐCCTHP **[H2.02.02.01]** đã có các nội dung về kiểm tra, đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ, hình thức kiểm tra và đánh giá cũng đã được nêu ra, trọng số các nội dung đánh giá cũng đã được xác định; các hình thức kiểm tra và đánh giá cũng đã được liệt kê và mô tả trong Quy định đánh giá học phần **[H10.10.03.03]**. Nhà trường cũng có yêu cầu về các hoạt động SHHT cấp BM và cấp Khoa **[H10.10.03.05]**, là cơ sở cho các trao đổi, thảo luận và rà soát về các hoạt động dạy, học và kiểm tra, đánh giá, cũng như mức độ tương thích của các hoạt động dạy học và kiểm tra, đánh giá đáp ứng CĐR.

Trên cơ sở thông báo kết luận của Hiệu trưởng, Trường, Khoa KTTC và BM Tài chính – Ngân hàng triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng phương pháp dạy học và đánh giá KQHT của NH. Cụ thể ĐCHP xây dựng ở năm 2016 có sự thay đổi về tỷ trọng đánh giá, tiếp đến ĐCHP cập nhật/xây dựng ở năm 2021 bổ sung việc đánh giá giữa kỳ. Trên cơ sở việc đánh giá, rà soát các phương pháp dạy học và đánh giá KQHT, BM sử dụng phương pháp rubric trong đánh giá KQHT của NH. Nhằm sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp, cũng như các phương pháp đánh giá đo lường được KQHT của NH, cũng như cập nhật lại ĐCCTHP, BM tiến hành các buổi họp và sinh hoạt chuyên môn đầu năm học và hàng tháng **[H10.10.03.06]**. Qua các buổi sinh hoạt này, giúp BM có sự rà soát đánh giá nội dung các HP, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá; từ đó có được những phương pháp đánh giá và giảng dạy phù hợp với từng HP và các ĐCCTHP được

cập nhật lại nhằm giúp NH đạt được CDR của CTĐT. Đặc biệt, thông qua hoạt động GV đánh giá GV về hoạt động giảng dạy ở buổi họp tổng kết năm học của BM Tài chính – Ngân hàng hàng năm (mỗi GV đều được các GV trong BM góp ý và đánh giá), góp phần cải tiến phương pháp giảng dạy và đánh giá KQHT [H10.10.03.07].

GV Khoa KTTC được khuyến khích đẩy mạnh phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng công cụ E-learning và kết hợp rèn luyện kỹ năng mềm cho SV [H10.10.03.08]. Bên cạnh đó, GV Khoa KTTC cũng tiếp cận và đa dạng hóa các hình thức đánh giá KQHT của NH và phương pháp Rubric được sử dụng đầy đủ để đánh giá NH ở các HP thực tập.

Bảng 10.1. Ý kiến của Sv năm cuối Ngành TCNH về việc sử dụng phương pháp dạy học của GV

Năm học	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Tương đối đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý
2018 - 2019	28,36	49,25	22,39	0	0
2019 - 2020	35,56	48,89	11,11	2,22	2,22
2020-2021	33,33	54,76	9,52	2,38	0
2021-2022	44,57	41,3	11,96	1,09	1,09
2022-2023	41,57	44,94	10,11	2,25	1,12

Kết quả khảo sát NH ở bảng 10.1, có hơn 80% NH đồng ý và hoàn toàn đồng ý về phương pháp dạy học được GV sử dụng. Tỷ lệ này được cải thiện qua các năm học. Kết quả khảo sát SV về HDGD của GV cho thấy hơn 80% SV hài lòng và rất hài lòng về HDGD của GV [H10.10.03.09] nhờ vậy KQHT của SV ngành Tài chính – Ngân hàng có cải thiện qua các năm học [H10.10.03.10].

Mặc dù việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR tuy nhiên hiện tại vẫn chưa có phương pháp phân tích định lượng để xem xét sự tương thích và phù hợp giữa KQHT của người học với CDR cho một số học phần.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các quy định rõ ràng và hoạt động dạy, học và kiểm tra, đánh giá. Các BM, Khoa, Viện triển khai thực hiện theo định kỳ. Nhà trường, Khoa và BM có

hiều hoạt động để thực hiện rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học và đánh giá KQHT của NH và được tiến hành hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Chưa có phương pháp phân tích định lượng sự tương thích và phù hợp giữa KQHT của NH với CĐR cho một số học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường phân tích định lượng kết quả kiểm tra sự tương thích và phù hợp giữa KQHT của NH với CĐR.	- Phòng ĐBCL&KT - Khoa KTTC - Bộ môn TCNH	Từ năm học 2024 -2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục duy trì việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học và đánh giá KQHT của NH	- Khoa KTTC - Bộ môn TCNH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm tự đánh giá: 4/7).

Tiêu chí 10.4

Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động NCKH trong các cơ sở giáo dục là hoạt động không thể thiếu và luôn tiến hành song hành với hoạt động giảng dạy, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Xuất phát từ sự quan trọng của NCKH, trường ĐHNT đã ban hành quyết định về Chiến lược phát triển Trường ĐHNT đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H10.10.04.01]. Trường rất chú trọng thúc đẩy các hoạt động KHCN và đã ban hành các văn bản quản lý hoạt động KHCN trong Trường; có các chính sách, chế độ khuyến khích và tạo điều kiện cho GV và SV tham gia các hoạt động KHCN [H10.10.04.02]. Hàng năm, Phòng KHCN thường xuyên cập nhật thông tin đề xuất nhiệm vụ KHCN, thông báo tuyển chọn đề tài KHCN các cấp, thư mời viết bài báo khoa học, kế hoạch tổ chức hội thảo các cấp của Trường đến Khoa một cách kịp thời [H10.10.04.03]; tổ chức các hội nghị tìm kiếm giải pháp thúc đẩy NCKH tại Trường; xây dựng cơ chế chính sách NCKH cho GV trẻ; các buổi tập huấn trao đổi kinh nghiệm

viết bài báo khoa học; tổ chức tuần KHCN cho SV; ban hành các hướng dẫn cụ thể khác cho hoạt động NCKH [H10.10.04.04].

Bảng 10.2. Thống kê số đề tài và các sản phẩm NCKH của Khoa Kế toán – Tài chính giai đoạn 2019-2023

	Tổng cộng	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Đề tài KHCN các cấp của GV		1	2	4	3	4
Đề tài NCKH của SV		0	2	0	0	2
Bài báo quốc tế	27	1	6	5	7	8
Bài báo trong nước	87	13	6	19	24	25
Báo cáo hội nghị, hội thảo quốc tế	27	1		6	13	10
Báo cáo hội nghị, hội thảo cấp quốc gia	102	23	32	5	10	32
Bài hội thảo Trường, Khoa, Bộ môn	47	0	0	34	12	1
Số hội thảo các cấp Khoa đã tổ chức		0	0	0	0	2

Với sự hỗ trợ của đội ngũ chuyên viên và lãnh đạo Phòng KHCN, cũng như sự cập nhật thường xuyên và gửi thông báo liên quan đến đề xuất nhiệm vụ KHCN các cấp và đề tài NCKH trong SV hàng năm. Qua đó, hoạt động NCKH của GV và SV Khoa KTTC trong 5 năm qua đã có những chuyển biến tích cực với 8 đề tài, dự án các cấp của GV; 2 đề tài NCKH của SV; 27 bài báo quốc tế, 87 bài báo trong nước; 27 bài báo cáo hội nghị, hội thảo quốc tế; 102 bài báo cáo hội nghị, hội thảo cấp quốc gia. Khoa đã tổ chức hoặc đồng tổ chức hội thảo (hội thảo quốc tế và hội thảo quốc gia) (Bảng 10.2)

Từ năm 2019 đến 2023, Khoa KTTC có 4 đề tài NCKH cấp trường được nghiệm thu và 03 đề tài đang trong kế hoạch thực hiện, có 1 đề tài NCKH trong SV đã hoàn thành. Các đề tài này được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo, NCKH cho GV và SV trong

Khoa. (Bảng 10.2). Trong giai đoạn 2019-2023, Khoa thường xuyên tổ chức hội thảo cấp Trường và cấp Quốc gia về lĩnh vực Kế toán – Tài chính – Kiểm toán, đặc biệt Khoa đã kết nối được với một số trường ĐH cùng đồng tổ chức hội thảo quốc gia và quốc tế nhằm tạo môi trường sinh hoạt học thuật cho GV và SV trong khoa để nâng cao năng lực NCKH [H10.10.04.05], [H10.10.04.06].

Ngoài việc thực hiện đề tài NCKH, GV của Khoa còn thường xuyên công bố bài báo Khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế, các bài tham luận ở các hội thảo Khoa học cấp trường, cấp quốc gia. Đặc biệt từ năm 2019 trở lại đây, nhiều GV có công bố trong các tạp chí ISI, SCI và SCIE có uy tín trên thế giới. Chính những hoạt động NCKH này đã hỗ trợ đắc lực cho các GV trong Khoa nâng cao kiến thức, tăng cường bổ sung biên soạn bài giảng, sách phục vụ hoạt động dạy và học [H10.10.04.07].

Các kết quả của các đề tài NCKH và kết quả từ các hoạt động NCKH khác được GV sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy và hoạt động học tập của NH. Cụ thể, các kết quả đạt được từ các đề tài NCKH được GV và SV sử dụng làm cơ sở giải quyết các tình huống thực tiễn được đặt ra trên lớp; kết quả đạt được từ các đề tài NCKH giúp GV của Khoa làm cơ sở để biên soạn giáo trình và tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động dạy của GV và học của SV, như: tài liệu tham khảo Tài chính tiền tệ, giáo trình nguyên lý kế toán, tài liệu tham khảo Kế toán quản trị trong doanh nghiệp sản xuất, Kiểm toán báo cáo tài chính, Kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp sản xuất; các chủ đề hội thảo góp phần giúp GV cập nhật lại bài giảng các HP chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, lồng ghép các kết quả thu được từ nghiên cứu vào nội dung giảng dạy các HP chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng [H10.10.04.07], [H10.10.04.05], [H10.10.04.06].

Giai đoạn 2019 - 2023, GV và SV Khoa KTTC có nhiều hoạt động NCKH thông qua số lượng đề tài Khoa học cấp trường của GV, đề tài NCKH trong SV, các bài báo đăng trên các tạp chí, bài tham luận tại các hội thảo tăng lên đáng kể so với giai đoạn trước. Tuy nhiên, những ứng dụng kết quả NCKH trong việc cải tiến hoạt động dạy và học của GV và SV chỉ mới tập trung ở một số GV, một số học phần; số lượng đề tài NCKH của SV bậc đại học còn ít, các kết quả NCKH được SV tham khảo làm đề tài KLTN còn khiêm tốn.

2. Điểm mạnh

Số lượng đề tài NCKH cấp trường của GV và đề tài NCKH trong SV của Khoa KTTC giai đoạn 2019 đến 2023 có sự gia tăng so với giai đoạn trước. Các đề tài NCKH,

các chủ đề hội thảo gắn kết chặt chẽ với Ngành Tài chính – Ngân hàng, nhờ vậy hỗ trợ cho hoạt động dạy của GV và học của SV.

3. Điểm tồn tại

Những ứng dụng kết quả NCKH trong việc cải tiến hoạt động dạy và học của GV và SV chỉ mới tập trung ở một số GV, một số học phần; số lượng đề tài NCKH của SV bậc đại học còn ít, các kết quả NCKH được SV tham khảo làm đề tài KLTN còn khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Khoa triển khai cho các nhóm nghiên cứu lồng ghép kết quả NCKH trong tất cả các HP chuyên ngành; đồng thời tìm giải pháp để thúc đẩy phong trào NCKH trong SV.	-Khoa KTTC -Bộ môn TCNH	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động NCKH và công bố các công trình và ứng dụng kết quả nghiên cứu trong giảng dạy.	-Khoa KTTC -Bộ môn TCNH	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 10.5

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có quy định về chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm của các đơn vị hỗ trợ và có đánh giá phân loại viên chức hàng năm [H10.10.05.01]. Ngoài việc thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ theo chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm Nhà trường còn thành lập các Tổ để kiểm soát, đánh giá chất lượng cho các dịch vụ này như: Ban thanh tra nhân dân, Tổ Kiểm tra hành chính, Tổ kiểm tra vệ sinh, Tổ kiểm tra y tế, Tổ kiểm tra Ký túc xá [H10.10.05.02]. Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ quan trọng nhất là tham khảo ý kiến của các đối tượng đang trực tiếp được thụ hưởng các dịch vụ đó, ở đây chính là người học, công việc này được thực hiện hàng năm theo quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên

quan. Phòng ĐBCLKT và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm lấy ý kiến phản hồi của SV và GV về cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ [H10.10.05.03]. Ngoài ra, NH có thể phản ánh ý kiến trực tiếp với đơn vị quản lý hoạt động dịch vụ hoặc thông qua các buổi chào cờ [H10.10.05.04], đối thoại SV hoặc thông qua kênh CVHT/báo cáo công tác SV hàng tháng [H10.10.05.05], [H10.10.05.06]. Để ghi nhận và xử lý kịp thời ý kiến của NH về cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường đã xây dựng Hộp thư góp ý trên trang web NTU E-learning để NH có thể vào góp ý bất cứ lúc nào [H10.10.05.07]; trên phần mềm cán bộ Nhà trường đã tạo mục báo hỏng thiết bị để GV báo cáo tình hình hư hỏng thiết bị, các đơn vị chức năng sửa chữa kịp thời [H10.10.05.08]; Thư viện đã thiết lập kênh lấy ý kiến trực tuyến ý kiến độc giả thông qua diễn đàn “Trao đổi thảo luận” [H10.10.05.09].

Việc thực hiện đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường được thực hiện định kỳ. Hàng năm, các Đơn vị tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ của Đơn vị, đánh giá tất cả các hoạt động của Đơn vị thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ trong năm học và đưa ra kế hoạch thực hiện trong năm học tới [H10.10.05.10]. Sau khi thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan, Nhà trường tiến hành phân tích kết quả, đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường đối với NH [H10.10.05.09], [H10.10.05.11], [H10.10.05.12], [H10.10.05.13].

Trên cơ sở phân tích kết quả đánh giá về hoạt động hỗ trợ và tiện ích, Trường ĐHNT đã tiến hành cải tiến và nâng cao chất lượng các dịch vụ này, cụ thể:

Thông qua tiếp nhận ý kiến của độc giả, Thư viện định kỳ rà soát, bố trí sắp xếp lại các kho sách, phòng đọc, nhờ đó đã tạo được không gian thoáng mát và thoải mái cho độc giả. Hệ thống thư viện của Nhà trường được số hóa, quản lý bằng phần mềm và bổ sung hệ thống trả sách tự động, giúp cho việc mượn và trả sách được thuận tiện hơn, số lượng các lượt mượn tăng lên đáng kể, số lượng tài liệu cũng được phát triển hàng năm. Cổng thông tin thư viện (<http://thuvien.ntu.edu.vn>) thường xuyên cập nhật các tin tức, chính sách, nội quy, hướng dẫn sử dụng thư viện, giúp bạn đọc tự kiểm tra tài khoản hoạt động của cá nhân đồng thời tiếp nhận, trả lời các thông tin phản hồi từ bạn đọc. Thư viện đã tạo thêm nhiều dịch vụ như tra cứu thông tin theo môn học, gửi email định kỳ đến tất cả BM, GV để thông báo tài liệu mới [H10.10.05.14]

Tiếp thu các phản ánh của SV về wifi và đường truyền internet, Nhà trường đã cho cải tạo lại hệ thống internet, hiện wifi đã được phủ kín các khu vực trong toàn trường, GV

và SV có thể truy cập internet tại mọi địa điểm, chất lượng và tốc độ truy cập thực sự ổn định [H10.10.05.15]

Trên cơ sở nhu cầu của NH thông qua các lần đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường và SV, Trung tâm PVTH đã tổ chức các khu tự học thoáng mát, yên tĩnh [H10.10.05.16]. Hệ thống KTX rộng rãi, khu để xe tập trung và gần các giảng đường [H10.10.05.17].

Hệ thống nhà thi đấu và tập luyện thể thao đa dạng được bố trí dành cho SV [H10.10.05.17]. Đồng thời, các bảng chỉ dẫn trong khuôn viên Trường được thiết kế và lắp đặt ở nhiều nơi cần thiết tạo điều kiện thuận lợi cho NH và khách thăm quan đi lại và cũng tạo ấn tượng độc đáo cho quang cảnh Nhà trường.

Hệ thống giảng đường, thư viện, các Khoa, Viện có phòng được sử dụng làm phòng học, tất cả đều được trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng và thiết bị dạy học đồng bộ, hiện đại. Nhà trường đã dành riêng giảng đường G8 chuyên dùng cho NH thực hành tin học với hệ thống máy tính hiện đại có truy cập Internet. Trang thiết bị phòng thực hành máy tính được đầu tư, bổ sung hàng năm [H10.10.05.19].

Bảng 10.3. Mức độ đồng ý SV năm cuối Trường Đại học Nha Trang về việc Nhà

Năm	Hoàn toàn đồng ý (%)	Đồng ý (%)	Tương đối đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Hoàn toàn không đồng ý (%)
2018 - 2019	22,56	50,92	22,03	3,88	0,61
2019 - 2020	27,3	52,2	17,8	2	0,7
2020 - 2021	32,51	50,51	13,95	2,53	0,51
2021 - 2022	35,27	48,07	14,48	1,62	0,56
2022 - 2023	37,79	45,26	14,28	1,75	0,75

trường có đầy đủ thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, thực hành

Qua kết quả khảo sát NH ở bảng 10.3, có hơn 70% NH đồng ý và hoàn toàn đồng ý về việc Nhà trường có đầy đủ thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập, thực hành. Tỷ lệ này được cải thiện qua các năm học.

Đối với Khoa KTTC, để tạo điều kiện giúp cho sinh viên trong Khoa đặc biệt là sinh viên ngành TCNH tiếp cận nghiệp vụ ngân hàng, Trường đã đầu tư Trung tâm mô phỏng thực hành ngân hàng số với những thiết bị và công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó để

giúp sinh viên ngành TCNH có cơ hội trải nghiệm thực tế về ngành nghề, Khoa và Bộ môn thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV, tạo điều kiện cho SV tham quan tại các ngân hàng và các doanh nghiệp để giao lưu, học hỏi, phát triển các kỹ năng mềm. **[H10.10.05.20]**.

Mặc dù có cải tiến trong chất lượng của các hoạt động dịch vụ; tuy nhiên các hoạt động dịch hỗ trợ NH chưa được phong phú, dẫn đến việc hỗ trợ cho các hoạt động ngoại khóa của SV chưa nhiều.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, dịch vụ phục vụ cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu và rèn luyện của GV và SV. Các loại hình dịch vụ trong Trường phong phú, chất lượng luôn được quan tâm cải tiến, đáp ứng nhu cầu của NH.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động dịch hỗ trợ NH chưa được phong phú, dẫn đến việc hỗ trợ cho các hoạt động ngoại khóa của SV chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện cung cấp nhiều hoạt động dịch hỗ trợ NH như: không gian tự học, sinh hoạt tập thể ngoài trời, hệ thống wifi, các hoạt động thể thao ngoài trời, các dịch vụ phát hành tài liệu.	-Trung tâm PVTH -Phòng CNTT -Thư viện -Đoàn thanh niên	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh	Luôn có sự quan tâm của Nhà trường và các phòng ban trong cung cấp các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đảm bảo chất lượng dịch vụ.	-Khoa KTTC -Trung tâm PVTH -Phòng CNTT -Thư viện.	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 5/7)

Tiêu chí 10.6

Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHNT thực hiện có tính hệ thống và định kỳ được đánh giá, rà soát và cải tiến. Năm 2018, để thống nhất cách thức thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan trong toàn Trường, Trường đã ban hành Quyết định số 1527/QĐ-ĐHNT ngày 26/12/2018 về quy định lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.06.01]. Đến năm 2022, Nhà trường đã ban hành Quyết định 505/QĐ-ĐHNT ngày 05/5/2022 thay thế Quyết định 1527/QĐ-ĐHNT [H10.10.06.02]. Văn bản này xác định rõ ý nghĩa, mục đích, đối tượng khảo sát cũng như nội dung, công cụ, phương pháp, quy trình thu thập, sử dụng thông tin phản hồi, trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan. Phòng ĐBCL&KT là đơn vị tham mưu, tư vấn cho Ban giám hiệu về công tác lấy ý kiến các bên liên quan; tổ chức, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan trong toàn Trường [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]. Từ đó, cách thức thực hiện được thống nhất giữa các đơn vị; tạo được cơ chế kết nối liên thông từ lãnh đạo Trường đến các đơn vị chức năng và đơn vị đào tạo trong hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan. Nhà trường thực hiện lấy ý kiến thông qua nhiều hình thức: khảo sát bằng phiếu hỏi theo hình thức trực tiếp/trực tuyến [H10.10.06.01], [H10.10.06.02]; hội thảo, hội nghị chuyên đề; hội nghị đối thoại giữa Lãnh đạo Trường với các bên liên quan: Hiệu trưởng đối thoại với CBVC được tổ chức định kỳ 6 tháng/lần [H09.09.01.08], Phòng CTSV định kỳ cũng tổ chức đối thoại với sinh viên để kịp thời giải đáp thắc mắc của sinh viên và có biện pháp hỗ trợ kịp thời [H10.10.06.03], Khoa Kế toán – Tài chính cũng tổ chức các buổi chào cờ để có thể lắng nghe ý kiến và giải đáp thắc mắc của sinh viên trong Khoa [H10.10.06.04]. Ngoài ra, mọi SV, VC - NLD trong Trường còn có thể gửi ý kiến vào hộp thư góp ý chung hoặc gửi thư điện tử trực tiếp cho Hiệu trưởng và các đơn vị quản lý.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến. Từ năm học 2016-2017 trở về trước, Nhà trường thực hiện khảo sát các bên liên quan bằng hình thức phiếu giấy [H10.10.06.05], nhận ra những khó khăn trong quá trình thực hiện, đặc biệt là kết quả khảo sát chưa được lưu trữ có hệ thống, việc đối sánh kết quả giữa các kỳ để làm cơ sở cải tiến chất lượng đào tạo còn hạn chế. Vì vậy, từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã triển khai việc lấy ý kiến các bên liên quan bằng hình thức trực tuyến thông

qua phần mềm quản lý đào tạo Nhà trường và một số qua Google form thay hình thức khảo sát bằng phiếu giấy trước đó **[H10.10.06.06]**. Kết quả là, công tác thu thập thông tin phản hồi đã được cải tiến tốt hơn, có tính hệ thống, dễ đối sánh và đạt hiệu quả cao hơn **[H10.10.06.07]**, **[H10.10.06.08]**. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy, điều kiện vật chất, điều kiện học tập và sinh hoạt của SV theo định kỳ vẫn chưa đáp ứng được tính cấp thiết và thay đổi kịp thời. Vì vậy, năm 2021, Nhà trường đã tạo mục “Hộp thư góp ý” trên hệ thống NTU E-learning để SV có thể vào góp ý bất cứ khi nào có nhu cầu. Ngoài ra, hệ thống bản câu hỏi thường xuyên được rà soát, cập nhật nhằm thu thập được các thông tin chuẩn xác và phù hợp nhất phục vụ cho hoạt động của Nhà trường nói chung và công tác cải tiến CTĐT của ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng **[H10.10.06.09]**. Vào học kỳ II, năm học 2019-2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 Trường đã tổ chức giảng dạy trực tuyến cho SV. Nhằm kịp thời ghi nhận ý kiến của GV và NH để nâng cao hơn nữa chất lượng giảng dạy trực tuyến, phòng ĐBCL&KT đã xây dựng bảng câu hỏi, tiến hành khảo sát GV và NH về hoạt động dạy học E-learning **[H10.10.06.10]**. Căn cứ vào ý kiến của các đơn vị triển khai lấy ý kiến, ý kiến của các bên liên quan, ý kiến của Đoàn đánh giá ngoài qua các lần kiểm định trường và CTĐT, năm 2023, Nhà trường đã rà soát, xây dựng lại quy định lấy ý kiến các bên liên quan, bổ sung thêm nhiều nội dung lấy ý kiến, chú trọng hơn việc lấy ý kiến từ GV, viên chức, người lao động. Nhận thấy việc sử dụng kết quả lấy ý kiến để cải tiến các mặt hoạt động của Nhà trường chưa được đồng bộ tại các đơn vị, Nhà trường cũng bổ sung vào quy định quy trình cải tiến chất lượng sau khi lấy ý kiến các bên liên quan **[H10.10.06.02]**

Kết quả các hoạt động khảo sát được tổng hợp, phân tích, đối sánh kết quả qua các năm và gửi đến BGH, các đơn vị, bộ môn để nắm bắt thông tin, đưa ra các biện pháp khắc phục hạn chế, nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ tại bộ môn, đơn vị **[H10.10.06.07]**. Đối với hoạt động khảo sát ý kiến SV về hoạt động GD, BM phải tiến hành họp, đề xuất các biện pháp khắc phục, nâng cao chất lượng GD và gửi về Phòng ĐBCL&KT để tổng hợp. Ngoài ra, để hoạt động khảo sát này ngày càng mang ý nghĩa thiết thực, góp phần cải tiến chất lượng GD, Nhà trường đã đưa kết quả khảo sát vào tiêu chí đánh giá, phân loại GV hàng năm **[H10.10.06.11]**. Hoạt động họp giao ban công tác SV được tổ chức hàng tháng là một hoạt động cải tiến có ý nghĩa rất lớn. Thông qua hoạt động này, SV trong Khoa được giải đáp kịp thời các thắc mắc cũng như được trình bày tâm tư nguyện

vọng đến Nhà trường thông qua các thầy cô ở BM, ban lãnh đạo Khoa. Khoa sẽ tập hợp ý kiến của SV gửi đến Phòng CTCT&SV tổng hợp và trình bày trong buổi họp giao ban công tác SV có sự tham gia của lãnh đạo Nhà trường. Từ đó Nhà trường cũng như các đơn vị cùng phối hợp đưa ra các biện pháp, kịp thời điều chỉnh các hoạt động nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập và sinh hoạt của SV [H10.10.06.12].

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả của công tác thu thập thông tin phản hồi, Khoa KTTC còn thu thập ý kiến thông qua các buổi phỏng vấn, giao lưu, hội nghị học tốt... từ các doanh nghiệp đã tuyển dụng SV tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng [H10.10.06.13]. Hoạt động thu thập thông tin phản hồi được chú trọng và cải tiến [H10.10.06.14].

Mặc dù việc thu thập ý kiến của các BLQ có tính hệ thống và được cải tiến. Tuy nhiên, việc khảo sát, trao đổi các thông tin từ doanh nghiệp và cựu sinh viên vẫn còn chưa thường xuyên và còn gặp nhiều khó khăn để làm cơ sở cho việc hiệu chỉnh đánh giá chương trình giảng dạy.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống, được đánh giá và liên tục được cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Việc tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp và cựu sinh viên bước đầu đã được chú trọng nhưng vẫn chưa đảm bảo tính thường xuyên, liên tục nhằm kịp thời cung cấp các thông tin cho việc công tác hiệu chỉnh đánh giá chương trình và giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường việc khảo sát phản hồi từ doanh nghiệp và cựu SV để đáp ứng được việc đánh giá chương trình và giảng dạy.	- Khoa KTTC - Trung tâm HTVL&KN	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành
2	Phát huy điểm mạnh	Thông tin về việc đánh giá và phản hồi của các bên liên quan được sử dụng hiệu quả nhằm đáp ứng được	Khoa KTTC Trung tâm HTVL&KN	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm tự đánh giá: 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Hoạt động nâng cao chất lượng luôn được Nhà trường và Khoa KTTC quan tâm và được thực hiện ở tất cả các khâu, lĩnh vực trong quá trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Trường ĐHNT có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ về yêu cầu và chất lượng của nguồn nhân lực; từ đó làm cơ sở cho việc cải tiến CTDH và nâng cao chất lượng đào tạo. Việc thiết kế và phát triển CTDH ngành Tài chính – Ngân hàng được dựa trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng, từ đó tạo ra CTDH có tính Khoa học, tiến tiến và hiện đại, quá trình dạy học được đánh giá, cơ sở thu thập thông tin phản hồi từ các BLQ như GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng làm cơ sở cải tiến CTDH. Quá trình dạy, học và việc đánh giá KQHT của NH được rà soát, đánh giá và cải tiến thường xuyên, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT. Kết quả NCKH từ các đề tài KHCN cấp trường của GV và đề tài NCKH trong SV, cũng như kết quả từ các bài báo, bài tham luận của GV đã được đưa vào nội dung một phần giáo trình, tài liệu tham khảo cho SV và được lồng ghép vào những tình huống giảng dạy trên lớp. Trường ĐHNT có cơ chế phản hồi của các BLQ đã được thiết lập rõ ràng và có tính hệ thống bao phủ tất cả hoạt động của quá trình đào tạo, được thực hiện tương đối thường xuyên, liên tục và được cải tiến.

Tuy nhiên, ý kiến phản hồi của CSV và nhà tuyển dụng thu thập được chưa nhiều, chưa đủ bao quát hết ý kiến của thị trường lao động về những yêu cầu của thị trường lao động đối với nghề nghiệp Tài chính – Ngân hàng. Mặt khác ý kiến phản hồi của các BLQ chỉ dừng lại ở dữ liệu, số liệu thu thập của từng kỳ, từng năm; chưa có sự tổng hợp, phân tích, đánh giá để thấy được xu hướng tích cực, hoặc tiêu cực từ sự nhìn nhận của các BLQ đến CLĐT của ngành Tài chính – Ngân hàng.

Mặt dù hoạt động NCKH có hướng tích cực trong những năm qua, tuy nhiên việc lồng ghép các kết quả nghiên cứu vào các hoạt động dạy và học chưa được nhiều.

Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh chất lượng của một CSGD đại học. Do đó, Trường ĐHNT cũng như Khoa KTTC rất coi trọng công tác đánh giá, giám sát, đối sánh kết quả đầu ra thông qua tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, số lượng SV có việc làm, loại hình và số lượng NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa còn chú trọng đến việc khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan, tổng hợp và đối sánh sự hài lòng qua các năm để có cơ sở cải tiến CTĐT cũng như các dịch vụ tiện ích để ngày càng nâng cao kết quả đầu ra.

Tiêu chí 11.1

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp của ngành Tài chính – Ngân hàng trong từng năm học được theo dõi trên phần mềm đào tạo do các phòng chức năng quản lý như: Phòng ĐTDH, Phòng CTCTSV, Khoa KTTC và các CVHT của từng lớp. Các tỷ lệ này được thống kê theo từng học kỳ và giám sát thường xuyên để các bộ phận chức năng nắm được tình hình đào tạo của Nhà trường đối với từng ngành trong toàn trường [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Số liệu thống kê tỷ lệ thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp được công bố, đánh giá, đối sánh qua các năm, để Khoa, Nhà trường có giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp. Khoa đã giao nhiệm vụ cho các CVHT rà soát KQHT của SV theo từng học kỳ, tìm hiểu lý do SV còn nợ các HP trên cơ sở đó đề xuất với Nhà trường các giải pháp nhằm hỗ trợ cho SV đăng ký trả nợ kịp thời các HP (như việc mở các lớp HP phù hợp, đặc biệt là cho SV năm cuối trả nợ HP kịp thời) [H11.11.01.03], [H11.11.01.04].

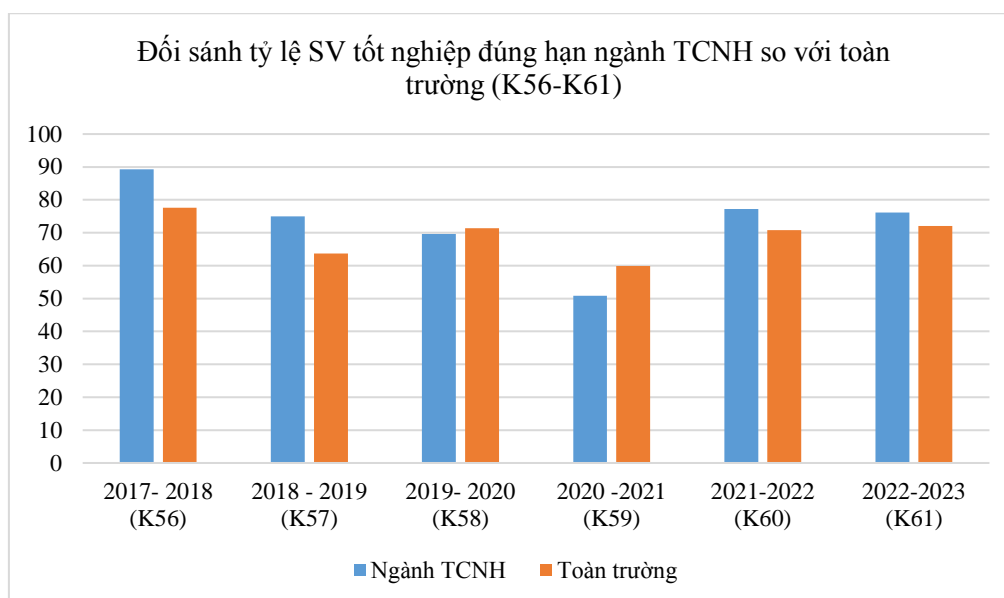
Vào cuối mỗi học kỳ, Phòng CTCTSV chịu trách nhiệm xem xét, đối chiếu so sánh KQHT và rèn luyện của SV với quy chế đào tạo theo Quyết định số 197/QĐ-ĐHNT, Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT và QĐ 753/QĐ-ĐHNT của từng học kỳ để có cảnh báo sớm đến các SV có nguy cơ bị buộc thôi học, giúp các SV yếu kém kịp thời điều chỉnh thái độ, phương pháp học tập đúng đắn [H8.8.04.03]. Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được thống kê từ năm học 2017 - 2028 đến năm học 2022-2023 của

SV đại học chính quy ngành Tài chính - Ngân hàng được thể hiện ở Bảng 11.1.

Bảng 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của SV đại học chính quy ngành Tài chính - Ngân hàng trong thời gian qua năm

Năm học/Khóa học	2017- 2018 (K56)	2018 - 2019 (K57)	2019- 2020 (K58)	2020 - 2021 (K59)	2021- 2022 (K60)	2022- 2023 (K61)	Trung bình
Tổng số SV mỗi khóa	38	84	71	137	137	243	119
Số SV thôi học	9	16	15	40	33	51	28
Tỷ lệ SV thôi học (%)	24,32	19,05	21,13	29,2	24,09	20,99	23,13
Số SV tốt nghiệp đúng hạn	25	51	39	48	80	143	65
Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (%)	89,3	75,00	69,6	50,8	77,2	76,1	73,00

Tình hình SV tốt nghiệp, thôi học được báo cáo định kỳ hàng năm trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ năm học tới. Lý do SV thôi học ngoài một phần do yếu tố khách quan là tình hình chung của các trường đại học trên toàn quốc (học tạm để năm tiếp theo thi ngành khác/trường khác), còn có lý do chủ quan là SV không kịp thích ứng với môi trường học tập mới nên có KQHT yếu kém và bị buộc thôi học [H11.11.01.05]. Tuy nhiên, Nhà trường đã có nhiều điều chỉnh kịp thời trong công tác quản lý, CVHT, GV phụ trách HP tăng cường gặp gỡ, hướng dẫn SV trong các buổi gặp gỡ đầu năm/đầu mỗi học kỳ qua nhiều hình thức Online và trực tiếp qua đó hỗ trợ NH và giúp NH điều chỉnh kịp thời trong học tập, sinh hoạt nhằm duy trì tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn ở mức cao so với thực trạng chung toàn trường. Chi tiết được thể hiện ở Hình 11.1.

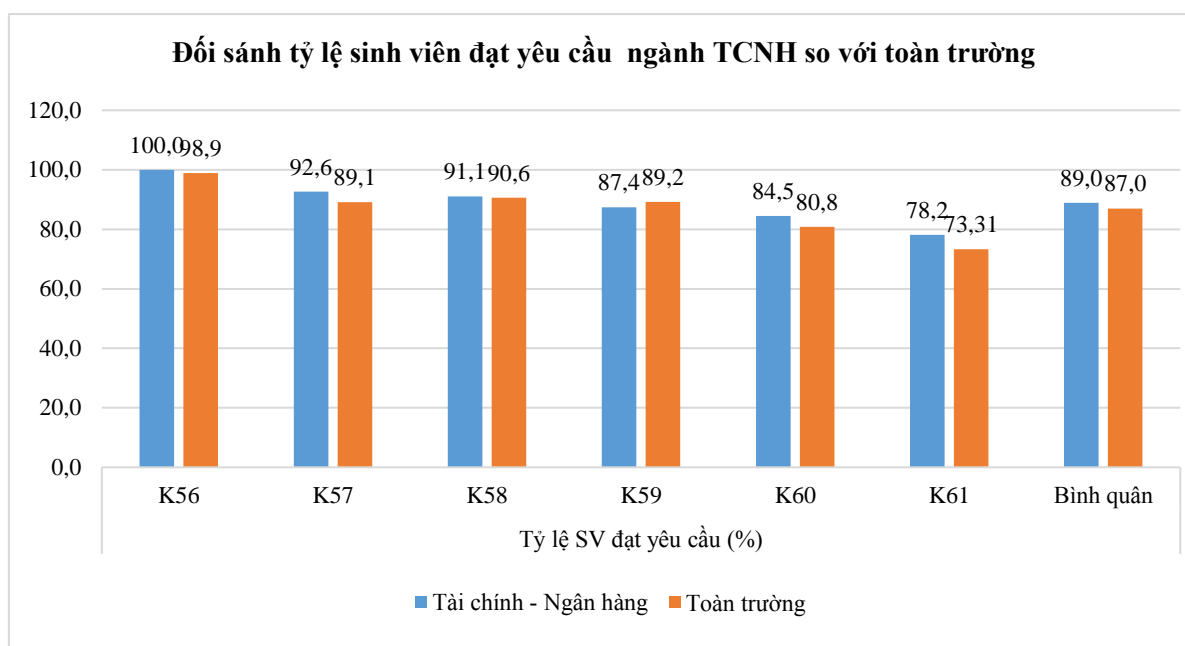


Hình 11.1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn ngành TCNH trong thời gian qua (K56-K61)

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn bình quân của SV đại học chính quy ngành Tài chính – Ngân hàng trong thời gian qua (từ K56 đến K61) là 73,00%. Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn không đồng đều giữa các khoá, trong đó khoá K59 thấp hơn so với các khoá còn lại. Do chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid -19 ở các năm 2020 và năm 2021, làm cho quá trình học tập và thực tập của SV K59 bị ảnh hưởng, từ đó dẫn đến tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV K59 ngành Tài chính - Ngân hàng thấp hơn so với các khoá trước. Tuy nhiên, những chỉ đạo, quán triệt của Nhà trường, Khoa KTTC và Bộ môn TCNH trong việc đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ người học trong tình hình bình thường mới (dịch bệnh Covid -19) qua đó tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đã đúng hạn đã được cải thiện đối với các khóa K60 và K61. Nhìn chung tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn bình quân của ngành TCNH (73,00%) luôn cao hơn so với tỷ lệ chung của Nhà trường (69,25%) trong thời gian qua [H11.11.01.05].

Đội ngũ CVHT và GV của Khoa đã phân tích và chỉ ra nguyên nhân của việc SV tốt nghiệp không đúng hạn. Bên cạnh các nguyên nhân chủ yếu từ phía SV (có thể là do SV gặp khó khăn khi hoàn thành đầu ra ngoại ngữ, quốc phòng an ninh, một số HP đại cương, động cơ, ý thức học tập của một bộ phận SV chưa tốt, một số SV dành nhiều thời gian đi làm thêm,...) còn do sự liên kết giữa CVHT và lớp chưa chặt chẽ, và sự phối hợp giữa các đơn vị chức năng với Khoa trong việc thống kê, đánh giá tiến độ học tập của SV chưa kịp thời để có giải pháp nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp. Tỷ lệ SV đạt yêu cầu ngành Tài chính – Ngân hàng (89,00%) cao hơn với tỷ lệ SV đạt yêu cầu của toàn

trường (87,00%) [H11.11.01.01], [H11.11.01.02]. Chi tiết ở Hình 11.2.



Hình 11.2. Tỷ lệ sinh viên đạt yêu cầu ngành TCNH trong thời gian qua (K56-K61)

Ngoài ra, theo kết quả đối sánh tỷ lệ SV ngành Tài chính – Ngân hàng tốt nghiệp đúng hạn qua các năm so với một số ngành khác trong trường là khá cao. Qua đó, với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn qua các năm (73,04%), ngành TCNH là một trong những ngành trong trường có tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn cao nhất và cao hơn bình quân toàn trường (68,68%). Chi tiết ở bảng 11.2.

Số liệu thống kê về thời gian tốt nghiệp trung bình được theo dõi và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo nhằm xây dựng cơ sở đánh giá hiệu quả của quá trình đào tạo của ngành (<http://qltd.ntu.edu.vn>), đồng thời có cơ sở và giải pháp để cập nhật quy chế đào tạo phù hợp hơn.

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng thông qua rất nhiều các hoạt động hỗ trợ SV các khóa diễn ra thường xuyên như: gặp gỡ SV mới vào đầu năm, sinh hoạt lớp với CVHT 02 tuần/lần, hội nghị học tốt SV, tọa đàm, giao lưu với doanh nghiệp, chào cờ SV 2-3 lần/học kỳ do Khoa tổ chức, CVHT gặp gỡ SV yếu kém,... đã giúp cho SV nắm bắt tình hình, cơ hội học tập và rèn luyện, tháo gỡ vướng mắc, từ đó yên tâm học tập và tìm được phương pháp học tập và rèn luyện phù hợp.

Bảng 11.2. Bảng đối sánh tỷ lệ SV đại học chính quy ngành Tài chính – Ngân hàng tốt nghiệp đúng hạn so với các ngành khác trong Trường.

Stt	Tên ngành	Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn (%)						Trung bình
		K56	K57	K58	K59	K60	K61	
1	<i>Tài chính - Ngân hàng</i>	89,3	75,0	69,6	50,5	77,7	76,1	73.04
2	Kinh tế	76,1	57,1	85,7	50,0	70,0	55,6	65.76
3	Quản trị kinh doanh	72,7	42,7	80,6	68,9	78,5	82,9	71.06
4	Kinh doanh thương mại	85,5	54,5	79,6	73,0	86,5	77,8	76.15
5	Ngôn ngữ Anh	92,0	80,6	82,5	79,4	72,8	79,1	81.06
6	Kế toán	85,1	82,6	76,7	65,0	82,6	78,5	78.41
7	Hệ thống thông tin quản lý	73,9	69,2	50,0	31,0	70,7	37,0	55.32
8	Quản lý thủy sản	85,5	56,9	90,0	71,4	10,0	37,5	58.55
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	81,0	70,2	69,2	70,9	78,5	76,6	74.41
Toàn trường		77,6	63,7	71,4	59,9	70,8	72,14	69,26

Bên cạnh đó, đội ngũ CVHT của Khoa [H11.11.01.06] là các GV trẻ, năng động và nhiệt huyết trong các hoạt động để có thể gần gũi và hiểu được tâm tư nguyện vọng của SV, từ đó đã có những tư vấn giải quyết các thắc mắc của SV, giúp SV vượt qua khó khăn và thấu hiểu được ngành nghề mà mình theo học. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên, Hội SV, CLB AFC [H11.11.01.07], với những hoạt động thiết thực, sinh hoạt định kỳ, thường xuyên đã giúp SV học tập, rèn luyện tốt hơn.

Hiện tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng so với các ngành trong Trường ở mức khá cao, nhưng so với mục tiêu mong đợi vẫn còn những hạn chế. Số liệu về tỷ lệ SV chậm tốt nghiệp chưa được giám sát định kỳ đầy đủ và nhất là đề xuất các biện pháp khả thi nhằm hỗ trợ NH tốt nghiệp đúng hạn hiệu quả. Trên cơ sở đó Khoa và Nhà trường đã có những giải pháp kịp thời. Điển hình như Khoa lập kế hoạch rà soát SV của từng khóa theo học kỳ, trên cơ sở đó nắm bắt những khó khăn và nguyện vọng của các SV, đề xuất với Nhà trường về kế hoạch mở các lớp HP phù hợp, tạo điều kiện cho các SV trả nợ các HP nhằm đảm bảo thời gian tốt nghiệp cho SV.

2. Điểm mạnh

– Các CVHT, Thư ký Khoa, Đoàn TN của Khoa và BCN Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác và có những hướng

giải quyết phù hợp. Với những SV thôi học, CVHT có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn vướng mắc và có những tư vấn phù hợp cho SV.

– Việc thống kê, giám sát tỷ lệ thôi học/tỷ lệ tốt nghiệp được quan tâm thực hiện thường xuyên và được đối chiếu, so sánh với các năm học trước, khóa trước làm cơ sở để Nhà trường có giải pháp cải thiện tình hình SV bỏ học và bị buộc thôi học, đồng thời có định hướng thay đổi, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Số liệu về tỷ lệ SV chậm tốt nghiệp chưa được giám sát định kỳ đầy đủ và nhất là đề xuất các biện pháp khả thi nhằm hỗ trợ NH tốt nghiệp đúng hạn hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	Khoa KTTC định kỳ đánh giá (6 tháng /lần phân tích kết quả đánh giá quá trình và kết quả thi cuối kỳ), đối sánh tỷ lệ SV chậm tốt nghiệp, tìm hiểu nguyên nhân SV không hoàn thành CTĐT đúng hạn để có giải pháp phù hợp, kịp thời.	Khoa KTTC	Năm học 2024-2025
2	Phát huy điểm mạnh	- Các CVHT, Thư ký Khoa, Đoàn TN của Khoa và BCN Khoa tiếp tục thường xuyên cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác và có những hướng giải quyết phù hợp. Với những SV thôi học, CVHT có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn vướng mắc và có những tư vấn phù hợp cho các em. - Tiếp tục thực hiện việc thống kê, giám sát tỷ lệ thôi học/tỷ lệ tốt nghiệp thường xuyên và đối chiếu, so sánh với các năm học trước, khóa trước làm cơ sở để Nhà trường có giải pháp cải thiện tình hình SV bỏ học và bị buộc	- CVHT - Thư ký Khoa, - Đoàn TN - BCN Khoa Nhà trường	Năm học 2024-2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
		thôi học, đồng thời có định hướng thay đổi, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.		

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 11.2

Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Tài chính – Ngân hàng được xác lập, giám sát và đối sánh thông qua việc thực hiện Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ [H11.11.02.01]. Theo đó, thời gian thiết kế để hoàn thành CTĐT là 4 năm, SV có thể chủ động lập kế hoạch học tập để hoàn thành sớm hơn kế hoạch (có thể 3 – 3,5 năm) hoặc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình (nhưng không quá 8 năm). Một số SV có thể chậm tiến độ 1 hoặc 2 học kỳ do không hoàn thành cùng lúc nhiều hoặc một số HP, đặc biệt là các HP trong khối GDTQ. Một số SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CDR như: Đi làm thêm, chưa quan tâm, tập trung vào việc học tập đúng mức hoặc chưa có phương pháp học tập thích hợp, đặc biệt là SV năm đầu do chưa quen với môi trường học tập mới. Chính vì vậy SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường. Số SV hoàn thành chương trình trước thời hạn là rất ít, cho đến nay ngành Tài chính – Ngân hàng có 01 SV khóa 62 đã đăng ký học vượt một số HP để hoàn thành trước chương trình 01 năm học [H8.8.03.06].

Quản lý quá trình học tập của SV ngành Tài chính – Ngân hàng từ lúc vào trường đến khi kết thúc học tập, tốt nghiệp ra trường dưới sự quản lý của Khoa KTTC, Phòng ĐTDH, Phòng CTCTSV và các phòng/trung tâm phục vụ. Số liệu thống kê về thời gian tốt nghiệp trung bình được Nhà Trường quan tâm những năm gần đây nhằm xây dựng cơ sở để đánh giá hiệu quả của quá trình đào tạo của Nhà trường, đồng thời có giải pháp, cơ sở để hoàn thiện Quy chế đào tạo phù hợp hơn với điều kiện mới. Tuy nhiên, việc truy cập số liệu của Khoa, BM, GV, CVHT còn bị hạn chế do chưa

tận dụng được phần mềm quản lý. Chính vì lý do này mà Khoa, BM và đội ngũ GV chưa kịp thời nắm được thời gian tốt nghiệp trung bình thực tế của SV ngành Tài chính – Ngân hàng để đối sánh, cải tiến chất lượng, cố vấn và hỗ trợ SV đúng lúc.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Tài chính – Ngân hàng được trình bày tại bảng 11.3. Kết quả cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV khóa 56 là thấp nhất so với các khóa còn lại của ngành Tài chính - Ngân hàng (4 năm và 1,1 tháng). Ngược lại, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV khóa 59 là kéo dài thời gian nhất so với các khóa khác (4 năm và 2,5 tháng). Thời gian tốt nghiệp thường vượt hơn thời gian thiết kế của CTĐT từ 1-3 tháng. Có hai lý do, lý do thứ nhất chủ yếu là do kế hoạch tốt nghiệp thường kéo dài quá hạn và thực hiện hoàn tất các thủ tục tốt nghiệp bị kéo dài do thời gian thực hiện này trùng với thời gian hè. Lý do thứ hai là do sự thay đổi kế hoạch giảng dạy đột xuất nên thời gian tốt nghiệp trung bình bị kéo dài.

Bảng 11.3 Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên đại học chính quy ngành Tài chính - Ngân hàng từ K56 đến K61 so với tình hình chung.

Stt	Tên ngành	Số năm TN trung bình (năm)					
		K56	K57	K58	K59	K60	K61
1	Tài chính - Ngân hàng	4,1	4,3	4,3	4,5	4,2	4,2
2	Ngôn ngữ Anh	4,1	4,2	4,2	4,2	4,3	4,2
3	Kinh tế	4,3	4,4	4,1	4,5	4,3	4,4
4	Quản trị kinh doanh	4,3	4,5	4,2	4,3	4,2	4,2
5	Kinh doanh thương mại	4,2	4,5	4,2	4,3	4,1	4,2
6	Kế toán	4,2	4,2	4,3	4,4	4,2	4,2
7	Hệ thống thông tin quản lý	4,3	4,3	4,5	4,7	4,3	4,6
8	Quản lý thủy sản	4,2	4,4	4,3	4,3	4,9	4,6
9	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4,2	4,3	4,3	4,3	4,2	4,2
10	QTDVDL và lữ hành (Pháp-Việt)	4,9	0,0	0,0	0,0	4,3	4,3
11	Khoa học hàng hải	4,5	4,9	4,0	4,5	4,7	5,0
Toàn trường		4,25	4,32	4,30	4,35	4,20	4,24

Việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV chủ yếu là giữa các khóa với nhau nhằm đề xuất giải pháp tăng cường số lượng SV tốt nghiệp đúng hạn và trước hạn. Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức Hội nghị học tốt để SV, GV chia sẻ kinh nghiệm học tốt [H11.11.02.02] nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và rút

ngắn thời gian tốt nghiệp.

Nhà trường và Khoa đã tổ chức các cuộc họp giao ban xem xét các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Từ năm học 2018-2019, Nhà trường giao cho các bộ phận chức năng (Phòng ĐTĐH và Phòng CTCT&SV) giám sát, đôn đốc các Khoa thực hiện đúng kế hoạch đào tạo. Tổ CNTT cấp quyền và hướng dẫn chi tiết cho cán bộ, GV việc truy cập phần mềm quản lý đào tạo để thống kê, phân tích dữ liệu phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo. Qua năm học 2023-2024, công tác tốt nghiệp được nhà trường triển khai sớm hơn nhằm đảm bảo tiến độ đào tạo theo đúng kế hoạch cũng như rút ngắn thời gian đào tạo ngay trong học kỳ thứ 7 thay vì học kỳ cuối cùng (học kỳ thứ 8) dành cho K62 [H8.8.03.06].

Bên cạnh đó, Khoa cũng đã tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập thông qua: Sổ tay nghiệp vụ/tài liệu tìm hiểu, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp; nhật ký tư vấn/hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.

Mặc dù, Khoa đã triển khai một số giải pháp để có thể rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình, tuy nhiên các giải pháp này chưa đủ mạnh, chưa đồng bộ từ các bên liên quan để có thể giảm đáng kể thời gian tốt nghiệp trung bình trong chu kỳ đánh giá.

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH luôn được xác lập, giám sát và đối sánh thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường.

3. Điểm tồn tại

- Một số SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CDR. Chính vì vậy SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

- Các giải pháp giúp NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình chưa đủ mạnh và chưa đồng bộ từ các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm	- Tăng cường giám sát kế hoạch học tập của các SV có nguy cơ chậm tốt nghiệp. - Đề xuất các biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ	CVHT	Năm học 2024 – 2025

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	tồn tại	kịp thời các SV này để đảm bảo rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình theo như thiết kế của CTĐT.	Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai việc xác lập, giám sát và đối sánh thông qua phần mềm quản lý đào tạo của Trường đối với thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Tài chính – Ngân hàng.	Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 11.3

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh thông qua nhiều hoạt động của Nhà trường, trong đó Trung tâm HTVL&KN chịu trách nhiệm chính về việc khảo sát tình hình việc làm và thu nhập của SV sau 01 năm tốt nghiệp [H11.11.03.01]. Các dữ liệu bao gồm vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác trong thời gian đánh giá [H11.11.03.02], [H11.11.03.03].

Việc khảo sát tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp được Khoa phối hợp với Phòng Công tác Chính trị & Sinh viên, Trung tâm HTVL&KN thông qua hình thức khảo sát CSV định kỳ 6 tháng hoặc 12 tháng sau khi tốt nghiệp. Từ năm học 2018-2019, Nhà trường giao cho Trung tâm HTVL&KN phối hợp với Khoa KTTC tiếp tục duy trì hoạt động khảo sát SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng; có phương án nhắc nhở SV tốt nghiệp tiếp tục duy trì hộp thư email với tên miền @ntu.edu.vn do Nhà trường cung cấp cho SV trong một năm để làm cầu nối liên lạc nhằm thuận tiện hơn trong công tác khảo sát điều tra. Khoa cũng đã thành lập Ban liên lạc CSV các khóa thông qua trang facebook, định kỳ tổ chức các buổi gặp gỡ giao lưu, gặp mặt hàng năm nhằm cung cấp thêm thông tin và kênh tìm kiếm việc làm kịp thời cho các SV mới tốt nghiệp của ngành [H11.11.03.04].

Tỷ lệ SV ngành Tài chính – Ngân hàng tốt nghiệp có việc làm năm 2018 đến năm

2023 qua kết quả điều tra, khảo sát cho thấy SV ngành tài chính – Ngân hàng là một trong số ít các ngành có tỷ lệ bình quân sinh viên sau khi ra trường có việc làm cao hơn bình quân của trường (86,22% so với 85,68% toàn trường) [H11.11.03.03]. Chi tiết ở Bảng 11.4.

Bảng 11.4. Thống kê và đối sánh tỷ lệ SV ngành TCNH có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng

TT	Đối tượng đối sánh (Tỷ lệ SV có việc làm phản hồi/tổng SV TN phản hồi)	NH 2018- 2019	NH 2019- 2020	NH 2020- 2021	NH 2021- 2022	NH 2022- 2023	Trung bình
	Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp của Trường (%)	92,54	87,77	72,08	83,83	92,28	85,68
1	<u>Tài chính ngân hàng</u>	<u>100</u>	<u>93,75</u>	<u>72,97</u>	<u>80,00</u>	<u>87,3</u>	<u>86,22</u>
2	Kế toán	95,45	92,80	67,50	87,50	95,45	87,82
3	Kiểm toán			81,25	83,33	93,33	85,97
4	Quản trị kinh doanh	91,8	91,21	75,34	89,71	94,92	88,45
5	Kinh doanh thương mại	93,75	91,8	67,11	86,76	91,25	86,44
6	Marketing			53,19	89,19	93,1	78,49
7	Kinh tế nông nghiệp	83,33	67,57	68,18	81,25	90,91	80,64
8	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	97,47	90,82	61,76	78,57	98	85,00
9	Công nghệ thực phẩm	91,67	85,09	60,80	80,81	88,98	83,52
10	Công nghệ chế biến thủy sản	96,00	93,33	87,80	88,64	91,67	92,77
11	Kỹ thuật hóa học	93,55	90,32	83,33	94,74	91,3	86,74
12	Công nghệ sau thu hoạch	83,33	75,41	76,92	73,33	100	80,88
13	Công nghệ sinh học	91,46	71,21	55,26	69,77	92	80,78
14	Kỹ thuật môi trường	89,9	72,34	62,50	87,10	84,62	81,46
15	Công nghệ thông tin	95,35	87,39	77,61	75,00	97,78	86,37
16	Hệ thống thông tin quản lý	85,19	81,3	72,22	84,21	78,95	82,83
17	Công nghệ chế tạo máy	100	87,18	76,47	81,25	100	90,43
18	Kỹ thuật cơ điện tử	100	94,44	83,33	81,82	94,44	89,31
19	Kỹ thuật cơ khí	95	86,44	70,18	84,31	80	84,03

TT	Đối tượng đối sánh (Tỷ lệ SV có việc làm phản hồi/tổng SV TN phản hồi)	NH	NH	NH	NH	NH	Trung bình
		2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	
20	Kỹ thuật nhiệt	100	96,15	73,33	80,56	91,67	88,34
21	Quản lý thủy sản	93,33	85,09	76,19	88,24	100	88,70
22	Khoa học hàng hải	100	75,41	26,67	55,56	92,31	69,99
23	Kỹ thuật tàu thủy	100	96,15	88,46	100	85,71	92,08
24	Kỹ thuật ô tô	96,15	86,21	63,44	86,46	89,74	84,00
25	Nuôi trồng thủy sản	85,71	94	92,31	90,74	100	91,57
26	Ngôn ngữ Anh	97,2	95,7	73,47	85,06	88,89	82,40
27	Kỹ thuật xây dựng	89,47	86,96	82,22	84,85	89,74	86,61
28	Kỹ thuật điện tử	97,62	88,71	73,33	81,25	92,86	86,11

Kết quả khảo sát các khóa được lưu trữ tại website của Khoa và Trung tâm HTVL&KN để phục vụ cho việc đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành.

Kết quả khảo sát tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp cho thấy các cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng tốt nghiệp các năm từ 2018-2023 có tỷ lệ trung bình SV có việc làm sau khi tốt nghiệp trong vòng 12 tháng đạt 86,22% [H11.11.03.03]. Mặc dù tỷ lệ SV có việc làm ở năm 2020 có giảm, nhưng nhìn chung tỷ lệ SV ra trường có việc làm của ngành Tài chính – Ngân hàng vẫn giữ xu hướng ổn định qua các năm.

Hàng năm Khoa tổ chức Hội nghị Đào tạo và NCKH để thảo luận tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục và thực hiện các phương án hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm [H11.11.03.05].

Để duy trì tỷ lệ có việc làm cao qua các năm, trong suốt khóa học, SV thường xuyên được đội ngũ GV và CVHT tư vấn, định hướng nghề nghiệp. Trong quá trình học tập, nhiều SV được tiếp cận các chương trình thực tập viên tại các ngân hàng, công ty chứng khoán như: The Nexk Banker của ngân hàng ACB, Thực tập viên tiềm năng Sacombank, Thực tập viên tài năng của ngân hàng MB, Thực tập sinh SSI của công ty chứng khoán SSI.. Ngoài ra, một trong những sự kiện quan trọng hàng năm là ngày hội tuyển dụng do Nhà trường phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức vào dịp lễ phát bằng tốt nghiệp [H11.11.03.06]. Trong ngày hội tuyển dụng, đại diện các doanh nghiệp sẽ trực tiếp phỏng vấn SV có chuyên ngành phù hợp để tìm ra các ứng cử viên phù hợp với doanh nghiệp của mình

Trong 5 năm gần đây, SV của ngành được tuyển dụng làm việc với số lượng đông tại các Ngân hàng, Công ty chứng khoán, Công ty bảo hiểm cũng như các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp và nhiều tổ chức khác trong cả nước [H11.11.03.07].

Đánh giá nhu cầu nhân lực ngành Tài chính – Ngân hàng tuyển dụng hàng năm trên cả nước rất lớn, Nhà trường và Khoa đã kết nối và chia sẻ nhiều kênh thông tin việc làm, tuyển dụng của các doanh nghiệp trên các diễn đàn, mạng xã hội của SV và CSV của Khoa nhằm duy trì hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm. Những năm gần đây nhằm gia tăng cơ hội có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, trường ĐHNT đã phối hợp với các nhà tuyển dụng thường xuyên tổ chức chương trình “Ngày hội việc làm”, sự nỗ lực của Trung tâm HTVL&KN cùng với BCN Khoa KTTC trong việc kết nối hợp tác với các tổ chức nghề nghiệp là các ngân hàng, công ty chứng khoán qua đó hàng năm triển khai các chương trình thực tập viên, các Tour Bank Điều này đã tạo điều kiện cho SV đã, cũng như sắp tốt nghiệp có cơ hội được gặp gỡ, giao lưu, trao đổi với nhà tuyển dụng, tiếp cận các ngân hàng, công ty chứng khoán nhằm tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp.

Mặc dù có nhiều hoạt động hỗ trợ SV tốt nghiệp về việc làm, tuy nhiên Nhà trường/ Khoa KTTC chưa phân tích, đối sánh triệt để vị trí việc làm của SV đã tốt nghiệp để làm cơ sở định hướng nghề nghiệp cho NH đang học và từ đó tăng khả năng kiếm việc sau khi tốt nghiệp của SV. Bên cạnh đó, cách tiếp cận khảo sát vẫn còn chưa hiệu quả nên số lượng SV tham gia khảo sát còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

- Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của ngành Tài chính – Ngân hàng được Khoa và Trung tâm HTVL&KN xác lập và giám sát hàng năm.
- Tỷ lệ có việc làm của sinh viên ngành Tài chính – Ngân hàng tương đối cao so với các ngành khác trong trường.
- Nhà trường và Khoa KTTC thể hiện sự quan tâm và tạo điều kiện để NH có cơ hội tìm kiếm việc làm. Thể hiện sự gắn kết tốt giữa trường, Khoa và người sử dụng lao động thông qua các hoạt động thực tập, tham quan các doanh nghiệp.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường/ Khoa KTTC chưa phân tích, đối sánh triệt để vị trí việc làm của SV đã tốt nghiệp để làm cơ sở định hướng nghề nghiệp cho NH đang học và từ đó tăng khả năng kiếm việc sau khi tốt nghiệp của SV. Bên cạnh đó, cách tiếp cận khảo sát vẫn còn chưa hiệu quả nên số lượng SV tham gia khảo sát còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện phân tích vị trí việc làm của NH đã tốt nghiệp, để làm cơ sở định hướng nghề nghiệp cho NH đang học và từ đó tăng khả năng kiếm việc sau khi tốt nghiệp của SV. - Duy trì kết nối với SV tốt nghiệp bằng các ứng dụng điện tử (email) và mạng xã hội (zalo, facebook...) nhằm thuận tiện hơn trong công tác khảo sát điều tra. 	Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục duy trì xác lập và giám sát tỷ lệ SV TN có việc làm của ngành TCNH trên cơ sở đó có các hoạt động thiết thực để hỗ trợ SV có việc làm ngay khi nhận bằng tốt nghiệp. - Đẩy mạnh hoạt động hợp tác có hiệu quả với các CSV Khoa và các DN là các ngân hàng, công ty chứng khoán và bảo hiểm trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và khu vực nhằm kết nối thêm các cơ hội việc làm cho SV thông qua các hoạt động thực tập viên tiềm năng, tham quan các doanh nghiệp thông qua Tour Bank. 	<ul style="list-style-type: none"> -Khoa KTTC -Trung tâm HTVL&KN - Nhà trường - Khoa KTTC 	Hàng năm Năm học 2024 – 2025

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG 5/7)

Tiêu chí 11.4

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Các hoạt động NCKH của SV được xác lập trong Quy định về hoạt động NCKH SV ban hành và cập nhật [H11.11.04.01] trong đó bao gồm các loại hình nghiên cứu như: SV làm đề án tốt nghiệp, chủ trì/tham gia nghiên cứu các đề tài Khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo, tham gia các hội thảo Khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo Khoa học và công nghệ, CLB chuyên ngành, tham dự các giải thưởng KHCVN ở trong và ngoài nước.

Các loại hình hoạt động nghiên cứu của SV được Nhà trường và Khoa KTTC định kỳ thông báo đến SV mỗi năm 2 lần, đồng thời đính kèm các hướng dẫn đề xuất đề tài NCKH, nguồn kinh phí và các thông tư hướng dẫn liên quan [H11.11.04.02], [H11.11.04.03]. Các hoạt động NCKH trong SV thể hiện ở Bảng 11.5.

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV Khoa KTTC được ghi nhận trên website của Phòng KHCVN và Khoa KTTC.

Bảng 11.5. Thống kê các công trình NCKH của SV Khoa KTTC qua các năm

TT	Các hoạt động NCKH của SV	NH 2017- 2018	NH 2018- 2019	NH 2019- 2020	NH 2020- 2021	NH 2021- 2022	NH 2022- 2023
1	Số đề tài NCKH trong SV tham gia cuộc thi cấp quốc gia	0	0	0	01	0	0
2	Số đề tài NCKH trong SV	0	0	0	02	0	2
3	Số bài báo đăng ở tạp chí trong nước	0	0	0	01	01	0
4	Số bài viết tham dự hội thảo Cấp trường	0	0	0	02	01	0
5	Số báo cáo tham dự Hội nghị học tốt	03	03	03	03	03	0

SV tham gia NCKH được cấp kinh phí phù hợp với nội dung nghiên cứu, được đăng bài trên các tạp chí chuyên môn trong và ngoài nước, được chứng nhận và khen thưởng kịp thời nhằm khuyến khích và hỗ trợ SV tham gia hoạt động này [H11.11.04.04].

Số lượng SV tham gia NCKH của Khoa được cập nhật hàng năm và lưu trữ trên website của Phòng Khoa học Công nghệ để làm cơ sở đối sánh và nâng cao chất lượng NCKH của SV [H11.11.04.05]. Giai đoạn 2017 – 2023, Khoa KTTC có 02 đề tài NCKH trong SV đã được nghiệm thu, so với giai đoạn trước (số lượng 0) số lượng SV của ngành tham gia NCKH có chiều hướng tích cực.

Cơ sở dữ liệu về thực hiện đề tài NCKH của SV luôn được Phòng KHCVN và Khoa cập nhật và công bố công khai trên website của Trường và Khoa [H11.11.04.06].

Việc phân tích loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH giữa các ngành đào tạo trong Trường được thực hiện thường xuyên nhằm điều chỉnh, tái phân bổ hợp lý theo định hướng chiến lược phát triển của Trường. Từ năm học 2018-2019, định kỳ từng năm một, Phòng KHCN thực hiện đối sánh loại hình và các hoạt động NCKH trong toàn trường nói chung và Khoa KTTC nói riêng làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Hàng năm, Khoa tổ chức thông báo và xét duyệt, gửi đề xuất của SV tham gia NCKH tới Phòng KHCN và có các đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, phù hợp với khả năng của NH. Đồng thời, kinh phí đầu tư trang thiết bị cho đào tạo và NCKH ngành Tài chính – Ngân hàng nói riêng và Khoa KTTC nói chung đã được đề xuất và Nhà trường đã phê duyệt và đưa vào vận hành bắt đầu từ năm học 2021-2022 [**H11.11.04.07**].

Mặc dù đạt được cũng tương đối các thành tích NCKH trong SV, tuy nhiên về đặc thù chung của mảng NCKH ngành TCNH vẫn chưa thật sự phát triển. Khi nhận thấy phong trào NCKH trong SV của ngành chưa cao, Khoa cũng đã tìm hiểu, phân tích nguyên nhân, tìm kiếm giải pháp để hỗ trợ SV. Kết quả phân tích cho thấy SV còn gặp nhiều khó khăn trong việc đăng ký (viết thuyết minh) và thực hiện các nhiệm vụ NCKH (cả về nội dung nghiên cứu, thủ tục thanh quyết toán và nghiệm thu). Một nguyên nhân khác cũng có thể đề cập ở đây chính là ý thức hay nhận thức về vấn đề NCKH trong SV chưa thật sự tốt và điều này có lẽ khởi phát từ khá nhiều khía cạnh liên quan. Bên cạnh đó, một nguyên nhân khác cũng có thể do GVHD chưa sâu sát, hướng dẫn, giúp đỡ SV. Khoa và Nhà trường cũng đã có những điều chỉnh về hoạt động này như: cộng điểm rèn luyện cho SV tham gia NCKH, tuyên truyền và khuyến khích trong các buổi chào cờ SV và sinh hoạt lớp, tạo điều kiện cho SV làm đề tài tốt nghiệp về những nội dung nghiên cứu của đề tài NCKH của SV hoặc các đề tài mở rộng khác.

2. Điểm mạnh

- Về phía Khoa, thực tế cho thấy đội ngũ GV của Khoa có chuyên môn cao và có kinh nghiệm trong nghiên cứu cũng như giảng dạy với nhiều công trình khoa học được đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

- Các quy định liên quan đến hoạt động NCKH SV được ban hành đầy đủ và được giám sát theo dõi bởi phòng Khoa học công nghệ.

- SV tham gia NCKH được sự hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Nhà trường, Khoa KTTC và người hướng dẫn chuyên môn.

– Để khuyến khích tinh thần NCKH của NH, Khoa KTTC luôn có những chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH như: đưa ra quy định về cộng điểm khuyến khích học tập cho các nhóm NCKH đạt thành tích, tuyên dương và tặng phần thưởng cho các SV tham gia NCKH. Hơn nữa, Khoa còn tập trung đầu tư có trọng điểm cho những đề tài nghiên cứu có tính khả thi, được đánh giá cao, tăng số lượng giải thưởng,... nhằm phát huy khả năng nghiên cứu của SV.

3. Điểm tồn tại

- Các hoạt động phong trào cũng như giải thưởng nhằm khuyến khích SV tham gia NCKH còn tương đối hạn chế và chưa thật sự hấp dẫn.

- Hoạt động giám sát, phân loại các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV còn hạn chế. Chưa thực hiện phân tích, đối sánh các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của SV ngành TCNH với các ngành khác trong Trường và với các trường ĐH trong nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	<p>- Nhà trường tiếp tục xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH: có thể đa dạng hóa các loại hình đề tài NCKH SV với các mức kinh phí và nội dung phù hợp. Bên cạnh đó, những thủ tục thanh toán cho các đề tài, dự án cũng cần được đơn giản hóa tránh tình trạng e ngại cho SV khi tham gia thực hiện các hoạt động NCKH.</p> <p>- Khoa KTTC sẽ giao nhiệm vụ định hướng, hướng dẫn và kết nối các nhóm sinh viên cho CVHT để tư vấn hỗ trợ SV tiếp cận các hướng nghiên cứu.</p>	<p>Phòng KH&CN</p> <p>Khoa KTTC</p>	<p>Năm học 2024 – 2025</p> <p>Năm học 2024 – 2025</p>
2	Phát huy	- Các quy định liên quan đến hoạt động NCKH SV tiếp tục được ban hành đầy	Phòng KH&CN	Năm học 2022 –

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	điểm mạnh	đủ và được giám sát theo dõi bởi Phòng KH&CN. - SV tham gia NCKH tiếp tục được hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ phía Nhà trường, Khoa KTTC và người hướng dẫn chuyên môn.	Khoa KTTC	2023

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Tiêu chí 11.5

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Một trong những hoạt động nhằm thực hiện các chủ trương về đảm bảo và nâng cao chất lượng trong mọi hoạt động của Nhà trường là lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức hội nghị CBVC [H11.11.05.01], các buổi đối thoại giữa Hiệu trưởng với CBVC và SV [H11.11.05.02] để lấy ý kiến đóng góp, xây dựng chế độ chính sách trong mọi hoạt động của Nhà trường. Mức độ hài lòng của SV năm cuối đối với toàn khóa học được thể hiện ở Bảng 11.7

Bảng 11.6. Mức độ hài lòng của SV năm cuối ngành TCNH đối với chất lượng đào tạo toàn khóa học qua các năm.

Năm	Rất hài lòng (%)	Hài lòng (%)	Tạm hài lòng (%)	Không hài lòng (%)
2018 – 2019	28,36	58,21	13,43	0
2019 – 2020	35,56	51,11	11,11	2,22
2020 – 2021	33,33	59,52	4,76	2,38
2021–2022	24,5	55,04	19,02	1,44
2022–2023	39,33	51,69	6,74	2,25

Từ năm 2018, Nhà trường đã ban hành quy định rất cụ thể về lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ bao gồm NH, đơn vị sử dụng lao động, CSV, và toàn thể cán bộ công chức,

viên chức **[H11.11.05.03]**.

Việc đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ được thực hiện thông qua hoạt động lấy ý kiến phản hồi dưới nhiều hình thức và công cụ khác nhau. Cụ thể, Phòng ĐBCL&KT xây dựng kế hoạch lấy ý kiến của SV về hoạt động dạy học bằng cách lấy phiếu khảo sát cho các năm 2015-2018, khảo sát online bắt đầu được thực hiện vào cuối mỗi học kỳ từ năm học 2019 – 2020 **[H11.11.05.04]**.

NH còn được lấy ý kiến qua các buổi sinh hoạt lớp với CVHT, được thể hiện trong báo cáo tháng của CVHT với BCN Khoa, trong buổi chào cờ của SV khi đối thoại với BCN Khoa, và được tiếp nhận trực tiếp tại Văn phòng Khoa.

Nhà trường cũng đã giao Trung tâm HTVL&KN, Hội Cựu SV Trường tiến hành lấy ý kiến về mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động và CSV ngành Tài chính – Ngân hàng **[H11.11.05.05]**.

Từ năm học 2019 – 2023, Khoa cũng tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cựu SV, Nhà tuyển dụng, thông qua các hội thảo, hội nghị, các buổi gặp gỡ của các lãnh đạo doanh nghiệp, đối tác của Khoa **[H11.11.05.06]**.

Các hình thức khảo sát, thu thập thông tin được thực hiện khá đa dạng: phiếu khảo sát, phỏng vấn trực tiếp, phỏng vấn qua điện thoại, và khảo sát online.

Kết quả lấy ý kiến của SV về hoạt động dạy học trong toàn trường được phân tích và lưu trữ trên phần mềm đào tạo làm cơ sở để cải tiến hoạt động GD **[H11.11.05.07]**.

Kết quả lấy ý kiến về mục tiêu của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng được mô tả chi tiết trong bảng tổng hợp kết quả **[H1.01.01.06]**, qua phân tích cho thấy mục tiêu đào tạo của ngành đã được xây dựng dựa trên định hướng của Trường (sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục) cũng như của Luật GDĐH (mục tiêu giáo dục đại học) và phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại cần được cập nhật, điều chỉnh định kỳ để nâng cao tính phù hợp và tương thích với mục tiêu giáo dục chung của Luật Giáo dục.

Sau khi khảo sát sự hài lòng của các BLQ về CTĐT, về hoạt động giảng dạy của GV, về cơ sở vật chất phục vụ học tập và NCKH,... Trường ĐHNT và Khoa KTTTC thường xuyên tiến hành so sánh mức độ hài lòng của các BLQ qua các năm để đánh giá được chất lượng dạy và học của Nhà trường. Kết quả qua các năm cho thấy, nhà sử dụng lao động ngày càng hài lòng hơn về SV ngành Tài chính – Ngân hàng đã tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị; NH ngày càng hài lòng hơn về chất lượng dạy học và các dịch vụ hỗ

trợ trong Nhà trường; tỷ lệ có việc làm của SV ngành Tài chính – Ngân hàng mới ra trường luôn nằm trong những ngành có tỷ lệ việc làm cao của Nhà trường.

Thông qua kết quả khảo sát Nhà trường, Khoa và các BM đã thu nhận nhiều ý kiến góp ý mang tính xây dựng về CTĐT Tài chính – Ngân hàng, từ đó đã hoàn thành cập nhật CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng và đưa vào giảng dạy cho khóa 63 trở đi.

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa đã tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã nhiều lần lập kế hoạch, ra các quyết định về việc tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT hệ chính quy; lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra và cử cán bộ GV tham gia khóa tập huấn. Việc thường xuyên cập nhật, sửa đổi CTĐT giúp Nhà trường đáp ứng được sự hài lòng của NH, đáp ứng được nhu cầu của nhà sử dụng lao động và xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cho sự phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội của khu vực và cả nước. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động dạy, học và NCKH đáp ứng các yêu cầu của GV và người lao động trong Nhà trường. Một số HP chuyên sâu đã được bổ sung vào CTĐT nhằm cung cấp đủ kiến thức nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn ở các giai đoạn sau của CTĐT cũng như đảm bảo NH có đủ năng lực lĩnh hội những kiến thức, kỹ năng mới và phát triển nghề nghiệp sau tốt nghiệp [H1.01.01.02]. Bên cạnh đó, CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng cũng được đối sánh với các trường ĐH đầu ngành có đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng [H1.01.03.03].

Với mục đích đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố của ngành thì quá trình dạy và học, đánh giá hoạt động và KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên. Sau khi kết thúc quá trình giảng dạy các HP, Khoa KTTC đều phối hợp với Phòng ĐBCL&KT tổ chức thu thập ý kiến của SV; kết quả thu thập được thống kê và chuyển đến BM và GV nhằm cung cấp thông tin để BM và GV có cơ sở thực hiện các điều chỉnh cần thiết cho quá trình giảng dạy.

Tuy vậy, kết quả của các hoạt động lấy ý kiến của các BLQ chưa được phân tích một cách đầy đủ, thường xuyên và việc đối sánh để cải tiến chất lượng còn hạn chế. Chưa đánh giá, so sánh mức độ hài lòng của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài CSGD. Chưa có sự đối sánh làm căn cứ lập kế hoạch cải tiến chất lượng.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHNT và Khoa KTTC đã có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai

việc khảo sát với nhiều hình thức khác nhau để có thể đánh giá được sự hài lòng của các BLQ về CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV, cơ sở vật chất, năng lực của SV ngành Tài chính – Ngân hàng đã tốt nghiệp. Theo kết quả khảo sát cho thấy, CTĐT của ngành Tài chính – Ngân hàng được đánh giá cao, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của NH, nhà tuyển dụng và cả xã hội; đồng thời chất lượng hoạt động giảng dạy của GV ngành Tài chính – Ngân hàng cũng nhận được sự đánh giá cao của NH.

Đồng thời, Trường và Khoa đã rất nhạy bén trong việc cải tiến CTĐT, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất cho phù hợp với nhu cầu thực tế trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Kết quả của các hoạt động lấy ý kiến của các BLQ chưa được phân tích một cách đầy đủ, thường xuyên và việc đối sánh để cải tiến chất lượng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Tiếp tục xây dựng kế hoạch khảo sát, phân tích đối sánh thường xuyên để làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. - Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ hơn, thường xuyên hơn giữa GV - SV - nhà sử dụng lao động để đảm bảo sự tương tác, phản hồi thường xuyên, tin cậy và chất lượng. Tiếp tục duy trì việc thu thập ý kiến khảo sát để đánh giá được sự hài lòng của các bên liên quan. Tiếp tục thường xuyên cải tiến CTĐT, chất lượng dạy và học; cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH để ngày càng nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan.	-Phòng TCNS -Phòng KH&CN -Phòng ĐBCL&KT -Khoa KTTC	Năm học 2024 – 2025 Năm học 2024 – 2025
2	Phát huy	- Có kế hoạch cụ thể và thường xuyên triển khai việc khảo sát với nhiều hình thức khác	Khoa KTTC	Hàng năm

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện
	điểm mạnh	<p>nhau để có thể đánh giá được sự hài lòng của các BLQ về CTĐT, hoạt động giảng dạy của GV, cơ sở vật chất, năng lực của SV ngành Tài chính – Ngân hàng đã tốt nghiệp.</p> <p>- Tiếp tục cải tiến CTĐT, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất cho phù hợp với nhu cầu thực tế trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan.</p>	Khoa KTTC	Hàng năm

5. Tự đánh giá

Đạt (Điểm TĐG: 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Xác định được tầm quan trọng của kết quả đầu ra, Trường ĐHNT tiếp tục xây dựng kế hoạch khảo sát, phân tích đối sánh thường xuyên để làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng. Đồng thời, ý kiến phản hồi của các BLQ luôn được xác lập, giám sát và đối sánh nhằm cải tiến chất lượng CTĐT.

Đánh giá chung, SV ngành Tài chính – Ngân hàng có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao, tỷ lệ SV thôi học rất thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm khá lớn. Kết quả khảo sát còn cho thấy NH khá hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV ngành Tài chính – Ngân hàng. Ngoài ra, những năm gần đây, hoạt động NCKH của Khoa KTTC cũng được đẩy mạnh, thể hiện qua việc ngày càng nhiều SV biết và nhiệt tình tham gia NCKH, số lượng các đề tài NCKH SV của Khoa ngày càng tăng. Tuy nhiên, một số SV chưa được tự tin, kỹ năng thành thạo tiếng Anh chưa cao và còn hạn chế về một số kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm. Để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần khuyến khích SV rèn luyện thêm các kỹ năng mềm, trau dồi khả năng ngoại ngữ để có thể đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

PHẦN III. KẾT LUẬN

Tự đánh giá CTĐT ngành TCNH là dịp để Nhà trường và Khoa KTTC thực hiện CTĐT tự rà soát, đánh giá về thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT. Thông qua hoạt động TĐG, Nhà trường, Khoa KTTC và các đơn vị có liên quan trong trường thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra các tồn tại trên tất cả các lĩnh vực, từ đó có kế hoạch xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm phát huy những điểm mạnh và từng bước khắc phục những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng CTĐT ngành TCNH.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành TCNH.

I. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo và những điểm cần phát huy

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng (TCNH) năm 2021 được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, cũng như phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo Luật Giáo dục Đại học. Mục tiêu này còn tương thích cao với nhu cầu của thị trường lao động, thể hiện rõ các kỹ năng và kiến thức cần đạt trong lĩnh vực ngân hàng. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo ngành TCNH đã được xác định cụ thể, bao quát cả các yêu cầu chung và chuyên biệt cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình. Việc xây dựng CĐR có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan và đối sánh với chuẩn đầu ra của các chương trình trong nước. CĐR của chương trình được rà soát và điều chỉnh định kỳ mỗi 4 năm theo kế hoạch của Nhà trường và được công bố công khai.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH thường xuyên được rà soát và cập nhật để phù hợp với xu hướng đào tạo hiện đại. Trong đó, ma trận thể hiện rõ ràng sự đóng góp của các HP vào việc đạt CĐR theo các mức độ I, R, M. Tất cả ĐCHP của ngành TCNH phản ánh đầy đủ thông tin và được định kỳ rà soát, cập nhật. ĐCCTHP cung cấp chi tiết về phương pháp dạy học áp dụng cho từng chương/chủ đề và những yêu cầu mà người học cần chuẩn bị trước. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP ngành TCNH được công khai đến các bên liên quan (BLQ) bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp họ dễ dàng tiếp cận và nắm bắt thông tin.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành TCNH được thiết kế phù hợp, dựa trên cơ sở các CDR của CTĐT. Cấu trúc các HP trong CTDH phân bổ đều các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, công nghệ tài chính, và các kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Tất cả các HP trong CTDH đều xác định mức đóng góp rõ ràng vào việc giúp NH đạt được CDR của CTĐT theo các mức độ I, R và M. CTDH ngành TCNH có cấu trúc và trình tự logic, nội dung được cập nhật với các học phần mới phù hợp hơn với xu hướng đào tạo và yêu cầu thực tế hiện nay của xã hội.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường đã được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến NH, GV và cộng đồng xã hội. Khoa, Bộ môn và GV khi giảng dạy các học phần thuộc CTĐT ngành TCNH đã áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy để giúp NH đạt được các CDR. Các hoạt động hỗ trợ NH, bao gồm dạy và học trực tiếp tại trường, trực tuyến qua hệ thống NTU – E Learning, và thực tập ngoại khóa tại ngân hàng, doanh nghiệp, rất phong phú, giúp NH chủ động tiếp thu kiến thức để đạt được CDR. Các phương pháp dạy và học trong CTĐT ngành TCNH được NH đánh giá cao và hài lòng. Hoạt động dạy của GV và hoạt động học của NH được thiết kế theo hướng tăng cường thực hành và thực tập, nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, đồng thời cung cấp nền tảng khoa học cơ bản và kiến thức chuyên ngành. Trường, Khoa và Bộ môn rất quan tâm và thường xuyên tổ chức các hoạt động hướng dẫn phương pháp học tập chủ động, kinh nghiệm tự học, và nghiên cứu, từ đó giúp sinh viên đạt được kiến thức mới, kỹ năng mới, phát huy tính sáng tạo, và khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Phương pháp kiểm tra và đánh giá KQHT của ngành TCNH được thiết kế rõ ràng và phù hợp với mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, và thái độ theo CDR của từng HP và CTĐ. Các phương pháp kiểm tra và đánh giá được công bố trong ĐCCTHP và thường xuyên được cập nhật. Quy định về đánh giá KQHT của NH được thiết kế khoa học, rõ ràng, và được công bố công khai qua nhiều kênh thông tin khác nhau, đảm bảo NH đạt được CDR.

Thời gian, phương pháp, tiêu chí, và trọng số đánh giá quá trình thi giữa kỳ và kết thúc HP được nêu rõ trong ĐCCTHP và công bố vào đầu mỗi học kỳ với cơ chế phản hồi minh bạch. Công tác đánh giá KQHT tuân thủ quy trình, sử dụng phương pháp kiểm tra

đánh giá (KTĐG) đa dạng và linh hoạt, đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng, phù hợp với hình thức đào tạo và mục tiêu từng HP cũng như CĐR của CTĐT.

Nhà trường có quy định rõ ràng về việc công bố kết quả đánh giá đúng thời gian quy định đến NH, GV, và CVHT để thực hiện và kiểm tra giám sát. Kết quả đánh giá quá trình được thực hiện theo quy định đánh giá KQHT của NH và được thể hiện trong đề cương HP đã phê duyệt. KQHT của NH được cung cấp kịp thời, giúp SV quản lý được kế hoạch học tập của mình, hạn chế tình trạng SV bị buộc thôi học hoặc cảnh báo học tập hai lần liên tiếp. Nhà trường luôn có kế hoạch phân công cán bộ và GV theo dõi, giúp đỡ NH có kế hoạch học tập phù hợp, dẫn đến số lượng SV ngành TCNH khiếu nại rất hạn chế

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Nhà trường và Khoa KT-TC đã xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV từ 2021-2025, hướng tới năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Kế hoạch phát triển nhân lực hàng năm được ban hành và cập nhật theo quy định. Từ 2019-2023, số lượng và tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ đã tăng, với 04 GV hoàn thành chương trình tiến sĩ, nâng tỷ lệ tiến sĩ trong khoa lên 23%. Các quy định về bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng, nghỉ hưu được thực hiện đúng quy định. Khối lượng công việc của GV được xác định rõ ràng, đo lường, giám sát theo tiêu chí cụ thể để cải tiến chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm GV và NCV được công khai, minh bạch. Năng lực của GV được đánh giá hàng năm với quy trình rõ ràng và tham khảo ý kiến các bên liên quan, đảm bảo đủ năng lực triển khai CTĐT hiệu quả. Kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn của GV và NCV được xác định rõ ràng và triển khai kịp thời. Tỷ lệ giảng viên thực hiện kế hoạch đào tạo chuyên môn đạt trên 90% mỗi năm. Chế độ đãi ngộ về thời gian, giảm định mức giờ giảng, kinh phí đào tạo được phổ biến rộng rãi. Chính sách thi đua, khen thưởng bao quát các hoạt động, tạo động lực cho GV và NCV, giúp gia tăng số lượng bài báo quốc tế. Các công trình NCKH của Khoa tăng về số lượng và chất lượng, hoạt động hội thảo hàng năm ngày càng uy tín. Tất cả GV luôn hoàn thành vượt mức số giờ NCKH hàng năm, các công trình bao gồm đề tài nghiên cứu các cấp, công bố kết quả trên các tạp chí, hội thảo trong và ngoài nước, một số GV còn là thành viên ban biên tập các tạp chí uy tín. Số lượng giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ giảng dạy, nghiên cứu cũng tăng qua các năm.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Nhà trường có định hướng phát triển đội ngũ rõ ràng, đáp ứng nhu cầu của trường và Khoa KT-TC. Chính sách và quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ hàng năm

được thực hiện phù hợp với nhu cầu thực tế và CLPT. Văn bản quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được công bố cụ thể, rõ ràng và minh bạch. Quy trình đánh giá năng lực nhân viên đầy đủ, với thông tin rõ ràng dựa trên quy định của cơ quan chủ quản và luật viên chức. Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ CBVC dựa vào chiến lược phát triển, cùng với các giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch. Chính sách, quy định về thi đua khen thưởng của nhà trường rõ ràng, minh bạch, động viên và khuyến khích nhân viên hoàn thành nhiệm vụ. Trong giai đoạn tự đánh giá, không có đơn từ khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng, hay nâng lương trước thời hạn cho đội ngũ nhân viên phục vụ.

Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh rõ ràng với chỉ tiêu và điểm chuẩn ngành TCNH được Hội đồng tuyển sinh quyết định, cùng với chế độ ưu tiên, công bố công khai trên trang tuyển sinh và qua các hoạt động quảng bá đa dạng, cập nhật thường xuyên. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn ngành TCNH được xác định rõ ràng và đánh giá định kỳ.

Trường có hệ thống giám sát đầy đủ bao gồm cơ sở dữ liệu, quy trình/quy định và đội ngũ chuyên trách để quản lý, tư vấn, hỗ trợ sinh viên, theo dõi kết quả và khối lượng học tập của họ. Trường cũng cung cấp các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác cho sinh viên từ lúc nhập học đến khi tốt nghiệp. Khoa KTTC và BM Tài chính Ngân hàng tổ chức các hoạt động nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và hướng nghiệp cho sinh viên ngành TCNH thông qua các seminar, workshop chuyên ngành và chương trình thực tập viên tiềm năng.

Cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu văn hóa, thể dục thể thao của sinh viên được trang bị đầy đủ. Trường phối hợp với chính quyền và công an địa phương để đảm bảo an ninh, an toàn cho sinh viên. Khuôn viên trường đẹp với nhiều cây xanh, vệ sinh môi trường tốt, khu nội trú an toàn và khu tự học được cải thiện, tạo môi trường học tập và sinh hoạt thuận lợi cho sinh viên. Khoa KTTC thường xuyên tổ chức các giải thể thao, thi nấu ăn, và hoạt động cộng đồng ngoại khóa, thu hút đông đảo sinh viên tham gia.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của trường đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu cho các ngành đào tạo, đặc biệt là ngành TCNH. Thư viện của trường yên tĩnh, cảnh quan đẹp, áp dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và khai thác tài nguyên, với nguồn tài liệu phong phú gồm tài liệu in, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, và các nguồn tài liệu

liên kết từ các thư viện khác. Cán bộ, giảng viên và sinh viên có thể tiếp cận các dịch vụ thư viện qua cổng thông tin điện tử và thư viện số 24/7. Các phòng thực hành tin học và Corebanking được trang bị đầy đủ thiết bị, thường xuyên được bảo dưỡng và nâng cấp để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Khoa Kế toán - Tài chính đã chủ động liên kết với các doanh nghiệp địa phương để đáp ứng nhu cầu thực tập và thực hành nghề cho sinh viên ngành TCNH. Trường cũng trang bị hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu, với đội ngũ cán bộ tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp. Trường ĐHNT cung cấp các dịch vụ tiện ích như căng tin, y tế, ký túc xá, an ninh, và khu vệ sinh sạch sẽ, tiện lợi cho sinh viên, bao gồm cả người khuyết tật. Ngoài ra, Trường ĐHNT có khuôn viên xanh, sạch, đẹp hàng đầu trong các trường đại học Việt Nam và thực thi đầy đủ các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Hoạt động nâng cao chất lượng luôn được Nhà trường và Khoa KTTC quan tâm và được thực hiện ở tất cả các khâu, lĩnh vực trong quá trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng. Trường ĐHNT có hệ thống thu thập thông tin hiệu quả, đáp ứng tốt việc lấy ý kiến từ các BLQ thông qua mạng lưới phù hợp và quy định, quy trình, kế hoạch và biểu mẫu hướng dẫn cụ thể. Hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT được thực hiện theo quy định và có sự cập nhật, bổ sung định kỳ. Nhà trường có các quy định rõ ràng về dạy, học và kiểm tra, đánh giá, được triển khai định kỳ bởi các Bộ môn, Khoa và Viện. Việc rà soát và đánh giá PPDH và kết quả học tập của sinh viên được thực hiện hàng năm. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường của giảng viên và sinh viên Khoa KTTC giai đoạn 2019-2023 đã tăng so với trước, với các đề tài và hội thảo liên quan chặt chẽ đến ngành Tài chính - Ngân hàng, hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy và học tập. Trường có đầy đủ cơ sở vật chất và dịch vụ phục vụ cho dạy, học, nghiên cứu và rèn luyện, luôn được cải tiến để đáp ứng nhu cầu của sinh viên. Cơ chế phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập có hệ thống, liên tục được đánh giá và cải tiến.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Các cố vấn học tập (CVHT), thư ký khoa, Đoàn thanh niên và ban chủ nhiệm khoa thường xuyên cập nhật tình hình sinh viên thông qua các buổi sinh hoạt lớp và hoạt động khác, đồng thời đưa ra giải pháp phù hợp. Đối với SV thôi học, CVHT trao đổi để hiểu rõ khó khăn và đưa ra tư vấn thích hợp. Việc thống kê và giám sát tỷ lệ thôi học và tốt nghiệp được thực hiện thường xuyên, đối chiếu với các năm học trước để nhà trường có giải pháp

cải thiện và điều chỉnh chương trình đào tạo. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được giám sát thông qua phần mềm quản lý đào tạo của trường. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành TCNH có việc làm được khoa và HTVL&KN xác lập và giám sát hàng năm, và tỷ lệ này tương đối cao so với các ngành khác trong trường.

Nhà trường và khoa KTTC quan tâm và tạo điều kiện để SV có cơ hội tìm kiếm việc làm, thể hiện qua sự gắn kết với doanh nghiệp thông qua thực tập và tham quan doanh nghiệp. Đội ngũ GV của khoa có chuyên môn cao, kinh nghiệm trong nghiên cứu và giảng dạy, với nhiều công trình khoa học đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước. Các quy định liên quan đến hoạt động NCKH của SV được ban hành và giám sát bởi phòng KHCN. SV tham gia NCKH được hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ từ nhà trường, khoa và người hướng dẫn chuyên môn. Khoa KTTC khuyến khích SV tham gia NCKH bằng cách cộng điểm khuyến khích, tuyên dương, tặng phần thưởng và đầu tư cho các đề tài nghiên cứu có tính khả thi.

Trường và khoa KTTC thường xuyên khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về CTĐT, hoạt động giảng dạy, cơ sở vật chất và năng lực của SV ngành TCNH đã tốt nghiệp. Kết quả khảo sát cho thấy chương trình đào tạo được đánh giá cao và ngày càng đáp ứng nhu cầu của SV, nhà tuyển dụng và xã hội; chất lượng giảng dạy của GV cũng được đánh giá cao. Trường và khoa nhạy bén trong việc cải tiến chương trình đào tạo, chất lượng giảng dạy và cơ sở vật chất dựa trên phản hồi từ các BLQ.

II. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tài chính - Ngân hàng (TCNH) hiện chưa theo kịp với những thay đổi và quy định mới trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, chứng khoán và bảo hiểm, cũng như những yêu cầu nghề nghiệp mới. Đồng thời, mục tiêu của CTĐT cũng chưa tương thích cao với mục tiêu giáo dục đại học của Nhà trường. Chuẩn đầu ra (CĐR) chưa đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn và nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng. Việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR chưa bắt kịp với những thay đổi và quy định mới cũng như các yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT

Khoa KTTC chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (BLQ), đặc biệt là người học (NH), về chất lượng của các công bố liên quan đến bản mô tả chương trình

đào tạo (CTĐT) và đề cương học phần (ĐCHP). Số mẫu phản hồi từ doanh nghiệp (DN) và cựu sinh viên (CSV) về bản mô tả CTĐT ngành TCNH còn chưa mang tính đại diện cao. Một số ĐCHP chưa thiết kế nhiều thời gian để NH tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, nhằm nâng cao kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Sự tích hợp giữa kiến thức lý thuyết, thực hành thực tập và giải quyết tình huống thực tế tại doanh nghiệp trong một số học phần chuyên ngành chưa cao. Các ý kiến thu thập từ các BLQ về sự phù hợp của CTDH và CDR chưa đủ đại diện và chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu của các BLQ đối với nghề nghiệp TCNH. Sự đóng góp của một số học phần trong việc giúp NH đạt được CDR của chương trình đào tạo chỉ đạt mức độ R và I. Những hạn chế này sẽ tiếp tục được Khoa KTTC khắc phục và điều chỉnh trong thời gian tới.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Các hoạt động ngoại khóa và đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên, dù đã được chú trọng hơn trước, vẫn chưa được thực hiện thường xuyên và có chiều sâu. Quy định về thời lượng tự học và tự nghiên cứu của sinh viên chưa được cụ thể hóa, dẫn đến nhiều sinh viên vẫn chưa chủ động lập kế hoạch học tập và nghiên cứu, ảnh hưởng đến kết quả học tập và sự phát triển kỹ năng nghề nghiệp sau này. Kế hoạch quảng bá triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của trường chưa được Khoa triển khai rộng rãi đến các doanh nghiệp bên ngoài. Một số sinh viên vẫn chưa hiểu rõ về triết lý giáo dục và mục tiêu của nhà trường. Mặc dù các học phần đã thiết kế các hoạt động tự học, giảng viên chủ yếu tập trung vào phương pháp dạy và học trên lớp, chưa khơi gợi điều kiện tự học và nghiên cứu của sinh viên, cũng như chưa tổ chức, hướng dẫn và giám sát các hoạt động tự học một cách triệt để.

Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học

Quy trình điều chỉnh điểm kiểm tra, điểm thi và khiếu nại KQHT chưa được thêm vào trang NTU E-learning, gây khó khăn cho NH trong việc tiếp cận. Ngân hàng đề thi cho các HP thuộc CTĐT chưa được mở rộng và chỉ mới triển khai cho một số HP, chưa áp dụng rộng rãi cho ngành TCNH. Nhiều SV chưa hiểu và vận dụng đầy đủ các quy định về đánh giá HP và công tác tốt nghiệp. Mặc dù các quy định về đánh giá HP đã được thông báo đến SV, một số SV vẫn thờ ơ và không nắm rõ quy định về kiểm tra, đánh giá.

Phương pháp đánh giá bằng rubric đã được triển khai, nhưng nhiều HP chưa áp dụng đầy đủ phương pháp này trong quá trình KTĐG. BM chỉ mới bắt đầu xây dựng ngân hàng đề thi, hiện tại chưa có HP chuyên ngành nào có ngân hàng đề thi. Một số GV chưa tuân

thủ hoàn toàn quy định về trả bài, sửa bài và công bố điểm đánh giá quá trình kịp thời cho SV trước khi thi kết thúc HP.

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Việc giám sát, đo lường một số hoạt động PVCĐ của GV chưa được lượng hóa cụ thể, gây thiếu động lực và khuyến khích GV tham gia tích cực hơn. Khoa KT-TC chưa có kế hoạch phát triển đội ngũ dài hạn, trung hạn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường, và CTĐT ngành Tài chính Ngân hàng. Tiến độ học tập nâng cao trình độ tiến sĩ của một số GV còn chậm. Khoa chưa thu hút được nhiều GS, PGS, TS có năng lực chuyên môn cao và kinh nghiệm NCKH. Khoa cũng thiếu kênh đánh giá riêng về năng lực chuyên môn của GV ngoài cơ chế đánh giá của trường. Một số kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn ngắn cho GV chưa được thực hiện đầy đủ.

Nhà trường và Khoa chưa khảo sát ý kiến GV và NCV về sự hài lòng với quản trị theo kết quả công việc hàng năm. Việc quản trị hiện chưa có khen thưởng cho GV có nhiều giờ NCKH vượt định mức, chỉ tính giờ chuẩn NCKH hàng năm, và thiếu đánh giá, khen thưởng cho các đóng góp PVCĐ. Chưa có định mức và chỉ số cụ thể để đo lường hoạt động PVCĐ khi đánh giá năng lực GV. Tình trạng kéo dài đề tài NCKH qua các năm vẫn còn, nghiên cứu chủ yếu tập trung ở cấp trường, chưa nhiều ở các cấp cao hơn. Các công trình nghiên cứu liên ngành và số lượng bài báo quốc tế ISI còn hạn chế. Chưa có nhóm nghiên cứu triển khai các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và TCNH.

Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên

Trường chưa thực hiện khảo sát ý kiến chính thức từ nhân viên phục vụ để đánh giá mức độ hài lòng về quản trị kết quả công việc, thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục. Các hoạt động gắn kết và PVCĐ chưa được lượng hóa cụ thể để đánh giá chất lượng và bình xét danh hiệu thi đua. Kế hoạch đào tạo dài hạn và trung hạn chưa được xây dựng đầy đủ để thực hiện chiến lược của nhà trường và khoa.

Đánh giá mức độ phục vụ của đội ngũ nhân viên chưa được mở rộng đối với các bên liên quan như giảng viên, phụ huynh sinh viên và người ngoài đến liên hệ công việc. Hệ thống mô tả công việc và vị trí việc làm chưa rõ các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể cho việc thu hút, ưu tiên và đặc thù riêng cho từng khoa. Quy hoạch đội ngũ nhân viên được thực hiện chung cho toàn trường, chưa dựa trên các phân tích dự báo nhu cầu cụ thể theo từng ngành.

Tiêu chuẩn 8: Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học

Hiện tại, trường chưa có cán bộ chuyên sâu về tư vấn sức khỏe tâm lý và tinh thần cho sinh viên, và vẫn còn tình trạng xả rác trong lớp học. Đội ngũ CVHT có kinh nghiệm và kỹ năng không đồng đều vì hầu hết là GV kiêm nhiệm, thiếu kiến thức chuyên môn và kỹ năng tư vấn tâm sinh lý do ít được đào tạo. Việc ghi nhận và đánh giá SV khi tham gia hoạt động ngoại khóa chưa được thực hiện đầy đủ, và công tác thu thập ý kiến của SV về tổ chức hoạt động còn hạn chế, chưa thực sự hiệu quả và hấp dẫn. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát sự tiến bộ học tập của SV chưa được tốt. Ngành TCNH chưa có tiêu chí và phương án tuyển sinh riêng để nâng cao chất lượng thí sinh đầu vào. Mặc dù lượng thí sinh trúng tuyển ngành TCNH ổn định, nhưng chính sách tuyển sinh chưa thực sự hấp dẫn để thu hút nhiều thí sinh giỏi và có năng lực. Nhà trường và Khoa cần đa dạng hóa kênh quảng bá, đặc biệt thông qua SV và CSV.

Những điểm tồn tại này, từ năm học 2024 – 2025 trở đi, Nhà trường sẽ quan tâm nhiều hơn đến sức khỏe, tâm lý của NH thông qua đội ngũ chuyên nghiệp; mặt khác, định kỳ Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến đầy đủ của các bên liên quan về môi trường tâm lý xã hội và tham khảo để cải tiến hoạt động hỗ trợ cho NH.

Trong những năm học tới, trường ĐHNT và Khoa KTTC sẽ xây dựng chương trình hành động để phát huy hơn nữa điểm tích cực đã đạt được trong các vấn đề liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH. Đồng thời Nhà trường và Khoa sẽ thực hiện các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn hạn chế, từ đó hỗ trợ tốt nhất cho NH ngành TCNH nói riêng và SV Khoa KTTC nói chung trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Nhà trường có nhiều phần mềm phục vụ công tác chuyên môn, nhưng các phần mềm này thiếu kết nối và không tạo được dữ liệu dùng chung. Chưa có đánh giá từ sinh viên, giảng viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của hệ thống CNTT trong hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Thư viện chưa thường xuyên khảo sát bạn đọc về sự hài lòng để đánh giá tính hữu ích và chưa có quy trình đề xuất bổ sung tài liệu tương thích với đào tạo. Tài liệu in chưa được cập nhật thường xuyên, chưa đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Số lượt sinh viên ngành TCNH truy cập và sử dụng nguồn học liệu chưa nhiều. Một số máy chiếu cũ chưa được thay thế kịp thời, hệ thống âm thanh ở một số phòng học giảng đường G7 bị hỏng và thiếu. Phòng thực hành Ngân hàng (NTU Bank) hiện chưa có người phụ trách. Trường mới chỉ bước đầu đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật, chưa có lối đi

riêng và nhà vệ sinh dành cho người khuyết tật ở tất cả các khu giảng đường và tòa nhà làm việc.

Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng

Phạm vi khảo sát ý kiến phản hồi của CSV và nhà tuyển dụng còn hẹp, số lượng mẫu thu thập ít, dẫn đến thông tin phản hồi chưa đa dạng. Chất lượng câu hỏi và số lượng mẫu khảo sát cần cập nhật và bổ sung. Quá trình thu thập thông tin và lấy ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và cựu sinh viên gặp khó khăn và mất nhiều thời gian. Chưa có phương pháp phân tích định lượng để đánh giá sự tương thích giữa kết quả học tập của sinh viên với chuẩn đầu ra của một số học phần. Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong cải tiến hoạt động dạy và học mới chỉ tập trung ở một số giảng viên và học phần, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đại học còn ít và kết quả nghiên cứu được sinh viên tham khảo cho khóa luận tốt nghiệp còn khiêm tốn. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên chưa phong phú, dẫn đến hỗ trợ cho các hoạt động ngoại khóa còn hạn chế. Việc tiếp nhận ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp và cựu sinh viên đã được chú trọng nhưng chưa đảm bảo tính thường xuyên và liên tục để kịp thời cung cấp thông tin cho việc hiệu chỉnh và đánh giá chương trình giảng dạy.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Số liệu về tỷ lệ SV chậm tốt nghiệp chưa được giám sát định kỳ đầy đủ và thiếu các biện pháp hỗ trợ hiệu quả để SV tốt nghiệp đúng hạn. Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập, dẫn đến việc không tích lũy đủ số tín chỉ hoặc không hoàn thành các điều kiện CDR, làm chậm tiến độ tốt nghiệp. Các giải pháp giúp rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình chưa đủ mạnh và chưa đồng bộ từ các BLQ. Nhà trường và Khoa KTTTC chưa phân tích, đối sánh triệt để vị trí việc làm của SV đã tốt nghiệp để định hướng nghề nghiệp cho SV đang học, từ đó tăng khả năng kiếm việc làm sau tốt nghiệp. Cách tiếp cận khảo sát chưa hiệu quả, dẫn đến số lượng SV tham gia khảo sát còn hạn chế. Các hoạt động phong trào và giải thưởng khuyến khích SV tham gia NCKH còn tương đối hạn chế và chưa thật sự hấp dẫn. Hoạt động giám sát và phân loại các loại hình và số lượng hoạt động nghiên cứu của SV còn hạn chế, chưa thực hiện phân tích và đối sánh với các ngành khác trong trường và với các trường đại học trong nước. Kết quả của các hoạt động lấy ý kiến từ các BLQ chưa được phân tích đầy đủ và thường xuyên, việc đối sánh để cải tiến chất lượng còn hạn chế.

III. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, Nhà trường đã có kế hoạch từ năm học 2023

- 2024, triển khai và hoàn thiện các nội dung sau:

- Xây dựng, cập nhật ĐCHP và ĐCCTHP của tất cả các HP trong CTĐT ngành TCNH được cập nhật ở năm 2021;

- Rà soát, thực hiện định kỳ việc khảo sát lấy ý kiến các BLQ. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu, thông tin phản hồi từ các BLQ làm cơ sở để đánh giá, so sánh và có kế hoạch, lộ trình cải tiến CTĐT phù hợp, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của các BLQ;

- Hoàn thành việc xây dựng ngân hàng đề thi đối với một số HP chuyên ngành;

- Tăng cường sử dụng Rubric trong hoạt động đánh giá học tập để thống nhất và công khai các tiêu chí đánh giá. Thực hiện giám sát việc phản hồi kết quả đánh giá quá trình của GV đến SV trước khi tổ chức thi kết thúc HP;

- Xây dựng quy trình thống nhất giữa Thư viện và Khoa trong việc rà soát, cập nhật, bổ sung nguồn tài liệu học tập tương thích với ĐCHP. Hàng năm, Khoa phối hợp với Thư viện thực hiện đánh giá mức độ sử dụng nguồn tài liệu để có phương án truyền thông và phổ biến đến NH khai thác nguồn học liệu hiện có tại Thư viện.

- Quản lý và thiết lập quy trình đưa các đề tài NCKH ứng dụng trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng vào việc giảng dạy, để có thể đối sánh và phát huy ngày càng tốt hơn hoạt động gắn kết giữa NCKH và đào tạo.

- Triển khai các hoạt động nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ cho SV thông qua việc lồng ghép GD tiếng Anh chuyên ngành trong CTĐT với các hoạt động ngoại khóa;

- Cải tiến hoạt động quản trị Nhà trường; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm (KPIs) để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên Khoa học và hiệu quả hơn;

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, ngân hàng, CSV, hội nghề nghiệp để tạo cơ hội việc làm, nơi thực tập và nguồn học bổng khuyến học cho SV;

Đầu tư Phòng Kế toán mô phỏng và các trang thiết bị, phần mềm quản lý tương thích để SV thực hành nghề nghiệp, trau dồi kỹ năng trong môi trường làm việc thực tế;

Thực hiện phân tích vị trí việc làm của SV đã tốt nghiệp, để làm cơ sở định hướng nghề nghiệp cho NH đang học và từ đó tăng khả năng kiếm việc sau khi tốt nghiệp của SV ngành TCNH.

Tổng số tiêu chí đạt yêu cầu: 50/50.

Tổng số tiêu chí chưa đạt: 0/50

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Nha Trang

Mã: TSN

Tên CTĐT: Tài chính - Ngân hàng

Mã CTĐT: 7340201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1										
Tiêu chí 1.1				4				4,33	3	100,00
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1					5			5,00	3	100,00
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			4,67	3	100,00
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1				4				4,67	3	100,00
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			5,00	5	100,00
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			4,86	7	100,00
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1					5			5,00	5	100,00
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 8								4,00	5	100,00
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4,40	5	100,00
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5				4						
Tiêu chuẩn 10								4,67	6	100,00
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3				4						
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,20	5	100,00
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4,62	50	100,00

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung

Phần IV: PHỤ LỤC**Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG****CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Trường Đại học Nha Trang

Tiếng Anh: Nha Trang University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Trường ĐHNT

Tiếng Anh: NTU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Thủy sản

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 02 Nguyễn Đình Chiểu, Nha Trang, Khánh Hòa

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0258) 3831149

E-mail: dhnt@ntu.edu.vn

Website: <http://www.ntu.edu.vn>

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập): ngày 16/08/1966, theo QĐ số 155/CP của Thủ tướng Chính phủ, khoa Thủy sản tách ra khỏi Học viện Nông Lâm thành Trường Thủy sản.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: tháng 9/1959

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: tháng 7/1964

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): không có

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Kế toán – Tài chính

Tiếng Anh: Faculty of Accounting and Finance

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Bộ môn Tài chính – ngân hàng

Tiếng Anh: Finance and banking Department

14. Tên trước đây (nếu có): Không

15. Mã CTĐT: 7340201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không có

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Tầng 5, tòa nhà đa năng, Số 02 Tôn Thất Tùng, Phường Vĩnh Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

18. Số điện thoại liên hệ: 0258.2220968; Email: khoaketoantaichinh@ntu.edu.vn;
Website: khoakttc.ntu.edu.vn.

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2010

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2005

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2009

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa KTTC của Trường ĐHTN được thành lập vào ngày 08/04/2010 trên cơ sở tách 02 Bộ môn Kế toán và Tài chính – Ngân hàng (TCNH) từ Khoa Kinh tế, nhằm đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng cho đất nước. Hiện nay, Khoa có 03 Bộ môn (BM) là: BM Kế toán, BM Kiểm toán và BM Tài chính – Ngân hàng, đảm nhiệm đào tạo cho 03 ngành Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng ở bậc đại học và bậc cao học (ngành Kế toán), ngoài ra từ năm 2016 Khoa KTTC đưa vào đào tạo CTĐT chuyên ngành Kiểm toán ở bậc đại học (từ khóa 58), chuyên ngành công nghệ tài chính (Fintech) từ khóa 64.

Gần 2.000 sinh viên chính quy đang theo học tại trường và có hơn 500 sinh viên hệ vừa làm vừa học đang học tại Trường Đại học Nha Trang và các cơ sở liên kết ở một số địa phương trong cả nước; cùng với 40 cán bộ giảng dạy, với 100% cán bộ có trình độ thạc sỹ trở lên, trong đó có 09 tiến sĩ và nhiều cán bộ được đào tạo ở nước ngoài. Năm 2020, Khoa KTTC đưa CTĐT định hướng ứng dụng nghề nghiệp (POHE) Kế toán vào đào tạo, hiện nay đã tuyển sinh từ năm 2020 theo chương trình này; năm 2021, Khoa KTTC được Bộ GDĐT cho phép đào tạo ngành Kế toán ở bậc sau đại học; cho thấy Khoa KTTC đang vững bước trên đà phát triển và hội nhập, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho đất nước trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng. Nhờ có sự đoàn kết và cố gắng không ngừng của tập thể CBVC Khoa KTTC trong

những năm qua, Khoa KTTC đã đạt được nhiều thành tích trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD được Nhà trường và bộ GDĐT ghi nhận và khen tặng. Cụ thể, (1) Khoa KTTC đạt thành tích tập thể lao động xuất sắc các năm học 2016 - 2017 và 2020 - 2021; (2) Giấy khen của Hiệu trưởng tặng vì có nhiều thành tích trong quá trình xây dựng và phát triển của Khoa và Nhà trường (QĐ số 1395/QĐ-ĐHNT ngày 16/11/2020); (3) Giấy khen của Hiệu trưởng tặng vì có nhiều đóng góp trong công tác hợp tác đối ngoại, giai đoạn 2016-2021 (QĐ số 610/QĐ-ĐHNT ngày 14/6/2021); đặc biệt 11/3/2022, Khoa KTTC được bộ GDĐT tặng Cờ thi đua về đổi mới sáng tạo trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập (QĐ số 685/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2022).

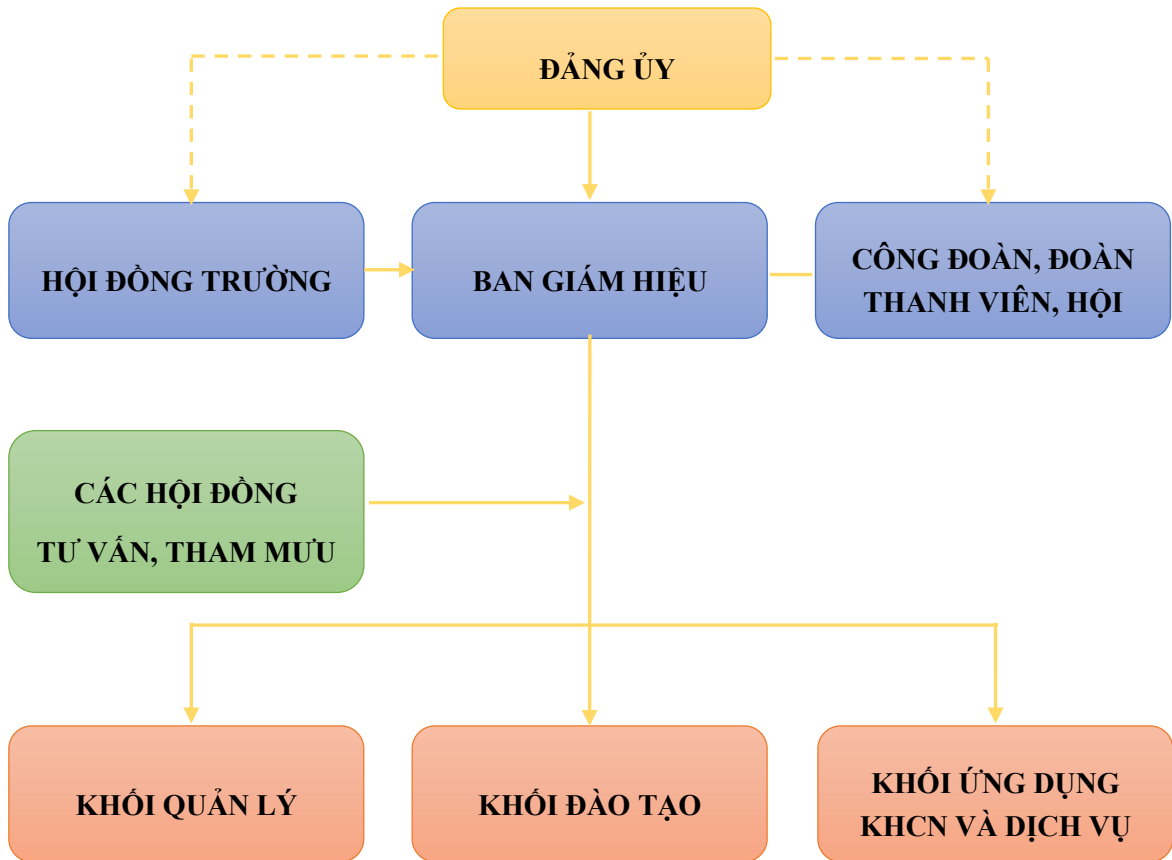
Khoa KTTC có chức năng tổ chức đào tạo trình độ đại học, sau đại học, đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn; nghiên cứu Khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng. Ngoài việc tổ chức đào tạo tại trường, Khoa phối hợp với Trung tâm đào tạo & bồi dưỡng tổ chức đào tạo các lớp thuộc hệ vừa làm vừa học ngành Kế toán tại các cơ sở liên kết trong phạm vi cả nước.

Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực về Kế toán và Tài chính, Ngân hàng ở bậc đại học và cao học với đầy đủ phẩm chất đạo đức, sức khỏe, thẩm mỹ, tự duy độc lập sáng tạo có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về kế toán, tài chính, đáp ứng được các yêu cầu xã hội; nhằm cung cấp nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức tài chính trung gian, cơ quan kế toán - kiểm toán, thuế tại các bộ, ngành và các cơ quan Nhà nước khác.

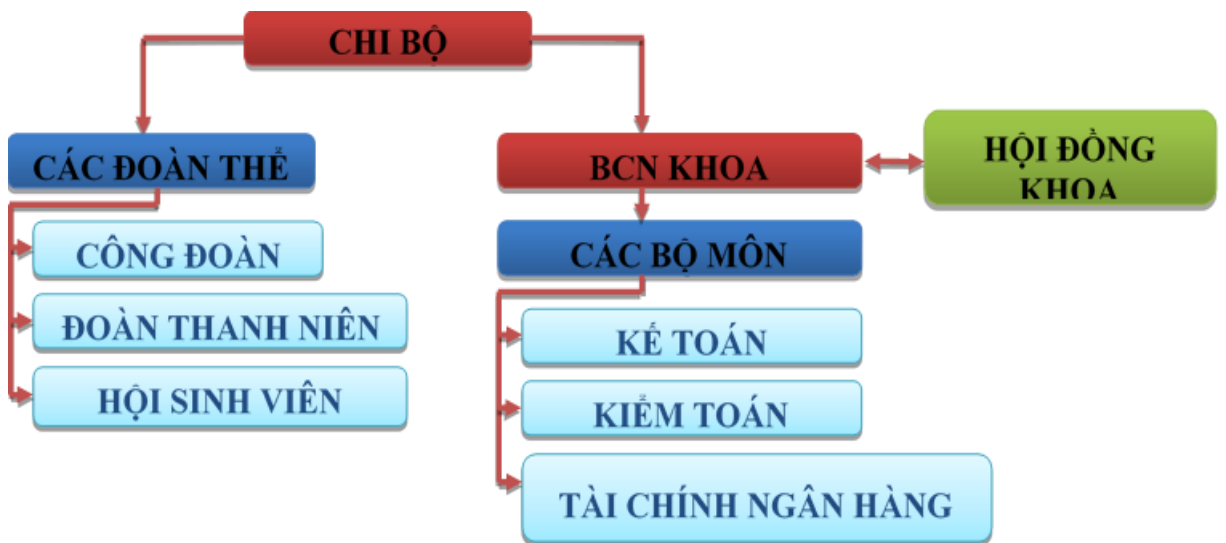
Ngoài nhiệm vụ đào tạo, Khoa KTTC còn là đơn vị nghiên cứu Khoa học (NCKH) trong lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán và Tài chính – Ngân hàng, nhằm tư vấn và tham gia vào ban hành chính sách về thuế, tài chính, chính sách kế toán, kiểm toán và tổ chức quản lý tài chính tại các đơn vị.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

Tóm tắt sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của Trường Đại học Nha Trang



Tóm tắt sơ đồ cơ cấu tổ chức hành chính của khoa Kế toán – tài chính



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
1	Hội đồng Trường	Khổng Trung Thắng	1972	TS, Chủ tịch HĐ Trường	0914 070 627	thangkt@ntu.edu.vn
2	Ban Giám hiệu	Trang Sĩ Trung	1971	GS.TS, Hiệu trưởng	0908 032 203	trungts@ntu.edu.vn
3	Ban Giám hiệu	Quách Hoài Nam	1974	TS, Phó Hiệu trưởng	0914 030 017	namqh@ntu.edu.vn
4	Ban Giám hiệu	Trần Doãn Hùng	1976	TS, Phó Hiệu trưởng	0941 440 999	hungtd@ntu.edu.vn
5	Ban Giám hiệu	Phạm Quốc Hùng	1974	PGS. TS, Phó Hiệu trưởng	0353757898	hungpq@ntu.edu.vn
Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo						
I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1	Khoa kế toán tài chính	Nguyễn Thành Cường	1971	TS, Trưởng khoa	0913482890	cuongnt@ntu.edu.vn
2	Khoa kế toán tài chính	Nguyễn Văn Hương	1978	TS, Phó trưởng khoa	0905174616	huongnv@ntu.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội SV						
1	Đảng ủy	Khổng Trung Thắng	1972	TS, Bí thư Đảng ủy	0914 070 627	thangkt@ntu.edu.vn
2	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Đỗ Quang Thắng	1987	TS, Bí thư Đoàn	0903 102 869	thangdq@ntu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
3	Công đoàn	Trần Trọng Đạo	1978	TS, Chủ tịch CĐ	0914200088	trongdao@ntu.edu.vn
4	Hội sinh viên	Nguyễn Thị Bích Phượng	2002	Chủ tịch Hội SV	0772538219	phuong.ntb.62qtkd@ntu.edu.vn

III. Các phòng, ban, trung tâm, thư viện

1	Văn phòng Trường	Phạm Ngọc Bích	1978	ThS, Chánh văn phòng	0983 652 879	bichpn@ntu.edu.vn
2	Phòng Tổ chức - Nhân sự	Lê Việt Phương	1979	TS, Trưởng phòng	0989 635 123	phuonglv@ntu.edu.vn
3	Phòng Đào tạo Đại học	Tô Văn Phương	1985	PGS.TS, Trưởng phòng	0913 451 713	phuongtv@ntu.edu.vn
4	Phòng Đào tạo Sau đại học	Đặng Xuân Phương	1975	PGS.TS, Trưởng phòng	0914 030 017	phuongdx@ntu.edu.vn
5	Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí	Đinh Đồng Lương	1978	TS, Trưởng phòng	0966 100 661	luongdd@ntu.edu.vn
6	Phòng Công tác chính trị và sinh viên	Tống Văn Toàn	1977	ThS, Trưởng phòng	0983 208 112	toantv@ntu.edu.vn
7	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phạm Hồng Mạnh	1975	Trưởng phòng	0913 539068	manhph@ntu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
8	Phòng Khoa học và Công nghệ	Vũ Kế Nghiệp	1976	TS, Trưởng phòng	0967 139 646	vknghep@ntu.edu.vn
9	Phòng Hợp tác quốc tế	Nguyễn Thế Hân	1983	TS, Phó Trưởng phòng	0975964605	hannt@ntu.edu.vn
10	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Nguyễn Vĩnh Trung	1968	ThS, Trưởng phòng	0914 007 755	trungnv@ntu.edu.vn
11	Phòng Công nghệ Thông tin	Trần Minh Văn	1977	ThS, Tổ trưởng	0775 403 070	minhvan@ntu.edu.vn
12	Thư viện	Nguyễn Quý Hoàn	1976	Giám đốc	0912 930 466	hoanq@ntu.edu.vn
13	Trung tâm Hỗ trợ việc làm và Khởi nghiệp	Đỗ Quốc Việt	1983	ThS, Giám đốc	0941 116 886	vietdq@ntu.edu.vn
14	Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng	Bùi Quang Thịnh	1970	ThS, Giám đốc	0903 574 662	thinhbq@ntu.edu.vn
15	Trung tâm Phục vụ trường học	Nguyễn Văn Hân	1980	ThS, Giám đốc	0915 204 489	hannv1@ntu.edu.vn
16	Trung tâm Thí nghiệm thực hành	Nguyễn Văn Hòa	1979	PGS.TS, Giám đốc	0966 337 972	hoanv@ntu.edu.vn
IV. Các bộ môn						
1	Kế toán	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	1988	TS.Trưởng BM	0358776818	ngocntb@ntu.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	Kiểm toán	Nguyễn Tuấn	1977	TS.Trưởng BM	0982016910	<u>tuann@ntu.edu.vn</u>
3	Tài chính ngân hàng	Nguyễn Hữu Mạnh	1982	TS.Trưởng BM	0913363434	manhnh@ntu.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT: 03

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: Không

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): Không

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy

Không chính quy

Từ xa

Liên kết đào tạo với nước ngoài

Liên kết đào tạo trong nước

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không có

32. Tổng số các ngành đào tạo: 03

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>			40
I.1	Đội ngũ trong biên chế	10	30	40
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và	0	0	0

¹ Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	hợp đồng không xác định thời hạn			
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	11	7	18
	Tổng số	21	37	58

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu (GV)			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	14	9	0	0	5	0
5	Thạc sĩ	40	30	0	0	10	0
6	Đại học	3	0	0	0	3	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	57	39	0	0	18	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = **39 người**

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: **97,5 %**

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các HP, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0,00
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0,00
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0,00
4	Tiến sĩ	2,0	14	9	0	0	5	0	20,00
5	Thạc sĩ	1,0	40	30	0	0	10	0	32,00
6	Đại học	0,3	3	0	0	0	3	0	0,18
	Tổng		57	39	0	0	18	0	52,18

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	9	23%	5	4	0	1	6	2	0

TT	Trình độ/học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
5	Thạc sĩ	30	77%	5	25	0	16	14	0	0
6	Đại học	0	0%	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	39	100%	10	29	0	17	20	2	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **41**

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **23,08%**

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **76,92%**

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	2,9	55,9
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	23,5	32,4
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	47,1	8,8
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	23,5	2,9
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	3,0	0,0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38: Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Nghiên cứu sinh							
2018-2019	0	0	0	0	0	0	0
2019-2020	0	0	0	0	0	0	0
2020-2021	0	0	0	0	0	0	0
2021-2022	0	0	0	0	0	0	0
2022-2023	0	0	0	0	0	0	0
Cao học							
2018-2019	0	0	0	0	0	0	0
2019-2020	0	0	0	0	0	0	0
2020-2021	0	0	0	0	0	0	0
2021-2022	0	0	0	0	0	0	0
2022-2023	0	0	0	0	0	0	0
Đại học							
2018-2019	481	160	0	128	15/30	0	0
2019-2020	874	291	0	233	17/30	0	0
2020-2021	1116	372	0	298	20.5/30	0	0
2021-2022	1160	386	0	309	20/30	0	0
2022-2023	726	173	0	156	18/30	0	0
Cao đẳng							
2018-2019	0	0	0	0	0	0	0
2019-2020	0	0	0	0	0	0	0
2020-2021	0	0	0	0	0	0	0
2021-2022	0	0	0	0	0	0	0
2022-2023	0	0	0	0	0	0	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học Trong đó:	433	565	714	747	768
Hệ chính quy	433	565	714	747	768
Hệ không chính quy	4	4	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN Trong đó:	0	0	0	0	0
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác ...	1	1	1	2	0
Bảng 2	0	0	0	2	0
Liên thông từ trung cấp	0	0	1	0	0
Liên thông từ cao đẳng	1	1	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	2	2	2	2	0

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0.46	0.35	0.28	0.27	0.00

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	25.806	25.806	24.156	24.156	24.156
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	2.737	2.741	2.538	2.038	2.035
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	2.737	2.741	2.538	2.038	2.035
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	9.43	9.41	10.17	11.85	11.87

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Số lượng (người)	0	0	0	1	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0.00	0.00	0.00	0.13	0.00

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	91	52	88	94	147
Trong đó:					
Hệ chính quy	63	52	88	94	147
Hệ không chính quy	28	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	63	52	88	94	147
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	75%	73,24%	63,77%	68,61%	60,49%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). (Làm đúng ngành)	64,44	55,56	59,38	74,55	61,82
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). (Làm ngành có liên quan)	24,44	33,33	28,13	16,36	23,64
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp. trái ngành	11,11	11,11	12,50	9,09	14,55
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023
đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%) Sau 12 tháng tốt nghiệp.	60,42	37,84	45,00	63,49	56,90
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	10,42	8,11	10,00	7,94	13,79
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	7,31	6,67	8,35	9,80	9,42
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	6,90	37,50	55,56	30,00	30,77
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	93,10	50,00	38,89	70,00	69,23
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0,00	12,50	5,56	0,00	0,00

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	1	0	0	0	0	1
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng		1	0	0	0	0	1

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: **1,0**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **0,03**.

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019	0	0	0

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
2	2020	0	0	0
3	2021	0	0	0
4	2022	0	0	0
5	2023	0	0	0

47. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 05 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	1	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	1	1	0	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0,0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0,0
3	Sách tham khảo	1,0	2	2	1	4	0	9,0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0,0
	Tổng		2	2	1	4	0	9,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư

Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): **9,0**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,23**

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	19	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	19	0

50. Số lượng bài của đội ngũ cơ hữu đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	03	02	05	07	07	36,0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	11	09	14	18	22	74,0
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	0	0	0	0	0	0,0
	Tổng		14	11	19	25	29	110,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **110,0**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **2,75**

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	7	24	0
Từ 6 đến 10 bài báo	1	4	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	8	29	0

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	3	1	8	13	12	37,0
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	4	10	37	26,0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	20	27	25	25	0	24,25
	Tổng		24	28	37	48	49	87,25

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước.

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **87,25**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **2,18**

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 05 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	4	10	17
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	2	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	12	17

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018-2019	0
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018-2019	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	01	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 515.430,7

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 515.430,7

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 5.742 Nơi học: 8.805 Nơi vui chơi giải trí: 8.861

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 8.805

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 0,55

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin 8.249

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 50

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 02

- Dùng cho người học học tập: 350

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,46

VIII. Tóm tắt một số chỉ báo quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ báo quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 79

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 97,50

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 23,08

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 76,92

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người) 768

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 14,72

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 0,68

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 63,15

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 25,18

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 52,75

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 10,05

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 8,31

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 30,00

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 60,00

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,03

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0,00

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,23

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,75

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,18

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,46

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 13,96

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 10,55

Phụ lục 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 454/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính ngân hàng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản, nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Trường phòng Đảm bảo chất lượng & Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng, gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính - Ngân hàng theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng;

- Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo theo Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các Trưởng đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCLKT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
NHA TRANG

Trang Thị Trung



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

được kèm theo Quyết định số 131/QĐ-DHNT ngày 09 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Nhóm/STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1 (TC 1, 2, 3)	1. Võ Văn Căn	Giảng viên BM TCNH	Tổ trưởng
	2. Hoàng Văn Tuấn	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
	3. Tô Văn Phương	Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên
	4. Nguyễn Thị Liên Hương	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
	5. Phan Thị Khánh Trang	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
	6. Hoàng Thị Dự	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
Nhóm 2 (TC 4,5)	1. Chu Thị Lê Dung	Giảng viên BM TCNH	Tổ trưởng
	2. Nguyễn Hữu Mạnh	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
	3. Tô Văn Phương	Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên
	4. Phạm Thị Phương Uyên	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
	5. Phan Thị Lệ Thúy	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
	6. Huỳnh Thị Như Thảo	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
Nhóm 3 (TC 6,7)	1. Lê Việt Phương	Trưởng phòng TC-NS	Tổ trưởng
	2. Ngô Thắng	Phó trưởng phòng KH-TC	Thành viên
	3. Trần Thị Mỹ Hạnh	Phó trưởng phòng KHCN	Thành viên
	4. Nguyễn Văn Hương	Phó Trưởng khoa KTTC	Thành viên
	5. Bùi Mạnh Cường	Giảng viên BM Kiểm toán	Thành viên
	6. Phạm Thị Thu	CV Phòng TC-NS	Thành viên
Nhóm 4 (TC 8,11)	1. Nguyễn Văn Bảy	Q.TBM Tài chính – Ngân hàng	Tổ trưởng
	2. Vũ Thị Nhung	CV Phòng CTCT&SV	Thành viên
	3. Đỗ Quốc Việt	Giám đốc TT HTVL&KN	Thành viên
	4. Tô Văn Phương	Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên
	5. Vương Thị Bích Hào	CV Phòng ĐTDH	Thành viên
	6. Lê Thị Thủy Dương	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
Nhóm 5 (TC 9,10)	1. Đinh Đồng Lường	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Tổ trưởng
	2. Nguyễn Văn Hân	Giám đốc TTPVTH	Thành viên
	3. Nguyễn Văn Hòa	Giám đốc TTINTH	Thành viên
	4. Vũ Thị Trang	Phó giám đốc Thư viện	Thành viên
	5. Nguyễn Thị Hiền	Giảng viên chính BM TCNH	Thành viên
	6. Nguyễn Hữu Mạnh	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
	7. Lê Ngọc Quý Linh	CV Phòng ĐBCL&KT	Thành viên

(Danh sách gồm có 28 người)



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-ĐHNT ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

STT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đình Đồng	Lưỡng	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Trưởng ban thư ký
2	Nguyễn Văn	Hương	Phó trưởng Khoa KTTC	Thành viên
3	Nguyễn Văn	Bảy	Q.TBM Tài chính – Ngân hàng	Thành viên
4	Hoàng Văn	Tuấn	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
5	Nguyễn Hữu	Mạnh	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
6	Bùi Mạnh	Cường	Giảng viên BM Kiểm toán	Thành viên
7	Lê Ngọc Quý	Linh	CV phòng ĐBCL&KT	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người)



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 131/QĐ-ĐHNT ngày 09 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

STT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trang Sĩ	Trung	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Quách Hoài	Nam	Phó hiệu trưởng	Phó CT thường trực
3	Nguyễn Thành	Cường	Trưởng khoa KTTC	Phó chủ tịch
4	Đình Đồng	Lương	Trưởng phòng ĐBCL&KT	Thư ký
5	Phạm Hồng	Mạnh	Thư ký Hội đồng trường	Thành viên
6	Tô Văn	Phương	Trưởng Phòng Đào tạo Đại học	Thành viên
7	Tổng Văn	Toàn	Trưởng Phòng CTCT&SV	Thành viên
8	Vũ Kế	Nghiệp	Trưởng Phòng KHCN	Thành viên
9	Vũ Thị	Lương	Kế toán trưởng	Thành viên
10	Lê Việt	Phương	Trưởng phòng TC-NS	Thành viên
11	Đỗ Quốc	Việt	Giám đốc TT HTVL&KN	Thành viên
12	Nguyễn Văn	Hân	Giám đốc TTPVTH	Thành viên
13	Nguyễn Quý	Hoàn	Giám đốc Thư viện	Thành viên
14	Nguyễn Văn	Hòa	Giám đốc TTTNTH	Thành viên
15	Nguyễn Văn	Hương	Phó trưởng khoa KTTC	Thành viên
16	Nguyễn Văn	Bảy	Q.TBM Tài chính – Ngân hàng	Thành viên
17	Võ Văn	Cần	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
18	Chu Thị Lê	Dung	Giảng viên BM TCNH	Thành viên
19	Nguyễn Phước	Lộc	Sinh viên lớp 62.TCNH-3	Thành viên

(Danh sách gồm có 19 người)

Phụ lục 3. KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 174/KH-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

I. Mục đích tự đánh giá

- Giúp CTĐT tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT; xác định đúng điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng (kế hoạch hành động) phù hợp, khả thi và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT;
- Là điều kiện cần thiết để cơ sở giáo dục đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT với một tổ chức KĐCLGD;
- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá (TĐG) là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học (GDĐH).
- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của GDĐH được ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.
- Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.
- Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 của Cục Quản lý chất lượng về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng (HĐ) TĐG CTĐT trình độ đại học ngành Tài chính ngân hàng được thành lập theo Quyết định số 131/QĐ-ĐHNT ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang, HĐ gồm có 19 thành viên (danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (CT) gồm có 07 người và 05 nhóm CT (danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện

a) Nhóm thư ký (TK):

- Tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
- Hoàn thiện báo cáo TĐG trên cơ sở các ý kiến góp ý của HĐ TĐG CTĐT, các bên liên quan, GV, nhân viên và người học.

b) Các nhóm công tác chuyên trách:

- Xác định nội hàm, phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng (theo mẫu);
- Đánh giá, xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu thập (theo mẫu);
- Dự thảo báo cáo từng tiêu chí và dự thảo báo cáo đối với từng tiêu chuẩn (theo mẫu)

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1	Nhóm 1	Tháng 1/2023-8/2023	
2	Tiêu chuẩn 2			
3	Tiêu chuẩn 3			
4	Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	Tháng 1/2023-8/2023	
5	Tiêu chuẩn 5			
6	Tiêu chuẩn 6	Nhóm 3	Tháng 1/2023-8/2023	
7	Tiêu chuẩn 7			
8	Tiêu chuẩn 8	Nhóm 4	Tháng 1/2023-8/2023	
9	Tiêu chuẩn 11			
10	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	Tháng 1/2023-8/2023	
11	Tiêu chuẩn 10			

V. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính, ...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
1		Tổ chức tập huấn HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm công tác CT triển khai công tác TĐG	- Ban Giám hiệu. - Toàn thể thành viên HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm CT.	Tháng 1-2/2023
		Truyền thông, công bố Kế hoạch TĐG CTĐT đến toàn thể CBVC, nhân viên và SV tham gia thực hiện CTĐT.	- Ban Giám hiệu. - Đơn vị thực hiện TĐG CTĐT. - Các đơn vị liên quan.	

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
2	1-11	Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐ, Ban TK và các nhóm công tác CT.	HĐ TĐG.	Tháng 1-2/2023
		Phân tích nội hàm tiêu chí.	Các nhóm công tác CT.	
		Thu thập thông tin và MC đã xác định.		
		Phân tích, lý giải nội hàm của các thông tin, MC thu được.		
		Số hóa thông tin và MC thu được lưu vào trang web: canbo.ntu.edu.vn		
3	1-11	Viết các báo cáo của từng tiêu chí.	- Ban thư ký và các nhóm công tác CT.	Tháng 3-4/2023
		Tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo TC; thu thập thông tin, MC bổ sung.	- Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động TĐG CTĐT theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.	
4	1-11	Tổ chức góp ý cho các tiêu chí, TC do các nhóm công tác CT dự thảo (lần 1).	- Hội đồng TĐG. - Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động TĐG CTĐT theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.	Tháng 05/2023
		Xác định các thông tin, MC cần thu thập bổ sung.	Ban thư ký và các nhóm công tác CT.	
		Hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG và danh mục MC (lần 1).		
5	1-11	Tổ chức góp ý dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị liên quan (lần 2).	HĐ TĐG.	Tháng 06/2023
		Hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG và danh mục MC (lần 2).	Ban TK và các nhóm công tác CT.	
		Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ Trường.	HĐ TĐG.	
6	1-11	Thu thập các ý kiến đóng góp (lần 3).	CBVC, SV toàn Trường.	Tháng 7/2023
		Hoàn thiện báo cáo TĐG và hồ sơ MC lần cuối.	Ban TK và các nhóm công tác CT.	
		Thông qua báo cáo TĐG chính thức.	HĐ TĐG.	
		Phê duyệt báo cáo TĐG.	Hiệu trưởng.	
7		In báo cáo TĐG, đóng tập.	- Phòng ĐBCL&KT	Tháng 8/2023

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động
			- Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động TĐG CTĐT theo Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành.	
		Gửi báo cáo TĐG đến Cục QLCL.	Phòng ĐBCL&KT.	
		Đăng ký lịch đánh giá ngoài với Trung tâm KĐCLGD, hoàn thiện các thủ tục đăng ký ĐGN với Trung tâm KĐCLGD.		

VI. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Bảng danh mục mã minh chứng được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

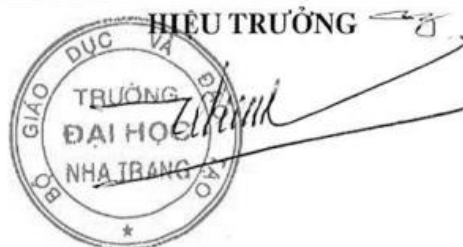
VII. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tháng 1-2/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm công tác CT. - Tổ chức tập huấn HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm công tác CT. - Truyền thông, công bố Kế hoạch TĐG CTĐT đến toàn thể CBVC, nhân viên và SV tham gia thực hiện CTĐT.
Tháng 1-2/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐ TĐG, Ban TK và các nhóm công tác CT. - Phân tích nội hàm tiêu chí. - Thu thập thông tin và MC đã xác định. - Phân tích, lý giải nội hàm của các thông tin, MC thu được. - Số hóa thông tin và MC thu được lưu vào trang web: canbo.ntu.edu.vn
Tháng 3-4/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Viết các báo cáo của từng tiêu chí. - Tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo TC; thu thập thông tin, MC bổ sung.
Tháng 5/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức góp ý cho các tiêu chí, TC do các nhóm công tác CT dự thảo (lần 1). - Xác định các thông tin, MC cần thu thập bổ sung. - Hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG và danh mục MC (lần 1).
Tháng 6/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức góp ý dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ đơn vị thực hiện CTĐT và các đơn vị liên quan (lần 2). - Hoàn thiện dự thảo báo cáo TĐG và danh mục MC (lần 2). - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ Trường.

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tháng 7/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thu thập các ý kiến đóng góp (lần 3). - Hoàn thiện báo cáo TĐG và hồ sơ MC lần cuối. - Thông qua báo cáo TĐG chính thức. - Phê duyệt báo cáo TĐG.
Tháng 8/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi báo cáo TĐG đến Cục QLCL. - Đăng ký lịch đánh giá ngoài với Trung tâm KĐCLGD, hoàn thiện các thủ tục đăng ký ĐGN với Trung tâm KĐCLGD.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để b/c);
- Hội đồng TĐG (để th/h);
- Các đơn vị trong Trường (để th/h);
- Lưu: VT, ĐBCL&KT.



Trang Sĩ Trung